



CÔNG TY TIN HỌC CÔNG NGHỆ SAO VIỆT

54 Bình Giã, P13, Tân Bình, TP. HCM

ĐT: (08) 3 8132700, Fax: (08) 3 8132701

PHẦN MỀM QUẢN LÝ TỔNG THỂ BỆNH VIỆN

TÀI LIỆU MÔ TẢ SẢN PHẨM

Tp. HCM, 08/2015

Mục Lục

CHƯƠNG I. QUẢN LÝ TỔNG THỂ BỆNH VIỆN SV.HOSPITAL	6
I. TỔNG QUÁT	6
I.1. Các phân hệ của phần mềm	6
I.2. Danh sách chức năng, màn hình theo phân hệ.....	7
II. MÔ TẢ CHI TIẾT	18
II.1. Phân hệ Tiếp nhận bệnh nhân.....	18
II.1.1. Giới thiệu – Quy trình nghiệp vụ.....	18
II.1.2. Các màn hình chính.....	18
II.1.2.1. Tiếp nhận bệnh nhân.....	18
II.1.2.2. Tìm kiếm thông tin bệnh nhân.....	21
II.1.2.3. Thông tin bệnh nhân	22
II.1.2.4. Danh sách bệnh nhân	23
II.1.2.5. Danh sách bệnh nhân đăng ký khám bệnh qua tổng đài vnpt 1080	24
II.1.2.6. Danh sách tiếp nhận	24
II.1.2.7. Thống kê thu tiền khám bệnh cuối ngày	24
II.2. Phân hệ Khám bệnh, bệnh án ngoại trú.....	26
II.2.1. Giới thiệu – Quy trình nghiệp vụ.....	26
II.2.2. Các màn hình chính.....	27
II.2.2.1. Quản lý thông tin khám bệnh	27
II.2.2.2. Danh sách bệnh nhân đã khám bệnh	30
II.2.2.3. Toa thuốc mẫu theo bác sĩ/ phòng khám/ theo phát đồ điều trị.....	31
II.2.2.4. Ra chỉ định cận lâm sàng.....	32
II.2.2.5. Xem kết quả xét nghiệm	33
II.2.2.6. Xem kết quả cận lâm sàng	34
II.2.2.7. Xem bệnh sử.....	34
II.2.2.8. Nhập xuất viện	34
II.2.2.9. Quản lý danh sách nhập xuất viện	35
II.2.2.10. Bệnh án ngoại trú	36
II.2.2.11. Các báo cáo phân hệ khám bệnh	39
II.3. Phân hệ quản lý viện phí.....	47
II.3.1. Giới thiệu – qui trình nghiệp vụ	47
II.3.2. Các màn hình chính.....	48
II.3.2.1. RC.1_Viện phí ngoại trú	48
II.3.2.2. RC.1_Viện phí nội trú	53
II.3.2.3. RC.3_Danh sách chứng từ viện phí	54
II.3.2.4. RC.4_Hủy, hoàn hóa đơn chứng từ viện phí.....	54
II.3.2.5. RC.5_Kiểm tra hóa đơn	55
II.3.2.6. RC.6_Báo cáo thu tiền hằng ngày	55
II.3.2.7. RC.7_Chỉ tiết công nợ bệnh nhân, tạm ứng, hoàn ứng	56
II.3.2.8. RC.8_Bảng giá dịch vụ	57
II.3.2.9. RC.F.1_Hóa đơn thu tiền.....	58
II.3.2.10. RC.F.2_In bảng kê viện phí BHYT (mẫu 01/BV)	59
II.3.2.11. RC.R.1_Báo cáo chi tiết thực thu hằng ngày theo cụm biên lai	59
II.3.2.12. RC.R.2_Báo cáo chi tiết thực thu theo khoa.....	60
II.3.2.13. RC.R.3_Báo cáo tổng hợp thực thu theo khoa.....	60
II.3.2.14. RC.R.4_Báo cáo phân tích thực thu.....	61
II.3.2.15. RC.R.10_BHYT – Danh sách đề nghị thanh toán chi phí KCB ngoại trú 25A61	
II.3.2.16. RC.R.11_BHYT – Danh sách đề nghị thanh toán chi phí KCB nội trú 26A 61	
II.3.2.17. RC.R.21_Sở YT – Thống kê thuốc tân dược ngoại trú (20/BHYT/TT231)....	62
II.4. Quản lý nội trú (lâm sàng).....	62

II.4.1. Giới thiệu – Quy trình nghiệp vụ.....	62
II.4.2. Các màn hình chính.....	63
II.4.2.1. <i>Quản lý thông tin bệnh án nội trú</i>	63
II.4.2.2. <i>Tờ điều trị</i>	67
II.4.2.3. <i>Thực hiện y lệnh</i>	70
II.4.2.4. <i>Xuất viện tại khoa</i>	70
II.4.2.5. <i>Viện phí khoa</i>	71
II.4.2.6. <i>Tổng hợp thuốc hằng ngày</i>	72
II.4.2.7. <i>Công khai vật tư</i>	72
II.4.2.8. <i>Lập phiếu trả vật tư</i>	74
II.4.2.9. <i>Quản lý thông tin buồn giường</i>	75
II.4.2.10. <i>Báo cáo tại khoa</i>	75
II.5. Quản lý dược.....	76
II.5.1. Giới thiệu – Quy trình nghiệp vụ.....	76
II.5.2. Các màn hình chính.....	76
II.5.2.1. <i>Nhập kho chắn – nhập mua từ nhà cung cấp:</i>	76
II.5.2.2. <i>Nhập kho chắn – khoa trả (nhập từ các khoa trả về)</i>	77
II.5.2.3. <i>Nhập kho chắn – nhập mượn từ kho khác (dùng để nhập xuất nội bộ)</i>	77
II.5.2.4. <i>Xuất kho chắn - xuất khác (xuất cho các kho)</i>	78
II.5.2.5. <i>Xuất kho chắn - tổng hợp dịch truyền từ khoa nội trú (xuất dịch truyền cho các khoa)</i>	78
II.5.2.6. <i>Xuất trả nhà cung cấp (Xuất cho các nhà cung cấp)</i>	78
II.5.2.7. <i>Tồn kho chắn (mỗi khi liên quan tới tồn kho bắt buộc phải xử lý tồn kho)</i>	79
II.5.2.8. <i>Kiểm kê dược(dùng kiểm kê dược và nhập số lượng thực tế sau khi kiểm kê)</i> 79	
II.5.2.9. <i>Dự trữ thuốc - thêm dự trữ mới</i>	80
II.5.2.10. <i>Xem danh sách đã dự trữ</i>	81
II.5.2.11. <i>Nhập kho lẻ</i>	81
II.5.2.12. <i>Xuất kho lẻ - Phòng khám khoa thận</i>	83
II.5.2.13. <i>Xuất kho lẻ - PK cấp cứu xuất viện</i>	83
II.5.2.14. <i>Xuất kho lẻ - T.hợp phiếu lĩnh từ khoa nội trú</i>	84
II.5.2.15. <i>Xuất kho lẻ - Tổng hợp phát thuốc xuất viện</i>	84
II.5.2.16. <i>Xuất kho lẻ - Xuất nội bộ</i>	85
II.5.2.17. <i>Tồn kho lẻ (chỉ xử lý kho BHYT và kho lẻ)</i>	85
II.5.2.18. <i>Phát thuốc phòng khám BHYT</i>	86
II.5.2.19. <i>Phát thuốc phòng khám khoa thận</i>	86
II.5.2.20. <i>Phát thuốc xuất viện</i>	86
II.5.3. Báo cáo nhập xuất	86
II.5.3.1. <i>Báo cáo nhập xuất tồn</i>	86
II.5.3.2. <i>Phiếu nhập xuất cuối ngày</i>	87
II.5.3.3. <i>Phiếu nhập xuất cuối tháng</i>	87
II.5.3.4. <i>Phiếu nhập xuất cuối tháng tổng hợp</i>	88
II.5.3.5. <i>Xem chi tiết nhập xuất tồn</i>	88
II.5.3.6. <i>Thẻ kho</i>	89
II.5.3.7. <i>Báo cáo phiếu nhập xuất</i>	89
II.5.3.8. <i>Báo cáo dược bệnh viện(Báo cáo quý)</i>	90
II.5.3.9. <i>Báo cáo chi tiết nhập xuất tồn</i>	90
II.5.4. Báo cáo kho dược	90
II.5.4.1. <i>Báo cáo thuốc hết hạn</i>	90
II.5.4.2. <i>Báo cáo hạn sử dụng thuốc</i>	91
II.5.4.3. <i>Danh sách kiểm kê</i>	91
II.5.4.4. <i>Bảng kiểm kê</i>	91
II.5.4.5. <i>Bảng kiểm kê chi tiết</i>	92
II.5.4.6. <i>Báo cáo tiền nhóm thuốc chi tiết</i>	92

II.5.4.7. Báo cáo tiền thuốc nội ngoại	93
II.5.4.8. Báo cáo tiền kháng sinh	94
II.5.4.9. Báo cáo tiền thuốc sử dụng	95
II.6. Quản lý cận lâm sàng	95
II.6.1. Giới thiệu – qui trình nghiệp vụ	95
II.6.2. Các màn hình chính	96
II.6.2.1. Thông số chung màn hình trả kết quả cận lâm sàng.	96
II.6.2.2. Cấu hình cho màn hình trả kết quả CLS	97
II.6.2.3. Trả kết quả nội soi thực quản – dạ dày – tá tràng	99
II.6.2.4. Trả kết quả nội soi đại tràng	100
II.6.2.5. Trả kết quả nội soi tai mũi họng	101
II.6.2.6. Trả kết quả siêu âm	102
II.6.2.7. Trả kết quả X-Quang	103
II.6.2.8. Trả kết quả giải phẫu bệnh	105
II.6.2.9. Kết quả thăm dò chức năng	105
II.6.2.10. Kết quả MRI	106
II.6.2.11. Kết quả CT - Scanner	108
II.6.2.12. Kết quả DSA	108
II.6.3. Báo cáo chung	109
II.6.3.1. Danh sách bệnh nhân theo ngày bác sĩ	109
II.6.3.2. Số bệnh nhân CLS	110
II.6.3.3. Số bệnh nhân CLS(A4)	111
II.6.3.4. Báo cáo số ca theo khoa	112
II.6.3.5. Thống kê số lượng bệnh nhân CLS	113
II.6.3.6. Thống kê số lượng ca theo phân loại bác sĩ	113
II.6.3.7. Báo cáo thủ thuật CLS	113
II.7. Quản lý phẫu thuật thủ thuật	114
II.7.1. Giới thiệu – Quy trình nghiệp vụ	114
II.7.2. Các màn hình chính	114
II.7.2.1. Định nghĩa thông tin gói dịch vụ	114
II.7.2.2. Các danh mục quản lý phẫu thuật thủ thuật	115
II.7.2.3. Thông tin phẫu thuật thủ thuật	115
II.7.2.4. Báo cáo phẫu thuật, thủ thuật thuật	117
II.8. Quản lý vật tư tiêu hao	117
II.8.1. Giới thiệu	117
II.8.2. Các màn hình chính	118
II.8.2.1. Công khai vật tư cho bệnh nhân	118
II.8.2.2. Lập phiếu yêu cầu vật tư	119
II.8.2.3. Lập phiếu trả vật tư	119
II.8.2.4. Phiếu nhập kho tại các kho	120
II.8.2.5. Phiếu xuất kho tại các kho	120
II.8.2.6. Báo cáo vật tư	121
II.9. Kế toán	123
II.9.1. Giới thiệu	123
II.9.2. Tiền mặt	123
II.9.2.1. Phiếu thu tiền mặt	123
II.9.2.2. Phiếu chi tiền mặt	126
II.9.3. Ngân hàng	129
II.9.3.1. Phiếu thu chuyển khoản	129
II.9.3.2. Phiếu chi chuyển khoản	132
II.9.4. Vật tư	136
II.9.4.1. Phiếu nhập vật tư	136
II.9.4.2. Phiếu xuất vật tư	140

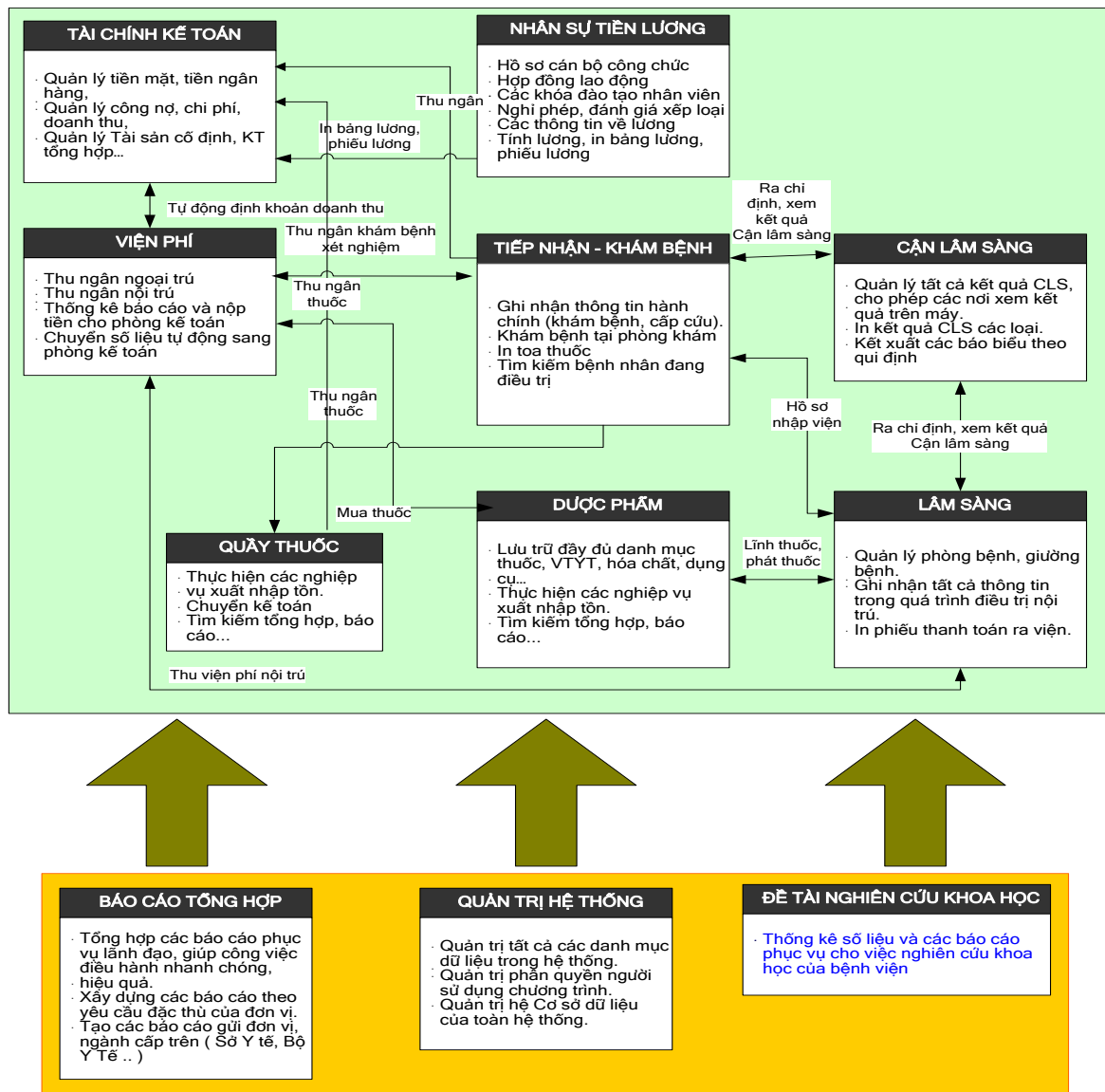
II.9.4.3. Cập nhật giá cho phòng khám	143
II.9.4.4. Kiểm kê vật tư cuối năm.....	144
II.9.5. Tìm kiếm.....	147
II.9.6. Nhập đầu kỳ.....	147
II.9.6.1. Nhập số dư tài khoản	147
II.9.6.2. Nhập tồn kho đầu kỳ.....	149
II.9.7. Danh mục	150
II.9.8. Báo cáo.....	151
II.9.8.1. Báo cáo kế toán thanh toán	151
Số quỹ	151
Nhật ký tiền gửi ngân hàng.....	151
Bảng đối chiếu hạn mức kinh phí	152
Số kinh phí	153
Giấy đối chiếu xác nhận số dư ngân hàng	154
Bảng liệt kê các hóa đơn nhập	155
II.9.8.2. Báo cáo kế toán vật tư	156
Báo cáo nhập kho	156
Báo cáo xuất kho	157
Báo cáo nhập/xuất cuối ngày	158
Nhập xuất tồn kho cuối tháng.....	159
Nhập xuất tồn kho.....	160
Nhập xuất tồn kho theo nhóm hàng hóa	161
Chi tiết nhập - xuất vật tư.....	162
Phiếu kế toán vật tư.....	163
Bảng giá vật tư	164
Báo cáo tổng hợp – chi tiết nhập xuất tồn.....	165
Bảng kê bông băng xuất cho khoa Chống nhiễm khuẩn.....	166
Báo cáo nóng nhập xuất tồn kho.	167
Lũy kế nhập xuất vật tư.....	168
Chi tiết nhập – xuất sản phẩm dở dang.....	169
II.9.8.3. Báo cáo kế toán tổng hợp	171
Sổ chi tiết các tài khoản.....	171
Sổ cái	171
Bảng cân đối số phát sinh	172
Phiếu kế toán	173
Tổng hợp tạm ứng.....	175

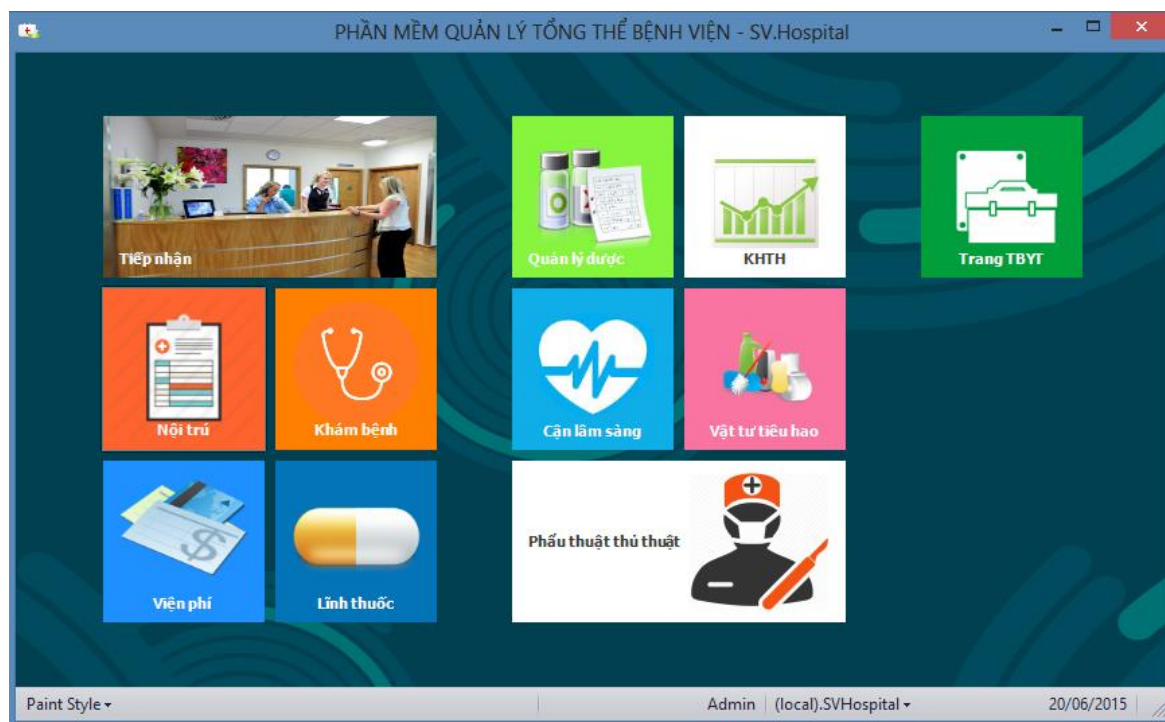
CHƯƠNG I. QUẢN LÝ TỔNG THỂ BỆNH VIỆN SV.HOSPITAL

I. TỔNG QUÁT

I.1. Các phân hệ của phần mềm

1. RC - Tiếp nhận bệnh nhân
2. EX - Khám bệnh, bệnh án ngoại trú
3. RC - Quản lý viện phí
4. CR - Quản lý nội trú
5. MC - Quản lý dược
6. PC - Quản lý cận lâm sàng
7. CR - Quản lý phẫu thuật thủ thuật
8. MC - Quản lý vật tư tiêu hao
9. AC - Kế toán





I.2. Danh sách chức năng, màn hình theo phân hệ

1. Phân hệ Tiếp nhận bệnh nhân

STT	Thông tin	Ghi chú
I.	Màn hình	
1	RC.1_Tiếp nhận bệnh nhân	
2	RC .2_Tìm kiếm thông tin bệnh nhân	
3	RC .3_Thông tin bệnh nhân	
4	RC .4_Danh sách bệnh nhân	
5	RC .5_Danh sách đăng ký khám bệnh qua tổng đài vnpt 1080	
6	RC .6_Danh sách tiếp nhận	
7	RC .7_Thống kê thu tiền khám bệnh (đối tượng khác BHYT)	
II.	Báo cáo tiếp nhận	
8	RC.R.1_In phiếu thanh toán khám bệnh	
9	RC.R.2_Báo cáo thu tiền khám bệnh cuối ngày	

2. Phân hệ khám bệnh, bệnh án ngoại trú

STT	Thông tin	Ghi chú
I.	Màn hình	
10	EX.1_Khám bệnh	
11	EX .2_Danh sách khám bệnh	

12	EX .3_Toa thuốc mẫu theo bác sĩ/ phòng khám/ theo phát đồ điều trị	
13	EX .4_Ra chỉ định cận lâm sàng	
14	EX .5_Xem kết quả xét nghiệm	
15	EX .6_Xem kết quả cận lâm sàng	
16	EX .7_Xem bệnh sử	
17	EX.8_ Nhập xuất viện	
18	EX.9_ Quản lý danh sách nhập xuất viện	
19	EX.10_Bệnh án ngoại trú	
II.	Báo cáo khám bệnh, bệnh án ngoại trú	
20	EX.F.1_ In toa thuốc (mẫu BV01)	
21	EX.F.2_ In bảng kê viện phí BHYT (mẫu 01/BV)	
22	EX.F.3_ In bệnh sử của bệnh nhân	
23	EX.F.4_ In chỉ định cận lâm sàng	
24	EX.F.5_ Bệnh án ngoại trú – in tờ điều trị	
25	EX.F.6_ In bệnh án ngoại trú	
26	EX.F.7_ In giấy ra viện	
27	EX.R.1_ Sổ khám bệnh (bỏ sổ ngoài)	
28	EX.R.2_ Tình hình bệnh tật đến khám	
29	EX.R.3_ Báo cáo bệnh nhân cuối ngày	
30	EX.R.4_ Báo cáo phòng khám theo ICD	
31	EX.R.5_ Báo cáo bệnh nhân tỉnh	
32	EX.R.6_ Báo cáo bệnh nhân BHYT	
33	EX.R.7_ Báo cáo phòng khám	
34	EX.R.8_ Sổ bệnh khám	

3. Phân hệ quản lý viện phí

STT	Thông tin	Ghi chú
I.	Màn hình	
35	RC.1_Viện phí ngoại trú	
36	RC.2_Viện phí nội trú	
37	RC.3_Danh sách chứng từ viện phí	
38	RC.4_Hủy, hoàn hóa đơn chứng từ viện phí	

39	RC.5_Kiểm tra hóa đơn	
40	RC.6_Báo cáo thu tiền hằng ngày	
41	RC.7_Chi tiết công nợ bệnh nhân, tạm ứng, hoàn ứng	
42	RC.8_ Bảng giá dịch vụ	
II.	Báo cáo viện phí	
43	RC.F.1_ Hóa đơn thu tiền	
44	RC.F.2_ In bảng kê viện phí BHYT (mẫu 01/BV)	
45	RC.R.1_ Báo cáo chi tiết thực thu hằng ngày theo cụm biên lai	
46	RC.R.2_ Báo cáo chi tiết thực thu theo khoa	
47	RC.R.3_ Báo cáo tổng hợp thực thu theo khoa	
48	RC.R.4_ Báo cáo phân tích thực thu	
49	RC.R.5_ Báo cáo phân tích miễn giảm	
50	RC.R.6_ Báo cáo phân tích thất thu	
51	RC.R.7_ Tổng hợp thất thu miễn giảm theo khoa	
52	RC.R.8_ Tổng hợp thất thu miễn giảm theo đối tượng	
53	RC.R.9_ Tổng hợp thất thu miễn giảm theo tỉnh thành	
54	RC.R.10_ BHYT – Danh sách đề nghị thanh toán chi phí KCB ngoại trú 25A	
55	RC.R.11_ BHYT – Danh sách đề nghị thanh toán chi phí KCB nội trú 26A	
56	RC.R.12_ BHYT – Danh sách đề nghị thanh toán chi phí KCB ngoại trú thận 25A	
57	RC.R.13_ BHYT – Danh sách đề nghị thanh toán chi phí KCB nội trú thận 26A	
58	RC.R.14_ BHYT – Danh sách đề nghị thanh toán chi phí KCB ngoại trú tai nạn 25A	
59	RC.R.15_ BHYT – Danh sách đề nghị thanh toán chi phí KCB nội trú tai nạn 26A	
60	RC.R.16_ BHYT – Danh sách đề nghị thanh toán chi phí KCB ngoại trú đối tượng cận nghèo 25A	
61	RC.R.17_ BHYT – Danh sách đề nghị thanh toán chi phí KCB nội trú đối tượng cận nghèo 26A	
62	RC.R.18_ BHYT – Báo cáo tổng hợp chi phí chuẩn đoán hình ảnh	
63	RC.R.19_ Báo cáo chi tiết sử dụng dịch vụ	

64	RC.R.20_ Báo cáo chi tiết sử dụng nội viện theo nhóm	
65	RC.R.21_Sở YT – Thống kê thuốc tân dược ngoại trú (20/BHYT/TT231)	
66	RC.R.22_Sở YT – Thống kê thuốc tân dược nội trú (20/BHYT/TT231)	
67	RC.R.23_Sở YT – Thống kê vị thuốc YHCT ngoại trú (20/BHYT/TT231)	
68	RC.R.24_Sở YT – Thống kê vị thuốc YHCT nội trú (20/BHYT/TT231)	
69	RC.R.25_Sở YT – Thống kê chế phẩm YHCT ngoại trú (20/BHYT/TT231)	
70	RC.R.26_Sở YT – Thống kê chế phẩm YHCT nội trú (20/BHYT/TT231)	
71	RC.R.27_Sở YT – Thống kê tổng hợp vật tư y tế tiêu hao ngoại trú (20/BHYT/TT231)	
72	RC.R.28_Sở YT – Thống kê tổng hợp vật tư y tế tiêu hao nội trú (20/BHYT/TT231)	
73	RC.R.29_Sở YT – Thống kê tổng hợp dịch vụ kỹ thuật sử dụng ngoại trú (21/BHYT)	
74	RC.R.30_Sở YT – Thống kê tổng hợp dịch vụ kỹ thuật sử dụng nội trú (21/BHYT)	
75	RC.R.31_ Báo cáo chi tiết sử dụng vụ theo cụm biên lai	
II.	Thống kê số liệu	
76	Thống kê dịch vụ sử dụng	
77	Thống kê chi phí phẫu thuật thủ thuật	
78	Danh sách bệnh nhân chưa đóng tiền	

4. Phân hệ quản lý nội trú (lâm sàng)

STT	Thông tin	Ghi chú
I.	Màn hình	
79	CR.1_Quản lý thông tin bệnh án nội trú	
80	CR.2_Tờ điều trị - toa thuốc	
81	CR.3_Thực hiện y lệnh	
82	CR.3_ Xuất viện tại khoa	
83	CR.4_ Viện phí khoa	
84	CR.5_ Tổng hợp lĩnh thuốc hằng ngày	

85	CR.5_ Tổng hợp trả thuốc	
86	CR.6_ Công khai vật tư	
87	CR.6_ Phiếu yêu cầu lĩnh vật tư từ các kho	
88	CR.6_ Lập phiếu trả vật tư cho các kho	
89	CR.7_ Quản lý thông tin buồn giường	
II.	Báo cáo nội trú	
90	CR.R.1_ Báo cáo tổng hợp dịch vụ của bệnh nhân	
91	CR.R.2_ Báo cáo bệnh tật tử vong tại bệnh viện	
92	CR.R.3_ Báo cáo tổng hợp dịch vụ của khoa	
93	CR.R.4_ Sổ theo dõi y dụng cụ sử dụng	
94	CR.R.5_ Tổng hợp sử dụng vật tư tiêu hao	
95	CR.R.6_ Tổng hợp sử dụng cận lâm sàng	
96	CR.R.7_ Tổng hợp sử dụng thuốc	
97	CR.R.6_ Tổng hợp sử dụng cận lâm sàng	

5. Phân hệ quản lý dược

STT	Thông tin	Ghi chú
I.	Màn hình	
98	MC.1.1_ Nhập kho chắn – nhập mua từ NCC	
99	MC.1.2_ Nhập kho chắn – khoa trả (nhập từ các khoa trả về)	
100	MC.1.3_ Nhập kho chắn – nhập mượn từ kho khác (dùng để nhập xuất nội bộ)	
101	MC.2_ Phiếu mượn tạm NCC (chưa có hóa đơn)	
102	MC.3.1_ Xuất kho chắn - xuất khác (xuất cho các kho)	
103	MC.3.2_ Xuất kho chắn - tổng hợp dịch truyền từ khoa nội trú	
104	MC.3.3_ Xuất kho chắn - xuất trả nhà cung cấp	
105	MC.4_ Tồn kho chắn	
106	MC.5_ Kiểm kê thuốc	
107	MC.6_ Dự trữ thuốc - thêm dự trữ mới	
108	MC.6_ Dự trữ thuốc - xem danh sách đã dự trữ	
109	MC.7_ Nhập kho lẻ (từ phiếu xuất kho chắn)	
110	MC.8_ Nhập kho lẻ	

111	MC.9.1_Phát thuốc phòng khám BHYT	
112	MC.9.2_Phát thuốc phòng khám khoa thận	
113	MC.9.3_Phát thuốc xuất viện	
114	MC.10_Phiếu lĩnh thuốc nội trú	
115	MC.11_Xuất kho lẻ	
116	MC.12_Tồn kho lẻ	
117	MC.13_Tồn kho cơ sở	
118	MC.14_Danh mục dược	
II.	Báo cáo khoa dược	
119	MC.F.1_Sổ kiểm nhập	
120	MC.F.2_Đề nghị thanh toán NCC	
121	MC.F.3_Bảng bàn giao hóa đơn	
122	MC.F.4_Phiếu lĩnh thuốc nội trú	
123	MC.F.5_Phiếu xuất kho	
124	MC.F.6_Biên bản thanh lý	
125	MC.F.7_Biên bản xác nhận hư, hỏng, vỡ	
126	MC.F.8_Biên bản kiểm kê	
127	MC.R.1_Sổ kiểm nhập theo thời gian	
128	MC.R.2_ Báo cáo phát thuốc BHYT phòng khám	
129	MC.R.3_Báo cáo cảnh báo thuốc hết	
130	MC.R.4_ Báo cáo nhập xuất tồn	
131	MC.R.5_ Phiếu nhập xuất cuối ngày	
132	MC.R.6_ Phiếu nhập xuất nội trú ngoại trú	
133	MC.R.7_ Phiếu nhập xuất cuối tháng	
134	MC.R.8_Phiếu nhập xuất cuối tháng tổng hợp	
135	MC.R.9_Báo cáo xuất theo kho	
136	MC.R.10_ Báo cáo tổng xuất nhân viên	
137	MC.R.11_Báo cáo tổng xuất phân tuyến	
138	MC.R.12_ Báo cáo tổng xuất các tuyến	
139	MC.R.13_Báo cáo phiếu nhập	
140	MC.R.14_Báo cáo phiếu nhập chi tiết	

141	MC.R.15_ Báo cáo Dược bệnh viện (07BVD)	
142	MC.R.16_ Báo cáo chi tiết nhập xuất tồn	
143	MC.R.17_ Báo cáo tiền tồn	
144	MC.R.18_ Báo cáo thuốc hết hạn	
145	MC.R.19_ Báo cáo hạn sử dụng thuốc	
146	MC.R.20_ Thẻ kho	
147	MC.R.21_ Danh sách kiểm kê	
148	MC.R.22_ Bảng kiểm kê	
149	MC.R.23_ Bảng kiểm kê chi tiết	
150	MC.R.24_ Bảng kiểm kê chi tiết theo kho	
151	MC.R.25_ Báo cáo hoàn trả thuốc chi tiết	
152	MC.R.26_ Báo cáo hoàn trả thuốc theo Khoa	
153	MC.R.27_ Báo cáo tiền nhóm thuốc chi tiết	
154	MC.R.28_ Báo cáo tiền nhóm thuốc tổng hợp	
155	MC.R.29_ Báo cáo tiền thuốc nội ngoại	
156	MC.R.30_ Báo cáo quyết toán khoa	
157	MC.R.31_ Báo cáo tiền kháng sinh	
158	MC.R.32_ Báo cáo tiền thuốc sử dụng	
159	MC.R.32_ Dự trữ thuốc – báo cáo sử dụng thuốc	
160	MC.R.34_ Dự trữ thuốc – danh sách dự trữ thuốc	
161	MC.R.35_ Dự trữ thuốc – tổng hợp dự trữ thuốc	
162	MC.R.36_ Dự trữ thuốc – danh sách dự trữ thuốc theo nhà cung cấp	
II.	Thông kê số liệu	
163	Xem chi tiết nhập xuất tồn	
164	Xem chi tiết xuất sử dụng	
165	Kiểm tra tồn kho thuốc BHYT (tồn kho BHYT – đã ra chỉ định – tồn phòng khám)	
166	Chi tiết thuốc phòng khám đã ra chỉ định	

6. Phân hệ quản lý cận lâm sàng

STT	Thông tin	Ghi chú
I.	Màn hình	

167	PC.1_ Nội soi phế quản	
168	PC.2_ Nội soi đại tràng	
169	PC.3_ Nội soi thực quản-dạ dày- tá tràng	
170	PC.4_ Nội soi tai mũi họng	
171	PC.5_ Nội soi mũi xoang	
172	PC.6_ Nội soi tai	
173	PC.7_ Nội soi thanh quản	
174	PC.8_ Siêu âm tổng quát	
175	PC.9_ Siêu âm mắt	
176	PC.10_ Siêu âm tim	
177	PC.11_ Siêu âm chụp quỳnh quang mắt	
178	PC.12_ X-Quang	
179	PC.13_ Xét nghiệm	
180	PC.14_ Giải phẫu bệnh	
181	PC.15_ Thăm dò chức năng - điện cơ - điện não	
182	PC.16_ Thăm dò chức năng - ECG gắng sức	
183	PC.17_ Thăm dò chức năng - đo chức năng hô hấp	
184	PC.18_ MRI	
185	PC.19_ CT-Scanner	
II.	Báo cáo cận lâm sàng	
186	PC.R.1_ Sổ bệnh nhân cận lâm sàng	
187	PC.R.2_ Danh sách bệnh nhân theo ngày	
188	PC.R.3_ Báo cáo số ca theo khoa CLS	
189	PC.R.4_ Thống kê số lượng bệnh nhân CLS	
190	PC.R.5_ Thống kê số lượng ca theo phân loại bác sĩ	
191	PC.R.6_ Báo cáo thủ thuật CLS	
192	PC.R.7_ Báo cáo tháng CDHA	
193	PC.R.8_ Báo cáo số lượng ca nội ngoại CLS	
194	PC.R.9_ Báo cáo công tác nội soi hằng tháng	
195	PC.R.10_ Báo cáo tháng, số ca theo khoa CLS	
196	PC.R.11_ Báo cáo xét nghiệm	

197	PC.R.12_Báo cáo danh sách bệnh nhân chụp MRI	
198	PC.R.13_Danh sách bệnh nhân làm xét nghiệm	
199	PC.R.14_Báo cáo xét nghiệm theo ngày	
200	PC.R.15_Báo cáo chụp CT-Scanner	
201	PC.R.16_Báo cáo siêu âm - thủ thuật	
202	PC.R.17_Báo cáo ngày siêu âm	

7. Quản lý phẫu thuật thủ thuật

STT	Thông tin	Ghi chú
I.	Màn hình	
203	SU.1_Định nghĩa thông tin gói dịch vụ	
204	SU.2_Các danh mục quản lý phẫu thuật thủ thuật	
205	SU.3_Thông tin phẫu thuật thủ thuật	
II.	Báo cáo phẫu thuật thủ thuật	
206	SU.R.1_Báo cáo các loại bệnh Phẫu thuật - Thủ thuật	
207	SU.R.2_Hoạt động phẫu thuật - thủ thuật	
208	SU.R.3_Tiểu phẫu	
209	SU.R.4_Số người cho mỗi loại Thủ thuật - Phẫu thuật	
210	SU.R.5_Báo cáo Phẫu thuật NVBC/NVHD (2 báo cáo)	
211	SU.R.6_Báo cáo thủ thuật NVBC/NVHD (2 báo cáo)	
212	SU.R.7_Số tổng kết Phẫu thuật	
213	SU.R.8_Số tổng kết thủ thuật	

8. Quản lý vật tư tiêu hao

STT	Thông tin	Ghi chú
I.	Báo cáo	
214	MC.1_Công khai vật tư cho bệnh nhân	
215	MC.2_Lập phiếu yêu cầu vật tư	
216	MC.3_Lập phiếu trả vật tư	
217	MC.4_Phiếu nhập kho tại các kho	
II.	Báo cáo vật tư tiêu hao	
218	MC.R.1_Báo cáo tình hình nhập xuất tồn vật tư của kho theo tháng	
219	MC.R.2_Báo cáo tình hình nhập các vật tư theo từng chứng từ nhập	

220	MC.R.3_Báo cáo tình hình xuất các vật tư theo từng khoa	
221	MC.R.4_Báo cáo tình hình xuất các vật tư theo từng ngày	
222	MC.R.5_Thống kê số liệu xuất của từng vật tư theo ngày, khoa	
223	MC.R.6_Thống kê tổng giá trị cấp phát vật tư cho các khoa theo tháng	

9. Quản lý kế toán

STT	Thông tin	Ghi chú
I.	Màn hình	
224	AC.1_Phiếu thu tiền mặt	
225	AC.2_Phiếu chi tiền mặt	
226	AC.3_Phiếu thu chuyển khoản	
227	AC.4_Phiếu chi chuyển khoản	
228	AC.5_Phiếu nhập vật tư	
229	AC.6_Phiếu xuất vật tư	
230	AC.7_ Cập nhật giá cho phòng khám	
231	AC.8_ Kiểm kê vật tư cuối năm	
232	AC.9_ Nhập số dư tài khoản đầu kỳ	
233	AC.10_ Nhập tồn kho đầu kỳ	
234	AC.11_ Danh mục tài khoản	
235	AC.12_ Danh mục loại đối tác	
236	AC.13_ Danh mục đối tác	
237	AC.14_ Danh mục ngân hàng	
238	AC.15_ Danh mục kho	
239	AC.16_ Danh mục nhóm vật tư	
240	AC.17_ Danh mục vật tư	
II.	Báo cáo vật tư tiêu hao	
241	AC.R.1_Mẫu báo cáo phiếu thu tiền mặt	
242	AC.R.2_Mẫu báo cáo phiếu thu chuyển khoản	
243	AC.R.3_Mẫu báo cáo Ủy nhiệm chi	
244	AC.R.4_Mẫu báo cáo phiếu lĩnh tiền mặt	
245	AC.R.5_Mẫu báo cáo rút tiền	

246	AC.R.6_Mẫu báo cáo biên bản kiểm nhập vật tư	
247	AC.R.7_Mẫu báo cáo phiếu nhập vật tư	
248	AC.R.8_Mẫu báo cáo xuất vật tư	
249	AC.R.9_Báo cáo chuyển giá	
250	AC.R.10_Báo cáo kiểm kê	
251	AC.R.11_Sổ quỹ	
252	AC.R.12_Nhật ký tiền gửi ngân hàng	
253	AC.R.13_Bảng đối chiếu hạn mức kinh phí	
254	AC.R.14_Sổ kinh phí	
255	AC.R.15_Giấy đối chiếu xác nhận số dư ngân hàng	
256	AC.R.16_Bảng liệt kê các hóa đơn nhập	
257	AC.R.17_Báo cáo nhập kho	
258	AC.R.18_Báo cáo xuất kho	
259	AC.R.19_Báo cáo nhập/xuất cuối ngày	
260	AC.R.20_Nhập xuất tồn kho cuối tháng	
261	AC.R.21_Nhập xuất tồn kho	
262	AC.R.22_Nhập xuất tồn kho theo nhóm hàng hóa	
263	AC.R.23_Chỉ tiết nhập - xuất vật tư	
264	AC.R.24_Phiếu kế toán vật tư	
265	AC.R.25_Bảng giá vật tư	
266	AC.R.26_Bảng kê bông băng xuất cho khoa Chông nhiễm khuẩn	
267	AC.R.27_Báo cáo nóng nhập xuất tồn kho	
268	AC.R.28_Lũy kế nhập xuất vật tư	
269	AC.R.29_Chỉ tiết nhập – xuất sản phẩm dở dang	
270	AC.R.30_Sổ chi tiết các tài khoản	
271	AC.R31_Sổ cái	
272	AC.R.32_Bảng cân đối số phát sinh	
273	AC.R.33_Phiếu kế toán	
274	AC.R.34_Tổng hợp tạm ứng	

II. MÔ TẢ CHI TIẾT

II.1. Phân hệ Tiếp nhận bệnh nhân

II.1.1. Giới thiệu – Quy trình nghiệp vụ

- Các đối tượng bệnh nhân trước khi khám bệnh được tiếp nhận đăng ký và cấp sổ khám chữa bệnh.

☐ Mô tả các bước trong quy trình

- ✓ Mục đích chính: Ghi nhận thông tin hành chính, tiếp nhận và yêu cầu khám bệnh vào hệ thống
- ✓ Nhập thông tin hành chính của bệnh nhân với bệnh nhân mới; nhập mã y tế (mã bệnh nhân) hoặc tìm kiếm bệnh nhân từ hệ thống đối với bệnh nhân tái khám để lấy lại thông tin của bệnh nhân đã có. Phần mềm sẽ phát sinh **mã y tế (mã bệnh nhân)** theo định dạng quy định cho bệnh nhân mới đến lần đầu, mỗi bệnh nhân chỉ có một mã duy nhất. Điều này giúp tránh trùng lặp, một người bệnh chỉ có mã số duy nhất có thể sử dụng trong các lần khám chữa bệnh sau đó.
- ✓ Các thông tin của người bệnh: họ và tên, ngày tháng năm sinh (năm sinh hoặc tuổi), giới tính, địa chỉ: địa chỉ - xã/phường - huyện/quận – tỉnh/thành phố.
- ✓ Nhập thông tin về thẻ BHYT, loại thẻ, ngày hưởng dịch vụ kỹ thuật cao, ngày hết hạn thẻ đối với bệnh nhân diện BHYT
- ✓ Khi bệnh nhân cũ đến yêu cầu được khám bệnh, nhân viên tiếp nhận dựa vào mã y tế của bệnh nhân hoặc các chức năng tìm kiếm tổng hợp để có được thông tin của bệnh nhân.
- ✓ Nhân viên tiếp nhận ghi nhận các yêu cầu khám bệnh. Thông tin sẽ được chuyển qua bộ phận thu ngân để đóng phí hoặc chuyển vào phòng khám nếu là bệnh nhân BHYT.
- ✓ Bệnh nhân vào khám bệnh tại các phòng khám hoặc các nội dung cận lâm sàng tại các phòng cận lâm sàng theo số thứ tự do chương trình cấp.
- ✓ Xử lý tiếp: Tùy từng trường hợp mà bác sỹ tại phòng khám sẽ cấp toa thuốc cho bệnh nhân hoặc cho bệnh nhân nhập viện để điều trị nội trú.

II.1.2. Các màn hình chính

II.1.2.1. Tiếp nhận bệnh nhân

- Phục vụ cho nhân viên tiếp nhận ghi nhận thông tin bệnh nhân đến khám bệnh tại bệnh viện. Là thông tin đầu vào cho bộ phận thu phí, phòng khám, khoa/phòng cấp cứu, các khoa cận lâm sàng, khoa dược, nhà thuốc và các khoa lâm sàng
- Cấp mã y tế cho bệnh nhân mới, ghi nhận thông tin hành chính, thông tin tiếp nhận, thông tin thẻ BHYT (của BHXH Việt Nam), thông tin đăng ký khám bệnh
- Ghi nhận thông tin phân loại đối tượng bệnh nhân : Thu phí, BHYT. Thông tin phân loại bệnh nhân sẽ ảnh hưởng đến chi phí điều trị cho bệnh nhân ở các bước tiếp theo.
- Thực hiện các nghiệp vụ: đăng ký khám bệnh, cập nhật thông tin chuẩn đoán tuyến dưới nếu là chuyển tuyến.

☐ Những thông tin cần quản lý

STT	Thông tin	Ghi chú
-----	-----------	---------

1	Mã y tế (mã bệnh nhân)	Hệ thống sẽ tự động phát sinh theo chuẩn sau cho bệnh nhân mới. Mã số này sẽ được sử dụng cho bệnh nhân sau này khi đến khám bệnh tại bệnh viện Ví dụ: 701 311 06 018012 701: Mã sở y tế 311: Mã bệnh viện 06: Năm 018012: Số thứ tự
2	Số tiếp nhận	Hệ thống sẽ tự động phát sinh theo ngày, số này là duy nhất cho 1 đợt điều trị của bệnh nhân từ khâu khám bệnh, nhập viện, viện phí,... Ví dụ : 130814-00002 130814 : năm – tháng – ngày 00002 : số thứ tự trong ngày
2	Thông tin cá nhân	Họ tên, giới tính, ngày sinh, năm sinh, tuổi, nghề nghiệp, địa chỉ.
3	Thông tin thẻ BHYT (với BN diện BHYT)	Loại thẻ, số thẻ, nơi đăng ký, tuyến khám bệnh, ngày cấp, thời gian hiệu lực (từ ngày – đến ngày), các ngày hưởng nhóm I, I, II
4	Những thông tin Tiếp nhận	Thời gian tiếp nhận, nơi tiếp nhận, lý do tiếp nhận, đối tượng (thu phí, BHYT), hình thức đến, nơi giới thiệu, chẩn đoán nơi giới thiệu.
5	Thông tin đăng ký khám bệnh	Nội dung khám bệnh, đơn giá

❑ Các bước xử lý chính

- ✓ Nếu là bệnh nhân lần đầu tiên đến đăng ký khám bệnh thì chương trình tự động cấp mã y tế (mã bệnh nhân), mã vạch cho bệnh nhân theo quy định của Bộ Y Tế. Các thông tin hành chính của bệnh nhân sẽ được nhập vào CSDL của chương trình.
- ✓ Khi bệnh nhân đã đến bệnh viện khám: nhân viên tiếp nhận dựa vào sổ khám chữa bệnh của bệnh nhân hoặc các chức năng tìm kiếm tổng hợp để có được thông tin của bệnh nhân. Sau khi đã có được thông tin bệnh nhân, nhân viên tiếp nhận sẽ hỏi bệnh nhân cần khám hoặc tái khám gì để ghi nhận (các phòng khám dựa vào thông tin này để lấy danh sách bệnh nhân đợi khám bệnh).
- ✓ Cho phép nhân viên tiếp nhận nhập yêu cầu khám bệnh (khám bệnh, khám dịch vụ, khám theo yêu cầu bác sĩ,...).
- ✓ Trường hợp bệnh nhân BHYT: phải có số thẻ BHYT, nơi cấp thẻ, loại thẻ, từ ngày ... đến ngày (mặc định là 6 tháng)...., nơi đăng ký khám chữa bệnh.

❑ Điều kiện kết thúc

- ✓ Thông tin tiếp nhận được ghi vào dữ liệu
- ✓ Mã y tế (mã bệnh nhân) sẽ được phát sinh cho bệnh nhân mới đến lần đầu
- ✓ Số tiếp nhận được phát sinh

- ✓ Thông tin, yêu cầu của bệnh nhân được chuyển đến phòng khám tương ứng

❑ Giao diện

- ✓ Các phím tắt tìm nhanh bệnh nhân.

- ✓ Hoặc gõ nhanh theo mã bệnh nhân theo phiếu in ra hoặc ngoài sổ: chỉ cần gõ năm – số thứ tự, hoặc chỉ cần gõ số thứ tự (mặc định là năm hiện tại), ví dụ nếu gõ 9-101752 tức là năm 2009 số thứ tự 101752.
- ✓ Lấy thông tin bệnh nhân khi có số thẻ bảo hiểm y tế hoặc quét mã vạch 2 chiều từ thẻ BHYT.

- ✓ Đối tượng thu phí:

DANH MỤC LOẠI BỆNH NHÂN		
	KindOfPatientID	KindOfPatie...
☰		
> 1	001	Thu Phí
2	002	Bảo hiểm y tế
3	003	Không thu được
*		

- ✓ Phòng khám: lấy danh mục phòng ban Nhóm phòng là Khoa khám bệnh (mã nhóm 06)
- ✓ Thu tiền: lấy từ danh mục dịch vụ với Nhóm dịch vụ là Loại khám bệnh (mã nhóm dịch vụ LKB)
- ✓ In phiếu thanh toán trên giấy in sẵn hóa đơn

70131106066182

01169

27/12/2010, 2:38 C

Nguyễn Thị Bích Quyên**35 Tuổi Nữ**

41/4a Ký Con P7 (Id1), Q. Bình Tân

(P.07) Tai mũi họng

20.000,00 đồng

Lê Thị Thu Hương

*+Chú ý: Bệnh nhân giữ phiếu này để đóng tiền thu viện phí (Nếu có)***II.1.2.2. Tìm kiếm thông tin bệnh nhân**

- Cho phép tìm kiếm nhanh thông tin bệnh nhân cũ.

☐ **Giao diện**

Tìm Kiếm

Họ tên: Năm sinh: Tuổi: Giới tính: ☒ Nam ☒ Nữ

Tìm thấy 15 bệnh nhân

Mã y tế	Họ Tên	Giới tính	Năm sinh	Địa chỉ
70131103001808	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	1937	204/43 Cách Mạng Tháng 8 F5
70131104011036	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	1945	144/11 Hương Lộ 13 F15
70131107003924	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	1957	140/10a Lạc Long Quân P9
70131107038788	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	1956	66 Mỹ Chính F, Bình Hưng Hoà A
70131107056545	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	1984	39/6a Nam Lân Bà Điểm
70131108030477	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	1941	91/9 Kp1 Trường Chinh Tân Thới 1
70131109017893	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	1943	127/4491 Nĩ Sư Huỳnh Liên F10
70131110039025	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	1958	159/64 Trần Văn Đang F11
70131110055483	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	1987	Điện Bàn
70131110095582	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	1967	554 Xã Báng Châu Đức
70131110097043	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	1956	Ba Trĩ
70131110097346	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	1982	52 Tân Sơn F12
70131110097624	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	1952	Cái Nước
70131110097929	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	1952	Nam Lân

II.1.2.3. Thông tin bệnh nhân

- Dùng để thêm mới bệnh nhân vào hệ thống khi bệnh nhân đến khám lần đầu.
- Từ màn hình tiếp nhận, ô mã y tế nhấn Ctrl+A để gọi màn hình thêm mới bệnh nhân

❑ Các bước xử lý chính

- ✓ Mã y tế (mã bệnh nhân): hệ thống sẽ tự động phát sinh theo chuẩn sau, mã số này sẽ được sử dụng cho bệnh nhân sau này khi đến khám bệnh tại bệnh viện :

Ví dụ: 701 311 06 018012

701: Mã sở y tế

311: Mã bệnh viện

06: Năm

018012: Số thứ tự

- ✓ Họ và tên: hỗ trợ nhập liệu nhanh: ví dụ gõ nv => nguyên văn, tự động gợi ý giới tính theo tên.
- ✓ Nam sinh, tuổi: gõ tuổi => năm sinh và ngược lại.
- ✓ Địa chỉ: hỗ trợ gõ tắt ví dụ ltk => Lý thường kiệt, ...

❑ Giao diện

Thông Tin Bệnh Nhân

Mã Y tế: **70131110097699**

Họ và tên: ☐ Nam ☒ Nữ

Năm sinh: Tuổi:

Nghề nghiệp:

Dân tộc:

Quốc tịch:

Địa chỉ: Mã GD(nghề):

Quận/Huyện: Phường/Xã:

Nhóm máu:

Tiền sử dị ứng:

Yếu tố RH:

Thêm Lưu Bỏ qua Xem Sửa Xóa In Thoát

II.1.2.4. Danh sách bệnh nhân

- Cho phép tìm kiếm nhanh danh sách bệnh nhân theo thời gian.

□ Giao diện

Xem

Find Clear

	Mã Y tế	Họ tên	Tuổi	Giới ...	Địa chỉ
1	70131110055483	Nguyễn Thị Huệ	28.00	Nữ	Điện Bàn Quảng Nam T. Quảng Nam
2	70131110097991	Nguyễn Thị Huệ	61.00	Nữ	Đặc Nông Đắk Lắk T. Đắk Lắk
3	70131110039025	Nguyễn Thị Huệ	57.00	Nữ	159/64 Trần Văn Đang F 11 3 Tp. Hồ Chí Minh
4	70131110015359	Trần Thị Huệ	47.00	Nữ	123 Văn Thân P. 8 6 Tp. Hồ Chí Minh
5	70131110089331	Phạm Thị Huệ	36.00	Nữ	463b /69 Cách Mạng Tháng 8 F. 13 10 Tp. Hồ Chí Minh
6	70131110095889	Phạm Thị Huệ	36.00	Nữ	463b/69 Cách Mạng Tháng 8 F13 10 Tp. Hồ Chí Minh
7	70131110096399	Quách Thị Huệ	52.00	Nữ	284/71 Lý Thường Kiệt P 14 10 Tp. Hồ Chí Minh
8	70131104028321	Trần Thị Huệ	33.00	Nữ	10 Tp. Hồ Chí Minh
9	70131104002139	Trương Thị Huệ	70.00	Nữ	26 Tuệ Tĩnh 11 Tp. Hồ Chí Minh
10	70131110097503	Lê Thị Huệ	54.00	Nữ	32 Cư Xá Lê Đại Hành P. 11 11 Tp. Hồ Chí Minh
11	70131110097399	Lê Thị Huệ	59.00	Nữ	42/3 Tân Hưng Thuận 12 Tp. Hồ Chí Minh
12	70131103039467	Trương Thị Huệ	33.00	Nữ	2/4 A3 Nguyễn Văn Quá F. Tân Hưng Thuận 12 Tp. Hồ Chí Minh
13	70131104100707	Đào Thị Huệ	35.00	Nữ	70 Quang Trung Đông Hưng Thuận 12 Tp. Hồ Chí Minh
14	70131108030477	Nguyễn Thị Huệ	74.00	Nữ	91/9 Kp 1 Trường Chinh Tân Thới 1 12 Tp. Hồ Chí Minh

thị huệ

Điều kiện lọc

Từ ngày: đến: **Lọc**

Tổng số: 46

Chọn Làm tươi Export Trở về

II.1.2.5. Danh sách bệnh nhân đăng ký khám bệnh qua tổng đài vnpt 1080

- Cho phép tìm kiếm nhanh danh sách bệnh nhân theo thời gian.

❑ Giao diện

Tìm Kiếm

Họ tên : Năm sinh : Tuổi Giới tính ☒ Nam ☒ Nữ

Ngày đăng ký từ đến Nhóm **Tìm thấy 119 bệnh nhân**

Số đăng ký Số điện thoại

	Mã y tế	Stt đăng	Họ Tên	Số điện thoại	Đã tiếp	Giới tính	Năm sinh	Địa chỉ	1080 ID	Ngày
	70131111014753	2002	NGUYỄN THỊ KIM NINH	919331534	☐	Nữ	1968	5/12 LƯƠNG ĐỊNH CỦA	1975169	20/1
	70131112011430	2003	PHAN VĂN CHÁNH	613836485	☐	Nam	1953	41/68 TIỀN LÂN BÀ ĐIỂM	1975435	20/1
	70131113032718	2004	TRƯƠNG HẢI BĂNG	904780448	☐	Nam	1962	135/2 HÀ TÔN QUYỀN F4	1975437	20/1
▶	70131110049058	2005	CAO THỊ KIM HOÀNG	906836916	☐	Nữ	1966	38/2A ẤP TRUNG LÂN BÀ ĐIỂM	1975440	20/1
	70131108019813	2006	TRƯƠNG THỊ MỸ DUNG	918852153	☐	Nữ	1962	27/5A ẤP TRUNG LÂN, BÀ ĐIỂM	1975441	20/1
	(null)	2006	HUỲNH VĂN PHÚC	905219687	☐	Nam	1967	105A/21 HỒ THỊ KỲ	1975101	20/1
	(null)	2007	NGUYỄN THỊ LAN	838152171	☐	Nữ	1976	212/47/23 NGUYỄN THIÊN THU	1975453	20/1
	(null)	2008	DƯƠNG THỊ THOM	982929116	☐	Nữ	1976	69 LIÊN KHU 10-11	1975453	20/1
	(null)	2009	NGUYỄN THỊ LAN	838152171	☐	Nữ	1976	212/47/23 NGUYỄN THIÊN THU	1975453	20/1
	(null)	2010	PHAN THỊ BÍCH PHƯƠNG	1203353301	☐	Nữ	1984	NGUYỄN ĐỨC THUẬN, P. HIỆP TH	1975454	20/1
	(null)	2011	NGUYỄN THỊ LAN	838152171	☐	Nữ	1976	212/47/23 NGUYỄN THIÊN THU	1975454	20/1
	70131110008919	2012	HỒ QUÍ	982856564	☐	Nam	1944	115 LÝ THƯỜNG KIỆT P.7	1975504	20/1
	(null)	2013	TRẦN MINH TUẤN	838113600	☐	Nam	1951	90/131 CÁCH MẠNG THÁNG TÁ	1975107	20/1
	70131111033104	2013	ĐẶNG THỊ ÚT	838601720	☐	Nữ	1942	17/16 ẤU CƠ F9	1975509	20/1

☒ Chưa tiếp nhận ☐ Đã tiếp nhận ☐ Tất cả

II.1.2.6. Danh sách tiếp nhận

- Cho phép tìm kiếm nhanh chóng thông tin tiếp nhận bệnh nhân.

❑ Giao diện

Xem

STT	Số tiếp nhận	Họ tên	Mã y tế	Địa chỉ	Quận	Số BHYT	Phòng khám	Dịch vụ	Ngày giờ TN	Lấy số lúc	Phòng khám ba.
1	120730-00001	NGUYỄN VĂN A	70131112000002	125 HAI BÀ TRUNG	1		Ngôi tổng hợp		31/07/2012 17:20		
2	120705-00001	NGUYỄN VĂN C	70131112000001	125 XÃ VIỆT NGHỆ TÂN H	Bình Thạnh		Tiếp nhận		05/07/2012 16:57		
3	070205-01178	Nguyễn Thị Kim Trân	70131107011560	10/8 Nguyễn Phúc Chu F15	Tân Bình		Cấp cứu Tổng hợp		05/02/2011 11:40		
4	101227-01187	Nguyễn Thị Thu Vần	70131105074236	10/3A Thoại Ngọc Hầu Hoà Thành	Tân Phú	DN779505520025779026	Khoa Đau		27/12/2010 14:48		
5	101227-01192	Nguyễn Thị Kim Cúc	70131109072875	418/75 Hồng Bàng	6	HT579130040009579026	Lồng ngực - Mạch mả...	X	27/12/2010 14:48		
6	101227-01189	Nguyễn Ngọc Tiến	70131110062779	247/80F6 Lạc Long Quân F3	11	GD779130050133079026	Sản		27/12/2010 14:44		
7	101227-01188	Nguyễn Minh Thái	70131110095149	219/4 ĐẤT THÁNH F. 6	Tân Bình		Điều trị ban ngày		27/12/2010 14:43		
8	101227-01183	Nguyễn Minh Thiên Kim	70131110098604	210/9 Lê Văn Sĩ F10	Phủ Nhuận		Cấp cứu Tổng hợp		27/12/2010 14:43		
9	101227-01180	Nguyễn Thị Bôn	70131109120060	39 Nguyễn Hữu Dật Tây Thạnh	Tân Phú	GD779080020250679026	Tim mạch B		27/12/2010 14:43		
10	101227-01172	Nguyễn Thành Đăng	70131104007543	414/39 Nguyễn Tri Phương F4	10	HC779004920031279026	Tai mũi họng		27/12/2010 14:39		
11	101227-01169	Nguyễn Thị Bích Quyên	70131106066182	41/A Kỳ Con P7 (d1)	Bình Tân		Tai mũi họng		27/12/2010 14:38		
12	101227-01181	Nguyễn Thế Diên	70131110098603	Đa Phước Cảng Long	Trà Vinh		Mắt		27/12/2010 14:37		
13	101227-01155	Nguyễn Ngọc Hoàng	70131110012279	103 Tân Quý	Tân Phú	GD779080040557979026	Tiểu hóa, thận, tiết n...		27/12/2010 14:28		

Điều kiện lọc: Từ ngày đến

Tổng số: 354

II.1.2.7. Thống kê thu tiền khám bệnh cuối ngày

- Cho phép thống kê thu tiền khám bệnh dịch vụ cuối ngày.

❑ Giao diện

Thu tiền cuối ngày

Thống kê thu tiền khám bệnh cuối ngày

Ngày: 08/03/2006 09:51:39

Các chứng từ đã dùng					
	Ngày phát sinh thực tế	Số chứng từ từ số	Số chứng từ đến số	Số tiếp nhận từ số	Số tiếp nhận đến số
▶	08/03/2006 08:52:52	053361	053598	060308-00032	060308-00700

Các chứng từ đã sử dụng			Các chứng từ đã hủy			
	Loại Dịch vụ	Số phiếu	Số tiền	Số CT hủy	Số tiếp nhận	Ghi chú
▶	KB	195.0000	2,925,000.00	053374	060308-00076	
	KBSK	7.0000	175,000.00	053434	060308-00233	
	KBTB	6.0000	60,000.00	053561	060308-00588	
	KPK	20.0000	400,000.00			
	KT	4.0000	80,000.00			
	LDV	3.0000	60,000.00			

Tổng kết

Đã dùng: 238 chứng từ

Trong đó: Sử Dụng 235 Hủy 3

Tổng số tiền phải nộp: 3700000.0000

Thêm Lưu Bỏ qua Xem Sửa Xóa In Thoát

✓ Xem chi tiết theo dịch vụ.

Thu tiền cuối ngày

Thống kê thu tiền khám bệnh cuối ngày

Ngày: 08/03/2006 09:51:39

Chi tiết Khám bệnh - Tổng số phiếu: 197

STT	Số tiếp nhận	Tên bệnh nhân	Loại dịch vụ	Giá tiền
▶ 7	060308-00046	Trần Mỹ Nguyệt	Khám bệnh	15000.0000
1	060308-00032	Mai Thị Tuyền	Khám bệnh	15000.0000
46	060308-00154	Lê Văn Phước	Khám bệnh	15000.0000
48	060308-00157	Đoàn Ngọc Tuyết	Khám bệnh	15000.0000
54	060308-00176	Nguyễn Thị Diệp	Khám bệnh	15000.0000
58	060308-00187	Nguyễn Thị Sáu	Khám bệnh	15000.0000
60	060308-00191	Hồ Thị Tư	Khám bệnh	15000.0000
61	060308-00193	Đặng Thị Chanh	Khám bệnh	15000.0000
64	060308-00200	Đặng Thị Tỷ	Khám bệnh	15000.0000
65	060308-00205	Hồ Thanh Long	Khám bệnh	15000.0000
66	060308-00206	Nguyễn Quốc Bảo	Khám bệnh	15000.0000
68	060308-00211	Nguyễn Thị Thanh Nga	Khám bệnh	15000.0000
72	060308-00226	Nguyễn Ngọc Thanh	Khám bệnh	15000.0000
73	060308-00230	Phan Phước Giáp	Khám bệnh	15000.0000
78	060308-00243	Vương Văn Thọ	Khám bệnh	15000.0000
80	060308-00246	Hà Văn Hưng	Khám bệnh	15000.0000
81	060308-00247	Nguyễn Văn Hường	Khám bệnh	15000.0000
83	060308-00251	Phạm Văn Tuấn	Khám bệnh	15000.0000
128	060308-00382	Đoàn Thị Thu Hằng	Khám bệnh	15000.0000
57	060308-00184	Nguyễn Thị Nguyễn	Khám bệnh	15000.0000

Thêm Lưu Bỏ qua Xem Sửa Xóa In Thoát

✓ Báo cáo thu tiền khám bệnh cuối ngày

Thu tiền cuối ngày

100%

1 / 1

Preview

THỐNG KÊ TIỀN KHÁM BỆNH HÀNG NGÀY
Ngày: 08/03/2006 9:51Sáng

1. Số tiền phải nộp trong ngày:

Số TT	Dịch vụ	Số	Số tiền
1	Khám bệnh	195	2,925,000
2	Khám sức khỏe	7	175,000
3	Thay băng	6	60,000
4	Khám phụ khoa	20	400,000
5	Khám trị	4	80,000
6	Lấy di vật	3	60,000
	Tổng cộng:	235	3,700,000

2. Chứng từ đã sử dụng:

Ngày sử dụng	Từ số	Đến số	Số lượng
08/03/2006 8:52Sáng	053361	053598	238
Tổng cộng:			238

3. Chi tiết chứng từ đã hủy:

STT	Số CT hủy	Số tiếp nhận	Ghi chú
1	053374	060308-00076	
2	053434	060308-00233	
3	053561	060308-00588	

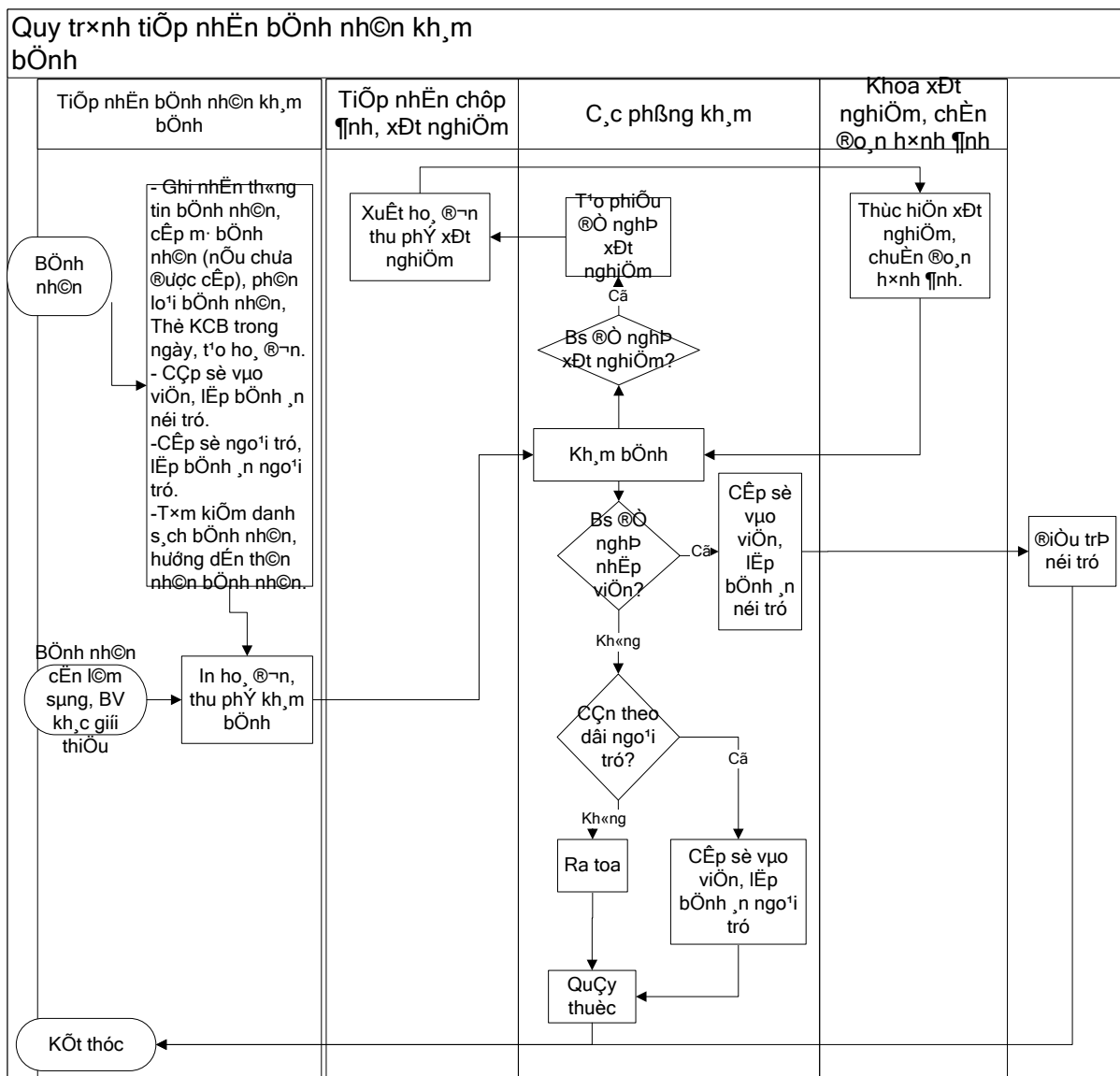
Người Nhận

Tp HCM, ngày 06 tháng 08 năm 2007
Người giao

II.2. Phân hệ Khám bệnh, bệnh án ngoại trú

II.2.1. Giới thiệu – Quy trình nghiệp vụ

- Các đối tượng bệnh nhân trước khi khám bệnh được tiếp nhận đăng ký và cấp sổ khám chữa bệnh.



❑ Mô tả các bước trong quy trình

- ✓ Mục đích chính: khám bệnh, ra chỉ định cận lâm sàng, ra toa, cho nhập viện, lập bệnh án ngoại trú.

II.2.2. Các màn hình chính

II.2.2.1. Quản lý thông tin khám bệnh

- Các thông tin khám và điều trị ngoại trú của bệnh nhân được cập nhật qua chức năng khám bệnh của bác sĩ.
- Quản lý thông tin khám bệnh và các toa thuốc mà bác sĩ đã kê cho bệnh nhân.

❑ Giao diện

Khám Chữa Bệnh

Khoa khám Nhập viện Xuất viện BC phòng KHTH Báo cáo Phòng KHTH Danh mục Trợ giúp

70131107028082 - PHAN VĂN BÁCH - 41 tuổi - Nam - Ấp Bến Đò Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi

Khoa Khám Tiêu hóa, thận, tiết niệu Số Tiếp Nhận 101227-00159 Số hồ sơ # Số k/bệnh 0397875-10

Phan Văn Bách Vũ Lê Hoàng Vinh Phạm Thị Kim Pha Nguyễn Văn Mui
Vũ Thị Hiếu Nguyễn Hữu Nhạc Nguyễn Anh Bình
Nguyễn Mạnh Cường Nguyễn Thị Mỹ Hồng Nguyễn Ngọc Hoàng Nguyễn Thị Vân

DS cho chỉ định CLS chờ kết quả

Danh sách chờ khám, BHYT màu đỏ

Mạch đập 80 (lần/phút) Huyết áp 110/60 (mmHg) Nhịp thở 20 Nhiệt độ 37 (độ C)

T/chứng cũ T/chứng mới

Kết quả CLS Viêm dạ dày

Chẩn đoán PP giải quyết Ra toa

ICD 1 mã K29 - Viêm dạ dày và tá tràng ICD 2 0000 - Không có

Bác sĩ Tr. Lê Minh

Toa thuốc Khám chuyên khoa

Toa thuốc - NGUYỄN THỊ THỊN - 71 tuổi - Nữ - - Số BHYT: HT279120850027579026 Nhấn Alt+Y để đóng/mở chức năng nhập thuốc

STT	Tên thuốc	Cách d	Lời khuyên	Mỗi lã	Ngày	Số ng	Tổng cộ	Phát	Ghi chú
1	Pantoprazol 40 mg	Uống	Sáng, chiều	1.00	2	14	28	✓	
2	Grangel Susp (Aluminium hy	Uống	Sáng, trưa, chi	1.00	3	14	42	✓	
3	Hanbuleate 200mg (Trimebut	Uống	Sáng, chiều	1.00	2	14	28	✓	

Đếm SLK 1 Ghi chú

Lần khám 45 T.BH 250,040 BN cũ TK sau 14 (ngày) Ngày TK Bệnh Viện

Thêm Lưu Bỏ qua Xem Sửa Xóa In toa In TT N.vụ Thoát

- Thông tin khám chuyên khoa (trường hợp bệnh nhân khám nhiều phòng khám)

Khám Chữa Bệnh

Khoa khám Nhập viện Xuất viện BC phòng KHTH Báo cáo Báo cáo Khám bệnh Phòng QLCL Phòng KHTH Danh mục Trợ giúp

LÊ TẤN MINH - 28 tuổi - Nam - Số BHYT: 12345678909876543210 - 60/24, Dương Đức Hiền

Khoa Khám Tiêu hóa, thận, tiết niệu Số Tiếp Nhận 140909-00001 Số hồ sơ # Số k/bệnh 0000072-15

Mạch đập 33 (lần/phút) Huyết áp 33 (mmHg) Nhịp thở 18 (lần/phút) Nhiệt độ 37 (độ C) Nghiên cứu

T/chứng cũ T/chứng mới

Kết quả CLS Tá

Chẩn đoán Ngoại trú

PP giải quyết Ngoại trú

Bác sĩ Anh Nguyễn Thúc Bội

Toa thuốc Khám chuyên khoa

Toa thuốc - LÊ TẤN MINH - 28 tuổi - Nam - - Số BHYT: 12345678909876543210

Tên thuốc	Mỗi lần	Ngày ...	Số ngày	Tổng cộng	Cách dùng	Lời khuyên	Ghi chú
07/11/2014 15:41 - Tiêu hóa, thận, tiết niệu - A00.0 - Bệnh tả do Vibrio cholerae 01, sinh týp cholerae							
13 (1/6/2014) BILLIRUBIN toàn phần (CS.1 - HHMD/ 38 - TT 04)	1	1	1	1	Dùng		
09/03/2015 09:08 - Tiêu hóa, thận, tiết niệu - A00.0 - Bệnh tả do Vibrio cholerae 01, sinh týp cholerae							
14 Băng thun askina elast fine 4 x 6 cm	1	1	1	1	Dùng		
15 (1/6/14) (Thăm mỹ) đốt laser điều trị đối môi hoặc nốt ruồi: 2-3 nốt (28.489 - ...	1	1	1	1	Dùng		
16 (1/6/2014) Đo chức năng hô hấp (C6/ - TDCN/ 4 - TT 04)	1	1	1	1	Dùng		
09/09/2014 06:33 - Tiêu hóa, thận, tiết niệu - A00.9 - Bệnh tả, không xác định							
17 Băng dán askina fix 10cm x 10 m	1	1	1	1	Dùng		
11/11/2014 09:29 - Tiêu hóa, thận, tiết niệu - A00.9 -							
18 (1/6/2014) Xét nghiệm tìm kháng thể IgM/ Sốt xuất huyết (CV số 3448/BHXH-N...	1	1	1	1	Dùng		
19 (1/6/2014) Glucose máu (đường máu) (CS.1 - HHMD/ 36 - TT 04)	1	1	1	1	Dùng		
20 (1/6/2014) Ure máu (CS.1 - HHMD/ 36 - TT 04)	1	1	1	1	Dùng		
21 (1/6/2014) GOT (AST) (CS.1 - HHMD/ 38 - TT 04)	1	1	1	1	Dùng		

Đếm SLK 1 Ghi chú

Lần khám 11 T.BH 53,163 BN cũ TK sau 0 ngày Ngày TK

Thêm Lưu Bỏ qua Xem Sửa Xóa In toa In TT N.vụ Thoát

□ Các danh sách hỗ trợ

- ✓ Danh sách bệnh nhân chờ khám
- ✓ Danh sách bệnh nhân hẹn cận lâm sàng (đang thực hiện CLS) (F7)
- ✓ Danh sách bệnh nhân đã khám (F6)

□ Thông tin quản lý

- ✓ Mạch, huyết áp, nhiệt độ, nhịp thở, chiều cao, cân nặng
- ✓ Mã ICD bệnh chính, mã ICD bệnh kèm theo
- ✓ Cách giải quyết (cấp toa về, điều trị ngoại trú, nhập viện, chuyển viện, khác)

- ✓ Thông tin chuyển viện
- ✓ Thông tin nhập viện
- ✓ Thông tin khám chuyên khoa

☐ **Phương án xử lý**

- ✓ Nếu bệnh nhân cần phải thực hiện CLS, bác sĩ sẽ tạo phiếu chỉ định CLS. Sau khi có kết quả CLS, bác sĩ có thể xem trực tiếp trên máy tính.
- ✓ Bác sĩ có thể tham khảo toa thuốc của các bác sĩ ở các phòng khám khác cho bệnh nhân này trong ngày để cho toa thuốc ở phòng khám của mình.
- ✓ Nhập toa thuốc, số lần uống sáng trưa chiều tối và in đơn thuốc (nếu bệnh nhân chỉ cần kê đơn và cho về), Phiếu cấp thuốc (Bệnh nhân BHYT), Giấy hẹn tái khám cho bệnh nhân điều trị ngoại trú, Bệnh án cho trường hợp bệnh nhân nhập viện điều trị nội trú
- ✓ Có thể cho chuyển sang bệnh viện khác
- ✓ Có thể cho bệnh nhân nhập viện điều trị nội trú
- ✓ Có thể chuyển bệnh nhân từ phòng này sang phòng khám khác nhiều lần.
- ✓ Sau khi lưu và một ca khám bệnh, chương trình sẽ có báo cáo tổng giá trị tiền của bệnh nhân.

☐ **Các nghiệp vụ hỗ trợ**

- ✓ Hỗ trợ ra và in chỉ định cận lâm sàng theo nhóm (x-quang, siêu âm, xét nghiệm ...)
- ✓ Hỗ trợ lấy thông tin từ toa thuốc mẫu: theo bác sĩ, theo toa cũ của bệnh nhân, toa của bệnh nhân khác, toa theo phòng, toa theo phát đồ điều trị.
- ✓ Xem kết quả xét nghiệm
- ✓ Xem kết quả cận lâm sàng
- ✓ Tiến hành thủ thuật

☐ **Các ràng buộc**

- ✓ Phần mềm sẽ tự động cảnh báo nếu dịch vụ đã được ra chỉ định ở phòng khác

Khám Chữa Bệnh

Khoa khám Nhập viện Xuất viện BC phòng KHTH Báo cáo Báo cáo Khám bệnh Phòng QLCL Phòng KHTH Danh mục

LÊ TẤN MINH - 28 tuổi - Nam - Số BHYT: 12345678909876543210 - 60/24.Dương Đức Hiền

Khoa Khám Tiêu hóa, thận, tiết niệu Số Tiếp Nhận 140909-00001 Số hồ sơ #

Tim tên eff

	Tên dịch vụ	ĐVT	H
1	Calcium corbiere eff 500mg (Calci gluconolactat + Calcicarbonat)	Viên	
2	effergalan 300mg (paracetamol)	Viên	
3	Progeffik 100mg	Viên	

Cảnh báo

Dịch vụ này đã kê đơn ở phòng Tiêu hóa, thận, tiết niệu !
 Bạn có muốn chỉ định dịch vụ này không?

Toa thuốc Khám chuyên khoa

Toa thuốc - LÊ TẤN MINH - 28 tuổi - Nam - - Số BHYT: 12345678909876543210

Tên thuốc	Mỗi lần	Ngày ...	Số ngày	Tổng cộng
31 Bảng thun askina elast fine 4 x 6 cm	1	1	1	1
▼ 27/01/2015 16:57 - Tiêu hóa, thận, tiết niệu - D52 - Thiếu máu do thiếu folate				
32 effergalan 300mg (paracetamol)	1	3	7	21
33 Tatanol 500mg(Paracetamol)	1	3	7	21
34 Điện tâm đồ gắng sức (ECG gắng sức)	2	2	2	2
35 vitamin c 500mg	1	3	5	15

- ✓ Phần mềm sẽ tự động cảnh báo thuốc hết theo thời gian thực (số lượng tồn kho thực tại kho BHYT – tổng số lượng đã ra chỉ định = số lượng tồn kho):

Khám Chữa Bệnh

Khoa khám Nhập viện Xuất viện BC phòng KHTH Báo cáo Báo cáo Khám bệnh Phòng QLCL Phòng KHTH Danh mục Trợ giúp

LÊ TẤN MINH - 28 tuổi - Nam - Số BHYT: 12345678909876543210 - 60/24.Dương Đức Hiền

Khoa Khám Tiêu hóa, thận, tiết niệu Số Tiếp Nhận 140909-00001 Số hồ sơ # Số bệnh 000007

Tim tên eff

Tên dịch vụ	ĐVT	Hết	SL tồn	Giá BH	Giá	Lịch giá	NDM	KTC
1 Calcium corbiere eff 500mg (Calci gluconolactat + Calcicarbonat)	Viên		0	3,150.	3,150.	0.		
2 effergalan 300mg (paracetamol)	Viên		0.	2,569.9	2,569.9	0.		
3 Progeffik 100mg	Viên		0.	5,337.	5,337.	0.		

Thông tin nhập thêm

effergalan 300mg (paracetamol) 21 Viên

Dùng 7 Ngày SL tồn kho: 0 Thuốc BH 107,131

Ngày Uống 3 Lăn Mỗi lần 1 Viên

Lời khuyên Sáng, trưa, chiều

Đơn giá 2,569.90

Thông báo

Thuốc này đã hết, bạn có muốn chọn thuốc khác hay không?
 (Yes: chọn thuốc khác; No: vẫn chọn dùng thuốc này).

Nếu có thắc mắc gì xin vui lòng liên hệ khoa Dược.

Toa thuốc Khám chuyên k

Toa thuốc - LÊ TẤN MINH - 28 tuổi - Nam - - Số BHYT: 12345678909876543210

STT Tên thuốc

- ✓ Khi đã in viện phí thanh toán thì không được phép xóa thông tin khám bệnh.
- ✓ Khi bộ phận viện phí in hóa đơn, hoặc xác nhận không cùng chi trả (chưa đến mức phải đóng) thì phòng khám không được thêm, sửa, xóa.

II.2.2.2. Danh sách bệnh nhân đã khám bệnh

- Thể hiện danh sách các bệnh nhân đã khám bệnh tại phòng khám

❑ Giao diện

Xem											
Find Clear											
Số tiếp nhận	Số khám bệnh	Họ tên	Địa chỉ	Quận	Số BHYT	Đơn vị	Giới ...	Tuổi	Ngày giờ	Đếm số lần in	ICD d
1	130611-00003	0000015-13	Nguyễn Đức Vị	73/17/18 Lạc Long Quân F10	Q.Tân Bình	GD779070100518279026	QTân Bình	Nam	61	11/6/2013 11:33:0...	A01.2
2	130701-00003	0000023-13	Huỳnh Thị Ngọc Thanh	666/31 Đường 3 Tháng 2 F14	Q.10	GD779120030339579026	Quận 10	Nữ	44	1/7/2013 9:37:00 SA	A00.2
3	130701-00003	0000039-15	Huỳnh Thị Ngọc Thanh	666/31 Đường 3 Tháng 2 F14	Q.10	GD779120030339579026	Quận 10	Nữ	44	26/2/2015 1:53:00 CH	A00.1
4	130705-00003	0000030-13	Nguyễn Thị Kim Cúc	418/75 Hồng Bàng	Q.6	HT579130040009579026	Quận 11	Nữ	59	5/7/2013 3:01:00 CH	A01
5	130705-00004	0000029-13	Nguyễn Đức Vị	73/17/18 Lạc Long Quân F10	Q.Tân Bình	GD779070100518279026	QTân Bình	Nam	61	5/7/2013 2:04:00 CH	K29
6	130709-00005	0000032-13	Nguyễn Thị Kim Cúc	418/75 Hồng Bàng	Q.6	HT579130040009579026	Quận 11	Nữ	59	9/7/2013 5:05:00 CH	K29
7	130710-00001	0000034-13	Nguyễn Đức Vị	73/17/18 Lạc Long Quân F10	Q.Tân Bình	GD779070100518279026	QTân Bình	Nam	61	10/7/2013 1:35:00 CH	H00
8	130724-00001	0000042-13	Nguyễn Đức Vị	73/17/18 Lạc Long Quân F10	Q.Tân Bình	GD779070100518279026	QTân Bình	Nam	61	24/7/2013 3:17:00 CH	A00.9
9	130813-00001	0000049-13	Võ Thị Ngọc Thanh	106/7b Hòa Bình, Hòa Thạnh	Q.Tân phú	DN779505540050779054	bvtp quận Tân Bình	Nữ	27	13/8/2013 9:00:00 SA	H00
10	130813-00002	0000050-13	Nguyễn Văn Minh	6/2 Thoại Ngọc Hầu F. Hòa Thạnh	Q.Tân phú	GD779080090142579026	quận tân bình	Nam	64	13/8/2013 9:07:00 SA	A37
11	130814-00001	0000052-13	Võ Thị Ngọc Thanh	106/7b Hòa Bình, Hòa Thạnh	Q.Tân phú	DN779505540050779054	bvtp	Nữ	27	14/8/2013 8:45:00 SA	H00
12	130814-00002	0000053-13	Nguyễn Văn Minh	6/2 Thoại Ngọc Hầu F. Hòa Thạnh	Q.Tân phú	GD779080090142579026	quận tân bình	Nam	64	14/8/2013 8:47:00 SA	H00.0
13	140822-00003	0000085-15	Huỳnh Ngọc Hân	CD2 Hưng vương 3, P Tân phong, Q7	Q.10			Nam	45	16/6/2015 12:17:0...	A00.9
TỔNG SỐ : 68											
Chon											
Lâm tươ											
Export											
Trở về											

Xem											
Find Clear											
Khám tại khoa	Bệnh viện	Nơi Đến	Chẩn đoán	Đếm số ...	Số ngày...	Ngày tái khám	Người nhập	DeptID	Phòng khám	Bác sĩ khám	UpdateTime
1	Mắt	Tự đến	Phổ thương hàn B	1	4	15/06	Test	0600	Tiếp nhận	Phan Thị Hoàng Trang	11/6/2013 11:33:0...
2	Hô hấp	Tự đến	Nhiễm shigella do Shigella boydii	1	0		Test	0600	Tiếp nhận	Võ Tấn Cảnh	1/7/2013 9:37:0...
3		Tự đến	Bệnh tả do Vibrio cholerae 01, sinh t...	1	0		Test	0600	Tiếp nhận	Trần Thị Chới (tân)	26/2/2015 1:53:...
4		Tự đến	Thương hàn và phổ thương hàn	1	0		Test	0600	Tiếp nhận	Phan Thị Hoàng Trang	5/7/2013 3:01:0...
5		Tự đến	Viêm dạ dày và tả trắng	1	0		Test	0600	Tiếp nhận	Phan Thị Hoàng Trang	5/7/2013 2:04:0...
6	Mắt	Tự đến	Viêm dạ dày và tả trắng	1	0		Test	0600	Tiếp nhận	Phan Thị Hoàng Trang	9/7/2013 5:05:0...
7	Mắt	Tự đến	Lẹo và chớp	1	0		Test	0600	Tiếp nhận	Phan Thị Hoàng Trang	10/7/2013 1:35:...
8	Hô hấp	Tự đến	Bệnh tả, không xác định	1	0		ngoại 1	0600	Tiếp nhận	Phan Thị Hoàng Trang	24/7/2013 3:17:...
9	Mắt	Tự đến	Lẹo và chớp	1	0		Test	0600	Tiếp nhận	Hà Thanh Yến Trang	13/8/2013 9:00:...
10	Mắt	Tự đến	Ho gà	1	0		Test	0600	Tiếp nhận	Hà Thanh Yến Trang	13/8/2013 9:07:...
11	Mắt	Tự đến	Lẹo và chớp	1	0		Test	0600	Tiếp nhận	Phan Thị Hoàng Trang	14/8/2013 8:45:...
12	Mắt	Tự đến	Lẹo và viêm sâu khác của mí mắt	1	0		Test	0600	Tiếp nhận	Phan Thị Hoàng Trang	14/8/2013 8:47:...
13	Mắt	Tự đến	Bệnh tả, không xác định	1	0		Test	0600	Tiếp nhận	Ngọc Anh	16/6/2015 12:17:...
TỔNG SỐ : 68											
Chon											
Lâm tươ											
Export											
Trở về											

II.2.2.3. Toa thuốc mẫu theo bác sĩ/ phòng khám/ theo phát đồ điều trị

☐ Mô tả chức năng

- ✓ Cho phép định nghĩa toa thuốc chuẩn theo bác sĩ, phòng khám, toa theo phát đồ điều trị.
- ✓ Hỗ trợ phím tắt cho phép lấy toa mẫu nhanh khi khám bệnh

☐ Mô tả màn hình

Toa thuốc chuẩn

Từ ngày đến ngày ☒ 5 Toa ☐ Theo ngày ☐ Filter lưới

Khoa Bệnh

Toa thuốc

	Ngày	Tên toa	Bệnh	Ghi	Chọn
1	15/05/2015	Nhiễm	Nhiễm amíp ở vị trí khác		☐
2	26/07/2013	Tã	Thương hàn và phó thương hàn		☐

Toa thuốc chi tiết Tiện ích nhập y lệnh chi tiết (Alt+Y)

	Tên thuốc	Số lần	Ngày	Số ngày	Tổng	ĐVT	Đơn giá	Tổng giá
1	Băng dán Optiskin 100mm x 70mm	1	1	1	1	Miếng	8000	7999
2	(1/6/14) (Thẩm mỹ) Hút mỡ hông 1 bên: siêu âm h...	1	1	1	1	Lần	0	
3	Kupitral 100mg (Itraconazol)	1	3	7	21	Viên	9900	2079
4	(DV) Điện từ trường (YHDT-QĐ 177/2002)	1	1	1	1	Lần	8000	8000
*								

Lọc Thêm toa Lưu Bỏ qua Xóa Thoát

II.2.2.4. Ra chỉ định cận lâm sàng

- Hỗ trợ ra chỉ định cận lâm sàng theo nhóm.

Dịch vụ cận lâm sàng

Tìm kiếm ☒ Danh sách ☐ Đã chỉ định

Tên nhóm	
Tất cả các nhóm	☐ (1/6/2014) XQ số hóa 1 phim xương bả vai (thẳng - nghiêng) (C1.2.6/16 - TT 04)
CT Scan	☐ (15/04/12) Chụp xương bả vai (1 tư thế hoặc 2 tư thế) (số hóa 1 phim)
XÉT NGHIỆM ĐỘC CHẤT...	☐ (DV) XQ kỹ thuật số (CR) xương bả vai (thẳng)
ECG	☐ (DV) XQ kỹ thuật số xương bả vai (thẳng - nghiêng)
Giải phẫu bệnh lý	☐ (DV) XQ xương bả vai
MRI	☐ (YC) (1/6/2014) XQ số hóa 1 phim xương bả vai (thẳng - nghiêng) (C1.2.6/16 - TT 04)
Nội soi	☐ XQ kỹ thuật số (CR) xương bả vai (nghiêng)
Thăm dò chức năng	☐ XQ kỹ thuật số gián tiếp (CR) xương bả vai (thẳng - nghiêng)
Siêu âm	☒ XQ xương bả vai
Xét nghiệm	☐ XQ xương bả vai (nghiêng)
X quang	

In Đóng

- Hỗ trợ ra chỉ định nhiều lần
- Cho phép in chỉ định theo từng nhóm



200 Lý Thường Kiệt, P14, Q10

Điện thoại: 08.8656744- 08.8642750



Họ tên:Nguyễn Thúc Bội Anh

Số tiếp nhận: 140909-00001

PHIẾU YÊU CẦU X QUANG NGOẠI TRÚ

Họ tên người bệnh : Lê Tấn Minh

Tuổi : 28 Giới tính : Nam

Địa chỉ : 60/24,Dương Đức Hiền,10,Tp.Hồ Chí Minh

Số BHYT : 12345678909876543210

Khoa : Tiêu hóa, thận, tiết niệu

Chẩn đoán : Tả

Yêu cầu	Số lượng	Nơi thực hiện
1. XQ xương bả vai	1	Phòng 1

BS ĐIỀU TRỊ

16/06/2015 15:04

Nguyễn Thúc Bội Anh

II.2.2.5. Xem kết quả xét nghiệm

- Cho bác sĩ xem nhanh kết quả xét nghiệm khi phòng xét nghiệm đã thực hiện xong

☐ Giao diện



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Họ tên: CAO THỊ XUÂN

Năm sinh: 1932

Giới: Nữ

Khoa: MẮT

Giường:

Đối tượng: Miễn Phí

BS chỉ định: BS TRẦN T BÍCH SƠN

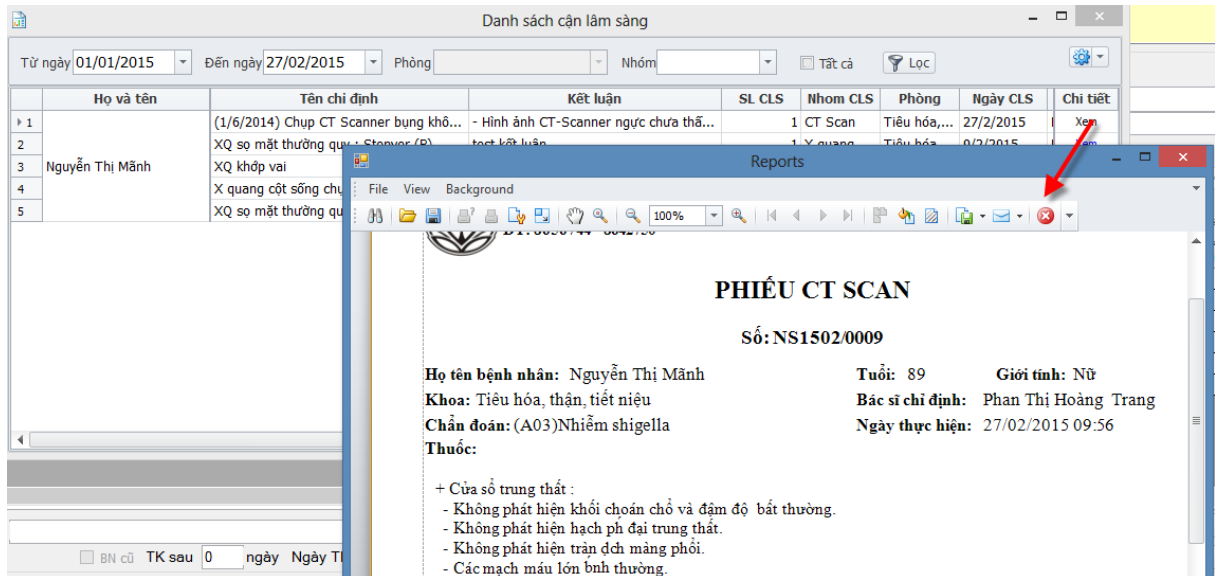
Chẩn đoán:

Tên xét nghiệm	Kết quả	Đơn vị	Trị số tham chiếu
Huyết học			
Huyết đồ			
WBC	8.13	K/ μ L	(4.4 - 10.8)
NEU#	3.53		(2.0 - 6.9)
NEU%	43.4	%	(49.0 - 72.0)
LYM#	3.51		(0.6 - 3.4)
LYM%	43.2	%	(20.0 - 42.2)
MONO#	0.49		(0.0 - 0.9)
MONO%	6.0	%	(0.0 - 12)
EOS#	0.49		(0.0 - 0.7)
EOS%	6.0	%	(0.0 - 7)
BASO#	0.11		(0.0 - 0.2)
BASO%	1.4	%	(0.0 - 2.5)
RBC	4.37	M/ μ L	(Nữ 3.8 - 5.4; Nam 4.3 - 5.8)
HGB	12.3	g/dL	(Nữ 12 - 14.5; Nam 13 -16.3)
HCT	37.9	%	(Nữ 35 - 48 ; Nam 38 - 50)

II.2.2.6. Xem kết quả cận lâm sàng

- Cho bác sĩ xem nhanh kết quả cận lâm sàng tại phòng khám
- Có thể xem theo bệnh nhân, xem theo phòng khám

❑ Giao diện



II.2.2.7. Xem bệnh sử

- Cho bác sĩ xem bệnh sử của bệnh nhân

❑ Giao diện

BỆNH SỬ

Từ ngày: 16/6/2012 1:46:18PM Đến ngày: 16/6/2015 1:46:18PM

Họ Tên: Nguyễn Thị Mảnh Tuổi: 89 Phái: Nữ Số BHYT: TC779000230002679026

Địa Chỉ bệnh nhân: 12/25 Nguyễn Văn Xăng F. Tân Thới I Tân phú Tp.Hồ Chí Mã YT: 70131108026080

STT	Ngày KB	Phòng Khám	MD-HA-NT-ND	CLS	Chẩn đoán		Chỉ Định	Bác Sĩ
					Tuyến dưới	Khoa Khám		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	3/2/15 9:19 am	Tiêu hóa, thận, tiết niệu	22,22,18,37			Thương hàn	(DV) Siêu âm Doppler màu tuyến giáp 1 lần; (DV) Siêu âm Doppler màu tuyến mang tai 1 lần; (DV) Siêu âm tuyến mang tai 1 lần; XQ sọ mặt thường quy: Stenver (P) 1 lần; (DV) XQ Răng thường 1 lần	Bùi Cao Mỹ
2	28/11/14 8:49 am	Hô hấp	11,11,18,37			Tả	Bảng askina fix 10cm x 10 m 1 Cuộn; Gôn viên 100gr 1 Gói	Nguyễn Thúc Bội Anh
3	20/11/14 8:46 am	Tiêu hóa, thận, tiết niệu	44,4,184,37			Bệnh tả, không xác định	(1/6/2014) Micro Albumin (C3.2/2 - TT 03) 1 lần; (1/6/2014) BILIRUBIN toàn phần (C5.1 - HHMD/38 - TT 04) 1 lần	Nguyễn Thúc Bội Anh
4	7/11/14 3:41 pm	Tiêu hóa, thận, tiết niệu	33,33,18,37			Bệnh tả, không xác định	(1/6/2014) BILIRUBIN toàn phần (C5.1 - HHMD/38 - TT 04) 1 lần	Bùi Cao Mỹ
5	26/8/14 8:50 am	Tiêu hóa, thận, tiết niệu	33,33,18,37			Tả	(YC) Định lượng yếu tố đông máu (Yếu tố II) 1 lần; (YC) Định lượng yếu tố đông máu (Yếu tố V)	Nguyễn Thị

II.2.2.8. Nhập xuất viện

- Chức năng này cho phép tạo hồ sơ nhập viện, phần mềm sẽ phát sinh số hồ sơ bệnh án dùng xuyên suốt đợt điều trị nằm viện của bệnh nhân cho đến khi xuất viện.

❑ Giao diện

Danh sách bệnh nhân đã nhập viện, chưa xuất viện

Số tiếp nhận	Họ tên	Khoa vào	Tuổi	Khoa hiện tại	Số BHYT	Phái
130700001	Nguyễn Thiện Đàm	Ngoại 1 (Ngoại tổng quát)	28			Nam
130700002	Nguyễn Thị Kim Trần	Ngoại 1 (Ngoại tổng quát)	45			Nữ

XuatVien

Số tiếp nhận: 130821-00001 Mã y tế: 008TV130800002 Số vào viện: 13/000006

Họ tên: Võ Thị Ngọc Thanh Tuổi: 25 Giới tính: Nữ Sửa TT BN

Địa chỉ: 106/7b Hòa Bình, Hòa Thạnh TT Nhập/xuất

Thông tin nhập viện

Ngày vào viện: 15/08/2013 ICD vào viện 1: 0000 Không có

Khoa vào: Cấp cứu Tổng hợp ICD vào viện 2: 0000 Không có

Thông tin xuất viện **Thông tin tử vong** **Chuyển viện**

Ngày xuất viện: 21/08/2013 15:59 ICD xuất viện 1: A00.9 Bệnh tà, không xác định

Khoa cho ra: Cấp cứu Tổng hợp ICD xuất viện 2: 0000 Không có

Các khoa, phòng đã chuyển: ☐ Đã trả hồ sơ

☐ Cấp cứu Tổng hợp ☐ Ngoại 1 (Ngoại tổng quát)

☐ Hô hấp ☐ Ngoại 2 (Thận - Tiết niệu)

☐ HS-CC ☐ Nhiễm

☐ Liên chuyên khoa ☐ Phòng khám

P.pháp điều trị: B.sĩ điều trị:

Lời dặn:

Kết quả điều trị: Xin về hấp hối Kết quả ra viện: Nặng hơn Khoa chỉ tiêu: Cấp cứu Tổng hợp

Giải phẫu: Ghi chú:

Thêm Lưu Bỏ qua Xem Sửa Xóa In Thoát

II.2.2.9. Quản lý danh sách nhập xuất viện

- Dùng để xem nhanh những bệnh nhân đã nhập viện, chưa nhập viện, đã xuất viện.
- Chức năng này hỗ trợ giải đáp thông tin cho người bệnh.

☐ Giao diện

Danh sách bệnh nhân đã nhập viện, chưa xuất viện

	Số vào vi...	Mã y tế	Số tiếp nhận	Họ tên	Khoa vào	Tuổi	Khoa hiện tại	Số BHYT	Phái	Quả...	Tỉnh, Thà...	Ngày vào vi...	Ngày xuất...
1	10/039019	008TV101201606	101215-00001	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Cấp cứu Tổng hợp	48.00	Phòng mổ - Hậu phẫu	HN460079020004360015	Nữ	Tân phú	Tp.Hồ Chí M...	15/12/2010	15/12/2010
2	10/039829	008TV101202416	101222-00745	Phan Thị Tú Trinh	Sản	37.00	Sản		Nữ	Bình C...	Tp.Hồ Chí M...	22/12/2010	22/12/2010
3	10/039935	008TV101202522	101223-00796	Dương Thị Mỹ	Cấp cứu Tổng hợp	80.00	Phòng mổ - Hậu phẫu		Nữ	Sóc Tr...	T.Hồ Chí M...	23/12/2010	23/12/2010
4	10/039942	008TV101202529	101223-00843	Vũ Trung Dũng	Cấp cứu Tổng hợp	24.00	Ngoại 1 (Ngoại tổng quát)		Nam	12	Tp.Hồ Chí M...	23/12/2010	23/12/2010
5	10/040147	008TV101202734	101225-00023	Nguyễn Thị Ngọc Loan	Ngoại 1 (Ngoại tổng quát)	43.00	Tiếp nhận		Nữ	Bà Rịa...	T.Bà Rịa V...	25/12/2010	25/12/2010
6	10/040160	008TV101202747	101225-00043	Nguyễn Tráng	Thần kinh	91.00	Thần kinh		Nam	Tân Bình	Tp.Hồ Chí M...	25/12/2010	25/12/2010
7	10/039945	008TV101202532	101223-00986	Phạm Thị Nghiê	Cấp cứu Tổng hợp	54.00	Thần kinh	DN779162060034879059	Nữ	Hóc Môn	Tp.Hồ Chí M...	23/12/2010	23/12/2010
8	10/039969	008TV101202556	101223-01114	Nguyễn Văn Ngà	Cấp cứu Tổng hợp	46.00	Ngoại 1 (Ngoại tổng quát)		Nam	Tân Bình	Tp.Hồ Chí M...	23/12/2010	23/12/2010
9	10/039985	008TV101202572	101223-01140	Nguyễn Văn Bút	Cấp cứu Tổng hợp	69.00	Tiểu hóa	GD779120100193579026	Nam	10	Tp.Hồ Chí M...	23/12/2010	23/12/2010
10	10/040142	008TV101202729	101225-00015	Phạm Thị Thủy Hằng	Sản	34.00	Sản	HC779180100000179026	Nữ	Bình Tân	Tp.Hồ Chí M...	25/12/2010	25/12/2010
11	10/040153	008TV101202740	101225-00032	Ngô Thị Khai	Cấp cứu Tổng hợp	67.00	Cấp cứu Tổng hợp	CH679000142610579035	Nữ	Gò Vấp	Tp.Hồ Chí M...	25/12/2010	25/12/2010
12	10/040156	008TV101202743	101225-00038	Phạm Thị Phí	Ngoại 1 (Ngoại tổng quát)	50.00	Ngoại 1 (Ngoại tổng quát)		Nữ	12	Tp.Hồ Chí M...	25/12/2010	25/12/2010
13	10/040174	008TV101202761	101225-00069	Trương Thị Thủy Loan	Tổng quát	28.00	Tổng quát	DN779138530000379026	Nữ	11	Tp.Hồ Chí M...	25/12/2010	25/12/2010
14	10/040178	008TV101202765	101225-00071	Trần Văn Công	Tiểu hóa	68.00	Tiểu hóa		Nam	Tân phú	Tp.Hồ Chí M...	25/12/2010	25/12/2010
15	10/040185	008TV101202772	101225-00080	Kph HQuyen	Cấp cứu Tổng hợp	25.00	Ngoại 1 (Ngoại tổng quát)	HS779000250137479033	Nam	Tân Bình	Tp.Hồ Chí M...	25/12/2010	25/12/2010
16	10/040198	008TV101202785	101226-00004	Võ Văn Hiếu	Cấp cứu Tổng hợp	27.00	Phòng mổ - Hậu phẫu		Nam	Tân Bình	Tp.Hồ Chí M...	26/12/2010	26/12/2010
17	10/039955	008TV101202542	101223-01095	Trương Quang	Cấp cứu Tổng hợp	46.00	Khoa Bỏng - Chấn thương c...		Nam	11	Tp.Hồ Chí M...	23/12/2010	23/12/2010
18	10/039982	008TV101202569	101223-01135	Võ Hoàng Danh	Nhiễm	38.00	Nhiễm		Nam	Long An	T.Long An	23/12/2010	23/12/2010
19	10/040144	008TV101202731	101225-00017	Nguyễn Trung Thành	Nhiễm	33.00	Nhiễm		Nam	12	Tp.Hồ Chí M...	25/12/2010	25/12/2010
20	10/040146	008TV101202733	101225-00022	Phạm Văn Sĩ	Tiểu hóa	51.00	Tiểu hóa		Nam	Hóc Môn	Tp.Hồ Chí M...	25/12/2010	25/12/2010
21	10/040175	008TV101202762	101225-00066	Nguyễn Thanh Long	Tim mạch	55.00	Tim mạch	GD779130110033979026	Nam	11	Tp.Hồ Chí M...	25/12/2010	25/12/2010

Danh sách bệnh nhân đã xuất viện														
Số vào vi...	Mã y tế	Số tiếp nhận	Họ tên	Tuổi	Phái	Quận, Huyện	Tỉnh, Thành	Ngày vào viện	Ngày xuất v...	ICD nhập...	ICD ra viện	Kết quả DT	Khoa ra	Số BI
19	10/039049	008TV101201636	101215-00579	Nguyễn Thị Kim Tuyến	74.00	Nữ	10	Tp.Hồ Chí Minh	15/12/2010	16/12/2010	H25	H25.8	Khỏi	Khoa Mắt
20	10/039052	008TV101201639	101215-00058	Nguyễn Văn Thu	72.00	Nam	12	Tp.Hồ Chí Minh	15/12/2010	20/12/2010	J90	J44.1	Đỡ, giảm	Hô hấp
21	10/039053	008TV101201640	101215-00522	Tất Liên	84.00	Nữ	11	Tp.Hồ Chí Minh	15/12/2010	21/12/2010	I20.0	I10	Đỡ, giảm	Tim mạch
22	10/039055	008TV101201642	101215-00048	Đặng Thị Mộng Hằng	40.00	Nữ	10	Tp.Hồ Chí Minh	15/12/2010	22/12/2010	N83.2	D27	Khỏi	Sản
23	10/039057	008TV101201644	101215-00736	Đỗ Văn Chính	73.00	Nam	Bình Thuận	T.Bình Thuận	15/12/2010	16/12/2010	H40	H40	Khỏi	Khoa Mắt
24	10/039063	008TV101201650	101215-00722	Huỳnh Thoại Kiến	85.00	Nam	11	Tp.Hồ Chí Minh	15/12/2010	16/12/2010	H25	H25.8	Khỏi	Khoa Mắt
25	10/039064	008TV101201651	101215-00641	THÔNG A BẢO	65.00	Nam	6	Tp.Hồ Chí Minh	15/12/2010	16/12/2010	H25	H25.8	Khỏi	Khoa Mắt
26	10/039067	008TV101201654	101215-00650	TRẦN NGỌC PHƯỚC	53.00	Nam	Bình Thuận	T.Bình Thuận	15/12/2010	16/12/2010	H25	H25.8	Khỏi	Khoa Mắt
27	10/039068	008TV101201655	101215-00674	Võ Thị Nhân	69.00	Nữ	Bình Thuận	T.Bình Thuận	15/12/2010	16/12/2010	H11	H11.0	Khỏi	Khoa Mắt
28	10/039069	008TV101201656	101215-00656	LÊ HỮU HUỆ	72.00	Nam	Bình Thuận	T.Bình Thuận	15/12/2010	16/12/2010	H25	H25.8	Khỏi	Khoa Mắt
29	10/039073	008TV101201660	101215-00713	Lê Văn Thanh	63.00	Nam	Bình Thuận	Tp.Hồ Chí Minh	15/12/2010	16/12/2010	H25	H25.8	Khỏi	Khoa Mắt
30	10/039075	008TV101201662	101215-00747	Đồng Quang Vinh	35.00	Nam	Thủ Đức	Tp.Hồ Chí Minh	15/12/2010	17/12/2010	G40	G40	Đỡ, giảm	Thần kinh
31	10/039076	008TV101201663	101215-00784	Đỗ Thị Tin	58.00	Nữ	Hóc Môn	Tp.Hồ Chí Minh	15/12/2010	17/12/2010	H81	H81.9	Đỡ, giảm	Khu chẩn đoán đ...
32	10/039077	008TV101201664	101215-00716	Trần Thị Ca	84.00	Nữ	5	Tp.Hồ Chí Minh	15/12/2010	16/12/2010	H25	H25.8	Khỏi	Khoa Mắt
33	10/039078	008TV101201665	101215-00693	Nguyễn Thị Ngọc Lê Diễm	34.00	Nữ	Bình Tân	Tp.Hồ Chí Minh	15/12/2010	20/12/2010	L50	T78.4	Đỡ, giảm	Tổng quát
34	10/039079	008TV101201666	101215-00715	Lê Thị Đan	80.00	Nữ	Tiền Giang	T.Tiền Giang	15/12/2010	16/12/2010	H25	H25.8	Khỏi	Khoa Mắt
35	10/039080	008TV101201667	101215-00726	Nguyễn Thị Ích	79.00	Nữ	Bình Thuận	T.Bình Thuận	15/12/2010	16/12/2010	H25	H25.8	Khỏi	Khoa Mắt
36	10/039082	008TV101201669	101215-00655	Kiều Thị Lệ Hằng	27.00	Nữ	Bình Chánh	Tp.Hồ Chí Minh	15/12/2010	20/12/2010	O80	O80	Khỏi	Sản
37	10/039084	008TV101201671	101215-00676	Nguyễn Thị LIÊN	58.00	Nữ	Bình Thuận	T.Bình Thuận	15/12/2010	16/12/2010	H11	H11.0	Khỏi	Khoa Mắt
38	10/039085	008TV101201672	101215-00664	KIỀU THỊ HUYNH	57.00	Nữ	Bình Thuận	T.Bình Thuận	15/12/2010	16/12/2010	H11	H11.0	Khỏi	Khoa Mắt
39	10/039086	008TV101201673	101215-00698	Nguyễn Thị Liễu	56.00	Nữ	Bình Thuận	T.Bình Thuận	15/12/2010	16/12/2010	H11	H11.0	Khỏi	Khoa Mắt
40	10/039087	008TV101201674	101215-00720	Trần Lục	79.00	Nam	Bình Thuận	T.Bình Thuận	15/12/2010	16/12/2010	H25	H25.8	Khỏi	Khoa Mắt

II.2.2.10. Bệnh án ngoại trú

❑ Mô tả chức năng

- ✓ Dùng để lập và theo dõi điều trị ngoại trú.
- ✓ Mỗi bệnh nhân có bệnh án ngoại trú tại từng khoa riêng
- ✓ Tự động lấy thông tin từ khám bệnh
- ✓ Tự động lấy dữ liệu bác sĩ kê đơn, đơn thuốc, chuẩn đoán, kết quả
- ✓ Báo cáo hồ sơ bệnh án chi tiết

❑ Giao diện

Bệnh án ngoại trú Khoa: Nội tiết - Tổng hợp Mã y tế: NT14/05/6401 Số N trú: 1417866 Số tiếp nhận: 140520-01571			
Hành chính Họ và tên: Nguyễn Thị Tuyết Năm sinh: 1960 Giới tính: ☒ Nam ☐ Nữ Nghề nghiệp: Nội trợ Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam Địa chỉ: 240/17 Trường Chinh F13 (CSL2) Quận (H.T): Tân Bình Nơi làm việc: Tân Bình Đối tượng: Bảo hiểm y tế BHYT giá trị từ: 01/03/2014 Đến: 28/02/2015 Số thẻ BHYT: GD779070040595879C Ngày giờ đến: 13:51, 20/05/2014 Chẩn đoán nơi GT: Người liên hệ:			
Hỏi bệnh Khám bệnh Tổng kết bệnh án Lý do vào viện: tái khám Quá trình bệnh lý: bệnh nhân đang điều trị đái tháo đường Tiền sử: - Bản thân: đái tháo đường - Gia đình: bình thường			
Thêm Lưu Bỏ qua Xem Sửa Xóa In Thoát			

Bệnh án ngoại trú

Khoa: Nội tiết - Tổng hợp Mã y tế: NT14/05/6401 Số N trú: 1417866 Số tiếp nhận: 140520-01571

Hành chính

Họ và tên: Nguyễn Thị Tuyết Năm sinh: 1960 ☒ Nam ☐ Nữ

Nghề nghiệp: Nội trợ Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ: 240/17 Trường Chinh F13 (CSL2) Quận (H.T): Tân Bình

Nơi làm việc: tân bình Đối tượng: Bảo hiểm y tế

BHYT giá trị từ: 01/03/2014 Đến: 28/02/2015 Số thẻ BHYT: GD779070040595879C

Ngày giờ đến: 13:51, 20/05/2014 Chẩn đoán nơi GT: Người liên hệ:

Hỏi bệnh Khám bệnh Tổng kết bệnh án

Thông tin khám bệnh TT Khám bệnh

Ngày	Khám bệnh chi tiết	Chi tiết thuốc	Các chỉ số
1 16/06/2015 14:43	Khám toàn thân	tình ,tiếp xúc tốt	Cân nặng (kg)
2 25/04/2015 09:04	Các bộ phận	tim đều,bụng mềm,phổi trong	Chiều cao (cm)
3 10/04/2015 15:13	Kết quả CLS		Nhiệt độ 37 (độ C)
4 18/03/2015 14:37	Chẩn đoán ban đầu	Đái tháo đường+tăng huyết áp	Huyết áp 90/60 (mmHg)
5 06/02/2015 15:35	Mã ICD ban đầu	E149 - Đái tháo đường	Nhịp thở 18 (lần/phút)
6 24/11/2014 14:28	Mã ICD phụ	I10 - Tăng huyết áp vô căn (nguyên p...	Mạch 80 (lần/phút)
7 25/09/2014 14:49	Đã xử lý	nội khoa	
8 10/09/2014 15:31	Điều trị từ	16/06/2015 đến 03/07/2015	Bác sĩ KB Nguyễn Thanh Hải

Thêm **Lưu** **Bỏ qua** **Xem** **Sửa** **Xóa** **In** **Thoát**

Bệnh án ngoại trú

Khoa: Nội tiết - Tổng hợp Mã y tế: NT14/05/6401 Số N trú: 1417866 Số tiếp nhận: 140520-01571

Hành chính

Họ và tên: Nguyễn Thị Tuyết Năm sinh: 1960 ☒ Nam ☐ Nữ

Nghề nghiệp: Nội trợ Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ: 240/17 Trường Chinh F13 (CSL2) Quận (H.T): Tân Bình

Nơi làm việc: tân bình Đối tượng: Bảo hiểm y tế

BHYT giá trị từ: 01/03/2014 Đến: 28/02/2015 Số thẻ BHYT: GD779070040595879C

Ngày giờ đến: 13:51, 20/05/2014 Chẩn đoán nơi GT: Người liên hệ:

Hỏi bệnh Khám bệnh Tổng kết bệnh án

Số K.bệnh : 0276807-15 | Phòng khám : Nội tiết - Khớp B TT Khám bệnh

Ngày	Khám bệnh chi tiết	Chi tiết thuốc
1 16/06/2015 14:43		
2 25/04/2015 09:04		
3 10/04/2015 15:13		
4 18/03/2015 14:37		
5 06/02/2015 15:35		
6 24/11/2014 14:28		
7 25/09/2014 14:49		
8 10/09/2014 15:31		

Tên thuốc	Mỗi lần	Ngày ...	Số ngày	Tổng cộng	Cách dùng
1 Mixtard 30 flexpen 100IU/ml 3ml (1 bút ...	25	2	17	3	Tiêm da
2 Telmisartan 40mg (Telmisartan)	1	1	17	17	Uống
3 Herbesser 60mg(Diltiazem HCl)	0.5	2	17	17	Uống
4 Metformin Savi 500 (Metformin)	1	2	17	34	Uống

Thêm **Lưu** **Bỏ qua** **Xem** **Sửa** **Xóa** **In** **Thoát**

Bệnh án ngoại trú

Khoa: **Nội tiết - Tổng hợp** Mã y tế: **NT14/05/6401** Số N trú: **1417866** Số tiếp nhận: **140520-01571**

Hành chính

Họ và tên: **Nguyễn Thị Tuyết** Năm sinh: **1960** ☒ Nam ☐ Nữ

Nghề nghiệp: **Nội trợ** Dân tộc: **Kinh** Quốc tịch: **Việt Nam**

Địa chỉ: **240/17 Trường Chinh F13 (CSL2)** Quận (H.T): **Tân Bình**

Nơi làm việc: **tân bình** Đối tượng: **Bảo hiểm y tế**

BHYT giá trị từ: **01/03/2014** Đến: **28/02/2015** Số thẻ BHYT: **GD779070040595879C**

Ngày giờ đến: **13:51, 20/05/2014** Chẩn đoán nơi GT: Người liên hệ:

Hỏi bệnh | Khám bệnh | Tổng kết bệnh án

QT b. lý & diễn biến LS:

KQ Xét nghiệm cận LS:

Chẩn đoán ra viện: **Đái tháo đường-tăng huyết áp**

Mã ICD ra viện: **E149 - Đái tháo đường**

Mã ICD ra viện phụ: **I10 - Tăng huyết áp vô căn (nguyên phát)**

Phương pháp điều trị: **nội khoa**

Kết quả điều trị: **Chưa xuất viện** Tình trạng ra viện:

Hướng điều trị: **uống thuốc theo toa , tái khám**

Thêm | Lưu | Bỏ qua | Xem | Sửa | Xóa | In | Thoát

Xem

Find Clear

	Mã Y Tế	Số N.Trú	Tên Bệnh Nhân	Năm sinh	Phòng Khám	Kết quả đi...	Địa chỉ	Q...	Số BHYT	NgàyDT	CreateTime
1	T14/05/3778	1415243	Nguyễn Thị Ngọc Sương	1948	Tim mạch	Chưa xuất viện	445/61 Lạc Lon...	11	GD779130021570579026	22	13/05/2014 15:0
2	T14/05/5486	1416951	Phạm Thị Tân	1942	Khám bệnh	Chưa xuất viện	86/76 Âu Cơ P.9	Tân...		31	16/05/2014 15:1
3	T14/06/1212	1420601	Nguyễn Tuấn Kiệt	1943	Nội tiết - Tổng hợp	Chưa xuất viện	31/29/7 Đất Th...	Tân...	GD779070111044579026	1	09/06/2014 12:5
4	T14/06/2105	1421494	Nguyễn Văn Thịnh	1940	Khám bệnh	Chưa xuất viện	150 Ni Sư Huyn...	Tân...	GD779070101194179026	22	13/06/2014 13:5
5	T14/12/0060	1443731	NGÔ VĂN CHỈNH	1957	Khoa Hô hấp	Chưa xuất viện	1A ĐƯỜNG 27,...	Tân...	GD779080030891979026	31	01/12/2014 13:1
6	T15/01/0447	1500447	Nguyễn Văn Hoàn	1948	Tim mạch	Chưa xuất viện	27/2a Trung M...	12	HT579020060024879026	22	06/01/2015 07:5
7	T15/01/0477	1500477	Huỳnh Hà Thống	1953	Khám bệnh	Chưa xuất viện	27 Đường Số 1...	6	DN479084430004679026	22	06/01/2015 08:4
8	T15/01/0481	1500481	Nguyễn Ngọc Truyền	1941	Khám bệnh	Chưa xuất viện	378 Hàn Hải Ng...	11	GD479000110392679026	22	06/01/2015 08:5
9	T15/01/0540	1500540	Trần Thị Huệ	1943	Khám bệnh	Chưa xuất viện	304/59 Trường...	Tân...	GD779070040740479026	18	06/01/2015 10:4
10	T15/01/0625	1500625	Nguyễn Thị Quang Luyện	1938	Nội tiết - Tổng hợp	Chưa xuất viện	67/1b Thới Tây...	Hóc...	GD479210021146379026	15	06/01/2015 12:3
11	T15/01/0701	1500701	Nguyễn Thanh Quyền	1960	Khám bệnh	Chưa xuất viện	911/25/6 Lạc L...	Tân...	GD479070070889579026	23	06/01/2015 13:2
12	T15/01/0730	1500730	Trần Đức Thắng	1955	Khám bệnh	Chưa xuất viện	56/11 Nguyễn ...	3	GD779110101275779026	19	06/01/2015 13:3
13	T15/01/0731	1500731	Trần Thị Hạnh Phúc	1952	Khám bệnh	Chưa xuất viện	31/25 Đường K...	Tân...	GD779070031080079026	22	06/01/2015 13:3
14	T15/01/0853	1500853	Phạm Hồng Liên	1950	Tim mạch	Chưa xuất viện	22 Vườn Lan F10	Tân...	HT579070100017079026	22	06/01/2015 14:4
15	T15/01/0860	1500860	Vũ Văn Sách	1955	Khám bệnh	Chưa xuất viện	159 Nghĩa Phát...	Tân...	GD779070111415679026	22	06/01/2015 14:5
16	T15/01/0897	1500897	Nguyễn Văn Long	1945	Tim mạch	Chưa xuất viện	137/11 Tân Hư...	Tân...	GD779080041860279026	22	06/01/2015 15:1
17	T15/01/1002	1501002	PHẠM THỊ MINH HUÔNG	1945	Tim mạch	Chưa xuất viện	125 KP1 P. TÃ...	12	GD779020110815779026	21	07/01/2015 07:3
18	T15/01/1333	1501333	Nguyễn Quốc Triệu	1950	Tim mạch	Chưa xuất viện	1 C/X TRIỆU Đ...	10	HT279120710071679026	22	07/01/2015 12:5
19	T14/05/1596	1413061	Lưu Thị Mai*	1964	Tim mạch	Chưa xuất viện	571/30 Cách M...	10	DN779500940012779026	19	08/05/2014 11:4
20	T14/11/3321	1442265	Dương Thị Nguyệt Hồng	1956	Khám bệnh	Chưa xuất viện	Pp10 Ba Vĩ Cư ...	10	GD779120011417579026	8	19/11/2014 11:0
21	T14/11/3417	1442361	Nguyễn Thị Bánh	1942	Khám bệnh	Chưa xuất viện	6 Ấp 6 Vĩnh Lộc B	Bìn...	GD779220040907579026	22	19/11/2014 14:4
22	T15/01/0462	1500462	Nguyễn Thị THÚY LAN	1972	Tim mạch	Chưa xuất viện	14/22D DÃN T...	Hóc...	GD779210051161179026	22	06/01/2015 08:2
23	T15/01/0510	1500510	Nguyễn Văn Phụng	1956	Tim mạch	Chưa xuất viện	10/4 Kp4 Tân C...	12	GD779020050585779026	22	06/01/2015 10:1

Điều kiện lọc: Từ ngày: **16/06/2015** đến: **16/06/2015** **Lọc**

Tổng số: **1220** **Xem | Chọn | Xóa | In toa | Làm mẫu | N.vu | Export | Trở về**

❑ Quy trình thực hiện

- ✓ Đăng ký trên khám bệnh xong chọn Bệnh án ngoại trú.

- ✓ Hoặc vào Bệnh án ngoại trú trực tiếp từ màn hình trang chủ.
- ✓ Nhập mã số y tế hoặc số tiếp nhận (Nếu từ màn hình khám bệnh thì không cần).
- ✓ Dữ liệu khám bệnh sẽ tự động lấy bên khám bệnh nếu số tiếp nhận đã có khám.
- ✓ Mỗi bệnh án ngoại trú có thể có nhiều lần khám bệnh trong cùng 1 khoa(Nếu chưa điều trị xong thì lần khám bệnh sau sẽ tự động đưa vào bệnh án ngoại trú cũ)
- ✓ Xuất báo cáo bệnh án ngoại trú cho bệnh nhân

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH BV. CẤP CỨU TRUNG ƯƠNG		BỆNH ÁN NGOẠI KHOA Phòng khám		Số ngoại trú: 1400001 Số lưu trữ Mã YT: NT14/07/0001										
I. HÀNH CHÍNH:														
1. Họ và tên: HÀ THỊ MẬT		2. Sinh ngày: ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐		Tuổi: ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐										
3. Giới: 1. Nam ☐ 2. Nữ ☒		4. Nghề nghiệp: Công nhân		☐ ☐ ☐ ☐										
5. Dân tộc: Kinh		6. Ngoại kiều: ☐		☐ ☐ ☐ ☐										
7. Địa chỉ: 10/21 ngã tư phía F.6 Huyện (Q.Tx): Tân Bình		Xã, phường: ☐ ☐		Tỉnh, thành phố: Tp.Hồ Chí Minh ☐ ☐										
8. Nơi làm việc:		9. Đối tượng: 1. BHYT ☐ 2. Thu phí ☐ 3. Miễn ☐ 3. Khác ☐		Số thẻ BHYT: GD779070110317179026										
10. BHYT giá trị đến ngày 31 tháng 1 năm 2011		11. Họ tên, địa chỉ người nhà khi cần báo tin:												
12. Đến khám lúc: 06 giờ 31 phút, ngày 27 tháng 12 năm 2010		13. Chuẩn đoán của nơi giới thiệu: 1. Y tế ☐ 2. Tự đến ☐												
II. LÝ DO VÀO VIỆN: Nhiễm trùng máu														
III. HỒI BỆNH:														
1. Quá trình bệnh lý: không có														
2. Tiền sử bệnh:														
→ Bản thân: bình thường														
→ Gia đình:														
IV. KHÁM BỆNH:														
+ Phòng khám: PKYC Tổng quát A		03/07/2014 09:28												
1. Toán thân:		<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td>Mạch:</td> <td>1 lần/phút</td> </tr> <tr> <td>Nhiệt độ:</td> <td>37 độ C</td> </tr> <tr> <td>Huyết áp:</td> <td>1 mmHg</td> </tr> <tr> <td>Nhịp thở:</td> <td>18 lần/phút</td> </tr> <tr> <td>Cân nặng:</td> <td>Kg</td> </tr> </table>			Mạch:	1 lần/phút	Nhiệt độ:	37 độ C	Huyết áp:	1 mmHg	Nhịp thở:	18 lần/phút	Cân nặng:	Kg
Mạch:	1 lần/phút													
Nhiệt độ:	37 độ C													
Huyết áp:	1 mmHg													
Nhịp thở:	18 lần/phút													
Cân nặng:	Kg													
2. Các bộ phận:														
3. Tóm tắt kết quả cận lâm sàng:														
4. Chuẩn đoán ban đầu: Nhiễm trùng huyết do salmonella														
5. Đã xử lý (Thuốc, chăm sóc):		Mã: A02.1												
6. Chuẩn đoán ra viện: Nhiễm trùng huyết do salmonella		Ngày... tháng... năm...												
7. Điều trị từ ngày: 03/07/2014 đến ngày: 03/07/2014		Bác sĩ khám bệnh												
Giám đốc bệnh viện		Nguyễn Thúc Bội Anh												
Họ và tên:														

II.2.2.11. Các báo cáo phân hệ khám bệnh

- EX.F.1_ In toa thuốc (mẫu BV01)



SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN
 266 Lý Thường Kiệt, P14, Q10
 ĐT : 08.8656744 - 08.8642750
 Website: bvtrungvuongvn

Mã TY: 09072875
 MS : 17D/BV-01
 Số TN: 130709-00005
 Số Phòng Khám : 00

HT579130040009579026



ĐƠN THUỐC BHYT

Họ tên người bệnh : **NGUYỄN THỊ KIM CÚC**

Tuổi : 59 Nữ

Địa chỉ : 418/75 Hồng Bàng, 6, Tp.Hồ Chí Minh

ĐT :

ĐV ĐK BHYT : Quận 11

Chẩn đoán : Viêm dạ dày và tá tràng - (K29)

1 Negacef 500mg (Cefuroxime)

3 viên

Ngày Uống 3 lần

Mỗi lần 1 Viên

(Sáng, trưa, chiều)

Cộng khoản : 1

Ngày 9 tháng 7 năm 2013

Khám chuyên khoa: Mắt

BÁC SĨ KHÁM BỆNH

(DV) Chụp động mạch vành bằng DSA
 [C4.2.5/6 - QĐ 1143/SYT ngày 13/10/2011]
 - 1

X quang cột sống chụp 2 đoạn liên tục -

Bác sĩ : Phan Thị Hoàng Trang

Đã nhận đủ thuốc

Tổng tiền thuốc BHYT: 30,000

- EX.F.2_ In bảng kê viện phí BHYT (mẫu 01/BV)

Sở Y tế: TP. HỒ CHÍ MINH		BẢNG KÊ CHI PHÍ KHÁM, CHỮA BỆNH NGOẠI TRÚ		Mẫu số: 01/BV
BỆNH VIỆN		Số chứng từ: VPPK0000049 /15; DVPK0000049 /15	Số KB: 130709 -00005	
Khoa: Phòng khám			MS BN: 70131109072875	
Họ tên người bệnh: Nguyễn Thị Kim Cúc		Năm sinh: 1956	Giới tính: Nữ	
Địa chỉ: 418/75 Hồng Bàng Q 6 Tp.Hồ Chí Minh				
Mã thẻ BHYT:	[HT579130040009579026]		Giá trị từ: 01/01/2010 đến 31/12/2015	
Cơ sở ĐK KCB ban đầu: Bệnh Viện Trung Vương		Mã số :	[79026]	
Ngày khám bệnh: 9/7/2013	Ngày kết thúc đợt điều trị ngoại trú: 9/7/2013	Tổng số ngày ĐT : 1		
Tái khám sau :				
Số phòng khám: 00 - Tiếp nhận; 08 - Mắt		Khám chuyên khoa: Mắt		
Cấp cứu: ☐	Đúng tuyến : ☒	Nơi giới thiệu:	Trái tuyến : ☐	
Chẩn đoán : (H00) Lẹo và chắp; (K29) Viêm dạ dày và tá tràng				

Nội dung	ĐVT	S.lg	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn thanh toán			
					Quỹ BHYT	Khác	Người bệnh trả	
							Chi phí BHYT	Ngoài DM
CĐ hình ảnh								
1- (DV) Chụp động mạch vành bằng DSA [C4.2.5/6 - QĐ 1143/SYT ngày 13/10/2011]	lần	1	6,000,000	6,000,000	3,800,000		200,000	2,000,000
2- Siêu âm mô mềm	lần	1	20,000	20,000	19,000		1,000	
3- X quang cột sống chụp 2 đoạn liên tục	lần	1	40,000	40,000	38,000		2,000	
Cộng				6,060,000	3,857,000		203,000	2,000,000

Thuốc									
Trong danh mục BHYT									
4- Fastopa 500mg (L-Ornithin - L- aspartat)	ống	1	35,009	35,009	33,259		1,750		
Ngày Nhỏ mắt 3 lần Mỗi lần 1 giọt (Sáng, trưa, chiều)									
5- Negacef 500mg (Cefuroxime)	viên	3	12,500	37,500	35,625		1,875		
Ngày Uống 3 lần Mỗi lần 1 Viên (Sáng, trưa, chiều)									
Cộng			72,509	68,884	3,625				
Tổng cộng:			6,132,509	3,925,884	206,625	2,000,000			

Số tiền ghi bằng chữ: Sáu triệu một trăm ba mươi hai ngàn năm trăm lẻ chín đồng

Tổng chi phí đợt điều trị : 6,132,509

Tổng chi phí BHYT : 4,132,509

Số tiền Quỹ BHYT thanh toán : 3,925,884

Số tiền người bệnh trả : 2,206,625

Bằng chữ: Hai triệu hai trăm lẻ sáu ngàn sáu trăm hai mươi lăm đồng

NGƯỜI LẬP BẢNG KÊ

KẾ TOÁN VIỆN PHÍ

Ngày 16 tháng 06 năm 2015
BÁC SĨ KHÁM BỆNH

Test Tester

Họ tên BHYTVP BHYTVP:

Phan Thị Hoàng Trang

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI BỆNH

Ngày..... Tháng..... Năm.....
GIÁM ĐỊNH BHYT

Họ tên :

Số Lần In : 1

- EX.F.3_ In bệnh sử của bệnh nhân: xem bệnh sử
- EX.F.4_ In chỉ định cận lâm sàng: xem phần in chỉ định cận lâm sàng
- EX.F.5_ Bệnh án ngoại trú – in tờ điều trị

SỞ Y TẾ TP.HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN

TỜ ĐIỀU TRỊ

Mẫu số : 39/BV-01
Số ngoại trú : 1417866

Họ tên người bệnh : **Nguyễn Thị Tuyết**

Tuổi : 55

Giới tính : Nữ

Khoa : Nội tiết - Tổng hợp

Buồng :

Giường :

Chẩn đoán : Đái tháo đường-tăng huyết áp

Ngày giờ	Diễn biến bệnh	Y Lệnh
20/05/2014 15:12	-Mạch:80 H.Áp:120/70 Nhịp thở:18 Nhiệt độ:37 -Khám toàn thân:tình tiếp xúc tốt -Các bộ phận: -Kết quả CLS: -Chẩn đoán ban đầu:Đái tháo đường-tăng huyết áp	- Mixtard 1000 DV/10ml(Human Insulin 30/70 tác dụng kép), 1 Lọ , 23 ngày, Ngày Tiêm dưới da 2 lần, lần 0 Lọ (sáng 23ui chiều 20ui trước ăn 30 phút) - Pyzacar 50mg(Losartan kali), 23 Viên, 23 ngày, Ngày Uống 1 lần, lần 1 Viên (Sáng) - Peruzi 12,5mg(Carvedilol), 23 Viên, 23 ngày, Ngày Uống 2 lần, lần 0.5 Viên (Sáng, chiều)
11/08/2014 15:09	-Mạch:80 H.Áp:120/80 Nhịp thở:18 Nhiệt độ:37 -Khám toàn thân:tình tiếp xúc tốt -Các bộ phận: -Kết quả CLS: -Chẩn đoán ban đầu:Đái tháo đường-tăng huyết áp +hoá hóa khớp gối +viêm da dầy	- Mixtard 1000 DV/10ml(Human Insulin 30/70 tác dụng kép), 1 Lọ , 23 ngày, Ngày Tiêm dưới da 2 lần, lần 0 Lọ (sáng 23ui chiều 20ui trước ăn 30 phút) - Tatanol 500mg(Paracetamol), 30 Viên, 10 ngày, Ngày Uống 3 lần, lần 1 Viên (Sáng, trưa, chiều) - Pyzacar 50mg(Losartan kali), 23 Viên, 23 ngày, Ngày Uống 1 lần, lần 1 Viên (Sáng) - Meverpanzol 40ma(Pantoprazol). 14 Viên. 14 ngày. Ngày

- EX.F.6_ In bệnh án ngoại trú

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN

BỆNH ÁN NGOẠI TRÚ

Khoa: Nội tiết - Tổng hợp

Số ngoại trú: 1417866
Số lưu trữ
Mã YT: NT14/05/6401

I. HÀNH CHÍNH:

1. Họ và tên: NGUYỄN THỊ TUYẾT
2. Năm sinh: 1960
3. Giới: 1. Nam ☐ 2. Nữ ☒
4. Nghề nghiệp: Nội trợ
5. Dân tộc: Kinh
6. Ngoại kiều:
7. Địa chỉ: 240/17 Trường Chinh F13 (CSL2)
Xã phường: 00000
Huyện (Q. Tx): Tân Bình 70127
Tỉnh, thành phố: Tp. Hồ Chí Minh 701
8. Nơi làm việc: TÂN BÌNH
9. Đối tượng: 1. BHYT ☒ 2. Thu phí ☐ 3. Miễn ☐ 4. Khác ☐
10. BHYT giá trị đến ngày: 28 tháng 2 năm 2015
Số thẻ BHYT GD779070040595879026
11. Họ tên, địa chỉ người nhả khi cần báo tin:
12. Đến khám lúc 13 giờ 51 phút ngày 20 tháng 5 năm 2014
13. Chẩn đoán của nơi gửi thiệu
1. Y tế ☒ 2. Tự đến ☐

ILLÝ DO VÀO VIỆN: tái khám

III. HỎI BỆNH

1. Quá trình bệnh lý: bệnh nhân đang điều trị đái tháo đường

2. Tiền sử bệnh:

+ Bản thân: đái tháo đường
+ Gia đình: bình thường

IV. KHÁM BỆNH:

+ Phòng khám: Nội tiết - Khớp B

20/05/2014 15:

1. Toàn thân:
tình tiếp xúc tốt

2. Các bộ phận:

2. Các bộ phận:

3. Tóm tắt kết quả cận lâm sàng:

4. Chẩn đoán ban đầu:

Đái tháo đường

5. Đã xử lý (Thuốc, chăm sóc):

6. Chẩn đoán ra viện: Đái tháo đường-tăng huyết áp

7. Điều trị từ ngày: 20/05/2014 đến ngày: 12/06/2014

Mạch:	80 lần/phút
Nhiệt độ:	37 độ C
Huyết áp:	120/70 mmHg
Nhịp thở:	18 lần/phút
Huyết áp:	120/70 mmHg
Nhịp thở:	18 lần/phút
Cân nặng:	Kg

Mã: E149

Giám đốc bệnh viện

Ngày.....tháng.....năm.....

Bác sĩ khám bệnh

Họ và tên:.....

Phạm Hoàng Vũ

- EX.F.7_ In giấy ra viện

	SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH BỆNH VIỆN 266 Lý Thường Kiệt, P14, Q10 ĐT : 08.8656744 - 08.8642750 Website : bvtrungvuongvn	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>	MS : 01/ BV-01 Số lưu trữ: 15/016592 Mã Y tế 70131115040608
GIẤY RA VIỆN			
KHOA: Ngoại tổng hợp		Tuổi : 29 Nam Nghề nghiệp : Khác	
- Họ tên người bệnh : PHAN NHẬT MINH			
- Dân tộc : Kinh			
- BHYT : giá trị từ đến : Số :			
- Địa chỉ 48b Cù Lao Trung Vĩnh Thọ, T.Khánh Hòa			
- Vào viện lúc: 08 giờ 44 phút ngày 14 tháng 05 năm 2015			
- Ra viện lúc : 09 giờ 00 phút ngày 16 tháng 06 năm 2015			
- Chẩn đoán : Sỏi gan hai bên+Sỏi ống mật chủ/ Nổi mề đay da túi mật			
- Phương pháp điều trị: <u>Phẫu thuật</u>			
- BS điều trị : Bác sĩ Trần Vũ Hiếu			
- Lời dặn thầy thuốc: Tái khám sau 3 tháng tại phòng khám bệnh viện Trung Vương .			
- Nhóm máu :		- Yếu tố Rh :	
Ngày..... tháng..... năm 2015		Ngày..... tháng..... năm 2015	
TRƯỞNG KHOA ĐIỀU TRỊ		GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN	
Họ tên:		Họ tên:	

CHỨNG NHẬN PHẪU THUẬT		MS: 04/BV-0
- Phẫu thuật ngày : 18/05/2015		
- Phương pháp vô cảm: Mê: gây mê NKQ.		
- Phẫu thuật viên: Trần Vũ Hiếu		
- Phương pháp phẫu thuật: PT mở ống mật chủ lấy sỏi + nổi mề đay da túi mật		
- Giải phẫu bệnh : Không .		
Tình trạng ra viện : Đỡ, giảm		
TÁI KHÁM		
Ngày	Kết quả	BS Khám

- EX.R.1_ Sổ khám bệnh (bỏ sổ ngoài)

Phòng khám : Ngoại tổng hợp (PK), từ 16/6/2015 07:30 đến 16/06/2015 16:45

Số TT	Họ tên người bệnh	Tuổi		Địa chỉ	Số Bảo hiểm y tế	Trẻ tuyến	Được hưởng	Nơi giới thiệu	Tuyến dưới
		Nam	Nữ						
1	Huỳnh Ngọc Long	51		33 Phan Xích Long F 3 Phú Nhuận Tp.Hồ Chí Minh	GD 779090030491 079026				
2	Nguyễn Thị Xuân		63	(ks)295/5 Trần Văn Kiều Tân Thành Tân phú Tp.Hồ Chí Minh	CK279001190039 379026				
3	Lê Thị Kim Tuyền		43	19/4A Ấp Tam Đồng 1, Xã Thới Tam Thôn Hóc Môn Tp.Hồ Chí Minh	GD 479210061695 979026				
4	Ứng A Sam	59		19/40/5S Bình Thới F11 11 Tp.Hồ Chí Minh	HT579130140008 579026				
5	Võ Thị Huỳnh Nga		55	708/1/10 Hồng Bàng,P1 11 Tp.Hồ Chí Minh	GD 479130131113 779026				

Chẩn đoán	Chỉ định điều trị	Cách giải quyết							Bác sĩ khám bệnh	Đối tượng	
		Vào viện	Tuyến trên	Tuyến dưới	Ngoại trú	Về nhà	Thủ thuật	Khám C/khoa		Thu phí	Miễn phí
Trĩ nội độ 2	(Đ2) Nội soi trực tràng ống mềm không sinh thiết (C2/27 - TT 04)- TTL2 1 lần; Savi Dimin 500mg (Diosmin+Hesperidin) 28 Viên					X			Võ Đức Tâm		
Viêm đại tràng /viêm hậu môn/trĩ nội độ 2	Trimebutin 100mg(Trimebutin) 14 Viên; Savi Dimin 500mg (Diosmin+Hesperidin) 14 Viên; Tai mũi họng							X	Võ Đức Tâm		
SM Ung thư rốn gan type IV di căn gan (T)/VPM do thủng tá tràng + hoại tử gan HPT V + xói loét nổi mặt ruột	BV Chợ Rẫy		X						Võ Đức Tâm		
Trĩ nội / Polyp tuyến ống đại tràng	Savi Dimin 500mg (Diosmin+Hesperidin) 28 Viên					X			Võ Đức Tâm		

- EX.R.2_ Tình hình bệnh tật đến khám

PHÒNG KHÁM: Ngoại tổng hợp (PK)**TÌNH HÌNH BỆNH TẬT ĐẾN KHÁM**

Từ Ngày: 16/6/2015 Đến Ngày: 16/6/2015

LOẠI BỆNH	TC	QUẬN					
		Q10	Q11	TB	HM	CC	KHÁC
C22-Bướu ác của gan và đường mật trong gan	1				1		
D17-Bướu mỡ	1		1				
I84-Trí	13	1	3	3		2	4
K29-Viêm dạ dày và tá tràng	1						1
K52-Viêm dạ dày-ruột và viêm đại tràng không nhiễm trùng khác	1						1
K60-Khe nứt và lỗ dò vùng hậu môn và trực tràng	1		1				
K80-Sỏi mật	1	1					
TỔNG CỘNG:	19	2	5	3	1	2	6

- EX.R.4_ Báo cáo phòng khám theo ICD

PHÒNG KHÁM: Tim mạch (PKA)

1

BÁO CÁO BỆNH TẬT THEO ICD

Tháng : 06/2015

BỆNH NGÀY	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TỔNG
E03-Suy giáp khác					1																											1
E11-Đái tháo đường không phụ								2								1																3
E14-Đái tháo đường không xác		1	2	2	2			4	2	2	1	2			2	3																23
E78-Rối loạn chuyển hóa		3	1	2	1							2																				9
F06-Rối loạn tâm thần khác do tổn				3																												3

- EX.R.5_ Báo cáo bệnh nhân tỉnh

Phòng Khám: Chẩn Tất Cả Các Khoa

BÁO CÁO BỆNH NHÂN TỈNH

Tháng : 06/2015

Tỉnh / ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	Total
T.An Giang	9	3	1	12	3		1	4	1	6	10	3			8	5																66
T.Bà Rịa Vũng T	3	4	6	3	25	1	1	4	1	5	1	4		1	7	5																71
T.Bạc Liêu	2			3	2			1	3	1	2		1		1	4																20
T.Bến Tre	12	4	6	12	6			13	5	6	4	6			6	9																89
T.Bình Dương	6	5	5	16	5	1		11	4	6	9	4			2	3																77
T.Bình Phước	3	5	7	2	1	1		9	3		3	2			5	3																44
T.Bình Thuận	6	4	5	1	29		1	2	3	2	2	4		1	3	2																65
T.Cà Mau	4	4	5	1	1			20	6		1	3	1	1	3																	50

- EX.R.6_ Báo cáo bệnh nhân BHYT

PHÒNG KHÁM : Chọn Tất Cả Các Khoa

BÁO CÁO BỆNH NHÂN BẢO HIỂM Y TẾ

NGÀY	Tổng số BHYT		CBCNVC		CB		Tự nguyện		Xóa đối giảm nghèo		Khác		Tổng số		
	Mới	Cũ	Mới	Cũ	Mới	Cũ	Mới	Cũ	Mới	Cũ	Mới	Cũ	Nhập	Chuyển	Toa
10/6	818	1.237	223	338	41	59	522	804	29	21	1.981	74	68	34	1.953
11/6	731	1.118	179	348	27	53	491	684	19	27	1.790	59	54	20	1.775
12/6	647	1.201	163	323	21	59	418	797	28	15	1.782	66	52	17	1.779
13/6	122		16		3		85		12		122		34	1	87
14/6	46		12		2		28		2		46		35		11
15/6	619	1.451	156	388	24	68	413	966	21	24	1.997	73	100	12	1.958
16/6	700	1.552	174	439	33	59	487	1.012	20	22	2.173	79	60	26	2.166
TỔNG số:	3683	6559	923	1836	151	298	2444	4263	125	109	9891	351	403	110	9729

- EX.R.7_ Báo cáo phòng khám

BÁO CÁO PHÒNG KHÁM															
Từ Ngày:16/6/2015 Đến Ngày:16/6/2015															
TÊN PHÒNG	TỔNG SỐ			CÁN BỘ			DÂN			NỮ			VÀO VIỆN	CHUYỂN VIỆN	RA TOA
	MỚI	CŨ	LẦN	MỚI	CŨ	LẦN	MỚI	CŨ	LẦN	MỚI	CŨ	LẦN			
Cấp cứu (PK)	53		53	6		6	47		47	36		36	43		10
Chăm Cứu	22	105	127	1	6	7	21	99	120	18	73	91			127
CTCH - Bông	25	4	29	3	1	4	22	3	25	13	2	15	2		27
Điều trị ban ngày	98		98				98		98	66		66			98
Đồng Ý	2	8	10				2	8	10	1	3	4		1	9
Hồ hấp (PK)	5	29	34		6	6	5	23	28	2	18	20			34
Tim mạch (PKA)	2	122	124	1	12	13	1	110	111	2	63	65			124
Tim mạch (PKB)	1	59	60		2	2	1	57	58	1	32	33	1		59
Vật lý trị liệu	306	115	421	18	10	28	288	105	393	217	87	284			421
TỔNG:	1.029	1.657	2.686	103	190	293	926	1.467	2.393	651	1.033	1.684	95	26	2.665

- EX.R.8_ Sổ bệnh khám

SỐ BỆNH KHÁM

P.KHÁM: BHYT

Từ Ngày: 10/06/2015

Đến Ngày: 16/06/2015

NGÀY	CBCNV		DÂN		NỮ		V	V	CV	Toa	CHUYÊN KHOA								
	M	C	M	C	M	C					NỘI	NGOẠI	TMH	MẮT	RHM	PHỤ	LẠY	NHI	YHCT
10/6	122	175	696	062	557	777	68	34	953	1.703	60	103	50	27	61	51			
11/6	102	186	629	932	497	750	54	20	775	1.526	72	83	50	29	60	29			
12/6	90	182	557	019	409	771	52	17	779	1.559	46	73	49	29	53	39			
13/6	11		111		65		34	1	87	122									
14/6	11		35		24		35		11	46									
15/6	107	196	512	255	425	934	100	12	958	1.750	44	87	59	33	62	35			
16/6	103	190	597	362	459	965	60	26	166	1.926	52	94	69	26	46	39			
T.Cộng	546	929	3.137	1.630	2.436	4.197	403	110	9.729	8.632	274	440	277	144	282	193			

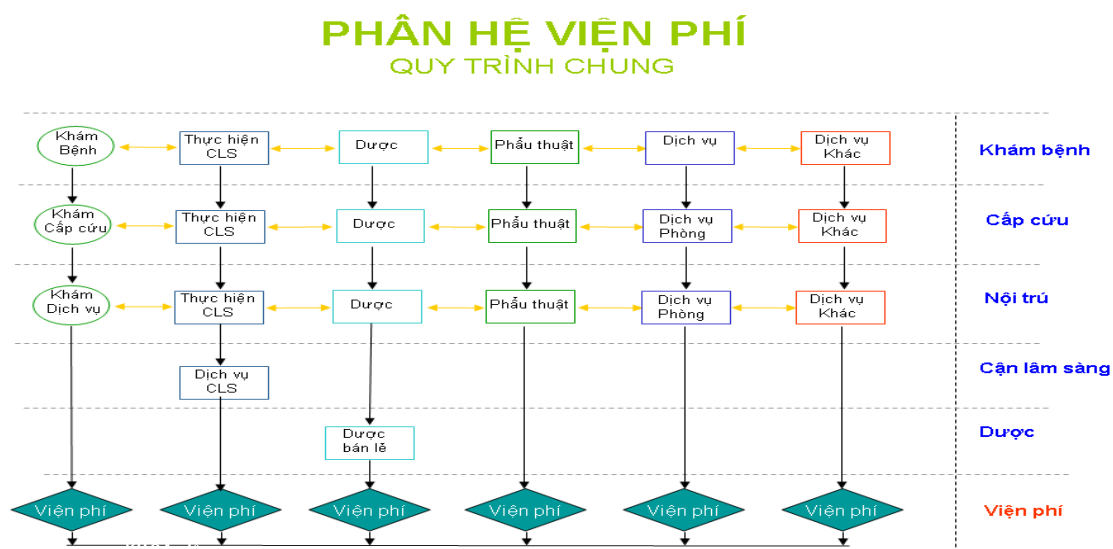
Ng ày tháng năm 20....

Lập phiếu

II.3. Phân hệ quản lý viện phí

II.3.1. Giới thiệu – quy trình nghiệp vụ

- Nơi thực hiện: Bộ phận thu viện phí. Phân hệ cho phép bệnh viện quản lý viện phí một cách tự động và xuyên suốt tất cả chi phí phát sinh của bệnh nhân trong quá trình khám bệnh, điều trị ngoại trú tại bệnh viện. Mọi thông tin liên quan đến viện phí sẽ được ghi nhận chính xác và tự động thông qua hệ thống mạng máy tính toàn bệnh viện.
- Các chức năng chính:
- Biên lai viện phí ngoại trú
- Tạm ứng bệnh nhân ngoại trú
- Thu ứng trước
- Thanh toán bệnh nhân ra viện
- Theo dõi công nợ
- Quy trình hoạt động:



- Hệ thống còn theo dõi các thông tin viện phí của bệnh nhân:
 - Thông tin chi phí khám bệnh của bệnh nhân
 - Thông tin chi phí về thuốc - vật tư y tế đã sử dụng trong quá trình điều trị
 - Thông tin chi phí các xét nghiệm đã làm
 - Thông tin chi phí tiền tạm thu khi vào viện và trong quá trình điều trị
- Chương trình tính chính xác chi phí điều trị của bệnh nhân trên cơ sở thực thu - thực chi của bệnh nhân theo các đối tượng:
 - Bệnh nhân dịch vụ phải thanh toán viện phí
 - Bệnh nhân diện chính sách được miễn một phần viện phí
 - Bệnh nhân có BHYT được miễn hoàn toàn hoặc phải đóng một phần viện phí
 - Bệnh nhân được miễn viện phí ...
- Chương trình theo dõi chính xác độ chênh lệch giữa số tiền tạm thu và số tiền mà bệnh nhân đã sử dụng cho việc điều trị, tránh được việc bệnh viện bị thất thu.
- In phiếu thanh toán viện phí cho bệnh nhân: Tiền khám bệnh, tiền giường, tiền thuốc, tiền xét nghiệm...

II.3.2. Các màn hình chính

II.3.2.1. RC.1_Viện phí ngoại trú

- Dùng để lập chứng từ thu tiền của bệnh nhân ngoại trú như: khám bệnh, xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng, thủ thuật và các dịch vụ khác.
- Tự động lấy các thông tin yêu cầu khám từ tiếp nhận, chỉ định CLS, thủ thuật, dịch vụ khác tại phòng khám đưa vào hóa đơn, không cần nhập lại từng nội dung.
- Hỗ trợ đọc thông tin bệnh nhân từ mã vạch in sẵn từ các phòng khám ra chỉ định CLS hay in toa thuốc, in phiếu thanh toán (phòng khám cuối với trường hợp bệnh nhân BHYT và khám nhiều phòng nếu có).

❑ Giao diện

The screenshot displays the 'Hệ thống quản lý tổng thể bệnh viện' (Overall Hospital Management System) interface. The main form is titled 'Viện phí' (Outpatient Fee) and includes fields for patient ID, insurance type, and service details. A table lists services with columns for STT, Tên dịch vụ, Số lượng, Đơn giá, Thành tiền, and others. The bottom section shows a summary of payments, including 'Tổng số tiền' (Total amount) and 'Thực thu' (Actual received).

STT	Tên dịch vụ	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Giá dịch vụ	Tiền dịch vụ	Lệch giá	Tiền lệch giá	Giá liên kế	Tiền dv l.kết Inv
0	(Đ2) Công khám (A1 - TT 04)	1.00	17,000.00	17,000.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00 VPF
0	Tatanol 500mg(Paracetamol)	15.00	399.00	5,985.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00 VPF
0	Brexin 20mg(Piroxicam Betacyclodextrin)	5.00	7,582.00	37,910.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00 VPF
0	Fudcime 200mg (Cefixim)	10.00	6,777.00	67,770.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00 VPF
0	(Đ2) - PTL3 - Phẫu thuật nhổ răng khó (C2.5/1/2)	1.00	120,000.00	120,000.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00 VPF

Summary of payments:

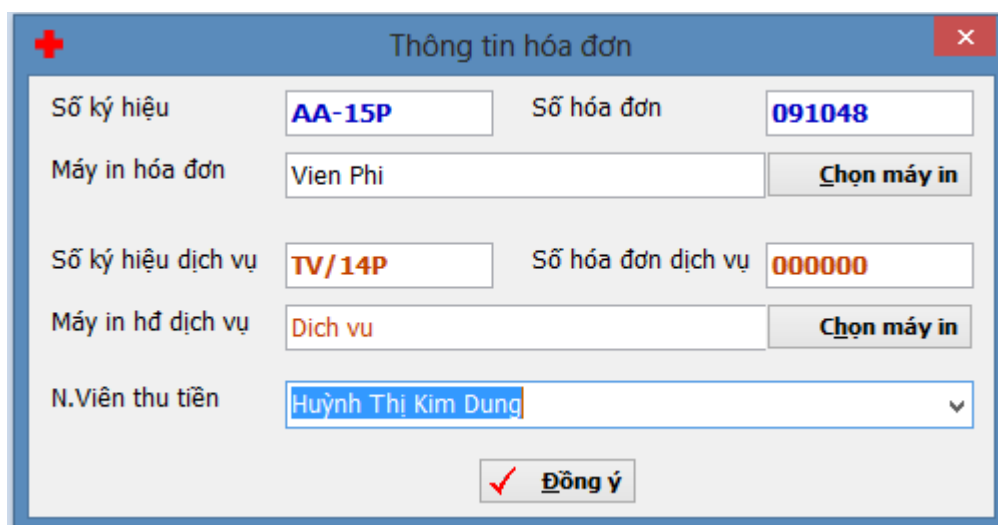
- Tổng số tiền: 248,665.00
- Thất thu: 0.00
- Thực thu: 49,733.00 (VP: 49,733.00, DV: 0.00)

❑ Thông tin quản lý

- ✓ Thông tin về bệnh nhân: mã y tế, họ tên, địa chỉ, ...
- ✓ Số tiếp nhận
- ✓ Thông tin về BHYT: mã thẻ, đối tượng, nơi đăng ký ban đầu, % được hưởng.
- ✓ Số chứng từ
- ✓ Tên ICD
- ✓ Khoa phòng: khám bệnh, thận, khoa đau, vật lý trị liệu
- ✓ Thông tin về dịch vụ thanh toán
- ✓ Thông tin về thanh toán: tổng tiền, thực thu, miễn giảm, thất thu, thành phố hỗ trợ.
- ✓ Thông tin về hóa đơn: số hóa đơn, số seri, ngày giờ, nhân viên thu tiền

❑ Các chức năng hỗ trợ

- ✓ Chọn máy in hóa đơn, quản lý số hóa đơn, số seri



Thông tin hóa đơn

Số ký hiệu: **AA-15P** Số hóa đơn: **091048**

Máy in hóa đơn: **Vien Phi** **Chọn máy in**

Số ký hiệu dịch vụ: **TV/14P** Số hóa đơn dịch vụ: **000000**

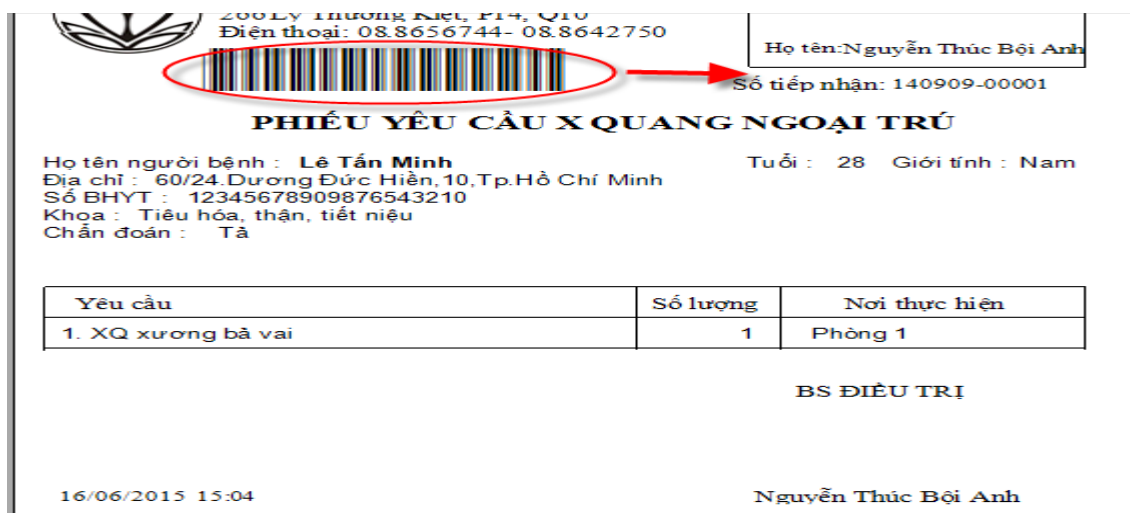
Máy in hđ dịch vụ: **Dich vu** **Chọn máy in**

N.Viên thu tiền: **Huỳnh Thị Kim Dung**

Đồng ý

❑ Bệnh nhân thu phí (không có BHYT)

- ✓ Chọn bệnh nhân cần thu tiền theo số tiếp nhận bằng cách gõ nhanh số tiếp nhận trong ngày, ví dụ: 1553 => số thứ tự tiếp nhận trong ngày là 150610-01553 với ngày làm việc là ngày 10/06/2015. Nếu là số thứ tự của ngày 9 thì gõ “9-1553” => 150609-01553.
- ✓ Khi cần thu phí với bệnh nhân dạng thu phí (không có BHYT) thì sẽ dùng mã vạch in sẵn trong phiếu chỉ định CLS



200 Lý Thường Kiệt, P14, Q10
Điện thoại: 08.8656744- 08.8642750

Họ tên: Nguyễn Thúc Bội Anh
Số tiếp nhận: 140909-00001

PHIẾU YÊU CẦU X QUANG NGOẠI TRÚ

Họ tên người bệnh: **Lê Tấn Minh** Tuổi: 28 Giới tính: Nam
Địa chỉ: 60/24, Dương Đức Hiền, 10, Tp. Hồ Chí Minh
Số BHYT: 12345678909876543210
Khoa: Tiêu hóa, thận, tiết niệu
Chẩn đoán: Tả

Yêu cầu	Số lượng	Nơi thực hiện
1. XQ xương bả vai	1	Phòng 1

BS ĐIỀU TRỊ

16/06/2015 15:04 Nguyễn Thúc Bội Anh

- ✓ Sau khi xác định chính xác thông tin bệnh nhân phần mềm sẽ hỏi là có muốn lấy thông tin từ phòng khám không:

Danh Bào S.Năm: 1945 G.Tính: Nam Đ.Chị: XÃ HƯNG YÊN An Biên Tỉnh Kiên Giang

Số t. nhận : 150612-00526 Số CT: VPPK0173924/15 Ngày 21/06/2015

Bệnh nhân
☐ Nội trú ☒ Ngoại trú ☐ Xã hội hóa Tên ICD: Tìm mã DV: Tìm tên DV:

Thông báo

Bạn có muốn dùng chế độ tự động lấy dịch vụ bệnh nhân hay không ?
 Chọn Yes để Chọn , No để bỏ qua.

STT	Tên dịch vụ

- ✓ Phần mềm sẽ tự động lấy tất cả các chỉ định từ phòng khám mà chưa được thu tiền (phần mềm tự động loại bỏ những dịch vụ đã ra chỉ định mà đã thu tiền rồi)

Danh sách các chỉ định từ phòng khám những dịch vụ chưa được thanh toán

on tất cả

Chi tiết y lệnh thực hiện (F6)						Chọn tất cả	
STT	Tên Dịch vụ	Đơn giá	Số lượng	Thành t	BN trả	Cho p	
1	(Đ2) Siêu âm Doppler màu mạch	150,000	1	150,000.0	150,000.0	☒	
2	(Đ2) Siêu âm Doppler màu tim (C	150,000	1	150,000.0	150,000.0	☒	
3	(Đ2) XQ số hóa 1 phim Phổi (thắ	58,000.	1	58,000.00	58,000.00	☒	
4	(Đ2) Calci (Ca) (C3.1.1/25 - TT 0	12,000.	1	12,000.00	12,000.00	☒	
5	(Đ2) Cholestrol toàn phần (C5.1 -	25,000.	1	25,000.00	25,000.00	☒	
6	(Đ2) Creatine máu (C5.1 - HHMD	22,000.	1	22,000.00	22,000.00	☒	
7	(Đ2) Điện giải đồ (Na+, K+, CL +	32,000.	1	32,000.00	32,000.00	☒	
8	(Đ2) Glucose máu (đường huyết	22,000.	1	22,000.00	22,000.00	☒	
9	(Đ2) GOT (AST) (C5.1 - HHMD/ 3	21,000.	1	21,000.00	21,000.00	☒	
10	(Đ2) GPT (ALT) (C5.1 - HHMD/ 3	21,000.	1	21,000.00	21,000.00	☒	
11	(Đ2) HbA1C (C5.1 - HÓA SINH/ 2	80,000.	1	80,000.00	80,000.00	☒	
12	(Đ2) HDL - cholestrol (C5.1 - HH	25,000.	1	25,000.00	25,000.00	☒	
13	(Đ2) LDL - cholestrol (C5.1 - HH	25,000.	1	25,000.00	25,000.00	☒	
14	(Đ2) Thời gian Prothrombin (PT,T	47,000.	1	47,000.00	47,000.00	☒	
15	(Đ2) Thời gian Thromboplastin h	35,000.	1	35,000.00	35,000.00	☒	
16	(Đ2) Tryglyceride (C5.1 - HHMD/	25,000.	1	25,000.00	25,000.00	☒	
17	(Đ2) Ure máu (C5.1 - HHMD/ 36	22,000.	1	22,000.00	22,000.00	☒	

Tổng tiền: 772,000.00 Thực thu: 772,000.00

- ✓ Nếu cần bổ sung hay thay đổi gì thì người thu tiền có thể nhập thêm, thay đổi hoặc bỏ bớt dịch vụ:

Danh Bào S.Năm: 1945 G.Tính: Nam Đ.Chị: XÃ HƯNG YÊN An Biên Tỉnh Kiên Giang

Số t. nhận : 150612-00526 Số CT: VPPK0173924/15 Ngày 21/06/2015

Bệnh nhân
☐ Nội trú ☒ Ngoại trú ☐ Xã hội hóa Tên ICD: Z00.0 Tìm mã DV: Tìm tên DV: vitamin

Thông tin nhập thêm

Tên dịch vụ: Calsid 1250 (Calci carbonat 3750mg + Vitamin D 100UI) [viên]

Số lượng: 1 viên Đơn giá: 1,050.00

Giá dịch vụ: ☐ Đơn giá Thành tiền 1,050.00

Khoa: Khám bệnh Thành tiền 1,050.00

Tổng tiền 773,050.00

STT	Tên dịch vụ
1	(Đ2) Siêu âm Doppler màu mạch máu (C4.1/1 - TT
2	(Đ2) Siêu âm Doppler màu tim (C4.1/1 - TT 03) [l
3	(Đ2) XQ số hóa 1 phim Phổi (thắng) (C1.2.6/16 -
4	(Đ2) Calci (Ca) (C3.1.1/25 - TT 03) [lần]
5	(Đ2) Cholestrol toàn phần (C5.1 - HHMD/ 39 - TT
6	(Đ2) Creatine máu (C5.1 - HHMD/ 36 - TT 04) [l
7	(Đ2) Điện giải đồ (Na+, K+, CL +) máu (3 thông
8	(Đ2) Glucose máu (đường huyết or đường máu)

☐ Đối với bệnh nhân bảo hiểm y tế

- ✓ Đối với bệnh nhân bảo hiểm y tế thì tại phòng khám sẽ in toan thuốc và chứng từ viện phí tại phòng khám cuối (trong trường hợp bệnh nhân khám nhiều phòng).
- ✓ Vì thế khi in chứng từ thanh toán BV01 phần mềm đã tự động phát sinh chứng từ viện phí chi tiết, bác sĩ ký tên, BHYT ký duyệt, trên chứng từ viện phí này đã in sẵn mã vạch là số chứng từ.

Sở Y tế: TP HỒ CHÍ MINH **BẢNG KÊ CHI PHÍ KHÁM, CHỮA BỆNH NGOẠI TRÚ** Mẫu số: 01/BV
 BỆNH VIỆN Số chứng từ: VPPK0000049 /15; DVPPK0000049 /15 Số KB: 130709 -00005
 Khoa: Phòng khám MS BN: 70131109072875

Họ tên người bệnh: **Nguyễn Thị Kim** Năm sinh: 1956 Giới tính: Nữ
 Địa chỉ: Hồng Bàng Q 6 Tp.Hồ Chí Minh
 Mã thẻ BHYT: HT5791300400 79026 Giá trị từ: 01/01/2010 đến 31/12/2015

Mã vạch chứng từ

- ✓ Nếu số tiền thanh toán là chưa đến mức phải đóng thì bộ phận thu tiền viện phí sau khi kiểm tra chứng từ sẽ đóng dấu “Không cùng chi trả” đồng thời xác nhận trên phần mềm khi đó phần mềm sẽ khóa số liệu tại phòng khám không cho phép thêm, sửa, xóa.

STT	Tên dịch vụ	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Giá dịch vụ	Tiền dịch vụ	Lịch giá	Tiền lịch giá
1	(Đ2) Siêu âm tuyến vú (C1.1/1 - TT 04)	1.00	35,000.00	35,000.00	0.00	0.00	0.00	0.00
2	(Đ2) Công khám (A1 - TT 04)	1.00	17,000.00	17,000.00	0.00	0.00	0.00	0.00
3	Tatanol 500mg(Paracetamol)	21.00	399.00	8,379.00	0.00	0.00	0.00	0.00
4	Brexin 20mg(Piroxicam Betacyclodextrin)	14.00	7,582.00	106,148.00	0.00	0.00	0.00	0.00

Tổng số tiền: 166,527.00 Thất thu: 0.00 Hỗ trợ: 0 %
 Thực: 0.00 Miễn giảm: 0 % 0.00
 Tổng tiền: 166,527.00 Thực thu: 0.00 (VP: 0.00, DV: 0.00)

Viện phí xác nhận không cùng chi trả

Giấy CV ☒ Không phát ☒
 Cà thẻ ☐ Đã Thu ☐

Thêm Lưu Bỏ qua Xem Sửa Xóa In Kiểm tra BC LSVP Ingot

❑ Xác định phần trăm được hưởng BHYT (chung ngoại trú và nội trú)

- ✓ Bảng qui định quyền lợi mức hưởng BHYT theo quyền lợi cũ (trước 2015) và mới (từ 01/01/2015):

Số TT	Mã thẻ	Mã Quyền lợi cũ	Mã quyền lợi mới
1	CC, TE	1 (100%)	1 (100%)
2	CK	2 (100%)	2 (100%)
3	QN, CY	3 (100%)	5 (100%)
4	CA	3 (100%)	5 (100%)
5	CB, KC	7 (80%)	2 (100%)
6	HN, BT, DT	4 (95%)	2 (100%)
7	DK, XD, TS	4 (95%)	2 (100%)
8	HT	5 (95%)	3 (95%)
9	CN	6 (80%)	3 (95%)

10	TC	7 (80%)	3 (95%)
11	DN, HX, CH, NN, TK, HC, XK, TB, NO, XB, TN, XN, MS, HD, TQ, TA, TY, HG, LS, HS, GD, Thẻ mới: CT,CS,SV,GB	7 (80%)	4 (80%)

- ✓ Mức hưởng bảo hiểm trái tuyến: bệnh nhân có thẻ BHYT trái tuyến khi nhập viện : **được hưởng 60%** chi phí điều trị nội trú theo mức quyền lợi được hưởng tùy đối tượng:

Công thức tính:

+ Thẻ cùng chi trả 80%: Chi phí KCB x 60% x 80%

+ Thẻ cùng chi trả 95%: Chi phí KCB x 60% x 95%

Đối với kỹ thuật cao: Khi xét 40 tháng lương tối thiểu
(vd: Thẻ cùng chi trả 80%)

+ B1: Tính Tổng chi phí BHYT chi trả = Chi phí KCB x 60% x 80%

+ B2: Xét 40 tháng lương tối thiểu (40* 1.150.000 =46.000.000)

❑ **Thành phố hỗ trợ 15% (chung ngoại trú và nội trú)**

- ✓ Đối với bệnh nhân BHYT thành phố HCM (mã tỉnh 79)
- ✓ Đúng tuyến hoặc trái tuyến có giấy chuyển viện
- ✓ Đối tượng cận nghèo mã CN
- ✓ Hoặc đối tượng GD có ít nhất 7 chữ số ở cuối trong ô địa chỉ trên thẻ BHYT.
- ✓ Nếu đối tượng BHYT (mã đối tượng đánh số từ 1-> 5 (thẻ mới, 1-7 với thẻ cũ) có tỷ lệ được hưởng BHYT + phần trăm hỗ trợ > 100% thì phần hỗ trợ bằng 100 – phần trăm được hưởng BHYT.

The screenshot displays the 'Hệ thống quản lý tổng thể bệnh viện' (Overall Hospital Management System) interface. Key fields are highlighted with red circles:

- BHYT Card Number:** GD479000110729679026
- Insurance Type:** 80%
- Patient Name:** Lâm Vĩnh Cường
- Support Rate:** 15%

The interface also shows various other fields like 'Số ký hiệu' (AA-15P), 'Số BHYT' (GD479000110729679026), 'Số hóa đơn' (083649), 'Đối tượng' (Tinh), 'N.chuyển' (1. Đăng ký tại), 'Số t.nhận' (150601-00285), 'Số CT' (VPPK0158403/15), 'Ngày' (01/06/2015), 'Tên ICD' (E149) Đái tháo đường, 'Tìm mã DV' (vitamin), and a summary table at the bottom showing 'Tổng tiền' (500,294.00), 'Thất thu' (0.00), 'Thực' (25,014.70), and 'Thực thu' (25,014.70).

II.3.2.2. RC.1_Viện phí nội trú

- Chức năng này tương tự như thu viện phí ngoại trú dùng để lập chứng từ thu tiền của bệnh nhân nội trú.

☐ Giao diện

Hệ thống quản lý tổng thể bệnh viện

Tiếp nhận **Viện phí** **Danh mục** **Hệ thống**

Thu viện phí - Ngày hưởng BHYT: 09/06/2015 ✕

Số kỹ hiệu: Số BHYT: C.tiết nơ có BN Tạm ứng Hoàn ứng

Số hóa đơn: Đối tượng: ☒ Tỉnh ☐ TPHCM N.chuyển: 2. Đa tuyến TTUY HUYỆN ĐỨC HUỆ

Trần An Khương 80% S.Năm: 1991 G.Tính: Nam Đ.Chỉ: Thị Trấn Đông Thành - Đức Huệ Tỉnh Long An **Giá NN** ☐

Số t.nhận: Số CT: Ngày P Khám: Ngoại Lồng ngực -

Bệnh nhân

☒ Nội trú ☐ Ngoại trú ☐ Xã hội hóa Tên ICD: G60 - U màng não cấp/Tìm mã DV: Tìm tên DV:

☐ Duotrav 2.5ml(Travoprost+ Timolol) [đng]
☐ Furostyl 40mg (Furosemid) [Viên]
☐ Nephrosteril 7% 250ml Acid amin (Dùng cho bệnh nhân suy thận) (hội chẩn) [Chai]
☐ Rostor20mg (Rosuvastin) [viên]
☐ Travatan drop 0.004% 2.5ml(Travoprost) [lo]

STT	Tên dịch vụ	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Giá dịch vụ	Tiền dịch vụ	Lịch giá	Tiền lịch giá
1	(Đ2) Chụp cộng hưởng từ (MRI) sọ não có chất cản quang (kể cả thuốc cản quang)	1.00	2,500,000.0	2,500,000.00	0.00	0.00	0.00	0.00
2	(Đ2) XQ số hóa 1 phim Phổi (thẳng) (C1.2.6/16 - TT 04)	1.00	58,000.00	58,000.00	0.00	0.00	0.00	0.00
3	Natriclorid 0,9% 500ml (natri clorid) Bidipha	1.00	6,825.00	6,825.00	0.00	0.00	0.00	0.00
4	(Đ2) CC12 - Cấp cứu Tổng hợp -Ngày giường bệnh Hồi sức cấp cứu (chưa bao gói)	0.50	127,000.00	63,500.00	0.00	0.00	0.00	0.00
5	(Đ2) LNTKMM16 - GB Ngoại khoa không mổ	2.50	59,000.00	147,500.00	0.00	0.00	0.00	0.00
6	Albis (Ranitidin + Bismuth + Sucralfat)	3.00	8,490.25	25,470.75	0.00	0.00	0.00	0.00
7	Depakine 500mg(Valproate natri+Valproic acid)	4.00	6,972.00	27,888.00	0.00	0.00	0.00	0.00
8	Phenytoin 100mg	4.00	300.00	1,200.00	0.00	0.00	0.00	0.00

<

Tổng số tiền: Thất thu: Hỗ trợ: Giấy CV ☒ Đã phát ☐

Thực: Miễn giảm: Cà thẻ ☐ Đã Thu ☐

Tổng tiền: Thực thu: (VP: 668,055.40, DV: 0.00)

Thêm Lưu Bỏ qua Xem Sửa Xóa In Kiểm tra BC LSPV Thoát

❑ **Các chức năng xử lý**

- ✓ Đối với bệnh nhân đối tượng thu phí (không có BHYT) thì hằng ngày hoặc 2 ngày một hoặc đến mức viện phí gần vượt số tiền tạm ứng thì các khoa nội trú sẽ tập hợp các dịch vụ sử dụng của bệnh nhân thành chứng từ thanh toán (viện phí khoa) và in “Phiếu tổng hợp thuốc y dụng cụ - XN – CLS”. Phần mềm sẽ tự động đánh dấu các chứng từ chưa thanh toán để lập chứng từ viện phí.
- ✓ Đối với bệnh nhân BHYT vì yêu cầu của BHYT là 1 chứng từ thanh toán cho một đợt điều trị nên khi bệnh nhân xuất viện thì phần mềm cho phép tập hợp tất cả các chứng từ thanh toán từ các khoa để lập chứng từ viện phí.

Chi tiết thu VP (F7)

Phóng to

☐ Chon tất cả

Từ ngày:

05/06/2015 05:47:05

Đến ngày:

14/06/2015 16:00:00

Khoa	Từ	đến	Chon
Khoa Cấp cứu	04/06 23:20	05/06 01:00	☐
Ngoại Lồng ngực -	05/06 05:47	07/06 08:00	☒
Ngoại Lồng ngực -	07/06 08:00	14/06 16:00	☒

Chi tiết y lệnh thực hiện (F6)					
STT	Tên Dịch vụ	Đơn giá	Số lượt	Thành ti	BN trả Cho p
1	(Đ2) XQ số hóa 1 phim khung ch	58,000.	2	116,000.0	23,200.00 ☒
2	Natriclorid 0,9% 500ml (natri clo	6,825.0	6	40,950.00	8,190.00 ☒
3	(Đ2) LNTKMM21 - GB Ngoại khoa	59,000.	5.5	324,500.0	64,900.00 ☒
4	Brexin 20mg(Piroxicam Betacyclo	7,582.0	3	22,746.00	4,549.20 ☒
5	Fudcime 200mg (Cefixim)	6,777.0	14	94,878.00	18,975.60 ☒
6	Lansoprazol 30mg (Lanzoprazol)	535.00	3	1,605.00	321.00 ☒
7	Tatanol 500mg(Paracetamol)	399.00	21	8,379.00	1,675.80 ☒
8	Dây truyền dịch	6,300.0	9	56,700.00	11,340.00 ☒

☒ Lọc

☒ Lọc

Tổng tiền:

665,758.00

Thực thu: 133,151.60

☒ Đồng ý

☒ Bỏ qua

- ✓ Hóa đơn thu tiền: xem phần biểu mẫu RC.F.1_ Hóa đơn thu tiền
- ✓ Bảng kê viện phí chi tiết: RC.F.2_ In bảng kê viện phí BHYT (mẫu 01/BV)

II.3.2.3. RC.3_Danh sách chứng từ viện phí

- Thẻ hiện danh sách các bệnh nhân đã lập chứng từ thanh toán

☐ Giao diện

Số hoá ...	Số chứng từ	Số tiếp nhận	Số hồ sơ	Tên Bệnh Nhân	Số bảo hiểm YT	Khoa/phòng	Ngày chứng từ	Tổng tiền	Thực thu	Viện phí	Dịch vụ	BHYT chi trả
161:	089780	VP210009807/15	150612-00055	Dương Thị Hoa		Khám bệnh	12/06/2015 06:55	17,000.00	17,000.00	17,000.00	0.00	0.00
161:	089779	VP210009806/15	150612-00056	Phan Ngọc Hoa Tiên		Khám bệnh	12/06/2015 06:55	17,000.00	17,000.00	17,000.00	0.00	0.00
161:	077978	VP150000577/15	150520-01764	Nguyễn Thị Vui	BT-480090290020480...	Ngoại Lồng ngực - ...	12/06/2015 08:46	13,318,779.00	3,833,870.00	30,870.00	3,803,000.00	9,484,909.00
161:	084011	DV150000577/15	150520-01764	Nguyễn Thị Vui		Ngoại Lồng ngực - ...	12/06/2015 08:46	3,803,000.00	3,803,000.00	0.00	3,803,000.00	0.00
161:	077974	VP150000574/15	150606-00051	Vũ Đình Ngọc		Ngoại thận - Tiết niệu	12/06/2015 08:46	183,697.00	183,697.00	183,697.00	0.00	0.00
161:	077982	VP150000572/15	150608-02142	Trần Thị Tuấn	GD-479200011197379...	Ngoại thận - Tiết niệu	12/06/2015 08:46	2,767,142.84	565,038.04	565,038.04	0.00	2,202,104.80
161:	078927	VP150000571/15	150612-00011	Nguyễn Đăng Hậu		Khoa Cấp cứu	12/06/2015 08:46	976,925.00	976,925.00	976,925.00	0.00	0.00
162:	077940	VP150000570/15	150611-01519	Trần Văn Tấn		Chấn thương chỉnh ...	12/06/2015 08:46	240,571.00	240,571.00	153,571.00	87,000.00	0.00
162:	099668	DV150000570/15	150611-01519	Trần Văn Tấn		Chấn thương chỉnh ...	12/06/2015 08:46	87,000.00	87,000.00	0.00	87,000.00	0.00
162:	078980	VP120003069/15	150610-00013	Lữ Thị Mỹ Loan		Ngoại thận - Tiết niệu	12/06/2015 03:32	1,624,529.32	1,624,529.32	1,624,529.32	0.00	0.00
162:	079622	VP120003068/15	150612-00263	Nguyễn Thị Sỏi	GD-479070091428879...	Khoa Cấp cứu	12/06/2015 03:32	1,060,125.00	212,025.00	212,025.00	0.00	848,100.00
162:	079611	VP120003067/15	150602-01830	Phạm Thị Thanh	GD-479070102134579...	Phụ sản	12/06/2015 01:19	6,466,420.00	4,573,284.00	473,284.00	4,100,000.00	1,893,136.00

Tổng số: 2016

Viện phí	Dịch vụ	BHYT chi trả	Thất thu	Miễn giảm	Hỗ trợ	Hủy/H...	Hủy/Hoàn(CT...	CT liên quan	In hóa đơn lúc	Ngày báo cáo	Cập nhật lúc	Người nhập	Ngư
161:	17,000.00	0.00	0.00	0.00	0.00				12/06/2015 07:05	12/06/2015 00:00	12/06/2015 07:05	ThuhaVP	Thanh
161:	17,000.00	0.00	0.00	0.00	0.00				12/06/2015 07:05	12/06/2015 07:04	12/06/2015 07:04	ThuhaVP	Thanh
161:	30,870.00	3,803,000.00	9,484,909.00	0.00	0.00			DV150000577/15	12/06/2015 14:13	12/06/2015 00:00	12/06/2015 11:42	TrinhVP	Trinh
161:	0.00	3,803,000.00	0.00	0.00	0.00			VP150000577/15	12/06/2015 14:13	12/06/2015 14:13	12/06/2015 11:42	TrinhVP	Trinh
161:	183,697.00	0.00	0.00	0.00	0.00				12/06/2015 14:01	12/06/2015 00:00	12/06/2015 11:10	TrinhVP	Trinh
161:	565,038.04	0.00	2,202,104.80	0.00	0.00				12/06/2015 14:26	12/06/2015 00:00	12/06/2015 11:03	TrinhVP	Trinh
161:	976,925.00	0.00	0.00	0.00	0.00				12/06/2015 10:36	12/06/2015 00:00	12/06/2015 10:34	TrinhVP	Trinh
162:	153,571.00	87,000.00	0.00	0.00	0.00			DV150000570/15	12/06/2015 10:08	12/06/2015 00:00	12/06/2015 09:35	TrinhVP	Trinh
162:	0.00	87,000.00	0.00	0.00	0.00			VP150000570/15	12/06/2015 10:08	12/06/2015 00:00	12/06/2015 09:35	TrinhVP	Trinh
162:	1,624,529.32	0.00	0.00	0.00	0.00				12/06/2015 19:52	12/06/2015 16:28	12/06/2015 16:28	ThyVP	KieuD
162:	212,025.00	0.00	848,100.00	0.00	0.00				12/06/2015 16:14	12/06/2015 16:11	12/06/2015 16:11	ThyVP	KieuD
162:	473,284.00	4,100,000.00	1,893,136.00	0.00	0.00			DV120003067/15	12/06/2015 15:48	12/06/2015 15:35	12/06/2015 15:35	ThyVP	ThyVi

Tổng số: 2016

II.3.2.4. RC.4_Hủy, hoàn hóa đơn chứng từ viện phí

- Cho phép người thu tiền viện phí hủy, hoàn các hóa đơn, chứng từ viện phí đã lập.
- Hủy hóa đơn: khi các chứng từ viện phí đã được in hóa đơn (biên lai thu tiền), tuy nhiên sau đó có sự thay đổi mà chứng từ này chưa được báo cáo (còn trong ca làm việc) về phòng tài vụ thì nhân viên thu tiền sẽ thực hiện hủy hóa đơn, và phần mềm cho phép sao chép (copy) chứng từ này thành một chứng từ mới để nhân viên tiến hành thay đổi và đánh dấu hủy chứng từ cũ.
- Hoàn hóa đơn: tương tự như hủy hóa đơn, tuy nhiên hoàn là khi chứng từ này đã qua ngày (tức đã đã tiến hành báo cáo thu tiền cuối ngày).

☐ Thao tác thực hiện

Hệ thống quản lý tổng thể bệnh viện

1. Chọn chứng từ đã in hóa đơn cần hủy.
2. Click chuột phải chọn hủy.
3. Chứng từ đã in hóa đơn

Thu viện phí - Ngày hưởng BHYT: 12/06/2015

Số ký hiệu: AA-15P 3 Số BHYT: GD47913002 i4279026

Số hóa đơn: 092706 Đối tượng: ☒ Tỉnh ☐ TPHCM N.chuyển: 1. Đăng ký tại

Biện Tấn Nghĩa 80% S.Năm: 1957 G.Tính: 1 Đ.Chỉ: Lạc Long Quân F5 Quận 11

Số t.nhận: 150612-01355 Số CT: VPPK0173542/15 2 Ngày: 12/06/15

Bệnh nhân: ☐ Nội trú ☒ Ngoại trú ☐ Xã hội hóa Tên ICD: (I159) Bệnh tăng huyết Tim tên DV: rostrln

Xác nhận Xác nhận

5 Bạn đồng ý hủy chứng từ VPPK0173542/15 với số hóa đơn 092706? 6 Bạn có muốn thêm chứng từ mới và sao chép dữ liệu từ chứng từ hủy này không?

Yes No Yes No

7 Biện Tấn Nghĩa 80% S.Năm: 1957 G.Tính: Nam Ngày: 21/06/2015

Số t.nhận: 150612-01355 Số CT: VPPK0173542/15.1

Bệnh nhân: ☐ Nội trú ☒ Ngoại trú ☐ Xã hội hóa Tên ICD: (I159) Bệnh tăng huyết Tim mã DV: Tim tên DV: rostrln

8

Số hoá...	Số chứng từ	tiếp nhận	Tên Bệnh N...	Số bảo hiểm YT	Tổng tiền	Thực thu	Viện phí	BHYT chi trả	Hủy/H...	Hủy/Hoàn/CT...	In hóa đơn lúc	Ngày báo c
000000	VPPK0173542/15.1	150612-01355	Biện Tấn Nghĩa	GD479130021554279...	400,292.00	80,058.40	80,058.40	320,233.60		VPPK0173542/15		
	VPPK0173542/15	150612-01355	Biện Tấn Nghĩa	GD479130021554279...	514,280.00	102,856.00	102,856.00	411,424.00	Hủy		12/06/2015 14:05	

II.3.2.5. RC.5_Kiểm tra hóa đơn

- Quản lý, cập nhật thông tin số hóa đơn, ngày thu tiền (ngày giờ in hóa đơn), danh sách hóa đơn hủy trong ngày, lọc hóa đơn đã được báo cáo, chưa báo cáo.

❑ Giao diện

Kiểm tra số hoá đơn trước khi in báo cáo thu tiền viện phí

☒ Tiền mặt ☐ BHYT ☒ HĐ VP ☐ HĐ d.vụ Từ ngày: 12/06/2015 Đến ngày: 12/06/2015 Chọn

☒ Chỉ lọc những chứng từ chưa in ra báo cáo Tổng số: 1089 Mẫu tin

Số chứng từ	Số ký hiệu	Số hóa đơn	Số tiền thực thu	In hóa đơn lúc	Đã thu tiền	Ngày chứng từ
VPPK0173496/1			0 (null)		☐	12/06/2015 13:47:33
VP210009878/15			0 (null)		☒	12/06/2015 09:52:02
VPPK0173119/1			0 (null)		☐	12/06/2015 09:41:56
VP210009877/15	AA-15P	000000	359,212	12/06/2015 10:01:33	☒	12/06/2015 09:52:02
VPPK0173202/1	AA-15P	000000	63,124	12/06/2015 10:18:13	☒	12/06/2015 10:08:23
VPPK0172731/1	AA-15P	000000	19,535	12/06/2015 09:36:23	☒	12/06/2015 08:02:51
VPPK0172750/1	AA-15P	000000	46,631	12/06/2015 08:18:41	☒	12/06/2015 08:07:33
VPPK0173082/1	AA-15P		5,23:18	12/06/2015 09:32:05	☒	12/06/2015 09:32:05
VPPK0173086/1	AA-15P		5:46:08	12/06/2015 09:34:05	☒	12/06/2015 09:34:05
VPPK0173277/1	AA-15P		5:45:05	12/06/2015 10:33:34	☒	12/06/2015 10:33:34
VPPK0173255/1	AA-15P		5:22:14	12/06/2015 10:25:54	☒	12/06/2015 10:25:54
VPPK0172880/1	AA-15P		5:47:54	12/06/2015 08:40:00	☒	12/06/2015 08:40:00
VPPK0173781/1	AA-15P		5:16:35	12/06/2015 14:58:35	☒	12/06/2015 14:58:35
VPPK0173753/1	AA-15P		5:08:56	12/06/2015 14:50:56	☒	12/06/2015 14:50:56
VPPK0172918/1	AA-15P	000000	54,556	12/06/2015 09:01:20	☒	12/06/2015 08:48:12
VP120003052/15	AA-15P	000000	2,965,686	12/06/2015 14:09:10	☒	12/06/2015 22:22:29
VPPK0173542/1	AA-15P	074350	102,856	12/06/2015 14:05:42	☒	12/06/2015 13:57:06
VPPK0172614/1	AA-15P	065874	60,492	12/06/2015 07:36:18	☒	12/06/2015 07:28:47
VPPK0172635/1	AA-15P	065875	128,000	12/06/2015 07:37:11	☒	12/06/2015 06:54:40
VPPK0172644/1	AA-15P	065876	59,040	12/06/2015 07:43:12	☒	12/06/2015 07:40:57
VPPK0172701/1	AA-15P	065877	21,000	12/06/2015 07:57:35	☒	12/06/2015 06:54:40
VPPK0172705/1	AA-15P	065878	40,000	12/06/2015 07:58:43	☒	12/06/2015 06:54:40

Có thể cập nhật thông tin hóa đơn ở đây cho trường hợp hư hỏng máy in,...

Kiểm tra tiền đã thu (theo hoá đơn)

Số ký hiệu: Từ số: Đến số: Tiền:

☒ Lưu ☐ Bỏ qua Ngày in báo cáo: 12/06/2015

Xem báo cáo Thoát

II.3.2.6. RC.6_Báo cáo thu tiền hằng ngày

- Dùng xem chi tiết công nợ của bệnh nhân.

❑ Giao diện

Báo cáo

Ngày in bc: 12/06/2015 ☒ Tiền mặt ☐ NH ☐ VP ☐ DV ☐ Chỉ lọc CT chưa in ra BC ☒ B.cáo theo ngày

Số hóa đơn thu trong ngày

Số ký hiệu	số HD từ số	Đến số	Tổng số tiền	HD in
AA-15P	065771	065903	7,020,669.70	☒
AA-15P	073853	073923	349,502.55	☒
AA-15P	077886	078000	90,974.71	☒
AA-15P	078891	078907	48,884.00	☒
AA-15P	078908	078967	41,922.97	☒

Tổng số tiền: 454,400.35 ☐ Phóng to

910,326.35 -1,455,926.00

☒ Lưu ☒ Bỏ qua

Chọn cụm biến lại cần báo cáo

BAO CÁO CHI TIẾT THỰC THU THU VIỆN PHI (BIẾN LẠI VIỆN PHI)

Nội Trú: Từ: 12/06/2015 - Đến: 12/06/2015

S	TT	Mã Phiếu	Số Biến Lai	Tên Bệnh Nhân	Mã BHYT	Phòng	Từ Ngày	Đến Ngày	Tiền Thuộc	Tiền DTuyến	Tiền Mau	XN-Cẩn L.Sáng	CĐ Hình	Tiền Phòng	VL Tiểu Hào	TT-Phẫu Thuật	Chi Khác	Công khám	Tiền an	Thành Tiền
Ký hiệu: AA-15P - Từ số 065771 đến số 065903																				
1		170417	065771	Tên Huệ Minh	GD	DTD	10/06	24/6	57,344							11,800		3,400		72,544
2		170287	065772	NGUYỄN THỊ DUNG	GD	DTD	10/06	24/6	55,104				23,200			12,800		3,400		94,504
3		170519	065773	Hồ Tuấn An	GD	DTD	10/06	12/6								84,000				84,000
4		170493	065774	Tên Thị Lành	GD	DTD	10/06	17/6	28,042			49,600						3,400		81,042
5		170134	065775	Bùi Kim Ngọc Trinh	GD	DTD	10/06	24/6	39,066							15,400		3,400		57,866
6		170554	065776	Nguyễn Thị Hoa	HT	DTD	10/06	24/6	13,678							3,650		850		18,178
7		170593	065777	Nguyễn Thị Hoa	GD	DTD	10/06	10/6								21,000				21,000
8		170626	065778	Lê Thị Trọng	GD	DTD	10/06	24/6	51,274									3,400		54,674

II.3.2.7. RC.7_Chỉ tiết công nợ bệnh nhân, tạm ứng, hoàn ứng

- Dùng xem chi tiết công nợ của bệnh nhân.

❑ Giao diện

Màn hình theo dõi nợ có bệnh nhân

HÀNH CHÍNH

Họ và: NGUYỄN THỊ HỒNG Năm sinh: 1950 Tuổi: 65

Giới: ☐ Nam ☒ Nữ Địa chỉ: Vạn hạnh,tc,hm, H.Học Môn , Tp.Hồ Chí Minh

Số hồ sơ: 15/017770 Ngày nhập viện: 23/5/2015 10:43:25 Ngày xuất viện: 12/6/2015

0

Các chứng từ đã thanh toán: Số mẫu tin: 5

Số hóa đơn	Ngày thu	Tiền thu
TV/14P/091586	11/6/2015	4,500,000.00
AA-15P/090155	(null)	3,808,731.60
AA-15P/090154	(null)	90,000.00
TV/14P/091627	12/6/2015	6,117,000.00
TV/14P/091626	12/6/2015	360,000.00

Tổng cộng: 14,875,731.60

Các chứng từ chưa thanh toán: Số mẫu tin: 1

Số chứng từ	Ngày lập	Tổng cộng
VP030005404/15	9/6/2015 4:37 CH	0.00

Tổng cộng: 0.00

Các chứng từ thất thu - miễn giảm(100%): Số mẫu tin: 0

Số chứng từ	Ngày lập	Loại	Tiền T.Thu - M.Giảm
-------------	----------	------	---------------------

Tổng cộng: 0.00

Các chứng từ tạm ứng: Số mẫu tin: 1

Số chứng từ	Ngày tạm ứng	Tiền tạm ứng
T000001/15	23/5/2015	2,000,000.00

Tổng cộng: 2,000,000.00

Các chứng từ hoàn ứng: Số mẫu tin: 0

Số chứng từ	Ngày hoàn ứng	Tiền hoàn ứng
-------------	---------------	---------------

Tổng cộng: 0.00

Nguyễn Thị Hồng S.Năm: 1950 G.Tính: Nữ Đ.Chị: Vạn hạnh,tc,hm Huyện Hóc Môn

Số t.nhận : 150523-00052

Bệnh nhân
☒ Nội trú ☐ Ngoại trú ☐ Xã

Tạm ứng tiền bệnh nhân

Số tiếp nhận: 150523-00052 Số chứng từ tạm ứng: T000002/15

Ngày chứng từ: 22/06/2015 Số tiền: 2,000,000.00

Diễn giải: Tạm ứng nhập viện

STT Tên dịch vụ

1	(1/6/14) B4.2.19 - KHU D
---	--------------------------

Lưu Trở về Xem Xóa

Hoàn ứng

Hoàn ứng tiền bệnh nhân

Số chứng từ hoàn ứng: H000001/15

Ngày chứng từ: 22/06/2015

Số chứng từ viện phí: VP240001630/15

Diễn giải: Hoàn ứng cho tạm ứng nhập viện

Các chứng từ tạm ứng liên quan:

	Mã hoàn ứng	Mã tạm ứng	Tiền hoàn ứ
▶	H000001/15	T000001/15	2,000,000

Lưu Trở về Xem Xóa

II.3.2.8. RC.8_ Bảng giá dịch vụ

- Dùng quản lý bảng giá dịch vụ.

☐ **Giao diện**

Hệ thống quản lý tổng thể bệnh viện

Tab: **Thông tin nhập**

Tên Dịch Vụ: Đơn vị tính: Không sử dụng: ☐

Ngoài DM BHYT: ☐ Chạy thận: ☐ DV KT cao: ☐ CBHA là PTTT: ☐

Thuộc Nhóm DV: Thuộc Nhóm In:

Phân loại CLS:

Giá Nhân Dân: Giá BH:

Giá Chính lệch: Giá vượt qđ:

Giá DV NN:

Phòng CLS: Mã hóa 1: DV liên kết: ☐

Mã hóa 2:

Thông tin tìm kiếm: Tên Dịch Vụ: AND Nhóm Dịch Vụ: AND Nhóm In: AND Trong DM: ☐ Ngoài DM: ☐ Khác: ☒

Liệt kê tất cả: Tìm:

Tên dịch vụ	Đơn vị	Ngoài DM BHYT	Thuộc nhóm dịch vụ	Thuộc nhóm in	Giá nhân dân	Giá bảo hiểm	Giá vượt qui định	Giá chênh lệch
(Đ2) Điện tâm đồ gắng sức (ECG gắng sức) (C3.7.3/6 - T	lần	☐	Xét nghiệm	Thăm dò chức	100,000.00	100,000.00	0.00	0.00
Điện tâm đồ gắng sức (ECG gắng sức)	lần	☐	Xét nghiệm	Thăm dò chức	250,000.00	100,000.00	0.00	150,000.00

Thêm: Lưu: Bỏ qua: Xem: Sửa: Xóa: In: Thoát:

Hệ thống quản lý - Xem - Bệnh viện

Find: Clear:

Mã DV	Tên Dịch Vụ	ND...	K...	Nhóm DV	Nhóm in	Giá Nhân Dân	Giá Bảo Hiểm	Giá Chính ...	Giá người NN	DVKT cao	DV liên k...
1	GEL006	☒	☒	Vật liệu tiêu hao	Vật liệu tiêu hao	18,900.00	18,900.00	0.00	0.00	☐	☐
2	GEL008	☒	☒	Vật liệu tiêu hao	Vật liệu tiêu hao	15,400.00	15,400.00	0.00	0.00	☐	☐
3	XN963	☐	☐	Xét nghiệm	Thăm dò chức năng	26,000.00	26,000.00	0.00	39,000.00	☐	☐
4	XN791	☐	☐	Xét nghiệm	Thăm dò chức năng	100,000.00	100,000.00	0.00	380,000.00	☐	☐
5	XN1070	☐	☐	Xét nghiệm	Thăm dò chức năng	30,000.00	30,000.00	0.00	45,000.00	☐	☐
6	XN1267	☐	☐	Xét nghiệm	Thăm dò chức năng	100,000.00	100,000.00	0.00	380,000.00	☐	☐
7	XN1044	☒	☒	Xét nghiệm	Thăm dò chức năng	34,000.00	0.00	0.00	39,000.00	☐	☐
8	XN850	☐	☐	Xét nghiệm	Thăm dò chức năng	250,000.00	0.00	0.00	380,000.00	☐	☐
9	XN1154	☒	☒	Xét nghiệm	Thăm dò chức năng	39,000.00	0.00	39,000.00	45,000.00	☐	☐
10	XN1325	☒	☒	Xét nghiệm	Thăm dò chức năng	250,000.00	0.00	0.00	380,000.00	☐	☐

Điều kiện lọc: ☒ [Có đúng] = *

Từ ngày: đến:

Tổng số: 27

II.3.2.9. RC.F.1_ Hóa đơn thu tiền

- Hóa đơn viện phí in trên giấy in sẵn 3 liên.

In HD: 091048

Hóa đơn in trên mẫu 3 liên in sẵn

VP100000341 / 15

Trần An
Thị Trần Đồng Thành - Đức Huệ T Long An T.Long An
1991
GD48007059001 30008
09/06/2015

Ngoại Lồng ngực - Mạch máu
- Thần kinh
Nam
07/09/2015
12/06/2015

1. Tiền phòng	211,000	8. Thăm dò chức năng	30,000
2. Xét nghiệm	223,000		
3. CE hình ảnh	58,000		
4. Dịch vụ kỹ thuật cao chi phí lớn	2,500,000		
5. Thuốc	271,552		
6. Dịch truyền	6,825		
7. Vật liệu tiêu hao	13,020		

668,055 (20% Cùng chi trả: 661.335 + Ngoài DM: 6.720)
Sáu trăm sáu mươi tám ngàn năm mươi lăm đồng

21 06 15

Huỳnh Thị Kim Dung

II.3.2.10. RC.F.2_ In bảng kê viện phí BHYT (mẫu 01/BV)

Sở Y tế: TP HỒ CHÍ MINH **BẢNG KÊ CHI PHÍ KHÁM, CHỮA BỆNH NỘI TRÚ** Mẫu số : 02/BV
 BV: i Số chứng từ: VP100000341 /15; Số BA: 15/020366
 Khoa: Ngoại Lồng ngực - Mạch máu - Thần kinh MS BN: 70131115049092
 Họ tên người bệnh: Trần An Năm sinh: 1991 Giới tính: Nam
 Địa chỉ: Thị Trấn Đồng Thành - Đức Huệ T Long An T.Long An -
 Mã thẻ BHYT: GD48007059000 008 Giá trị từ: 08/06/2015 đến 07/09/2015
 Cơ sở ĐK KCB ban đầu: TTYT Huyện Đức Huệ Mã số : 80008
 Ngày vào viện: 9/6/2015 Ngày ra viện: 12/6/2015 Tổng số ngày ĐT : 3
 Cấp cứu: ☒ Đứng tuyến: ☒ Nơi giới thiệu: Trãi tuyến: ☐
 Chẩn đoán: G60 - U màng não cánh bé xương bướm trái

Nội dung	ĐVT	S.lg	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn thanh toán				
					Quỹ BHYT	Khác	Người bệnh trả		
							Chi phí BHYT	Ngoài DM	Lệch giá
Tiền phòng									
1 - (Đ2) CC12 - Cấp cứu Tổng hợp -Ngày giường bệnh Hồi sức cấp cứu (chưa bao gồm chi phí sử dụng máy thở)	ngày	0.5	127,000	63,500	50,800		12,700		
2 - (Đ2) LNTKMM16 - GB Ngoại khoa không mổ	ngày	2.5	59,000	147,500	118,000		29,500		
Cộng				211,000	168,800		42,200		
Xét nghiệm									
3 - (Đ2) Điện giải đồ (Na+, K+, CL +) máu (3 thông số) (C5.1 - HHMD/ 34 - TT 04)	lần	1	32,000	32,000	25,600		6,400		
Thăm dò chức năng									
19 - (Đ2) Điện tâm đồ (ECG) (C6/- TDCN/ 1 - TT 04)	lần	1	30,000	30,000	24,000		6,000		
Cộng				30,000	24,000		6,000		
Tổng cộng:				3,313,397	2,645,342		661,335	6,720	

Tổng chi phí ghi bằng chữ: Ba triệu ba trăm mười ba ngàn ba trăm chín mươi bảy đồng

Tổng chi phí đợt điều trị : 3,313,397
 Tổng chi phí BHYT : 3,306,677
 Số tiền Quỹ BHYT thanh toán : 2,645,342
 Số tiền người bệnh trả : 668,055

Bằng chữ: Sáu trăm sáu mươi tám ngàn năm mươi lăm đồng

Biên lai số:

NGƯỜI LẬP BẢNG KÊ

Ngày 21 tháng 06 năm 2015
 KẾ TOÁN VIỆN PHÍ

Ngô Thị Hoa

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI BỆNH
 (hoặc gia đình)

Ngày..... Tháng..... Năm.....
 GIÁM ĐỊNH BHYT

Họ tên :

II.3.2.11. RC.R.1_ Báo cáo chi tiết thực thu hằng ngày theo cụm biên lai

Ngày in bc: 12/06/2015

☒ Tiền mặt ☐ NH ☒ VP ☐ DV ☐ Chỉ lọc CT chưa in ra BC

☒ B.cáo theo ngày

Số hóa đơn thu trong ngày

Số ký hiệu	số HD từ số	Đến số	Tổng số tiền	HD in	Người dùng	Ngày In
AA-15P	065771	065903	7,020,669.70	☒	BHYTVIENPHI	12/6/2015
AA-15P	073853	073923	4,349,502.55	☒	BHYTVIENPHI	12/6/2015
AA-15P	077886	078000	90,974.71	☒	HieuDiemVP	12/6/2015
AA-15P	078891	078907	48,884.00	☒	VIENVP	12/6/2015
AA-15P	078908	078967	1,41,922.97	☒	BHYTVIENPHI	12/6/2015

Tổng số tiền: 454,400.35 ☐ Phóng to 910,326.35 -1,455,926.00

Số hóa đơn hoàn trong ngày

Số ký hiệu	số HD	Tổng số tiền	HD in
AA-15P	078653	-429,625.00	☒
AA-15P	078699	-1,026,301.00	☒

BAO CAO CHI TIET THUC THU THU VIEN PHI (BIEN LAI VIEN PHI)

Nội Trú : Từ 12/06/2015 - Đến 12/06/2015

S TT	Mã Phiếu	Số Biên Lai	Tên Bệnh Nhân	Mã BHYT	Phòng	Từ Ngày	Đến Ngày	Tiền Thuốc	Tiền DTuyến	Tiền Máu	XN-Cân LSàng	CD Hình	Tiền Phòng	VL Tiêu Hao	TT-Phẫu Thuật	Chi Khác	Công khám	Tiền ăn	Thành Tiền	Thanh Tiền
Ký hiệu: AA-15P - Từ số 065771 đến số 065903																				
1	170417	065771	Tinh Huệ Minh	GD	DTD	10/06	24/6	57,344							11,800		3,400		72,544	
2	170287	065772	NGUYỄN THỊ DUNG	GD	DTD	10/06	24/6	55,104					23,200		12,800		3,400		94,504	
3	170519	065773	Hồ Tuấn An	GD	DTD	10/06	12/6							84,000				84,000		
4	170493	065774	Tiến Thị Lành	GD	DTD	10/06	17/6	28,042			49,600						3,400		81,042	
5	170134	065775	Bùi Kim Ngọc Trinh	GD	DTD	10/06	24/6	39,066						15,400			3,400		57,866	
6	170554	065776	Nguyễn Thị Hoa	HT	DTD	10/06	24/6	13,678						3,650			850		18,178	
7	170593	065777	Nguyễn Thị Hoa	GD	DTD	10/06	10/6							21,000				21,000		
8	170626	065778	Lê Thị Trọng	GD	DTD	10/06	24/6	51,274									3,400		54,674	

II.3.2.12. RC.R.2_ Báo cáo chi tiết thực thu theo khoa

SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BAO CAO CHI TIET THUC THU THU VIEN PHI HÓA ĐƠN VIỆN PHI

Từ 12/06/2015 - Đến 12/06/2015

S TT	Mã Phiếu	Số Biên Lai	Tên Bệnh Nhân	Mã BHYT	Phòng	Từ Ngày	Đến Ngày	Tiền Thuốc	Tiền DTuyến	Tiền Máu	XN-Cân LSàng	CD Hình	Tiền Phòng	VL Tiêu Hao	TT-Phẫu Thuật	Chi Khác	Công khám	Tiền ăn	Thành Tiền	Miễn Giảm	Thất Thu	Thực Thu
CC																						
1	990	077890	Huỳnh Huệ	GD	CC	11/06	11/6												4,410			4,410
2	992	077934	Bà Ngọc Thín	GD	CC	11/06	11/6						300,000				17,000		317,000			317,000
3	993	077936	Trần Văn Tấn	GD	CC	11/06	11/6						58,000				17,000		75,000			75,000
4	995	077931	Trần Văn Tấn	GD	CC	11/06	11/6	47,000			121,000			63,500				231,500			231,500	
5	998	077930	Ngô Minh Tuấn	GD	CC	12/06	12/6								132,000		17,000		149,000			149,000
6	997	077931	Nguyễn Thị Hiền Thủy	GD	CC	04/06	04/6		1,365		66,400	46,600	12,700	1,260				130,320			130,320	
THO																						
1114	5093	084639	Trần A Sáng	GD	THO	07/06	11/6	12,458	341		27,328	2,800		13,600	314			4,942,539			4,942,534	
1115	5096	084640	Quo Thị Bé Thủy	HC	THO	07/06	11/6	128,910	1,420		27,600		40,800	38,010	25,200			261,946			261,946	
1116	5027	084677	Nguyễn Ngọc Ôn	GD	THO	03/06	09/6	663,370	4,095		107,400	7,000	101,600	47,040	108,200			1,038,907			1,038,907	
1117	5129	084685	Thạch Thị Ngọc Tuyết	GD	THO	08/06	12/6	238,806	1,365		74,600		34,400	38,010	25,200			432,381			432,381	
1118	5130	084686	Huỳnh Thị Lê Hiền	GD	THO	09/06	12/6	163,994			33,600		34,000	36,780	25,200			293,544			293,544	
1119	5128	084687	Hoàng Khánh Vĩ	GD	THO	11/06	12/6	77,002	1,460		41,000	7,000	13,600	1,260			143,322			143,322		
1120	5127	084688	Trần Minh Sĩ	GD	THO	06/06	12/6	105,846			71,000	7,000	81,600	36,780	25,200			327,495			327,495	
1121	5132	084689	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	GD	THO	09/06	12/6	180,494			238,000		238,000	36,780	126,000			819,244			819,244	
1122	5133	084690	Trần Đình Dương	GD	THO	10/06	12/6	115,136	1,460		40,200		20,400	1,260	25,200			203,636			203,636	
1123	1616	090127	Phạm Vũ Đạt	GD	THO	09/06	12/6	182,880			332,000		93,000	170,000	187,000			964,880			964,880	
Tổng cộng										7,865,200	47,000,000	57,015,600	27,000,000	22,407,817	26,802,487	0	1,087,000	1,080,000	180,900,594	38,124	0	180,938,718

GIAM ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG TCKT

KẾ TOÁN T HỢP THU VP

KẾ TOÁN THU VP

II.3.2.13. RC.R.3_ Báo cáo tổng hợp thực thu theo khoa

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BAO CAO CHI TIET THUC THU THU VIEN PHI HÓA ĐƠN VIỆN PHI

Từ 12/06/2015 - Đến 12/06/2015

S TT	Phòng	Tiền Thuốc	Tiền DTuyến	Tiền Máu	XN-Cân LSàng	CD Hình	Tiền Phòng	VL Tiêu Hao	TT-Phẫu Thuật	Chi Khác	Công khám	Tiền ăn	Thành Tiền	Miễn Giảm	Thất Thu	Thực Thu
1	Bóng - tạo hình thẩm mỹ	4,142,251	56,700	922,000	1,311,520	312,320	2,166,720	111,615	113,360	0	17,000	896,000	10,049,486	0	0	10,049,486
2	Chẩn trị ung thư hình ảnh	878,452	30,810	0	395,600	532,200	450,500	4,882,605	742,800	0	0	0	7,912,967	0	0	7,912,967
3	Điều trị đau - VLTL - YHCT	3,640,720	0	0	261,400	92,800	0	0	1,238,300	0	357,850	0	5,581,070	0	0	5,581,070
4	Hội sở sức khỏe - Chẩn đoán	842,051	241,100	0	0	0	568,000	102,031	357,000	0	0	0	2,110,182	0	0	2,110,182
5	Khám lâm	30,616,587	22,960	0	19,017,150	15,475,300	0	1,679,102	3,580,000	0	1,939,700	0	72,330,799	0	0	73,307,799
6	Khoa t p cứu	555,695	118,745	496,200	4,292,000	6,499,600	1,156,200	146,397	638,400	0	193,800	0	14,097,037	0	0	14,097,037
7	Khoa t Nội	8,969,083	2,521,233	0	3,676,250	1,305,800	3,179,750	3,351,236	1,076,400	0	34,000	0	24,113,752	0	0	24,113,752
8	Khoa t Ngoại	1,916,100	81,865	0	598,400	134,800	428,000	136,395	588,000	0	0	0	3,883,560	0	0	3,883,560
9	Khoa t Hấp	6,808,394	2,251,543	0	1,691,100	596,900	1,462,275	460,281	50,000	0	0	720,000	14,040,484	0	0	14,040,484
10	Mắt	62,946	0	0	0	0	37,200	1,986,000	485,800	0	0	0	2,571,946	0	0	2,571,946
11	Nội tiết - Tổng hợp	4,796,734	56,136	4,325,000	3,263,520	1,231,560	2,924,780	236,144	792,400	0	0	176,000	17,802,274	35,134	0	17,837,408
12	Ngoại ung thư - Mạch máu	3,204,421	54,860	0	1,276,380	2,042,280	2,236,580	1,714,227	1,627,500	0	0	48,000	12,204,248	0	0	12,204,248
13	Ngoại ung thư - Tổng hợp	2,944,566	27,675	1,654,000	1,043,400	12,600	2,148,700	179,095	1,813,400	0	0	0	9,796,235	0	0	9,796,235
14	Ngoại ung thư - Tiết niệu	835,582	19,580	0	323,150	528,700	595,400	85,137	0	0	0	64,000	2,451,550	0	0	2,451,550
15	Ngoại ung thư - Tổng hợp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	112,000	112,000	0	0	112,000
16	Nhiễm	774,616	326,470	0	804,400	136,800	948,400	83,160	0	0	0	0	3,073,846	0	0	3,073,846
17	Phẫu thuật - GMS	2,032,046	173,475	0	425,000	0	255,000	79,100	12,000,000	0	0	0	14,964,620	0	0	14,964,620
18	Phu s	939,498	119,305	93,000	2,676,720	492,600	2,992,160	41,545	6,456,120	0	0	0	13,810,948	0	0	13,810,948
19	Tai mũi họng	749,502	20,950	0	292,000	18,600	454,300	0	156,000	0	0	0	1,691,352	0	0	1,691,352
20	Tiểu h	1,869,188	10,141	0	994,950	116,900	768,000	236,145	547,200	0	0	0	4,542,524	0	0	4,542,524
21	Tim mạch	2,270,228	25,230	0	2,511,600	4,392,800	2,382,820	2,147,040	300,000	0	0	0	14,029,718	0	0	14,029,718
22	Thần kinh nhân tạo	6,630,476	802,288	93,000	1,469,500	417,100	1,364,600	5,732,577	7,269,800	0	24,650	-376,000	23,428,141	0	0	23,428,141
23	Thần kinh	1,108,766	58,695	0	765,200	2,703,200	1,363,000	47,985	0	0	0	312,000	6,358,846	0	0	6,358,846
Tổng Cộng:		108,360,120	1,100,124	1,100,124	10,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000	0	0	0	108,360,120	0	0	108,360,120

GIAM ĐỐC

KẾ TOÁN T HỢP THU VP

KẾ TOÁN THU VP

SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số : 26A/BHYT

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN CHI PHÍ KHÁM CHỮA BỆNH NỘI TRÚ

Từ ngày: 11/06/2015 - đến ngày: 12/06/2015

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Số thẻ BHYT	Mã KCB	Mã bệnh	Số phiếu thanh toán ra viện	Số hồ sơ BA	Ngày vào viện	Ngày ra viện	Tổng số ngày điều trị	CHI PHÍ KHÁM CHỮA BỆNH PHÁT SINH TẠI CƠ SỞ KCB											Người bệnh chi trả %	Chi phí BHYT thanh toán	Tân thành toán ngoài viện	Mã BHYT	Mã KCB	Giới tính	Đến ngày	Đến ngày	Lĩnh vực	Họ tên	Mức											
												XN	CEHA-TDCN	Thuốc, DT	Mẫu	TT, PT	VT	VTYT KTC	D/VKT Cao	Thuốc K thời gian	Tiền giường	Tiền VC												Công khám	Tổng cộng									
A	B	C	D	E	G	H	I	K	L	M	N	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	11B	12	13	14	15	15B	16	17	18	21	22	23	24	25								
A. BỆNH NHÂN NỘI TINH KCB BAN ĐẦU																																												
1. Nhóm I (mã thẻ DN, HX, CH, NN, TK, HC, XK)																																												
1	Đinh Thị Quê	1989	Đ	24/4/79/02/802/012/79026	88302/Đ/C/Đ/COU TV	834.9	1/06/0008/081/18	2	10/06/2015	12/06/2015	3	323,000	88,000	11,800				6,300				138,000			838,208	107,041	428,164	0	Đ	Đ	21/01/15	30/06/2015	Đ	Đ	Đ	Đ								
2	Phạm Thị Y	1984	Đ	24/4/79/02/802/012/79026	88302/Đ/C/Đ/COU TV	54.0	1/06/0008/081/18	7	10/06/2015	12/06/2015	8	40,000	1,023,294	108,000								208,800			1,284,794	270,989	1,032,838	0	Đ	Đ	21/01/15	30/06/2015	Đ	Đ	Đ	Đ								
102	Trần Thị X	1989	Đ	30/7/89/01/802/012/80001	88302/Đ/C/Đ/COU TV	811	1/06/0008/081/18	2	10/06/2015	12/06/2015	33	900,000	1,876,887	1,380,000								2,220,000			8,048,887	1,144,287	3,882,400	1	Đ	Đ	21/01/15	30/06/2015	Đ	Đ	Đ	Đ								
Cộng V												1,131,000	5,196,495	1,796,000												2,751,000				10,946,495	5,632,177													
Tổng cộng I-II-III+N+V+VI												2,262,000	7,344,364	3,757,000															5,363,000				11,515,679											
												12,698,000	81,387,314	16,291,000															17,500,000				22,046,764	10,133,085										
												22,824,000		1,096,650																			121,905,524	20,695,066										
Tổng cộng A+B+C												97,787,000	263,152,810	87,716,500	66,900,000	164,360,500	170,000																975,539	625,565,181										
												86,234,000	11,146,000	7,764,453																		737,610,261	111,071,740											
Số tiền đề nghị thanh toán (Viết bằng chữ):																																												
Người lập												Trưởng phòng KHTH												Kế toán trưởng												Giám đốc								
(Ký, họ tên)												(Ký, họ tên)												(Ký, họ tên)												(Ký, họ tên)								

II.3.2.17. RC.R.21_Sở YT – Thống kê thuốc tân dược ngoại trú (20/BHYT/TT231)

SỞ Y TẾ TP HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN

Mẫu số 20/BHYT/TT31

THỐNG KÊ TỔNG HỢP THÀNH PHẨM TÂN TÂN DƯỢC

Từ ngày 11/06/2015 đến ngày 12/06/2015

CHO NGƯỜI BỆNH BHYT ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ

STT	STT theo DMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Tên thành phẩm của thuốc	Số ĐK/ GPNK	Nồng độ hàm lượng	Đường dùng, dạng bào	Nhà sản xuất		ĐV tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	BV áp dụng	
									Hãng SX	Nước SX						
1	270	VIEN540	Acyclovir Boston 800mg (Aciclovir)	Aciclovir	Acyclovir Boston 800mg	VD-19769-13	800mg	uống, vi	Boston Pharma		viên	1,280	140	179,200		
2	532	GD004	Adalate 10mg(Nifedipin) (thuốc dành cho khoa thận)	Nifedipin	Adalate 10mg	VN-14010-11	10mg	uống, vi	R.P Scherer GmbH & Co.KG, CHLBĐức	Đức	Viên	2,253	1	2,253		
162		VIEN519	Zoamco-A(Amlodipin 5mg+ Atorvastatin 10mg)	Amlodipin+	Zoamco-A		5mg+10mg	uống, vi	PYMEPHARCO	Việt Nam	viên	3,150	21	66,150		
163	61	VIEN410	Zuryk 300mg (Allopurinol)	Allopurinol	Zuryk 300mg	VN-8207-09	300mg	uống, vi	Công Ty TNHH DP Đạt Vĩ Phú	Việt Nam	Viên	370	803	297,110		
Tổng cộng														7	5,607	

Người lập

Trưởng khoa dược

Kế toán trưởng

Ngày..... tháng..... năm.....
GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên, đóng dấu)

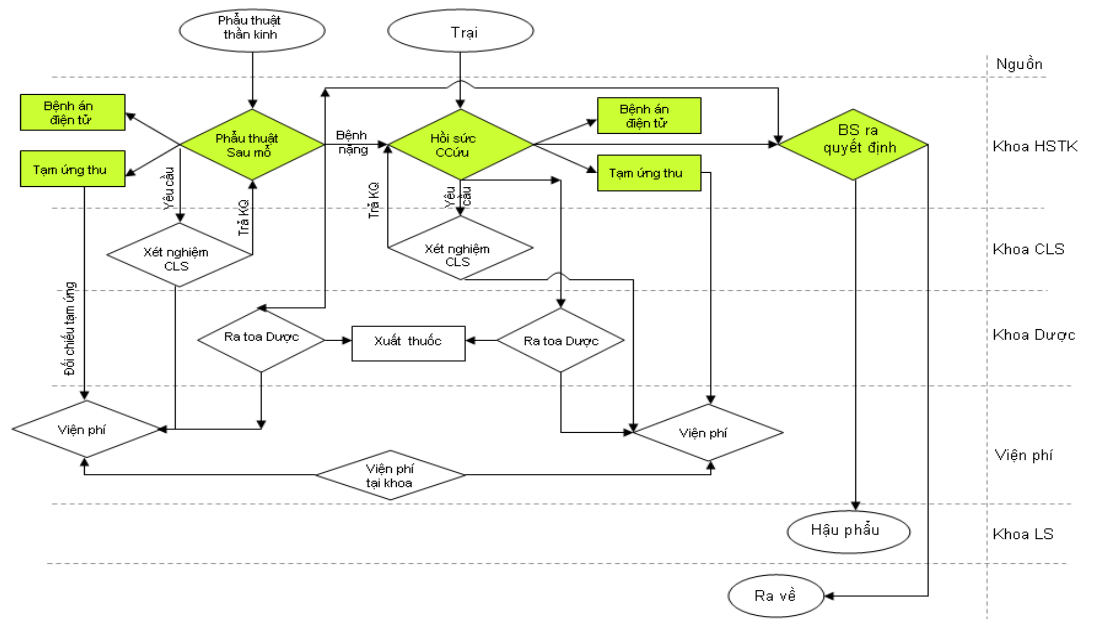
II.4. Quản lý nội trú (lâm sàng)

II.4.1. Giới thiệu – Quy trình nghiệp vụ

- Nơi thực hiện :
- Các khoa nội
- Các khoa ngoại
- Khoa phẫu thuật
- Khoa gây mê - Hồi sức cấp cứu
- Tổng quan chung: Điều trị và tiếp nhận bệnh từ phòng khám bệnh, nơi khác đến và nội trú trong bệnh viện.

KHOA LÂM SÀNG

QUY TRÌNH CHUNG



II.4.2. Các màn hình chính

II.4.2.1. Quản lý thông tin bệnh án nội trú

- Tại các khoa nội trú, điều dưỡng sẽ nhập thông tin chăm sóc hàng ngày. Máy vi tính sẽ cho biết đầy đủ thông tin về bệnh nhân đang điều trị bất cứ thời điểm nào. Các thông tin của một bệnh nhân được nhập nhiều lần, do đó, chức năng tra cứu thông tin về bệnh nhân phải nhanh chóng, chính xác và cập nhật để cho phép cập nhật hay thay đổi thông tin về bệnh nhân này.
- Bệnh nhân sau khi đã xuất viện thì các thông tin của họ không được phép thay đổi (thời gian lưu trữ theo quy định của Bộ Y tế) và những thông tin này được sử dụng cho những lần khám và điều trị tiếp theo tại các bệnh viện khác.
- Hồ sơ bệnh án: (nội khoa, ngoại khoa, sản khoa)
- Thông tin người bệnh: vào viện, ra viện, chuyển khoa
- Trình trạng lúc ra viện
- Chuẩn đoán
- Lý do vào viện - hỏi bệnh
- Vào viện - Khám bệnh
- Vào viện – chuẩn đoán điều trị
- Tổng kế bệnh án

Nhập viện

Số tiếp nhận: 131008-00002 Mã y tế: 008TV150800001 Số vào viện: 15/014118

Họ tên: Cao Thị Thanh Tuổi: 38 Giới tính: Nữ  Sửa TT BN

Địa chỉ: 481/43 Trường Chinh **TT Nhập/xuất**

Thông tin nhập viện

Ngày vào viện: 11: 42, 26/08/2015 ICD vào viện 1: J96.0 Suy hô hấp cấp

Khoa vào: Cấp cứu Tổng hợp ICD vào viện 2: 0000 Không có

Thông tin xuất viện **Thông tin tử vong**

Ngày xuất viện: 26/08/2015 11:42 ICD xuất viện 1: 0000 Không có

Khoa cho ra: Cấp cứu Tổng hợp ICD xuất viện 2: 0000 Không có

Các khoa, phòng đã chuyển: ☐ Đã trả hồ Chuẩn đoán

☐ Cấp cứu Tổng hợp ☐ Ngoại 1 (Ngoại tổng quát)

☐ Hô hấp ☐ Ngoại 2 (Thận - Tiết niệu)

☐ HS-CC ☐ Nhiễm

☐ Liên chuyên khoa ☐ Phòng khám

P.pháp điều trị: B.sĩ điều trị:

Lời dặn:

Kết quả điều trị: Chưa xuất viện Hình thức ra viện: Chưa xuất viện Khoa chỉ tiêu: Cấp cứu Tổng hợp

Giải phẫu: Ghi chú:

 Thêm  Lưu  Bỏ qua  Xem  Sửa  Xóa  In  Thoát

Hệ thống quản lý tổng thể bệnh viện

Bệnh án Vật tư Danh Mục Tiện Ích Báo Cáo Hệ thống View

Bệnh án ngoại khoa ☒ Bệnh án nội khoa

Mã: 70131110098111 Số vào: 10/040145 Ngày: 25/12/2010  Lập tờ điều trị

HÀNH CHÍNH

Họ và tên: PHAM NHANH Năm sinh: 1926 Tuổi: 87

Giới: ☒ Nam ☐ Nữ Nghề nghiệp: Khác Dân tộc: Kinh

Địa chỉ: 429 Nguyễn Thị Ranch, Nhuận Đức, H.Củ Chi, Tp.Hồ Chí Minh

 Quản Lý Người Bệnh  Tình Trạng Ra Viện  Chẩn Đoán  Lý Do Vào Viện - Hồi Bệnh  Khám b

Ngày giờ vào viện: 25/12/2010 08:0: Nơi giới thiệu: ☐ Cơ quan YT ☐ Tư đến ☐ Khác

Trực tiếp vào: ☐ Cấp cứu ☐ KKB ☐ Khoa điều trị Vào viện do bệnh này lần thứ:

Khoa **Ngày giờ**

Vào: Ngoại 1 (Ngoại tổng quát) 25/12/2010 08:01

Ra: Ngoại 1 (Ngoại tổng quát) 25/12/2010 08:01

Chuyển Khoa

Khoa phòng	Buồng	Giường	Ngày giờ	Số ngày
Ngoại 1 (Ngoại tổng	phòng	7	25/12/2010 08:01:58	1

Chuyển viện:

☐ Không ☐ T trên ☐ T dưới ☐ CK

Chuyển đến:

Ngày ra viện: 25/12/2010 08:01

☐ Ra viện ☐ Xin về ☐ Bỏ ☐ Đưa về

Tổng số ngày điều trị: 1

 Thêm  Lưu  Bỏ qua  Xem  Sửa  Xóa  In  Thoát

Kết quả điều trị:

Giải phẫu bệnh: ☐ Không có ☐ Lành tính ☐ Nghi ngờ ☒ Ác

TÌNH HÌNH TỬ VONG

Ngày giờ:

Trạng thái tử vong:

Nguyên nhân TV chính:

Khám nghiệm tử thi: ☐

Chẩn đoán giải phẫu tử thi:

CHẨN ĐOÁN MÃ ICD

Nơi chuyển đến:

KKB. Cấp cứu:

Khi vào khoa ĐT:

☐ Tai biến ☐ Biến chứng ☐ Phẫu thuật ☐ Gây ☐ Nhiễm khuẩn ☐ Khá

Tổng số ngày điều trị sau khi phẫu thuật: Tổng số lần phẫu thuật: MÃ ICD

RA VIỆN

Bệnh chính:

B kèm theo:

Chẩn đoán trước PT:

Chẩn đoán sau PT:

Lý do vào viện: Vào ngày thứ của bệnh

HỐI BỆNH

1. Quá trình bệnh lý: (khởi phát, diễn biến, chẩn đoán, điều trị của tuyến dưới v.v..)

2. Tiền sử bệnh: Ban than

STT	Ký hiệu	T.Gian (theo tháng)	STT	Ký hiệu	T.Gian (theo tháng)
01	Dị ứng		04	Thuốc lá	
01	Ma túy		05	Thuốc lào	
01	Rượu bia		06	Khắc	

Gia đình: (Những người trong gia đình: bệnh đã mắc, đời sống, tinh thần, vật chất v.v..)

1. Toàn thân: (ý thức, da niêm mạc, hệ thống hạch, tuyến giáp, vị trí, kích thước, số lượng, di động v.v..)

2. Bệnh ngoại khoa:

3. Các cơ quan

Tuần hoàn:

Hô hấp:

Tiêu hóa:

Thận tiết niệu - sinh dục:

Chẩn đoán định kỳ

	Mạch(là)	Nhiệt Độ	Huyết áp	Nhịp Thở	Cân nặng
*					

TìnhTrạng Ra Viện | **Chẩn Đoán** | **Lý Do Vào Viện - Hồi Bệnh** | **Khám bệnh** | **Khám Bệnh(tt)**

Thần kinh:

Tai - Mũi -

Mắt

Các xét nghiệm cận lâm sàng cần làm

Tóm tắt bệnh án:

Cơ xương khớp:

Răng - Hàm - Mặt:

Nội tiết dinh dưỡng và các bệnh lý khác:

Lý Do Vào Viện - Hồi Bệnh | **Khám bệnh** | **Khám Bệnh(tt)** | **Chẩn Đoán - Hướng Dẫn Điều Trị**

Chẩn đoán khi vào khoa điều trị

Bệnh chính:

Bệnh kèm theo : (nếu có)

Phân biệt:

Tiền lượng:

Hướng điều trị:

Bác sĩ làm bệnh án:

Khám bệnh | **Khám Bệnh(tt)** | **Chẩn Đoán - Hướng Dẫn Điều Trị** | **Tổng Kết Bệnh án** | **Tổng kết B**

Quá trình bệnh lý và diễn biến lâm sàng:

Tóm tắt Kết quả Xét nghiệm cận lâm sàng có Giá trị Chẩn đoán:

Phương pháp điều trị:

☐ Phẫu thuật ☐ Thủ thuật

	Ngày giờ	PP phẫu thuật/vô cảm	Bác sĩ phẫu thuật	Bác sĩ gây mê
*				

Tình trạng người bệnh ra viện:

Hướng ĐT và các chế độ tiếp

Khám Bệnh(tt) | **Chẩn Đoán - Hướng Dẫn Điều Trị** | **Tổng Kết Bệnh án** | **Tổng kết Bệnh án (tt)**

Hồ sơ - Phim - Ảnh

	Số tờ
X - quang	
CT Scanner	
Siêu âm	
Xét nghiệm	
Khác	
Toàn bộ hồ sơ	

Người giao hồ sơ

Người nhận hồ sơ

Ngày 26/03/2013

Bác sĩ điều trị

- Quy trình nhập viện

- Vào màn hình nhập xuất viện từ menu : Nhập viện , chọn bệnh nhân chưa nhập viện.
- Nếu đã chọn buồng giường cho bệnh nhân thì chỉ khoa đó mới có thể nhập thông tin cho bệnh nhân.
- Chuyển khoa cho bệnh nhân vào màn hình chuyển khoa. Khoa được chuyển tới sẽ điều chỉnh buồng giường cho bệnh nhân. Nếu khoa cũ chuyển nhầm có thể điều chỉnh lại nếu khoa chuyển đến chưa chọn buồng giường.

- Danh sách bệnh nhân nội trú

Tổng số : 83

Số vào viện	Tên bệnh nhân	Tuổi	Buồng	Số BHYT	Ngày vào viện	Khoa vào	Ngày ra viện	Khoa ra	Kết quả điều...
16	Trần Thanh Thiện	24.00		GD779070020292779026	20/12/2010 09:08	Ngoại 1 (Ngoại t...	22/12/2010 07:52	Ngoại 1 (Ngoại t...	Chưa xuất viện
17	Hoàng Lê Thiều Tâm	55.00		DN779007180028579026	20/12/2010 08:23	Ngoại 1 (Ngoại t...	20/12/2010 08:23	Ngoại 1 (Ngoại t...	Chưa xuất viện
18	Nguyễn Thị Bích Nga	59.00		GD779130020248679028	20/12/2010 08:48	Ngoại 1 (Ngoại t...	20/12/2010 08:48	Ngoại 1 (Ngoại t...	Chưa xuất viện
19	Phan Tấn Thành	29.00		DN779502150004579060	18/12/2010 12:57	Ngoại 1 (Ngoại t...	21/12/2010 07:58	Ngoại 1 (Ngoại t...	Chưa xuất viện
20	Trần Văn Thành	25.00			18/12/2010 15:32	Cấp cứu Tổng hợp	20/12/2010 09:04	Ngoại 1 (Ngoại t...	Chưa xuất viện
21	Lê Văn Kên	23.00		DN779080630006179026	19/12/2010 17:11	Ngoại 1 (Ngoại t...	24/12/2010 08:46	Ngoại 1 (Ngoại t...	Chưa xuất viện
22	Nguyễn Văn Chèo	66.00		GD779020070174979029	20/12/2010 05:31	Ngoại 1 (Ngoại t...	20/12/2010 05:31	Ngoại 1 (Ngoại t...	Chưa xuất viện
23	Đỗ Phú Quang	23.00		GD779120110197479026	20/12/2010 08:35	Ngoại 1 (Ngoại t...	20/12/2010 08:35	Ngoại 1 (Ngoại t...	Chưa xuất viện

II.4.2.2. Tờ điều trị

- Mỗi ngày bác sĩ sẽ ra y lệnh cho bệnh nhân. Hằng ngày các điều dưỡng sẽ dựa vào y lệnh của bác sĩ để phát thuốc cho bệnh nhân
- Theo dõi diễn biến bệnh, y lệnh hằng ngày (sáng, trưa, chiều, tối)
 - Lập y lệnh:
 - Kê toan thuốc
 - Công khai vật tư
 - In:
 - Công khai thuốc
 - Công khai vật tư
 - Toa thuốc xuất viện
- Thông tin chi tiết:

Hệ thống quản lý tổng thể bệnh viện

Bệnh án: **TỜ ĐIỀU TRỊ** | Tất cả BS | Số vào viện: **10/040145** | Khoa: **Ngoại 1 (Ngoại tổng c...**

Họ tên BN: **PHẠM NHANH** | BHYT: **HT279200310001779040 (100%) 01/01 - 31/12/2010**

Tuổi: **87** | Giới tính: **Nam** | Buồng: **phòng** | Giường: **7**

Chẩn đoán: | Mã ICD: **0000** | Không có

Ngày giờ	Diễn biến bệnh	Y lệnh khác	Bác sỹ	Tủ trực	Nhập bù	TT X	Tc
25/12/2010 5:36 CH			Khôi, Lê Nguyên	☐	☐	☐	10
26/12/2010 6:30 SA			Khôi, Lê Nguyên	☒	☐	☐	10
26/12/2010 7:24 SA			Huân, Trần Quang	☒	☐	☐	10
26/12/2010 2:35 CH			Tối, Nguyễn Tấn	☐	☐	☐	10

Chi tiết tờ điều trị							
Ngày giờ	Diễn biến bệnh	V lệnh khác	Bác sỹ	Tủ trực	Nhập bù	TT X	Tc
26/12/2010 6:30 SA			Khôi, Lê Nguyên	☒	☐	☐	10
26/12/2010 7:24 SA			Huân, Trần Quang	☒	☐	☐	10

Nhấn F3 để xem chi tiết y lệnh

Chi tiết y lệnh											
STT	Nhóm Dv	Dịch vụ	SL/Lần	lần/Ngà	Số Ng	Giờ sử dụng	Đường dùng	T Cộn	T Cộn	Cách dùng	Gh
1	Dịch truyền	Nac 0,9% 500ml [Chai]	1	1	1	S	Dùng	1	0		
2	Dịch truyền	Glucosa 5% 500ml [Chai]	1	1	1	S	Dùng	1	0		
3	Thuốc	Tanatril 10mg(Imidapril) [Viên]	1	1	1	S	Uống	1	0		
4	Thuốc	Amlodipin AMP 5mg [viên]	1	1	1	S	Uống	1	0		
5	Xét nghiệm	(Huyết đồ) Tổng phân tích tế	1	1	1	S	Dùng	1	0		
6	Xét nghiệm	(TP + TCA) - Thời gian Proth	1	1	1	S	Dùng	1	0		

- Thông tin chi tiết kê toa:

TỜ ĐIỀU TRỊ

Tất cả BS ☐ Số vào viện: 10/040145 Khoa: Ngoại 1 (Ngoại tổng c)

Hỗ trợ nhập thuốc pampara 500mg(Pralidoxim iodid) [ống], giá mới nhất: 45,298.0

Số lượng/lần: 2 Ngày: 2 lần Số ngày: 3 Nhập bù

Tên dịch vụ	Ngày thực hiện	Giờ SD	SLượng YLện	SLg thanh toán	ServiceID
pampara 500mg(Pralidoxim iodid)	25/12/2010 5:36 CH	S	2.00	2.00	DO052
pampara 500mg(Pralidoxim iodid)	26/12/2010 5:36 CH	S	2.00	2.00	DO052
pampara 500mg(Pralidoxim iodid)	27/12/2010 5:36 CH	S	2.00	2.00	DO052
pampara 500mg(Pralidoxim iodid)	28/12/2010 5:36 CH	S	2.00	2.00	DO052
pampara 500mg(Pralidoxim iodid)	29/12/2010 5:36 CH	S	2.00	2.00	DO052

Kê toa 3 ngày

- Hỗ trợ nhập bù: lùi ngày, toa thuốc xuất viện

Hỗ trợ nhập thuốc Aspirin 81mg (aspifar) [Viên], giá mới nhất: 99.0

Số lượng/lần: 3 Viên Ngày: Uống 3 lần Số ngày: 7 Nhập bù

Tên dịch vụ	Ngày thực hiện	Giờ SD	SLượng YLện	SLg thanh toán	ServiceID
Aspirin 81mg (aspifar) [Viên]	25/12/2010 5:36 CH	S	3.00	3.00	VIEN144
		Tr	3.00	3.00	VIEN144
		C	3.00	3.00	VIEN144
	26/12/2010 5:36 CH	S	3.00	3.00	VIEN144
		Tr	3.00	3.00	VIEN144
		C	3.00	3.00	VIEN144
	27/12/2010 5:36 CH	S	3.00	3.00	VIEN144
		Tr	3.00	3.00	VIEN144
		C	3.00	3.00	VIEN144
	28/12/2010 5:36 CH	S	3.00	3.00	VIEN144
		Tr	3.00	3.00	VIEN144
		C	3.00	3.00	VIEN144
	29/12/2010 5:36 CH	S	3.00	3.00	VIEN144
		Tr	3.00	3.00	VIEN144
C		3.00	3.00	VIEN144	

Giờ sử dụng (S-Tr-C-T): S-Tr-C

Tổng số lượng: 63 Tổng số lượng toa thuốc xuất viện: 63

Chấp nhận Bỏ qua

- Hỗ trợ nhập công khai vật tư cho dịch vụ kỹ thuật, cho phép định nghĩa sẵn bộ vật tư của dịch vụ kỹ thuật sử dụng, có thể điều chỉnh, thêm bớt khi sử dụng thực tế

Hỗ trợ nhập thuốc Tìm kiếm , giá mới nhất: 0.0

Số lượng/lần: 3 Ngày: 3 lần Số ngày: 3 ☐ Nhập bù

☐ !*Băng treo niều VS012-KY!* [Cái] ☐ Băng cá nhân [miếng] ☐ Băng dán Optiski
☐ !*Băng treo tay !*[cái] ☐ Băng cuộn vn (0.09 x 3)m [Cuộn] ☐ Băng dán Optiski
☐ m*10cm [cuộn] ☐ Băng dán optiskir
☐ n (250 x 90) mm [m] ☐ Băng dán Optiski

Thông tin nhập thêm

Tên Vật tư : **Băng cuộn vn (0.09 x 3)m [Cuộn]** Khoa:

Số lượng: 1 Cuộn Đơn giá: 1.890.00

Giá dịch vụ ☐ Đơn giá dịch vụ 0
Lịch giá dịch vụ 0

		Tên VTTH					
			băng				
		ày	SI DVKT	SL chuẩn	Số lượng		
		12/2010	9	2	18		
		12/2010	9	1.5	13.5		
		12/2010	9	2	18		
	4	HC634	Kim cánh bướm số 23 (MỚI)	26/12/2010	9	1.5	13.5
	5	BOB001A	Băng cá nhân	27/12/2010	9	2	18
	6	HC634	Kim cánh bướm số 23 (MỚI)	27/12/2010	9	1.5	13.5
*							

Tổng số lượng: 27

- Hỗ trợ nhập dịch vụ dạng gói (bộ), thông tin gói dịch vụ được định nghĩa trước:

DỊCH VỤ ĐI KÈM

Khoa :

Ngôi 1 (Ngoại tổng c

Xem dịch vụ

Các dịch vụ đi kèm đã có trong khoa

Buồng Điểm (mới) [Ngày]

Bơm tiêm 5cc k23 [Cái]

Bơm tiêm 10cc k23 [Cái]

Thụt tháo phân [lần]

Đặt ống thông bàng quang (thông tiểu)

Dây truyền máu [Sợi]

diclofenac 3ml 75mg(Diclofenac) [ống]

dolargan 100mg (Pethidine) [ống]

Fluoro uracil 250mg (5

morphin 0.01g(Morphin

Pantoloc iv 40mg(Panto

Primperan 10mg [ống]

Chuyển đổi

Tên dịch vụ Cha : Primperan 10mg [ống]

Tên dịch vụ đi kèm:

Các dịch vụ đi kèm :

STT	Mã dịch vụ con	Tên dịch vụ con	Số lượng	Tính tiền	DV hết Dunn
1	BOB039	Gòn viên 100gr	0.01	X	
2	BOM003	Bơm tiêm 5cc k23	1	X	
3	GEL002A	Găng khám ngắn - đôi	1	X	

☒ **Primperan 10mg [ống]**

Dịch vụ có định nghĩa là gói dịch vụ



2	Thuốc	Primperan 10mg [ống]	1	1	1	Uống	1	1	Viên
3	Vật liệu tiêu	Gòn viên 100gr	0.01	1	1	Uống	0.01	0.01	Viên
4	Vật liệu tiêu	Bơm tiêm 5cc k23	1	1	1	Uống	1	1	Viên
5	Vật liệu tiêu	Găng khám ngón - đôi	1	1	1	Uống	1	1	Viên

- Thông tin danh sách bệnh nhân tại khoa:

	Số Vào Viện	Họ Tên	Buồng	Giường	tuoi	Bù	TT ...	Thời gian	Chẩn Đoán	Khoa
25	10/040177	Nguyễn Thị Phượng	Phong Di...	D2	43.00			26/12/2010 14:24		Ngoại 1 (Ngoại t...
26	10/040216	Trương Thị Thu	02	19	61.00			27/12/2010 09:08		Ngoại 1 (Ngoại t...
27	10/040216	Trương Thị Thu	BT	19	61.00			27/12/2010 06:17		Ngoại 1 (Ngoại t...
28	10/040246	La Trung Định	06	Giường bổ	66.00			27/12/2010 08:33		Ngoại 1 (Ngoại t...
29	10/040246	La Trung Định	BT	Giường bổ	66.00			27/12/2010 06:20		Ngoại 1 (Ngoại t...
I 31	10/040219	Trần Thanh Minh	BT	3	43.00			27/12/2010 06:23		Ngoại 1 (Ngoại t...
31	10/040219	Trần Thanh Minh	phòng đi...	3	43.00			27/12/2010 08:18		Ngoại 1 (Ngoại t...
32	10/040238	Phạm Thị Tạo	phòng đi...	7	80.00			27/12/2010 08:21		Ngoại 1 (Ngoại t...

- Quy trình thiết lập tờ điều trị :

- Chọn bệnh nhân trên danh sách hoặc đánh số vào viện của bệnh nhân thuộc khoa đó
- Thêm mới hoặc chỉnh sửa tờ điều trị (Nếu tờ điều trị đã được tổng hợp thuốc thì sẽ không cho phép chỉnh sửa)
- Nhập thông tin tờ điều trị : ngày giờ , diễn tiến bệnh , bác sĩ
- Nhập thuốc điều trị và các vật tư đi kèm (có thể sử dụng phím nhanh atl+T để hiện thị danh sách thuốc và vật tư)

II.4.2.3. Thực hiện y lệnh

- Cho phép cập nhật thời gian thực hiện y lệnh thực tế theo chỉ định điều trị

Hỗ trợ nhập thuốc Aspirin 81mg (aspifar) [Viên], giá mới nhất: 99.0

Số lượng/lần: 3 Viên Ngày: Uống 3 lần Số ngày: 7 Nhập bù

Tên dịch vụ	Ngày thực hiện	Giờ SD	SLượng YLện	SLg thanh toán	Service
Aspirin 81mg (aspifar) [Viên]	25/12/2010 5:36 CH	S	3.00	3.00	VIEN144
		Tr	3.00	3.00	VIEN144
		C	3.00	3.00	VIEN144
	26/12/2010 5:36 CH	S	3.00	3.00	VIEN144
		Tr	3.00	3.00	VIEN144
		C	3.00	3.00	VIEN144
	27/12/2010 5:36 CH	S	3.00	3.00	VIEN144
		Tr	3.00	3.00	VIEN144
		C	3.00	3.00	VIEN144
	28/12/2010 5:36 CH	S	3.00	3.00	VIEN144
		Tr	3.00	3.00	VIEN144
		C	3.00	3.00	VIEN144
	29/12/2010 5:36 CH	S	3.00	3.00	VIEN144
		Tr	3.00	3.00	VIEN144
		C	3.00	3.00	VIEN144

Giờ sử dụng (S-Tr-C-T): S-Tr-C

Tổng số lượng: 63 Tổng số lượng toa thuốc xuất viện: 63

Chấp nhận Bỏ qua

II.4.2.4. Xuất viện tại khoa

- Cho phép lập thông tin xuất viện tại khoa
- Lập toa thuốc xuất viện
- Cập nhật thông tin xuất viện
- In giấy xuất viện, giấy xuất viện có chứng nhận phẫu thuật
- In giấy chuyển viện

Xuất viện

Số tiếp nhận: 101216-00010 Mã y tế: 008TV101201762 Số vào viện: 10/039175

Họ tên: Huỳnh Thị Chiêu Tuổi: 88 Giới tính: Nữ
Địa chỉ: 310 Lý Thường Kiệt F14

Thông tin nhập viện

Ngày vào viện: 04/26/16/12/2010 ICD vào viện 1: K80.4 Sỏi ống mật cổ viêm túi mật
Khoa vào: Cấp cứu Tổng hợp ICD vào viện 2: 0000 Không có

Thông tin xuất viện

Ngày xuất viện: 16/12/2010 04:29 ICD xuất viện 1: 0000 Không có
Khoa cho ra: Ngoại 1 (Ngoại tổng qu ICD xuất viện 2: 0000 Không có

Các khoa, phòng đã chuyển ☐ Đã trả hồ Chuẩn đoán

☐ Cấp cứu Tổng hợp ☐ Ngoại 1 (Ngoại tổng quát)
☐ Hô hấp ☐ Ngoại 2 (Thận - Tiết niệu)
☐ HS-CC ☐ Nhiễm
☐ Liên chuyển khoa ☐ Phòng khám

Khoa, phòng Ngày chuyển

P.pháp điều trị B.sĩ điều trị: Hoàng, Nguyễn Thanh

Lời dặn

Kết quả điều trị Chưa xuất viện Hình thức ra viện Khoa chỉ tiêu: Ngoại 1 (Ngoại tổng quát)

Giải phẫu Ghi chú

Thêm Lưu Bỏ qua Xem Sửa Xóa In Thoát

II.4.2.5. Viện phí khoa

- Lập phiếu tổng hợp thanh toán tại khoa: phiếu này làm cơ sở theo dõi chi phí điều trị bệnh nhân tại khoa và tổng hợp thanh toán tại viện phí.
- Với bệnh nhân thường: không có bảo hiểm y tế: cứ 2 ngày hoặc khi cần thì khoa sẽ tổng hợp viện phí và báo bệnh nhân để bệnh nhân thanh toán viện phí.
- Đối với bệnh nhân bảo hiểm y tế: sẽ tập hợp chi phí bảo hiểm y tế để khi xuất viện sẽ làm căn cứ lập chứng từ viện phí khi xuất viện và yêu cầu bệnh nhân tạm ứng nếu cần.

Viện phí khoa

Chưa tạo VPK Số VV: 10/039083 Khoa: Ngoại 1 (Ngoại tổng

Họ tên người bệnh: LÊ THANH TUẤN BHYT: CN687050030023487182
Tuổi: 41 Giới tính: Nam Bụng: 4 Giường: 32 Ngày VK: 18/07/2012 9:55:01 SA

Thời gian thu VP (F6)

Từ	Đến
15/12 08:00	21/02 14:16
21/02 14:16	18/07 08:00

Ngày TT Ghi chú: Tên d.vụ:

Chi tiết Dịch vụ (F7)

Tên DV	Ngày TH	SL S.dụng	SL T.toán DV thể
Điện tâm đồ (ECG)	15/12/2010	1	1
	15/12/2010	1	1
	16/12/2010	1	1
Phí phục vụ (CCT, SẢN, NG1, KD, TMH, T	17/12/2010	1	1
	18/12/2010	1	1
	19/12/2010	1	1
	20/12/2010	1	1
Alvesin 6E 500ml (hội chẩn)(Acid amin*)	27/12/2011	3	3
Aminoplasma-Hepa 10% 500ml (hội chấ	20/12/2010	1	1
Glucosa 5% 500ml	20/12/2010	2	2
Lactat ringer's 500ml	20/12/2010	2	2
Loại F1 (từ 6 -7 giường) loại 1	21/02/2012	433.2	433.2
	15/12/2010	1	1
	16/12/2010	1	1

Thêm Lưu Bỏ qua Xem Sửa Xóa In LSVP Thoát

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BV. CẤP CỨU TRUNG ƯƠNG
Khoa : Ngoại 1 (Ngoại tổng quát)
Phòng : 4
Số giường : 32.

PHIẾU TỔNG HỢP THUỐC Y DỤNG CỤ - XN - CLS DÙNG HÀNG NGÀY VÀ THANH TOÁN TIỀN CHO BỆNH NHÂN RA VIỆN

Từ ngày : đến ngày :

Số BHYT: **CN687050030023487182**

Họ tên bệnh nhân : **Lê Thanh Tuấn**

Tuổi : **41** Số hồ sơ : **10/039083**

TÊN THUỐC VÀ NỒNG ĐỘ HẠM LƯỢNG	Đơn vị	25/2	18/7	5/3	Tổng SL
Loại F1 (từ 6 -7 giường) loại 1	Ngày	437.1			437.1
Khẩu rạch cùng đồ	lần		1.0		1.0
Paracetamol Winthrop 500mg	Viên			2.0	2.0
Ultracet (Paracetamol 325mg+ Tramadol hydrochloride (DV) Anti HBeAg	Viên			1.0	1.0
(DV) PCT (Procalcitonin)	lần		1.0		1.0

Thành tiền: **4,929,422**

BN đóng: **1,361,884**

GIÁM ĐỐC/ TRƯỞNG KHOA

Y TÁ (ĐD) TRƯỞNG KHOA

...ngày...tháng...năm 200...
Y TÁ PHỤ TRÁCH

- Xem lịch sử thanh toán của bệnh nhân:

Lịch sử thu viện phí

Số vv: **10/039083** **Xem** **Thoát**

Họ tên người bệnh: **LÊ THANH TUẤN** Tuổi: **41** Giới tính: **Nam**

Lịch sử thu viện phí (F6)

STT	Khoa	Số Viện phí	Từ Ngày	Đến Ngày	Ngày thu VP	ST thanh
1	Ngoại 1 (Ngoại tổng qu	VPPK0000005/	20/12/2010 8:00	16/01/2011 4:00	17/01/2011 4:43	307,840
2	Ngoại 1 (Ngoại tổng qu	VPPK0000006/	20/12/2010 8:00	16/01/2011 4:00	17/01/2011 4:46	2,835,000

TTSD trong khoa : **156,758,650.00** Tổng tiền TT: **3,142,840.00** Còn Nợ : **153,615,810.00**

Chi tiết thu viện phí (F7)

STT	Tên Dịch vụ	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Loại F1 (từ 6 -7 giường) loại 1	32.3	10,000.00	323,000.00
2	Savi paracetamol 500mg (Paracetamol)	1	1,200.00	1,200.00
3	Sinh thiết thận	27	45,000.00	1,215,000.00

TTSD các khoa : **156,758,650.00** Tổng tiền TT: **3,142,840.00** Còn Nợ : **153,615,810.00**

II.4.2.6. Tổng hợp thuốc hằng ngày

- Tổng hợp thuốc cho mỗi khoa
- Phân loại thuốc và vật tư tiêu hao choa bệnh nhân trong khoa
- Phiếu tổng hợp thuốc sẽ được gửi đến khoa dược để cấp phát thuốc

PHIẾU TỔNG HỢP THUỐC

Chọn khoa/ngày tổng hợp thuốc: **khoa y cầu** Từ ngày: **18/01/2006 06:40** Đến ngày: **18/01/2006 09:41** **Tổng hợp thuốc**

Chi tiết phiếu tổng hợp thuốc

Tên nhóm thuốc	Tên thuốc	Đơn vị	SL yêu cầu	Ghi chú
Thuốc độc	dexa 4mg	ống	3	
	hydrocortisone 100mg	Lô	2	
	nitromint 2,6mg	Viên	6	
	primperan	ống	4	
Thuốc hướng tâm thần	rifadin 300 mg (rifampicin)	Viên	2	
	Sibelum 5mg	Viên	3	
	diazepam 5 mg(Melikusen)	Viên	4	
	seduxen 10mg	ống	1	
Thuốc kháng sinh - Giảm độc	augmentine 1g	Viên	6	
	Ciprofloxacin 500mg	Viên	14	
	Dextro-Ache	viên	45	
	dantalvic	Viên	3	
Thuốc kháng sinh - Giảm độc	flagyl 250mg (Metronidazol)	Viên	6	
	lith 150mg (litoside)	Viên	2	
	Negacef 500mg	viên	2	
	Pantoloc 40mg (viên)	viên	1	
Thuốc khác	servambutol (ethambutol) 0,4g	Viên	3	
	Tamoxifen 10mg	Viên	3	

Lưu **Bỏ qua** **Xem** **Sửa** **Xoá** **In** **Thoát**

- Lập phiếu trả thuốc

II.4.2.7. Công khai vật tư

- Quản lý vật tư y dụng cụ sử dụng cho bệnh nhân trong quá trình điều trị
- Cập nhật công khai vật tư theo tờ điều trị hằng ngày: ví dụ chi tiết các vật tư trong bộ tim bắp được định nghĩa sẵn:

Hỗ trợ nhập thuốc Tìm kiếm , giá mới nhất: 0.0

Số lượng/lần: 3 Ngày: 3 lần Số ngày: 3 ☐ Nhập bù

☐ !*Băng treo niệu VS012-KY!* [Cái] ☐ Băng cá nhân [miếng] ☐ Băng dán Optiski
☐ !*Băng treo tay !*[cái] ☐ Băng cuộn vn (0.09 x 3)m [Cuộn] ☐ Băng dán Optiski
☐ m*10cm [cuộn] ☐ Băng dán optiskir
☐ in (250 x 90) mm [m] ☐ Băng dán Optiski

Thông tin nhập thêm

Tên Vật tư : **Băng cuộn vn (0.09 x 3)m [Cuộn]** Khoa:

Số lượng: 1 Cuộn Đơn giá: 1.890.00

Giá dịch vụ ☐ Đơn giá dịch vụ 0
Lịch giá dịch vụ 0

		Tên VTTH				
				SI DVKT	SL chuẩn	Số lượng
1	BOB001A	Băng cá nhân	27/12/2010	9	2	18
2	HC634	Kim cánh bướm số 23 (MỠI)	27/12/2010	9	1.5	13.5
3	BOB001A	Băng cá nhân	27/12/2010	9	2	18
4	HC634	Kim cánh bướm số 23 (MỠI)	27/12/2010	9	1.5	13.5

*

Tổng số lượng: 27 Y lệnh

- Tự cập nhật trong tờ điều trị
- Vật tư phát sinh trong các dịch vụ dạng gói
- Vật tư sử dụng trong các gói phẫu thuật thủ thuật
- In phiếu công khai vật tư

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BV. CẤP CỨU TRUNG ƯƠNG
Khoa : Ngoại 1 (Ngoại tổng quát)

PHIẾU CÔNG KHAI VẬT TƯ TIÊU HAO

Từ ngày : 13/03/2013 15 :24:29 đến ngày : 26/03/2013 16:5

Số NV: 10

Họ và tên người bệnh: **Nguyễn Thị Thanh Tuyền**

Tuổi : **46,00** Số giường: 17

Số phòng: 2

Ngày nhập viện: 15/12/2010

Chuẩn đoán: 0000 - Không có

TÊN KỸ THUẬT VÀ THỦ THUẬT			Bảng cá nhân	Bảng cuộn vn (0,09 x 3)m	Kim cánh bướm số 23 (Mũi)	Số khoản
14/3	VTTH	Tim bấp	28,00	7,50	21,00	56,50
15/3	VTTH	Tim bấp	24,00	7,50	18,00	49,50
16/3	VTTH	Tim bấp	24,00	7,50	18,00	49,50
Tổng Cộng			76.0	22.5	57.0	155.5

- Lập phiếu yêu cầu vật tư của khoa cho từng kho

Dịch vụ kỹ thuật - Vật tư tiêu hao
Phiếu tổng hợp, yêu cầu

PHIẾU TỔNG HỢP/ YÊU CẦU
Số phiếu
X101221@0001

Điều kiện tổng hợp

Khoa
HS-CC - HS-CC

Kho
Y dụng cụ, thiết bị Y tế

Từ
14/12/2010 09:

Đến
21/12/2010 13:

Ghi chú

Tên VT

Tổng hợp vật tư

☐ Bảng askina fix 10cm x 10 m [Cuộn]
☐ Bảng askina soft 20 x 9 cm [Miếng]
☐ Bảng thun 5 x 8 cm (askina elast fine 4 x 6 cm) [Cuộn]
☐ Bảng thun askina elast fine 4 x 6 cm [Miếng]
☐ Bảng thun 5 x 10 cm (askina elast fine 4 x 8 cm) [Cuộn]
☐ Bảng thun askina elast fine 4 x 8 cm [Miếng]
☐ Bảng thun 6 inch thái [Cuộn] (BANG)
☐ Bảng thun askina elast fine 4 x 10 cm [Cuộn]
☐ Bảng thun 4 inch thái [Cuộn] (BANG)

Chi tiết phiếu tổng hợp và yêu cầu

	STT	Tên VTHH	Đơn vị	SL t.hợp	SL yêu cầu	Ghi chú
▶	1	Bảng dán UrgoTul 10 x10 cm	miếng	13.00	20.00	
	2	bảng Urgo Derm 10x10	cuộn	1.00	0.00	
	3	Bảng Urgo Derm 10 cm x 10m	cm	447.00	0.00	
	4	Bảng Urgosorb Rope 30cmX2.2cm	Cuộn	1.00	1.00	
	5	Bơm tiêm 1cc K29 insulin	Cái	74.00	0.00	
	6	Bơm tiêm 3cc k23	Cái	63.00	300.00	
	7	Bơm tiêm 5cc k23	Cái	439.00	500.00	

- Lập phiếu trả vật tư

Dịch vụ kỹ thuật - Vật tư tiêu hao Phiếu tra ✕

PHIẾU TRẢ **Số phiếu** T101115@0002

Khoa Trả Ngoại 1 (Ngoại tổng q Kho Dược Người duyệt Khôi, Lê Nguyễn

Thời gian 15/11/2010 16:18 Diễn giải

Tên VTTH

☐ augmentin 625 mg [viên] (KSV) ☐ actrapid (insulin) [ống] (DO) ☐ atropin 1mg 1ml [ống] (kso)
☐ actraphane 400UI/10ml(mixtard) [ống] ☐ Actrapid (Insulin) [DV] (do) ☐ avlocardyl 5ml [ống] (kso)
☐ Actraphane 400UI/10ml (mixtard) [DV] ☐ adrenalin 1mg [ống] (kso) ☐ Buscomin [ống] (kso)

Chi tiết trả cho kho từ khoa

STT	Tên VTTH	Đơn vị	Số kiểm soát	Số lượng	Ghi chú
1	Glucosa 10%	Chai	2.00	2.00	
2	Nacl 0,9% 500ml	Chai	2.00	2.00	
3	Aminosteril N Hepa 250ml	chai	6.00	6.00	
4	Augbactam 1 g	lọ	3.00	3.00	
5	Amikaye 0.5g (hội chẩn)	Lọ	1.00	1.00	
6	Cefosule 1g (hội chẩn)	Lọ	7.00	7.00	

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BV. CẤP CỨU TRƯNG VƯƠNG
Khoa: **Ngoại 1 (Ngoại tổng quát)**

MS:
Số: T101115@0002

PHIẾU TRẢ LẠI DƯỢC
Ngày 15 tháng 11 năm 2010

Số TT	Tên Dược	Đơn vị	Số kiểm soát	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Glucosa 10%	Chai	2	2			
2	Nacl 0,9% 500ml	Chai	2	2			
3	Aminosteril N Hepa 250ml	chai	6	6			
4	Augbactam 1 g	lọ	3	3			
5	Amikaye 0.5g (hội chẩn)	Lọ	1	1			
6	Cefosule 1g (hội chẩn)	Lọ	7	7			
7	Zantac 50mg	ống	5	5			
8	Aminoplasma 10% 500ml	chai	1	1			
9	Intralipos 10% 250ml	chai	1	1			
10	Vit c 0,5g(Cevit)	ống	1	1			
11	Vit k1 10mg	ống	2	2			
Tổng khoản:				31			

Ngày.....tháng.....năm 200....

TRƯỞNG KHOA DƯỢC **NGƯỜI NHẬN** **NGƯỜI GIAO** **TRƯỞNG KHOA**

II.4.2.8. Lập phiếu trả vật tư

- Tổng hợp trả lại thuốc và vật tư không sử dụng cho Kho
- In phiếu trả vật tư

Dịch vụ kỹ thuật - Vật tư tiêu hao Phiếu tra ✕

PHIẾU TRẢ **Số phiếu** T101115@0002

Khoa Trả Ngoại 1 (Ngoại tổng q Kho Dược Người duyệt Khôi, Lê Nguyễn

Thời gian 15/11/2010 16:18 Diễn giải

Tên VTTH

☐ augmentin 625 mg [viên] (KSV) ☐ actrapid (insulin) [ống] (DO) ☐ atropin 1mg 1ml [ống] (kso)
☐ actraphane 400UI/10ml(mixtard) [ống] ☐ Actrapid (Insulin) [DV] (do) ☐ avlocardyl 5ml [ống] (kso)
☐ Actraphane 400UI/10ml (mixtard) [DV] ☐ adrenalin 1mg [ống] (kso) ☐ Buscomin [ống] (kso)

Chi tiết trả cho kho từ khoa

STT	Tên VTTH	Đơn vị	Số kiểm soát	Số lượng	Ghi chú
1	Glucosa 10%	Chai	2.00	2.00	
2	Nacl 0,9% 500ml	Chai	2.00	2.00	
3	Aminosteril N Hepa 250ml	chai	6.00	6.00	
4	Augbactam 1 g	lọ	3.00	3.00	
5	Amikaye 0.5g (hội chẩn)	Lọ	1.00	1.00	
6	Cefosule 1g (hội chẩn)	Lọ	7.00	7.00	

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH BV. CẤP CỨU TRUNG VƯƠNG Khoa: Ngoại 1 (Ngoại tổng quát)		MS: Số: T101115 @0002					
PHIẾU TRẢ LẠI DƯỢC Ngày 15 tháng 11 năm 2010							
Số TT	Tên Dược	Đơn vị	Số kiểm soát	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Glucosa 10%	Chai	2	2			
2	NaCl 0,9% 500ml	Chai	2	2			
3	Aminosteril N Hepa 250ml	chai	6	6			
4	Augbactam 1 g	lọ	3	3			
5	Amikaye 0.5g (hội chẩn)	Lọ	1	1			
6	Cefosule 1g (hội chẩn)	Lọ	7	7			
7	Zantac 50mg	ống	5	5			
8	Aminoplasma 10% 500ml	chai	1	1			
9	Intralipos 10% 250ml	chai	1	1			
10	Vit c 0,5g(Cevit)	ống	1	1			
11	Vit K1 10mg	ống	2	2			
Tổng cộng:				31			

Ngày.....tháng.....năm 200....

TRƯỞNG KHOA DƯỢC NGƯỜI NHẬN NGƯỜI GIAO TRƯỞNG KHOA

II.4.2.9. Quản lý thông tin buồng giường

- Thống kê chi tiết tất cả buồng, giường của các khoa
- Đưa ra sơ đồ tổng quát của các buồng trong khoa, các giường trong mỗi buồng để dễ dàng quản lý
- Hiện thông tin hiện tại của bệnh nhân tại mỗi giường

THÔNG TIN CHI TIẾT GIƯỜNG TRONG KHOA

Khoa Hô hấp 16 phòng/phòng trống(0)/giường trống(2)

4 giường/trống(1)/ một người(0)/ hai người(0)

Thông tin chi tiết giường

Số vào viện: 04/023072
MÃ Y tế: 70131104070042
Họ tên: LƯU THỊ KHA
Năm sinh: 1924 Giới tính: Nữ
Tuổi: 82
Địa chỉ: 36/3/200 Nguyễn Hồng
Đào F. 14
Tân Bình
Tp Hồ Chí Minh - Việt
Ngày vào viện: 31/8/2004 9:17:00
Ngày chuyển: 31/8/2004 9:17:00

II.4.2.10. Báo cáo tại khoa

- Khi một bệnh nhân nhập viện vào khoa lâm sàng bệnh van tim, bệnh nhân này sẽ được lập một bệnh án lâm sàng bệnh van tim.
- Thuốc y dụng cụ - XN – CLS tổng hợp của bệnh nhận

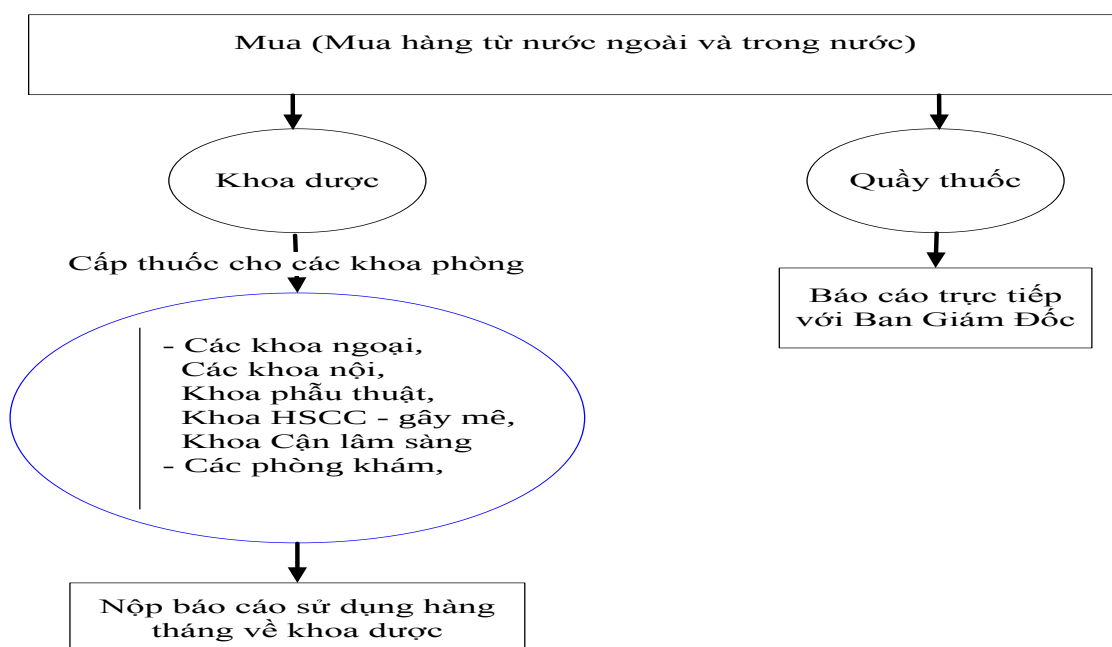
Khoa : Hô hấp				Hô hấp							
				Thuốc độc	Thuốc nước			Thuốc thường			
NGÀY : 10/06/07 9:14				Thuốc độc	Dây truyền dịch	Glucosa 5%	Kim cánh bướm	acodein(Terpincodein)	vitamin a 5000 ui	vitamin b1 250mg	
				DV	Sợi	Chai	Cái	Vên	Vên	Vên	
08/06/2	P10	44	Tran Van Cong	1.00				1.00			
		Tổng phòng			1.00			1.00			
		Tổng ngày			1.00			1.00			
08/06/2	P12	49	Huynh Nhat Cuong		1.00	1.00	12.00		7.00	21.00	
		Tổng phòng				1.00	1.00	12.00		7.00	21.00
		Tổng ngày				1.00	1.00	12.00		7.00	21.00
Tổng cộng				1.00	1.00	1.00	12.00	1.00	7.00	21.00	

- Thuốc y dụng cụ - XN – CLS tổng hợp của khoa
- Thuốc y dụng cụ - XN – CLS tổng hợp của phòng
- Báo cáo tình hình bệnh tật tử vong

II.5. Quản lý dược

II.5.1. Giới thiệu – Quy trình nghiệp vụ

- Quản lý nhập xuất tồn kho Dược
- Hỗ trợ liên kết số liệu tự động: tập hợp chứng từ phát thuốc bảo hiểm để lập phiếu xuất, tổng hợp phiếu lĩnh thuốc các khoa để lập phiếu xuất đảm bảo số liệu chắc chắn, chính xác, nhanh chóng.
- Tập hợp số liệu báo cáo theo từng kho (kho chặn, kho lẻ, kho bảo hiểm) và báo cáo chung toàn kho Dược



II.5.2. Các màn hình chính

II.5.2.1. Nhập kho chặn – nhập mua từ nhà cung cấp:

- Phải chọn nhà cung cấp

- Nhập số chứng từ

PHẦN MỀM QUẢN LÝ THUỐC

1. Kho chẩn 2. Kho lẻ 3. Báo cáo 3. Danh mục Quản lý thuốc Hệ thống

Thêm Sửa Lưu Lưu thêm Lưu thoát Bỏ qua Xóa Xem Refresh Print Thoát Báo cáo

Nhập kho chẩn

Kho dược: **Kho chẩn** STT: **2**

Số chứng từ: **NC1404/00035** Nguồn nhập: Nhà cung cấp: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM 10/3**

Ngày chứng từ: **15/04/2014 11:40** Người nhập: Test Tester Nguồn kinh phí: Viên phí Hình thức: Đầu thầu

Số hóa đơn: **09765474** Thanh toán: Chuyển khoản Người mua hàng:

Ngày hóa đơn: **15/04/2014** Tổng tiền: **25,114.96** Thuế: **5 %**

Ghi chú:

Hỗ trợ nhập thuốc (Ctrl+F)

bắt buộc phải chọn nhà cung cấp và nhập số chứng từ

Đang thêm mới ...

Mã thuốc	Tên thuốc	Đơn vị	Nước SX	Đơn giá	Thành tiền VAT	Đơn giá VAT
1 DO008	Bricanyl 0,5mg/1ml(Terbutalin sulfat)	ống	1.	11,390.462	11,390.462	11,989.96
2 DO010	Tetracain 0.5% (Tetracain (hydrochlorid))	Lọ	1.	12,468.75	12,468.75	13,125.

Số lượng thuốc: **2** Tổng thành tiền: **23,859.212** Tiền VAT: **1,192.9606** Tổng thành tiền VAT: **25,114.96**

Skin: DevExpress Style Test ibmsrvr.CNCHospital 15/04/2014

II.5.2.2. Nhập kho chẩn – khoa trả (nhập từ các khoa trả về)

- Phải chọn khoa trả
- Không cần nhập hóa đơn

PHẦN MỀM QUẢN LÝ THUỐC

1. Kho chẩn 2. Kho lẻ 3. Báo cáo 3. Danh mục Quản lý thuốc Hệ thống

Thêm Sửa Lưu Lưu thêm Lưu thoát Bỏ qua Xóa Xem Refresh Print Thoát Báo cáo

Nhập kho chẩn

Kho dược: **Kho chẩn** STT: **2**

Số chứng từ: **NC1404/00002** Nguồn nhập: Khoa trả: **Hồ hấp**

Ngày chứng từ: **15/04/2014 12:08** Người nhập: Test Tester Nguồn kinh phí: Viên phí Hình thức: Đầu thầu

Số hóa đơn: Thanh toán: Chuyển khoản Người mua hàng: DS Nguyễn Thị Kim Hoa

Ngày hóa đơn: **15/04/2014** Tổng tiền: **9,450.** Thuế: **5 %**

Ghi chú:

Hỗ trợ nhập thuốc (Ctrl+F)

Bắt buộc phải chọn khoa trả

Đã lưu ...

Mã thuốc	Tên thuốc	Đơn vị	Nước SX	Số lượng	Thành tiền	Đơn giá	Thành tiền VAT	Đơn giá VAT	Số lẻ	Hạn dùng	Ghi
1 DO003	Adrenalin 1mg (Đức)	ống		1.	8,977.5	8,977.5	9,450.	9,450.		15/04/2015	

Số lượng thuốc: **1** Tổng thành tiền: **8,977.5** Tiền VAT: **448.875** Tổng thành tiền VAT: **9,450.**

Skin: DevExpress Style Test cncsr\sql08.CNCHospital 15/04/2014

II.5.2.3. Nhập kho chẩn – nhập mượn từ kho khác (dùng để nhập xuất nội bộ)

- Phải chọn nhà cung cấp là kho:BHYT hoặc Kho lẻ
- Số hóa đơn không cần nhập

II.5.2.4. Xuất kho chẩn - xuất khác (xuất cho các kho)

- Chức năng: Xuất cho các kho(BHYT ,Kho lẻ)
- Chọn kho xuất (là kho chẩn xuất cho kho nào)

II.5.2.5. Xuất kho chẩn - tổng hợp dịch truyền từ khoa nội trú (xuất dịch truyền cho các khoa)

- Chọn kho xuất (là kho chẩn xuất cho kho nào)
- Số yêu cầu : Chọn số yêu cầu của dịch truyền đã sử dụng
- Sau khi chọn xong Nhấn nút tổng hợp

II.5.2.6. Xuất trả nhà cung cấp (Xuất cho các nhà cung cấp)

- Chọn NCC: Bắt buộc chọn nhà cung cấp

- Nhập thuốc cần trả

PHẦN MỀM QUẢN LÝ THUỐC

1. Kho chứa 2. Kho lẻ 3. Báo cáo 3. Danh mục Quản lý thuốc Hệ thống

Thêm Sửa Lưu Lưu thêm Lưu thoát Bỏ qua Xóa Xem Refresh Print Báo cáo Thoát Báo cáo

Xuất kho chứa

Số chứng từ: XC1407/00169 Ngày chứng từ: 09/07/2014 11:50 STT: Số phiếu lãnh

Kho xuất: Khác (trả NCC, ...) Khoa xuất: Khám bệnh Người xuất: Test Tester

Phân loại xuất: Xuất trả nhà cung cấp **Kho CC/Kho:** CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM 10/3

Ghi chú

Hỗ trợ nhập thuốc (Ctrl+F)

Đang thêm mới ...

Mã thuốc	Tên thuốc	ĐVT	Nước SX	SL yêu...	SL thực...	Ghi chú	Quy ...	Tỷ l...	Tồn cuối	KT Tồn kho	
1	DO009	cordarone 150 mg(Amiodaron)	ống		0.	3.			1	0.	TK chi tiết

II.5.2.7. Tồn kho chứa (mỗi khi liên quan tới tồn kho bắt buộc phải xử lý tồn kho)

- Xử lý tồn kho chứa bạn làm như sau: nhập tháng, năm, kho cần xử lý, Nhấn nút xử lý nếu dữ liệu tồn kho thay đổi
- Mỗi thuốc được tính theo số lô và hạn dùng.
- Công thức tính: $(A + B) - C$
- Trong đó:
 - A: Số lượng tồn của tháng trước .
 - B: Số lượng nhập của tháng cần xử lý tồn kho.
 - C: Số lượng xuất của tháng cần xử lý tồn kho.

PHẦN MỀM QUẢN LÝ THUỐC

1. Kho chứa 2. Kho lẻ 3. Báo cáo 3. Danh mục Quản lý thuốc Hệ thống

Tồn kho được

Tháng: 3 Năm: 2014 Kho: Kho chứa

Mã thuốc	Tên thuốc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Hạn dùng	Số lô	Kinh phí	Kho được	Chợ
1	DT126 Dextran 6% 400ml	Chai	3.	130,000.	390,000.				Viên phí	Kho chứa
2	V1EN004 Codein (Terpincodein)	Viên	-2.	264,9999	-529,9998				Viên phí	Kho chứa
3	V1EN004 Acodein (Terpincodein)	Viên	8,000.	264,9999	2,119,999.56	01/01/2016	12012AN		Viên phí	Kho chứa
4	DO002 Actrapid (insulin)	ống	-4,444,443.	95,970.	-426,533,194,710.				Viên phí	Kho chứa
5	DO002 Actrapid (insulin)	ống	80.	95,970.	7,677,600.	21/03/2015			Viên phí	Kho chứa
6	DO002A Actrapid (Insulin)(Human Insulin tác dụng nhanh)	DV	-21.	240.	-5,040.				Viên phí	Kho chứa
7	DO002A Actrapid (Insulin)(Human Insulin tác dụng nhanh)	DV	1.	240.	240.	28/03/2015			Viên phí	Kho chứa
8	DV1017 Acyclovir 800mg(Acyclovir)	viên	4,200.	2,300.	9,660,000.	17/12/2015	0050		Viên phí	Kho chứa
9	GD004 Adalate 10mg(Nifedipin)	Viên	90.	2,253.	202,770.	01/02/2016	BXGGKH1		Viên phí	Kho chứa
10	GD004 Adalate 10mg(Nifedipin)	Viên	-1.	2,253.	-2,253.	01/02/2016	BXGGKH1		Viên phí	Kho chứa
11	NUOC009 Adenosine 6mg	ống	5.	37,595.	187,975.				Viên phí	Kho chứa
12	NUOC009 Adenosine 6mg	ống	6.	37,999.8333	227,999.	01/11/2014	CE1633		Viên phí	Kho chứa
13	DO003 Adrenalin 1mg (Đức)	ống	2.	9,450.	18,900.	10/03/2015			Viên phí	Kho chứa
14	DO003 Adrenalin 1mg (Đức)	ống	33.	9,450.	311,850.	28/03/2015			Viên phí	Kho chứa
15	DO165 Adrenalin 1mg (Việt Nam)(Adrenalin)	ống	7,500.	6,300.	47,250,000.	10/06/2015	121212		Viên phí	Kho chứa
16	DO165 Adrenalin 1mg (Việt Nam)(Adrenalin)	ống	2,820.	6,300.	17,766,000.	16/08/2015	010213		Viên phí	Kho chứa
17	DV1077 Aldactone 25mg(Spironolacton)	Viên	25.	1,974.	49,350.	22/03/2015	209035		Viên phí	Kho chứa
18	DV1077 Aldactone 25mg(Spironolacton)	Viên	5.	1,974.9994	9,874.997	23/03/2015			Viên phí	Kho chứa
19	DV1077 Aldactone 25mg(Spironolacton)	Viên	5,500.	1,975.	10,862,499.8	06/08/2015	209003		Viên phí	Kho chứa
20	DV1077 Aldactone 25mg(Spironolacton)	Viên	-355.	1,975.	-701,125.	06/08/2015	209003		Viên phí	Kho chứa
21	DV1077 Aldactone 25mg(Spironolacton)	Viên	4,500.	1,975.	8,887,500.	08/08/2015	209003		Viên phí	Kho chứa
22	DV1077 Aldactone 25mg(Spironolacton)	Viên	9,500.	1,975.	18,762,500.	09/08/2015	209003		Viên phí	Kho chứa
23	DV1077 Aldactone 25mg(Spironolacton)	Viên	500.	1,974.9996	987,499.8	08/08/2015	209003		Viên phí	Kho chứa
24	DV1077 Aldactone 25mg(Spironolacton)	Viên	5,000.	1,975.	9,875,000.	08/08/2015	209003		Viên phí	Kho chứa
25	DV1077 Aldactone 25mg(Spironolacton)	Viên	4,200.	1,975.	8,295,000.	08/08/2015	209003		Viên phí	Kho chứa

Nhấn F2/Double click: sửa dữ liệu/ bung màn hình chọn

Xem Xử lý Lưu Xóa Import Export Báo cáo Đóng

Skin: DevExpress Style Test cncsrv\q08.CNCHospital 15/04/2014

II.5.2.8. Kiểm kê được (dùng kiểm kê được và nhập số lượng thực tế sau khi kiểm kê)

- Trước khi kiểm kê phải xử lý tồn kho của tất cả các kho (Kho chứa, kho lẻ, kho BHYT).
- Nhập ngày kiểm kê, tháng cần kiểm kê, kho kiểm kê

- Nhấn nút xử lý nếu tồn kho ở một trong các kho **thay đổi**
- Nhấn nút xem nếu tồn kho ở tất cả các kho **không thay đổi**
- Nhấn nút thêm thuốc để kiểm kê nếu thuốc đó sau khi xử lý tồn bằng 0.
- Khi có số lượng thực tế thì điền số lượng thực tế vào phần mềm sẽ tự động làm theo công thức->Nhấn nút lưu

PHẦN MỀM QUẢN LÝ THUỐC

1. Kho chẩn 2. Kho lẻ 3. Báo cáo 4. Danh mục 5. Quản lý thuốc 5. Tài vụ Hệ thống

Kiểm kê thuốc

Ngày kiểm kê: 31/07/2015 Tháng 7 Năm 2015 Kho Kho chẩn

Thêm thuốc

Mã thuốc	Tên thuốc	ĐVT	Nước SX	Số lượng	Số lượng TT	Hư hỏng	Tổng Cộng	SL thừa	SL thiếu	Ghi chú	Chi tiết
NUOC409	Aclasta inf. 5mg/ 100ml (Zoledronic a...	Chai	Thụy Sĩ	5.	5.			0.	0.		Chi tiết
NUOC182	Actilyse 50mg (Alteplase)	Lo	Đức	2.	2.			0.	0.		Chi tiết
GD006	Adelate LA 30mg (Nifedipin)	Viên	Đức	25,200.	25,200.			0.	0.		Chi tiết
NUOC009	Adenosine 6mg	ống		11.	0.	11.	11.	0.	0.		Chi tiết
VIEN491	Albendazol 400mg(Albendazol)	viên	vn	40.	40.			0.	0.		Chi tiết
VIEN521	Albis (Ranitidin + Bismuth + Sucralfat)	viên	Hàn Quốc	9,300.	9,300.			0.	0.		Chi tiết
NUOC140	Albumin 20% 50ml (Bebring)	Chai	đức	60.	60.			0.	0.		Chi tiết
KSO100	Alfacef 1g (Ceftazidim)	Lo	việt nam	-20.	-20.			0.	0.		Chi tiết
DV1260	Amaryl 2mg (Glimepiride)	viên	ý	600.	600.			0.	0.		Chi tiết
DT002	Aminoplasma 8Braun 5% E 500ml (Ac...	Chai	Đức	201.	201.			0.	0.		Chi tiết
DT001	Aminoplasma-Hepa 10% 500ml (hội ch...	Chai	Đức	4.	4.			0.	0.		Chi tiết
NUOC137	Aminoplasma 8Braun 10% E 250 ml (...)	Chai	Đức	31.	31.			0.	0.		Chi tiết
DT121	Amiparen 10% 500ml(hội chẩn)	Chai	nhật	200.	200.			0.	0.		Chi tiết
DO164	Atropin Sulfat Kabi 0.1% 10ml	Lo	Việt Nam	131.	131.			0.	0.		Chi tiết
NUOC395	Atropin sulfate Augettant 0,5mg 1ml (A...	ống	Pháp	10.	10.			0.	0.		Chi tiết
KSV005	Augmentine 1g (Amoxicillin + acid clav...	Viên		3,780.	3,780.			0.	0.		Chi tiết
GD155	Betaloc ZOK 50mg(Metoprolol succinat...	Viên	Thụy Điển	21,504.	21,504.			0.	0.		Chi tiết
THUOC3	Bổ phế chỉ khái	Chai	Việt Nam	30.				0.	0.		Chi tiết
GD147	Brexin 20mg(Piroxicam Betacyclodextrin)	Viên	ý	17,000.				0.	0.		Chi tiết
DO008	Bricanyl 0,5mg/1ml(Terbutalin sulfat)	ống		50.				0.	0.		Chi tiết
VIEN467	Bromhexin 8mg	Viên	Việt Nam	20,000.				0.	0.		Chi tiết
DO106	Buscopan 20mg(Hyoscin butylbromid)	ống	Tây Ban Nha	100.				0.	0.		Chi tiết
KSO007	Calcium gluconate 10% 10ml	Lo	Pháp	100.	100.			0.	0.		Chi tiết
DV1248	Captopril 25mg KH	viên	việt nam	5,000.	5,000.			0.	0.		Chi tiết
KSO163	Cefapezone 1g (hội chẩn) (Cefoperazo...	Lo		20.	0.	20.	20.	0.	0.		Chi tiết
NUOC105	Cerebrolysin 10ml (Cerebrolysin)	ống	Áo	1,150.	1,150.			0.	0.		Chi tiết
VO101	Cevita 500mg 5ml (Vitamin c)	ống	Việt Nam	100.	100.			0.	0.		Chi tiết
VIEN099	Cinnarizin 25mg (cinnarizin)	Viên	Việt Nam	8,750.	8,750.			0.	0.		Chi tiết
NUOC111	Ciprinol 200mg/100ml (Ciprofloxacin)	chai		1.	0.	1.	1.	0.	0.		Chi tiết
KSV015	Clindamycin 150mg	Viên	Việt Nam	350.	350.			0.	0.		Chi tiết
VIEN497	Clorpheniramin 4 mg	viên	Việt Nam	3,400.	3,400.			0.	0.		Chi tiết
VIEN261	Co-Diovan 160mg/25mg (Valsartan+Hy...	Viên	ý	9,968.	9,968.			0.	0.		Chi tiết
NUOC426	Colistin TZF (Colistimethat) 1M.U.I	lo	Balan	100.	100.			0.	0.		Chi tiết
KSO370	Combikil 1,5g (Tiracilin + kali clavulanat)	lo	Việt Nam	200.	200.			0.	0.		Chi tiết
DT159	Combilipid 1440ml (BHYT Hưởng 50%-L...	túi	hàn Quốc	400.	400.			0.	0.		Chi tiết
NUOC437	Combivent 3mg + 0,52mg/ml (Salbuta...	ống	PHÁP	1,680.	1,680.			0.	0.		Chi tiết

Xem Xử lý Lưu Report Đóng

Skin: Office 2010 Silver - Test: ibmservr.CNCHospital - 24/08/2015 2:57 PM 8/24/2015

Nhập số lượng thực tế kiểm và HH

Nhập xong nhấn nút lưu

- Xem chi tiết thì nhấn nút chi tiết

PHẦN MỀM QUẢN LÝ THUỐC

1. Kho chẩn 2. Kho lẻ 3. Báo cáo 4. Danh mục 5. Quản lý thuốc 5. Tài vụ Hệ thống

Kiểm kê thuốc

Ngày kiểm kê: 15/04/2014

Kiểm kê được chi tiết

Đc	Tên thuốc	Đơn giá	Số Lo	Hạn Dùng	SL	SL TT	Hư hỏng	TC kiểm kê	SL thiếu	SL thừa	Thành tiền	Chon	Chi tiết
13	Alesin 10E 250ml (hội chẩn)												Chi tiết
14	Amikacin 500mg (Sopharma)												Chi tiết
15	Amikay 0.5g (hội chẩn) (Amika)												Chi tiết
16	Aminoleben 500ml (hội chẩn) (A)												Chi tiết
17	Aminoplasma-Hepa 10% 500ml	19,085.0	612243	03/10/2015	140.0	0.0	0.0	0.0	140.0	0.0			Chi tiết
18	Amiodipin AMP 5mg	19,085.0	612243	06/10/2015	140.0	0.0	0.0	0.0	140.0	0.0			Chi tiết
19	amoxicillin 500mg	19,085.0	612243	13/10/2015	140.0	0.0	0.0	0.0	140.0	0.0			Chi tiết
20	Anoma 0,25mcg (Calditriol)	19,085.0	612243	16/10/2015	140.0	0.0	0.0	0.0	140.0	0.0			Chi tiết
21	Artan 2mg (Trichoxy phenidyl, Tr)	19,085.0	612243	26/10/2015	42.0	0.0	0.0	0.0	42.0	0.0			Chi tiết
22	Aspirin 81mg (aspifar)	19,085.0	612243	28/10/2015	140.0	0.0	0.0	0.0	140.0	0.0			Chi tiết
23	Atorvastatin 10mg	19,085.0	612243	30/10/2015	1,400.0	0.0	0.0	0.0	1,400.0	0.0			Chi tiết
24	Atropin Sunfat 0.25 mg												Chi tiết
25	Atropin Sunfat 1mg/1ml (Atropin)												Chi tiết
26	Augmentin 1,2g (in)(Amoxicilli												Chi tiết
27	Augmentine 1g (Amoxicillin + ac												Chi tiết
28	Augmex DUO 1g (Amoxicillin + a												Chi tiết
29	avdicardyl 5ml												Chi tiết
30	Berlithrox 100mcg(Levothyroxin												Chi tiết
31	3A Berodual 20ml												Chi tiết
32	3 Berodual 20ml (Fenoterol + Iprat												Chi tiết
33	4 Berodual inhaler 10ml (Fenoterol												Chi tiết
34	Betaloc ZOK 50mg(Metoprolol s												Chi tiết
35	Biafine 93gr (Trolamin)												Chi tiết
36	Bitead 1g (Ceftazidim)												Chi tiết
37	Bismect Sachet 3.8g (Bismecti												Chi tiết

Nhấn F2/Double click: sửa dữ liệu/ bung màn hình chọn

Xem Thêm Lưu Export Đóng

Skin: DevExpress Style - Test: cncarv/gu08.CNCHospital - 15/04/2014

Xem chi tiết

II.5.2.9. Dự trữ thuốc - thêm dự trữ mới

- Trước khi dự trữ phải xử lý tồn kho của tất cả các kho (bắt buộc).

PHẦN MỀM QUẢN LÝ THUỐC

1. Kho chứa 2. Kho lẻ 3. Báo cáo 4. Danh mục 5. Quản lý thuốc 6. Tài vụ 7. Hệ thống

Dự trữ thuốc

Từ ngày: 01/09/2014 Đến ngày: 22/09/2014 Nhóm thuốc: Thuốc chung Kho: Kho Dược

STT	Vi	Tồn kỳ trước	Nhập trong kỳ	Tổng số	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ	Dự trữ	Đơn giá	Thành tiền	NCC
1		3.	0.	3.	0.	3.	10.	130,000.	1,300,000.	
2		975.		975.	1.	974.	0.	12,000.	0.	
3		8,389.	0.	8,389.	939.	7,450.	0.	698.	0.	
4		2,649.	458.	3,107.	449.	2,658.	0.	0.	0.	Cty TNHH DP Anh Mỹ
5		307.	0.	307.	939.	272.	35.	150.15	0.	
6		37.	0.	37.	0.	37.	0.	2,870.	0.	
7		5.	0.	5.	0.	5.	0.	10,323,587.5	0.	
8		0.	0.	0.	0.	0.	0.	240.	0.	
9		27.	0.	27.	6.	21.	0.	155,999.55	0.	Cty TNHH MTV Vimed...
10		0.	0.	0.	0.	0.	0.	0.	0.	
11		32.	0.	32.	0.	32.	10.	33,000.	330,000.	Cty CP DP Việt Hà
12		0.	0.	0.	103.	-103.	0.	2,300.	0.	
13		4,953.	0.	4,953.	0.	4,953.	3.	0.	0.	Vimedimex
14		177.	0.	177.	37.	140.	5.	2,253.	11,265.	Cty CP DL TW2
15		19,740.	0.	19,740.	4,969.	14,771.	0.	0.	0.	Cty CP DL TW2
16		17.	0.	17.	0.	17.	7.	31,884.	223,188.	
17		8,339.	0.	8,339.	524.	7,815.	0.	2,457.	0.	Vinh Phúc
18		25.	0.	25.	0.	25.	0.	105,000.	0.	Cty TNHH Y Tế TP. HC...
19		5,316.	0.	5,316.	4,941.	375.	0.	0.	0.	Cty CP Dược Pha Nam
20		0.	0.	0.	0.	0.	0.	70,000.	0.	
21		195.	0.	195.	14.	181.	0.	0.	0.	Vacopharm
22		6,300.	0.	6,300.	654.	5,646.	0.	0.	0.	Cty CP DP Việt Hà
23		0.	0.	0.	3.	-3.	0.	817,999.36	0.	
24		8.	0.	8.	2.	6.	0.	765,000.	0.	
4		1,110	0	1,110	470	640	0	1,000,000	0	

- Cột đơn giá và cột NCC sẽ tự động lấy trong danh mục thuốc của dược
- Nhập vào cột dự trữ, đơn giá, thành tiền của thuốc cần dự trữ
- Thành tiền dự trữ (tự động cập nhật theo số lượng dự trữ và đơn giá dự trữ)

II.5.2.10. Xem danh sách đã dự trữ

- Chọn kho trước khi xem

Xem

Từ ngày: 7/8/2014 12:00:00 Đến ngày: 5/1/2014 12:00:00 Kho: KHODUOC Loại thuốc: Thuốc chung CreateID: Test

	ID	NgàyDuTru	Từ ngày	Đến ngày	KhoDuocID	LoaiThuocNa...	CreateID
1	2	7/8/2014 12:00:00	5/1/2014 12:00:00	7/8/2014 11:59:00	KHODUOC	Thuốc chung	Test

Click chuột vào dòng dự trữ cần xem

Lọc theo ngày dự trữ

Điều kiện lọc

Từ ngày: 08/07/2014 đến: 08/07/2014

Lọc

Tổng số : 1

Chọn

Làm tươi

Export

Trở về

II.5.2.11. Nhập kho lẻ

- Nhập kho lẻ từ kho chứa:
- Chức năng: Xác nhận những phiếu kho chứa xuất cho kho lẻ(kho lẻ, kho BHYT).

1 Nhập kho lẻ (từ kho chẩn)

Số chứng từ: **XC1508/00051** Ngày chứng từ: 03/08/2015 16:17 STT : 50 Số phiếu lãnh:
 Kho nhận: **Kho BHYT** Khoa xuất: **BHYT thường** Người xuất: **Lương Thị Thu Hà**
 Phân loại xuất: **Xuất khác** Khu được: **BHYT thường**
 Ghi chú:
 Hỗ trợ nhập thuốc (Ctrl+F):
 Lịch sử: 04/08 09:02:54, NGOC DUOC; ; 04/08 08:40:35, HADUOC;
 Đang xem ...

Xuất chi tiết Xem chi tiết Chi tiết tổng hợp

	Mã thuốc	Tên thuốc	ĐVT	Nước SX	SL yêu...	SL thự...	Ghi chú	Quy ...	Tỷ l...	Tồn cuối	CreateID
1	GD006	Adalate LA 30mg (Nifedipin)	Viên	Đức	0.	1,800.			1	25,200.	HADUOC
2	VIEN521	Albis (Ranitidin + Bismuth + Sucralfat)	viên	Hàn Quốc	0.	3,000.			1	7,800.	HADUOC
3	DV1156	Concor 2.5mg(Bisoprolol hemifumarate)	Viên	Đức	0.	5,400.			1	10,200.	HADUOC
4	DV006	concor 5mg(Bisoprolol hemifumarate)	Viên	Đức	0.	5,400.			1	21,600.	HADUOC
5	DV1079	Coversyl 5mg(Perindopril)	Viên	Pháp	0.	2,400.			1	21,900.	HADUOC
6	VIEN608	Dismin 500mg (Diosmin+Hesperidin)	Viên	Việt Nam	0.	0.			1	1,080.	HADUOC
7	VIEN496	Dros- Ta 40mg (Drotaverin clohydrat)	viên	Việt Nam	0.	800.			1	800.	HADUOC
8	VIEN250	Exforge 5/80mg (Amlodipin+Valsartan)	Viên	Tây Ban ...	0.	560.			1	5,600.	HADUOC
9	DO142	Mixtard 1000DV/10ml(Human Insulin 30...	Lọ	Đan Mạch	0.	50.			1	110.	HADUOC
10	NUOC219	Mixtard 30 flexpen 100IU/ml 3ml (1 bút ...	Bút	Đan Mạch	0.	100.			1	1,450.	HADUOC
11	GD154	Nexium Mups 40mg (Esomeprazol)	Viên	Thụy Điển	0.	490.			1	14,980.	HADUOC
12	VIEN534	Savi Metformin 1000 mg (Metformin)	viên	Việt nam	0.	500.			1	500.	HADUOC
13	DO162	Symbicort 160/4.5 mcg(Budesonid+For...	lọ	Thụy Điển	0.	20.			1	170.	HADUOC

Số thuốc : 15 Ghi chú nhận ☐ Đã nhận thuốc Tổng thành tiền

- Nhập kho lẻ từ khoa trả:
 - Chức năng: Dùng để nhập thuốc từ các khoa trả về.
 - Phân loại: Khoa trả
 - Số yêu cầu: Click vào nút 3 chấm để tìm theo số yêu cầu.
 - Chọn nhóm thuốc: Dịch truyền, thuốc viên ...
 - Nút tổng hợp: Click sẽ tự động lấy thuốc theo phiếu yêu cầu.

1 Nhập kho lẻ

Số chứng từ: **NL1508/00001** Người nhập: **Hà Thị Minh Ánh** Số phiếu lãnh: **STT : 1**
 Ngày chứng từ: 03/08/2015 15:42 Kho nhập: **Kho lẻ** Khoa: **Khoa Cấp cứu**
 Phân loại: **Khoa trả** Số yêu cầu: **1508-0201-00001** Thuốc nước + t... **Tổng hợp**
 Ghi chú:
 Hỗ trợ nhập thuốc (Ctrl+F):
 Lịch sử:
 Nhà CC/kho:
 Đang xem ...

Chi tiết

	Mã thuốc	Tên thuốc	ĐVT	Nước SX	Số lượn...	Số lượnq	Ghi chú	CreateID	CreateTime
1	NUOC140	Albumin 20% 50ml (Bebring)	Chai		1.	1.		ANH DUOC	03/08/2015 15:
2	NUOC370	Combikit 1,5g (Tiracilin + kali clavulanat)	lọ		2.	2.		ANH DUOC	03/08/2015 15:

Số lượng thuốc Ghi chú nhận Tổng thành tiền

- Nhập kho lẻ từ kho khác:
 - Chức năng: Dùng để nhập nội bộ từ các kho với nhau.
 - Phân loại: Nhập từ kho khác.

- Kho nhập: Kho nhập thuốc về
- Nhà CC/kho: Chọn kho xuất thuốc cho kho nhập.
- Số yêu cầu: Tìm và chọn số yêu cầu tương ứng.
- Tổng hợp: Dùng để tổng hợp thuốc từ phiếu yêu cầu.

Chi tiết	Mã thuốc	Tên thuốc	ĐVT	Nước SX	Số lượng...	Số lượng	Ghi chú	CreateID	CreateTime
1	DV014	Diazepam 5mg	Viên		500.	500.		HIENDUOC	06/01/2015 08:
2	DV031	Phenobarbital 100mg(phenobarbital)	Viên		50.	50.		HIENDUOC	06/01/2015 08:

II.5.2.12. Xuất kho lẻ - Phòng khám khoa thận

- Chức năng: Xuất thuốc cho khoa thận từ những phiếu yêu cầu khoa thận làm.
- Khoa xuất: chọn khoa thận.
- Phân loại xuất: PK khoa thận
- Ngày: Ngày khoa thận làm phiếu yêu cầu từ STT đến STT bao nhiêu.
- Tổng hợp: Lấy thuốc từ các phiếu có STT đã được chọn.

Chi tiết xuất	Mã thuốc	Tên thuốc	ĐVT	Nước SX	SL yêu cầu	Quy ...	Tỷ l...	Tồn cuối
1	GD006	Adalate LA 30mg (Nifedipin)	Viên		105.	105.		1
2	VIEN144	Aspirin 81mg (Acetylsalicylic acid)	Viên		63.	63.		1
3	GD155	Betaloc ZOK 50mg(Metoprolol succin...	Viên		26.	26.		1
4	VIEN596	Bihasal 2.5 mg (Bisoprolol hemifuma...	viên		32.	32.		1
5	VIEN515	Calsid 1250 (Calci carbonat 3750mg ...	viên		105.	105.		1
6	DV006	concor 5mg(Bisoprolol hemifumarate)	Viên		11.	11.		1
7	DV1079	Coversyl 5mg(Perindopril)	Viên		21.	21.		1
8	VIEN281	Cozaar 50mg (Losartan)	Viên		21.	21.		1
9	DV1178	Domepa 250mg(Methyldopa)	Viên		357.	357.		1
10	VIEN599	Domitral 2,5mg (Nitroglycerin)	Viên	Việt Nam		42.		22
11	VIEN250	Exforge 5/80mg (Amlodipin+Valsartan)	Viên		42.	42.		1
12	DV1251	Flodicar 5mg (Felodipin)	viên		105.	105.		1

II.5.2.13. Xuất kho lẻ - PK cấp cứu xuất viện.

- Chức năng: Xuất thuốc cho khoa cấp cứu khi có phiếu viện phí.
- Kho xuất: Chọn khoa cấp cứu.
- Phân loại xuất: PK cấp cứu xuất viện.
- Số viện phí: Chọn số viện phí cần xuất thuốc.
- Tổng hợp: Lấy thuốc từ phiếu viện phí để xuất.

Xuất kho lẻ

Kho thuốc: **Kho lẻ** | Số chứng từ: **XL1508/00461** | Ngày chứng từ: **07/08/2015 09:04** | **Xuất nội trú**

Khoa xuất: **Khoa Cấp cứu** | Người xuất: **Nguyễn Phi Uyên Tâm** | Số phiếu lãnh:

Phân loại xuất: **PK Cấp cứu xuất viện** | Số viện phí: **VPPK0237617/15** | **Tổng hợp**

Ghi chú: | Lịch sử:

Hỗ trợ nhập thuốc (Ctrl+F):

Chi tiết xuất: **Chi tiết tổng hợp**

Tìm số viện phí | **Đang xem ...**

	Mã thuốc	Tên thuốc	ĐVT	Nước SX	SL yêu cầu	SL thực p...	Ghi chú	Quy ...	Tỷ l...	Tồn cuối
1	KSV001	Amoxicillin 500mg	Viên		10.	10.				1
2	D0064	SAT 1500UI/ml	ống		1.	0.				1
3	DV1128	Tatanol 500mg(Paracetamol)	Viên		15.	15.				1

II.5.2.14. Xuất kho lẻ - T.hợp phiếu lãnh từ khoa nội trú

- Chức năng: Xuất thuốc cho khác khoa nội trú.
- Khoa xuất: Chọn khoa nội trú cần xuất.
- Phân loại xuất: T.hợp phiếu lãnh thuốc từ khoa nội trú.
- Số yêu cầu: Tìm và chọn số yêu cầu theo khoa.
- Nhóm thuốc: Mỗi số yêu cầu sẽ có từng loại nhóm thuốc khác nhau(Dịch truyền, thuốc viên, thuốc nước ...)
- Tổng hợp: Lấy thuốc theo nhóm từ số yêu cầu.

Xuất kho lẻ

Lưu và thêm mới

Kho thuốc: **Kho lẻ** | Số chứng từ: **XL1508/00001** | Ngày chứng từ: **01/08/2015 09:49** | **Xuất nội trú**

Khoa xuất: **Hội sức tích cực - Chống độc** | Người xuất: **Hà Thị Minh Ánh** | Số phiếu lãnh:

Phân loại xuất: **T.hợp phiếu lãnh từ khoa n.trú** | Số yêu cầu: **1508-0203-00001** | **Thuốc nước + thuốc tạo máu** | **Tổng hợp**

Ghi chú: | Lịch sử:

Hỗ trợ nhập thuốc (Ctrl+F):

Chi tiết xuất: **Chi tiết tổng hợp**

Đang xem ...

	Mã thuốc	Tên thuốc	ĐVT	Nước SX	SL yêu cầu	SL thực p...	Ghi chú	Quy ...	Tỷ l...	Tồn cuối
1	NUOC140	Albumin 20% 50ml (Bebring)	Chai		1.	1.				1
2	NUOC201	Ciprobay IV 200mg/100ml (Ciproflo...	lo		7.	7.				1
3	NUOC426	Colistin TZF (Colistimethat) 1M.U.I	lo		9.	9.				1
4	NUOC370	Combikit 1,5g (Tiracilin + kali clavula...	lo		6.	6.				1
5	NUOC437	Combivent 3mg + 0,52mg/ml (Salbut...	Ống		20.	20.				1
6	D0241	Dobusafe 250mg/20ml (Dobutamin)	ống		1.	1.				1
7	NUOC432	Furosol 20mg/2ml (Furosemid)	ống		16.	16.				1
8	D0224	Glyceril trinitrate 10mg/10ml (Glycer...	ống		1.	1.				1

II.5.2.15. Xuất kho lẻ - Tổng hợp phát thuốc xuất viện

- Chức năng: Xuất thuốc cho các khoa có phiếu xuất viện.
- Khoa xuất: Chọn khoa có phiếu xuất viện
- Phân loại xuất: Tổng hợp phát thuốc xuất viện.

- Ngày: Chọn ngày khoa làm phiếu xuất viện từ STT đến STT bao nhiêu.
- Tổng hợp: Lấy thuốc từ những ngày có STT đã chọn trong khoa có làm phiếu xuất viện.

Xuất kho lẻ

Kho thuốc

Kho lẻ

Số chứng từ

XL1508/00102

Ngày chứng từ

02/08/2015 07:16

Xuất nội trú

Khoa xuất

Nội tiết - Tổng hợp

Người xuất

Nguyễn Phi Uyên Tâm

Số phiếu lãnh

Phân loại xuất

Tổng hợp phát thuốc XV

Ngày

02/08/2015

STT từ

1

đến

5

Tổng hợp

Ghi chú

Lịch sử

07/08 16:07:01, TAMDUOC: ngày: 03/08/2015 -> 02/08/2015, ; 07/08 14:18:28,

Hỗ trợ nhập thuốc (Ctrl+F)

Đang xem ...

Chi tiết xuất

Chi tiết tổng hợp

	Mã thuốc	Tên thuốc	ĐVT	Nước SX	SL yêu cầu	SL thực p...	Ghi chú	Quy ...	Tỷ ...	Tồn cuối
1	GD006	Adalate LA 30mg (Nifedipin)	Viên		5.	5.			1	
2	VIEN144	Aspirin 81mg (Acetylsalicylic acid)	Viên		5.	5.			1	
3	KSV005	Augmentine 1g (Amoxicillin + acid cla...	Viên		10.	10.			1	
4	VIEN099	Cinnarizin 25mg (cinnarizin)	Viên		10.	10.			1	
5	DV006	concor 5mg(Bisoprolol hemifumarate)	Viên		10.	10.			1	
6	VIEN281	Cozaar 50mg (Losartan)	Viên		10.	10.			1	
7	GD019	Diamicon 30mg(Gliclazid)	Viên		5.	5.			1	
8	DV1243	Furostyl 40mg (Furosemid)	Viên		10.	10.			1	
9	VIEN286	Kaleorid 600mg (Kalium chloride)	Viên		15.	15.			1	
10	VIEN560	Lisonorm (Amlodipin 5mg+ Lisinopril ...	Viên		5.	5.			1	

II.5.2.16. Xuất kho lẻ - Xuất nội bộ

- Chức năng: Xuất thuốc nội bộ cho các kho (kho chẩn. kho BHYT).
- Kho xuất: Chọn kho làm phiếu xuất.
- Phân loại xuất: Xuất nội bộ.
- Nhà CC/ kho: Chọn kho muốn xuất thuốc tới(kho BHYT,kho chẩn).
- Hỗ trợ nhập thuốc: Nhập thuốc cần xuất nội bộ.

Xuất kho lẻ

Kho thuốc

Kho lẻ

BHYT thứ...

Số chứng từ XL1508/00191

Ngày chứng từ 05/08/2015 08:41

Xuất nội trú

khoa xuất

Người xuất Hà Thị Minh Ánh

Số phiếu lĩnh

Phân loại xuất

Xuất nội bộ

Nhà CC/kho Kho BHYT

Ghi chú

Lịch sử

Hỗ trợ nhập thuốc (Ctrl+F)

click vào để chọn thuốc

Đang xem ...

Chi tiết xuất

Chi tiết tổng hợp

	Mã thuốc	Tên thuốc	ĐVT	Nước SX	SL yêu cầu	SL thực p...	Ghi chú	Quy ...	Tỷ I...	Tồn cuối
▼										
▶ 1	VIEN517	Rostor20mg (Rosuvastin)	viên	Việt Nam		280.			1	469

II.5.2.17. Tồn kho lẻ (chỉ xử lý kho BHYT và kho lẻ)

- Tồn kho lẻ xử lý giống tồn kho chẵn chỉ khác là tồn kho lẻ xử lý không theo số lô hạn dùng.

Tháng 5	Năm 2014	Kho Dược	Kho nội trú	Tên hàng																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																													
---------	----------	----------	-------------	----------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

II.5.2.18. Phát thuốc phòng khám BHYT

- Nhập thông tin cần lọc.
- Nhấn vào bệnh nhân cần phát thuốc. Thuốc bệnh nhân được chọn tự động hiện ở bảng bên phải.
- Nhấn nút phát để xác định bệnh nhân đã phát thuốc.

Phát thuốc phòng khám BHYT

Từ ngày: 25/03/2014 00:00 Đến ngày: 25/08/2015 05:48 Lọc Tự động Chưa phát Đã phát Tất cả Số CT cũ

Tìm tên/ số c.từ (F6)

Tên bệnh nhân	Tuổi	Quận	Số chứng từ	Số tk
3/11 Test 2	26	10	VPPK0000040/15	15050
Nguyễn Thị TestGDVCN	39	10	VPPK0000047/15	15051
Dinh Hi Test	28	10	VPPK0000055/15	15072

3/11 Test 2 - 26 tuổi - 10 - GD77908007151132323 Nhận thuốc

Tên thuốc	ĐVT	Số lượng	Thực phát	Ghi chú	Mã thuốc
Dextran 6% 400ml	Chai	323	323		DT126

Tổng tiền: 41,990,000 BHYT thường Nghiệp vụ Tiếp nhận

STT phát: Phát lúc: Số chứng từ: VPPK0000040/15 - 06/05/2015 13:29 Ghi chú: Tổng hợp: **Phát (f2)**

II.5.2.19. Phát thuốc phòng khám khoa thận

- Phát thuốc phòng khám khoa thận làm giống phát thuốc phòng khám BHYT.

Phát thuốc phòng khám khoa Thận

Từ ngày: 08/07/2001 00:00 Đến ngày: 08/07/2014 09:51 Lọc Tự động Chưa phát Đã phát Tất cả Số CT cũ

Tìm tên/ số c.từ (F6)

Nguyễn Mộng Điệp - 55 tuổi - 11 - GD779130021558979026 Nhận thuốc

Tên thuốc	ĐVT	Số lượng	Thực phát	Ghi chú
Paracetamol 500mg	viên	21	21	

II.5.2.20. Phát thuốc xuất viện

- Phát thuốc xuất viện làm giống phát thuốc phòng khám BHYT.

PHÂN HIỆM QUẢN LÝ THUỐC

Từ ngày: 08/07/2001 00:00 Đến ngày: 08/07/2014 09:52 Lọc Tự động Chưa phát Đã phát Tất cả Số CT cũ

Tên/ số v(F6) 13/000005 Khoa **tìm theo tên khoa**

Phạm Thị Phi - 1965 - 10/040156 - Ngoại 1 (Ngoại tổng quát) -

Tên bệnh nhân	Số VV	Khoa	STT ...
Phạm Thị Phi	10/040156	Ngoại 1 (Ngoại t...	1
Phạm Quốc Vinh	10/040280	Ngoại 1 (Ngoại t...	2
BHYT 20130815_1	13/000005	Ngoại 1 (Ngoại t...	

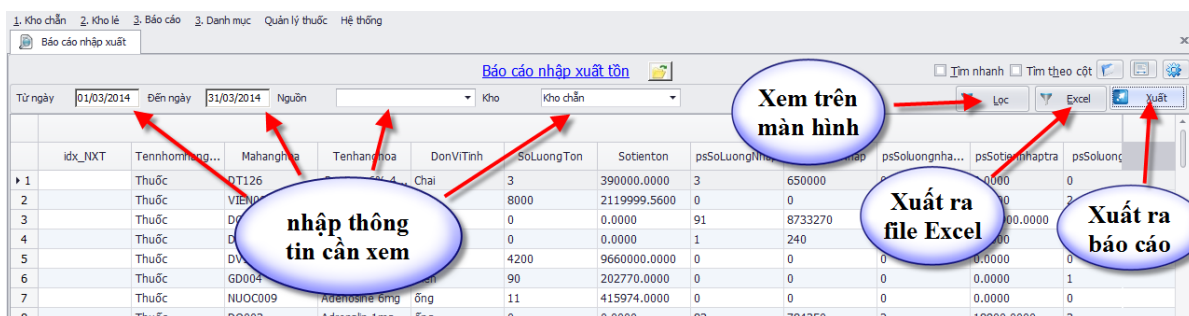
Tên thuốc	ĐVT	Số lượng	Thực phát	Ghi chú
effergan 300mg (paracetamol)	Viên	16	16	VIE
furosemide 40mg (Diurefar)	Viên	12	12	VIE
Paracetamol Winthrop 500mg	Viên	24	24	VIE

II.5.3. Báo cáo nhập xuất

II.5.3.1. Báo cáo nhập xuất tồn

- Chức năng: Xem tồn đầu kỳ, nhập trong tháng, xuất trong tháng, các khoa trả về của từng loại thuốc

- Cách lấy số liệu(nguồn nhập:đề rồng) : Lấy tất cả mọi phiếu nhập xuất và tồn
- Cách lấy số liệu(nguồn nhập:sử dụng) : Lấy tất cả trừ những phiếu nội bộ.



II.5.3.2. Phiếu nhập xuất cuối ngày

- Chức năng: Báo cáo xem số lượng nhập hoặc xuất của thuốc theo nơi xuất và nơi nhập.

Tên chủ quản Tên công ty		PHIẾU XUẤT KHO KHO DƯỢC																						
		Từ ngày 01/04/2014 đến 25/08/2015																						
HỌ TÊN	TÊN VẬT TƯ	MÃ	ĐVT	TỔNG CỘNG	BHYT				Các khoa															
					Tổng	C.ty	PK BH	PK BHYT	Tổng	C.ty	Giải phẫu bệnh	HC	HON	HS-CC	LCK	NG I	NG II	Nha Thuc	Nhiệm	PMD	PMH	Sân	Thần XV	THK
Dinh dưỡng		VIEN41		27	27			27																
		VIEN42		9	9			9																
		VIEN44		2					2														2	
	Dextran 6% 400ml	DT126	Chai	1					1						1									
	Actrapid (insulin)	DO002	ống	120	124			124	(4)															
	Actrapid (insulin) Human Insulin tác dụng nhanh	D'0002	DV	79	33	33			46	46														
	Adrenalin 1mg (Đức)	DO003	ống	51					51	51														
	Albumin 20% 50ml (Đức)	NUOC1	chai	11					11															
	Albutein 25% 50ml (Albumin)	NUOC1	Chai	2					2															
	Alphachymotrysin máu (ngoại trừ)	VIEN17	viên	20	20			20																
	Alvesin 6E 500ml (hồi chẩn)(Acid amin)	DT116	Chai	10					10						1		8							
	Amikacine 500mg (Sopharma)(hồi chẩn)	KSO15	Lọ	1					1															
	Amikay 0.5g (hồi chẩn) (Amikacine)	KSO15	Lọ	1					1															
	Aminoclozan 500ml (hồi chẩn) (Acid amin cho bệnh nhân suy gan)	NUOC1	Chai	8					8															

II.5.3.3. Phiếu nhập xuất cuối tháng

- Chức năng: Báo cáo xem số lượng nhập hoặc xuất của thuốc theo từng ngày.
- Cách lấy số liệu(nguồn nhập:đề rồng) : Lấy tất cả mọi phiếu nhập xuất và tồn
- Cách lấy số liệu(nguồn nhập:sử dụng) : Lấy tất cả mọi trừ những phiếu xuất nội bộ.
- Cách lấy số liệu(nguồn nhập:nội trú) : Chỉ lấy phiếu nhập và xuất có khoa.

Tên chủ quản
Tên công ty

PHIẾU XUẤT KHO KHO DƯỢC

Từ ngày 01/04/2014 đến 25/08/2015

Định mẫu		TC	10/4	23/4	6/5	7/5	8/5	9/5	3/6	22/7	4/8	5/8	6/8	7/8	8/8	25/9	23/10	21/11	24/12	25/12	12/1	12/3	13/3	16/3	19/3	20/7
Dextran 6% 400ml	Chai	38	1								1						2						9	27		
Actrapid (insulin)	ống	120	(5)																			2			123	
Actrapid (Insulin)(Human Insulin tác dụng nhanh)	DV	79				44								2			33									
Adrenalin 1mg (Đức)	ống	51		3	44	3						1														
Albumin 20% 50ml (Đức)	chai	11													11											
Albuterol 25% 50ml (Albumin)	Chai	2																	2							
Alphachymotrysin mebi (ngoại trừ)	viên	20													20											
Alvesin 6E 500ml (hội chẩn) (Acid amin*)	Chai	10									9				1											
Amikacine 500mg (Sopharma) (hội chẩn) (Amikacine)	Lọ	1													1											
Amikaye 0.5g (hội chẩn) (Amikacin)	Lọ	1													1											

II.5.3.4. Phiếu nhập xuất cuối tháng tổng hợp

- Chức năng: Báo cáo xem tổng số lượng đã xuất hoặc đã nhập của từng thuốc theo điều kiện đã chọn.

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH BV CẤP CỨU TRUNG VƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>																																																
BÁO CÁO TỔNG HỢP CUỐI THÁNG KHO DƯỢC																																																	
Từ Ngày : 01/06/2014	Đến Ngày : 31/08/2014																																																
<table border="1"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>TÊN THUỐC-DỤNG CỤ</th> <th>ĐƠN VỊ</th> <th>TỔNG CỘNG</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Dextran 6% 400ml</td> <td>Chai</td> <td>1</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Actrapid (insulin)</td> <td>ống</td> <td></td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Actrapid (Insulin)(Human Insulin tác dụng nhanh)</td> <td>DV</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Adrenalin 1mg (Đức)</td> <td>ống</td> <td>1</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>Albumin 20% 50ml (Đức)</td> <td>chai</td> <td>11</td> </tr> <tr> <td>6</td> <td>Alphachymotrysin mebi (ngoại trừ)</td> <td>viên</td> <td>20</td> </tr> <tr> <td>7</td> <td>Alvesin 6E 500ml (hội chẩn)(Acid amin*)</td> <td>Chai</td> <td>10</td> </tr> <tr> <td>8</td> <td>Amikacine 500mg (Sopharma)(hội chẩn) (Amikacine)</td> <td>Lọ</td> <td>1</td> </tr> <tr> <td>9</td> <td>Amikaye 0.5g (hội chẩn) (Amikacin)</td> <td>Lọ</td> <td>1</td> </tr> <tr> <td>10</td> <td>Aminoleban 500ml (hội chẩn) (Acid amin cho bệnh nhân suy gan)</td> <td>Chai</td> <td>8</td> </tr> <tr> <td>11</td> <td>Aminoplasma 5% 500ml (hội chẩn) (Acid amin)</td> <td>Chai</td> <td>2</td> </tr> </tbody> </table>	STT	TÊN THUỐC-DỤNG CỤ	ĐƠN VỊ	TỔNG CỘNG	1	Dextran 6% 400ml	Chai	1	2	Actrapid (insulin)	ống		3	Actrapid (Insulin)(Human Insulin tác dụng nhanh)	DV	2	4	Adrenalin 1mg (Đức)	ống	1	5	Albumin 20% 50ml (Đức)	chai	11	6	Alphachymotrysin mebi (ngoại trừ)	viên	20	7	Alvesin 6E 500ml (hội chẩn)(Acid amin*)	Chai	10	8	Amikacine 500mg (Sopharma)(hội chẩn) (Amikacine)	Lọ	1	9	Amikaye 0.5g (hội chẩn) (Amikacin)	Lọ	1	10	Aminoleban 500ml (hội chẩn) (Acid amin cho bệnh nhân suy gan)	Chai	8	11	Aminoplasma 5% 500ml (hội chẩn) (Acid amin)	Chai	2	
STT	TÊN THUỐC-DỤNG CỤ	ĐƠN VỊ	TỔNG CỘNG																																														
1	Dextran 6% 400ml	Chai	1																																														
2	Actrapid (insulin)	ống																																															
3	Actrapid (Insulin)(Human Insulin tác dụng nhanh)	DV	2																																														
4	Adrenalin 1mg (Đức)	ống	1																																														
5	Albumin 20% 50ml (Đức)	chai	11																																														
6	Alphachymotrysin mebi (ngoại trừ)	viên	20																																														
7	Alvesin 6E 500ml (hội chẩn)(Acid amin*)	Chai	10																																														
8	Amikacine 500mg (Sopharma)(hội chẩn) (Amikacine)	Lọ	1																																														
9	Amikaye 0.5g (hội chẩn) (Amikacin)	Lọ	1																																														
10	Aminoleban 500ml (hội chẩn) (Acid amin cho bệnh nhân suy gan)	Chai	8																																														
11	Aminoplasma 5% 500ml (hội chẩn) (Acid amin)	Chai	2																																														

II.5.3.5. Xem chi tiết nhập xuất tồn

- Chức năng: Xem chi tiết từng phiếu nhập hoặc xuất của kho để kiểm tra mỗi khi cần.(Màn hình này không xuất báo cáo)

1. Kho chẩn2. Kho lẻ3. Báo cáo3. Danh mụcQuản lý thuốcHệ thống

Báo cáo nhập xuất

Báo cáo nhập xuất

Xem chi tiết nhập xuất tồn

Tìm nhanh

Tìm theo cột

Từ ngày01/03/2014Đến ngày09/07/2014Nhập/xuấtNhậpNguồnKhoKho chẩn

Lọc

Excel

Xuất

	TenKho	SoChungTu	NgayChungTu	STT	ServiceName	Khoa	PhanLoai	KhoNhan	NgayTi	SoLuong	
1	Kho chẩn	NC1403/00001	10/03/2014	1	Atropin Sunfat 1mg/1ml(Atropin sul...		Khoa trả	Viện phí	3/10/2014	1.0	
2	Kho chẩn	NC1403/00001	10/03/2014	1	Adrenalin 1mg (Đức)		Khoa trả	Viện phí	3/10/2014	1.0	
3	Kho chẩn	NC1403/00002	10/03/2014	2	Adrenalin 1mg (Đức)		Khoa trả	Viện phí	3/10/2014	1.0	
4	Kho chẩn	NC1403/00003	10/03/2014	3	avlocardyl 5ml	Hô hấp	Khoa trả	Viện phí	3/10/2014	1.0	
5	Kho chẩn	NC1403/00004	10/03/2014	4	Atropin Sunfat 1mg/1ml(Atropin sul...	HS-CC	Khoa trả	Viện phí	3/10/2014	1.0	

II.5.3.6. Thẻ kho

- Chức năng: Theo dõi quá trình nhập xuất tồn của một tên thuốc từ ngày đến ngày mà người dùng muốn biết.

SỞ Y TẾ		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM				
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH		<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>				
BV CẤP CỨU TRUNG ƯƠNG						
		THẺ KHO CHẨN				
		MS : 04D/BV-01				
Mã số :	DT126	Từ ngày :	01/08/2014			
Tên thuốc :	Dextran 6% 400ml	Đến ngày :	25/08/2015			
Đơn vị :	Chai					
NGÀY	SỐ CHỨNG TỪ	LÔ SẢN	HẠN	DIỄN GIẢI	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
THÁNG	NHẬP	XUẤT	DỪNG		TỒN ĐẦU	NHẬP KHO
25/09/2014		XC1409/00002		29/05/2015	Kho chẩn xuất cho Kho nội trú	10
25/08/2015	NC1508/00001			25/08/2016	Ampharco USA [123653]	40
Tổng cộng :					40	10
Tồn kho cuối kỳ :						

II.5.3.7. Báo cáo phiếu nhập xuất

- Chức năng: Xem từng phiếu nhập của kho theo loại nhập nếu nhấn vào nút chi tiết sẽ hiện chi tiết của phiếu đó. (Màn hình chi tiết xuất báo cáo, màn hình cha không xuất báo cáo)

1. Kho chẩn 2. Kho lẻ 3. Báo cáo 3. Danh mục Quản lý thuốc Hệ thống									
Báo cáo nhập xuất Báo cáo nhập xuất									
Báo cáo phiếu nhập xuất									
☐ Tìm nhanh ☐ Tìm theo cột									
Từ ngày	01/03/2014	Đến ngày	09/07/2014	Loại nhập	Nhà cung cấp	Kho	Kho chẩn		
Lọc Excel Xuất									
	pInvoiceID	SoHoaDon	NgayChungTu	NgayHoaDon	TongTien	TongHien	NCName	ChiTiet	
1	NC1403/00007	2345678					V trở mỗi T...	Chi tiết	
2	NC1403/00008	1234567					hình ảnh	Chi tiết	
3	NC1403/00009	9876543					ng hạp	Chi tiết	
4	NC1403/00010	1234567					ng hạp	Chi tiết	
5	NC1403/00011	7654324					ng hạp	Chi tiết	
6	NC1403/00013	1111					THƯƠNG M...	Chi tiết	
7	NC1403/00015	3333232					V trở mỗi T...	Chi tiết	
8	NC1403/00017	654321					poại viện	Chi tiết	
9	NC1403/00018	4333333					hình ảnh	Chi tiết	
10	NC1403/00019	32323					im khuôn	Chi tiết	
11	NC1403/00017	2345678					hình ảnh	Chi tiết	
12	NC1403/00018	3333					poại viện	Chi tiết	
13	NC1405/00004	2345678					hình ảnh	Chi tiết	
14	NC1405/00005	4567898					poại viện	Chi tiết	

II.5.3.8. Báo cáo dược bệnh viện(Báo cáo quý)

- Chức năng: Báo cáo quý thể hiện từng chi mục theo kho.

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH BV CẤP CỨU TRUNG VƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>	Biểu 07-DBV	
ĐƯỢC BỆNH VIỆN NĂM 2015 Từ ngày : 01/08/2014 Đến ngày : 25/08/2015			
STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
1.	Tổng tiền thuốc hóa chất thuốc thử	1.000đ	11,808
	Tổng tiền thuốc nội ngoại	1.000đ	11,808
	Hóa chất, thuốc thử cận lâm sàng	1.000đ	
2.	Tổng tiền thuốc theo phân loại	1.000đ	1
	Kháng sinh, kháng ký sinh trùng	1.000đ	
	Vitamin, khoáng chất	1.000đ	
	Corticoid	1.000đ	1
	Thuốc gây tê, mê	1.000đ	
3.	Tổng số dịch truyền đã sử dụng	lit	
	Dịch truyền tự pha chế	lit	
5.	Tai biến trong thuốc sử dụng	trường hợp	
	Do tai biến của thuốc	trường hợp	
	Do tai sai sót chuyên môn	trường hợp	
6.	Chuẩn loại thuốc sử dụng trong BV	loại	98

II.5.3.9. Báo cáo chi tiết nhập xuất tồn

- Chức năng: Báo cáo thể hiện số lượng chi tiết thuốc theo loại nhập xuất của kho dược
- Cách lấy số liệu : lấy tất cả mọi phiếu nhập và xuất.

1. Kho chẩn 2. Kho lẻ 3. Báo cáo 3. Danh mục Quản lý thuốc Hệ thống												
Báo cáo nhập xuất Báo cáo nhập xuất												
Báo cáo chi tiết nhập xuất tồn												
Từ ngày: 01/03/2014 Đến ngày: 31/03/2014		☐ Tìm nhanh ☐ Tìm theo cột Lọc Excel Xuất										
	Mahanghoa	Tenhanghoa	DonViTinh	TonDau	KCNhapHoaDon	KCNhapTuKho...	NhapKhoLe	NhapKhoBH	NhapTraKC	NhapTraKhoLe	NhapTraKhoBH	TongNh
79	VIEN025	daflon 500mg...	Viên	32372	0	0	2	0	0	0	0	2
80	NUOC032	Dalacin C IV 60...	Lọ	383	0	0	0	0	0	0	0	0
81	VIEN027	Debridat 100m...	Viên	4793	0	0	0	0	0	0	0	0
82	DOI32	Depakine 500...	viên	15529	0	0	1	0	0	0	0	1
83	DO013	dexa 4mg(Dex...	ống	1528	0	0	444	444	0	0	0	888
84	DO012	dexacol collyre...	Lọ	2722	0	0	3	0	0	0	0	3
85	DV013	dexamethason...	Viên	686	0	0	0	0	0	0	0	0
86	DV1104	DHA Glucosam...	Viên	588	0	0	0	45	0	0	0	45
87	GD019	Damiron 30m...	Viên	160914	0	0	5	5	0	0	0	10
88	VIEN028	diamox 250mg...	Viên	11450	0	0	4	0	0	0	0	4

II.5.4. Báo cáo kho dược**II.5.4.1. Báo cáo thuốc hết hạn.**

- Chức năng: Báo cáo liệt kê thuốc đã hết hạn so với ngày lọc.

1. Kho chẩn 2. Kho lẻ 3. Báo cáo 3. Danh mục Quản lý thuốc Hệ thống							
Báo cáo thuốc hết hạn							
Ngày 01/06/2014							
thuốc	Tên thuốc	DVT	Nước SX	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Hạn dùng
1 4	Stablon 12.5mg(Tianeptin)	Viên		2.	3,489.15	6,978.3	4/1/2014
2	Renitec 5mg(Enalapril)	Viên		22.	2,897.	63,734.	4/1/2014
3 0	aspegic 100mg (Acetylsalicylic acid)	Gói		42.	960.75	40,351.5	2/1/2014
4 6	Hepatox-bvp (Actiso+biến súc+bim bim biếc+diệp ...	Viên		1,799.	900.0001	1,619,100.257	5/30/2014

II.5.4.2. Báo cáo hạn sử dụng thuốc

- Chức năng: Báo cáo liệt kê thuốc gần hết hạn trong khoảng mấy tháng kể từ ngày và tháng lọc.

1. Kho chẩn 2. Kho lẻ 3. Báo cáo 3. Danh mục Quản lý thuốc Hệ thống							
Báo cáo hạn sử dụng thuốc							
Ngày 01/06/2014 Số tháng 6							
thuốc	Tên thuốc	DVT	Nước SX	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Hạn dùng
1 0	aspegic 100mg (Acetylsalicylic acid)	Gói		42	961	40,352	2/1/2014
2 3	Berlthyrox 100mcg(Levothyroxin natri)	Viên		1,404	405	568,620	11/1/2014
3	dexacol collyre(Chloramphenicol + Dexamethason)	Lọ		52	3,675	191,100	11/5/2014
4 4	Điệp hạ châu	Viên		842	504	424,368	9/26/2014
5 6	Hepatox-bvp (Actiso+biến súc+bim bim biếc+diệp ...	Viên		1,799	900	1,619,100	5/30/2014
6 2	Lowlip 40mg(Telmisartan)	Viên		305	6,200	1,891,000	8/21/2014
7 10	Praxlene 200mg (Naftidrofuryl)	Viên		609	4,105	2,499,945	7/18/2014
8 10	Praxlene 200mg (Naftidrofuryl)	Viên		2,000	4,105	8,210,000	7/27/2014
9	Rebure 10mg(Atorvastatin)	Viên		232	2,950	684,394	10/5/2014
10	Renitec 5mg(Enalapril)	Viên		22	2,897	63,734	4/1/2014
11 7	Sedacoron 200mg(Amiodaron)	viên		5	3,570	17,850	7/31/2014
12	Sibelium 5mg(Flunarizin)	Viên		1,851	4,965	9,190,215	10/24/2014

II.5.4.3. Danh sách kiểm kê

- Chức năng: Xuất ra báo cáo in danh sách kiểm kê thuốc mỗi tháng theo kho.

SỞ Y TẾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM							
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>							
BẢNG KIỂM KÊ THÁNG 8/2014							
KHO CHẨN							
STT	MÃ SỐ	TÊN THUỐC - HÀM LƯỢNG	DVT	SL KIỂM KÊ	THANH LÝ	NỢ	TỔNG KK
1	VIEN004	Acodein (Terpincodein)	Viên				
2	DO002	Actrapid (insulin)	ống				
3	DO002A	Actrapid (Insulin)(Human Insulin tác dụng nhanh)	DV				
4	DV1017	Acyclovir 800mg(Acyclovir)	viên				
5	DO003	Adrenalin 1mg (Đức)	ống				
6	DO165	Adrenalin 1mg (Việt Nam) (Adrenalin)	ống				
7	DV1077	Aldactone 25mg(Spironolacton)	Viên				
8	KSO100	Alfacef 1g (Ceftazidim)	Lọ				
9	VIEN175	Alphachymotrysin mebi (ngoại trừ)	viên				
10	DTT0	Alvesin 10E 250ml (hội chẩn)	chai				
11	KSO151	Amikacine 500mg (Sophama)(hội chẩn)(Amikacine)	Lọ				

II.5.4.4. Bảng kiểm kê

- Chức năng: Xuất ra báo cáo tổng hợp thuốc sau khi đã kiểm kê và điền số lượng thực tế.

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>							
BẢNG KIỂM KÊ KHO CHẨN								
Ngày : 31/08/2014								
Tổ kiểm kê gồm có :								
1/.....	4/.....							
2/.....	5/.....							
3/.....	6/.....							
Đã kiểm kê từ : giờ đến giờ ngày 31/08/2014								
STT	TÊN THUỐC-DỤNG CỤ	ĐƠN VỊ	TỶ MÃY	THỰC KIỂM	HÔNG/HH	TC KIỂM KÊ	SL THỪA	SL THIẾU
1	Acodein (Terpincodoin)	Viên		7,998		7,998	7,998	
2	Actrapid (insulin)	ống		-4,444,299		-4,444,299		4,444,299
3	Actrapid (Insulin)(Human Insulin tác dụng nhanh)	DV		-18		-18		18
4	Acyclovir 800mg(Acyclovir)	viên		4,200		4,200	4,200	
5	Adrenalin 1mg (Đức)	ống		50		50	50	
6	Adrenalin 1mg (Việt Nam)(Adrenalin)	ống		10,399		10,399	10,399	
7	Aldactone 25mg(Spironolacton)	Viên		40,875		40,875	40,875	
8	Alfacef 1g (Ceftazidim)	Lọ		20,342		20,342	20,342	

II.5.4.5. Bảng kiểm kê chi tiết

- Chức năng: Xuất ra báo cáo chi tiết thuốc theo số lô hạn dùng sau khi đã kiểm kê và điền số lượng thực tế.

STT	TÊN THUỐC-DỤNG CỤ	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ	HẠN DÙNG	TỶ MÃY	THÀNH TIỀN TỶ MÃY	THỰC KIỂM	HÔNG/HH	TC KIỂM KÊ	SL THỪA	SL THIẾU	THÀNH TIỀN THỪA	THÀNH TIỀN THIẾU
14	Aminoplasma-Hepa 10% 500ml (hội chẩn)(Acid amin cho bệnh nhân suy gan*)	Chai	179,655		88	15,809,640	88		88				
15	Amlodipin AMP 5mg	viên	840		307,682	258,452,880	307,682		307,682				
16	amoxicillin 500mg	Viên	615		8,000	4,919,999	8,000		8,000				
17	Anoma 0,25mcg (Calcitriol)	viên	2,100		47,037	98,777,700	47,037		47,037				
18	Artan 2mg (Trihexy phenidyl, Trihex)	Viên	112		11,479	1,289,666	11,479		11,479				
19	Aspirin 81mg (aspirar)	Viên	155		167,295	25,930,717	167,295		167,295				
20	Atorvastatin 10mg	Viên	1,890		-2		-2		-2				
21	Atropin Sunfat 0.25 mg	ống	500		221	110,500	221		221				
22	Atropin Sunfat 1mg/1ml(Atropin sulfat)	ống	9,865		-169		-169		-169				
23	Augmentin 1,2g (in)(Amoxicillin+ Acid clavulanic)	Lọ	42,308		410	17,346,280	410		410				
24	augmentine 1g (Amoxicillin + acid clavulanic)	Viên	19,085		2,240	42,750,401	2,240		2,240				
25	Augmex DUO 1g (Amoxicilin + acid clavulanic)	Viên	11,900		34,744	413,453,588	34,744		34,744				
26	avlocardyl 5ml	ống	7,199		23	165,574	23		23				
27	Berlithyrox 100mcg(Levothyroxin natri)	Viên	405		13,600	5,507,998	13,600		13,600				
28	Berodual 20ml	ml	4,248		-100		-100		-100				
29	Berodual 20ml (Fenoterol +ipratropium)	Lọ	96,870		252	24,411,202	252		252				
30	Berodual inhaler 10ml (Fenoterol +ipratropium)	Lọ	132,322		16	2,117,153	16		16				

II.5.4.6. Báo cáo tiền nhóm thuốc chi tiết

- Chức năng: Báo cáo thể hiện chi tiết thành tiền thuốc nội ngoại theo kho và phân loại thuốc.
- Cách lấy số liệu : Số liệu xuất sử dụng(Không tính xuất nội bộ) – Số liệu các khoa trả về.

SỞ Y TẾ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GIÁ THUỐC THÁNG

Từ ngày: 01/07/2015

đến ngày: 30/07/2015

Trang 1/2

STT	MÃ SỐ	TÊN THUỐC-CÔNG CỤ	ĐƠN VỊ	S. LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
Phân loại thuốc : Dịch truyền							
Ngoại							
1	DT159	Combilipid 1440ml (BHYT Hướng 50%-từ 1/1/2015)	túi	10	495,000	4,950,000	
2	NUOC121	Perfalgan 1g/100ml (Paracetamol)	Chai	1,488	47,730	71,022,147	
3	DT110	Refortan 6% 500ml (Tinh bột este hóa (hydroxyetyl starch))	Chai	10	145,000	1,449,998	
4	NUOC231	Sevorane sol 250ml (Sevoflurane)	Chai	31	3,578,600	110,936,600	
Cộng nhóm : Ngoại						188,358,745	
Tỷ lệ % nhóm :						46.82	
Nội							
5	DT005	Glucose 5% 500ml	Chai	2,251	7,300	16,432,300	
6	DT123	Glucose 30% 250ml	chai	92	11,865	1,091,580	
7	DT008	Lactat ringer's 500ml (Ringer lactat)	Chai	1,785	7,100	12,673,500	
8	DT008	Lactat ringer's 500ml (Ringer lactat)	Chai	-2	6,992	-13,985	
9	DT008	Lactat ringer's 500ml (Ringer lactat)	Chai	4	6,800	27,200	
10	DT018	NaCl 0.45% 500ml (Natri clorid)	Chai	-1	9,501	-9,502	
11	DT018	NaCl 0.45% 500ml (Natri clorid)	Chai	15	9,502	142,522	
12	DT109	Nacl 0.9% 100ml (Natri clorid)	Chai	6,594	6,500	42,857,703	
13	DT019	NaCl 3% 100ml (Natri clorid)	Chai	78	6,825	532,350	
14	DT161	Natriclorid 0,9% 500ml (natri clorid) Bidiphar	chai	16,031	6,825	109,411,575	

II.5.4.7. Báo cáo tiền thuốc nội ngoại

- Chức năng: Báo cáo thể hiện tiền thuốc nội ngoại theo kho.
- Cách lấy số liệu : Số liệu xuất sử dụng (Không tính xuất nội bộ) – Số liệu các khoa trả về.

SỞ Y TẾ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO SỬ DỤNG THUỐC NỘI NGOẠI

Từ ngày : 01/07/2015 Đến ngày : 30/07/2015

TUYẾN : KHO CHẨN

Trang 1/2

STT	MÃ SỐ	TÊN THUỐC - HẠM LƯỢNG	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
THUỐC : Ngoại						
1	DT002	Aminoplasma BBraun 5% E 500ml (Acid amin) (hội chẩn)	Chai	181	110,182	19,942,941
2	DT002	Aminoplasma BBraun 5% E 500ml (Acid amin) (hội chẩn)	Chai		110,497	
3	DT002	Aminoplasma BBraun 5% E 500ml (Acid amin) (hội chẩn)	Chai	92	111,865	10,291,580
4	DT001	Aminoplasma-Hepa 10% 500ml (hội chẩn)(Acid amin cho bệnh nhân suy gan*)	Chai	11	174,500	1,919,500
5	NUOC137	Aminoplasma BBraun 10% E 250 ml (hội chẩn)	Chai	94	90,125	8,471,750
6	DT121	Amiparen 10% 500ml(hội chẩn)	Chai	11	88,500	973,500
7	DT159	Combilipid 1440ml (BHYT Hoàng 50%-từ 1/1/2015)	túi	10	495,000	4,950,000
8	DT143	Dianeal 1.5% 2lit	túi	2,427	74,453	180,698,402
9	DT144	Dianeal 2.5% 2lit	túi	703	74,453	52,340,740
10	DT144	Dianeal 2.5% 2lit	túi	77	74,454	5,732,958
11	DT156	Dianeal 4,25% 2lit	túi	3	74,453	223,360
12	DT009	Lipofundin 10% 250ml (Nhũ dịch lipid)	Chai	30	142,800	4,284,000
13	DV1076	Meglucon 850mg(Metformin)	Viên	3	1,716	5,148
14	DT015	Morihopamin 200ml (hội chẩn)	Bịch	74	104,979	7,768,446
15	DT101	Morihopamin 500ml (hội chẩn)(Acid amin cho bệnh nhân suy gan*)	Bịch	99	169,758	16,806,012
16	DT020	NaHCO3 4,2% 250ml	Chai	61	88,620	5,405,820
17	DT017	Neo amiyu 200ml (hội chẩn)	Bịch	195	105,999	20,669,718
18	DT017	Neo amiyu 200ml (hội chẩn)	Bịch		114,141	

II.5.4.8. Báo cáo tiền kháng sinh

- Chức năng: Báo cáo thể hiện tiền thuốc kháng sinh theo khoa.
- Cách lấy số liệu : Số liệu xuất sử dụng(Không tính xuất nội bộ) – Số liệu các khoa trả về.

BV CẤP CỨU TRUNG VƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TIỀN KHÁNG SINH SỬ DỤNG TẠI CÁC KHOA

Từ ngày : 01/07/2015 Đến ngày : 30/07/2015

STT	TÊN KHOA	TỔNG TIỀN	TỔNG TIỀN KS	% KS	TIỀN KS NỘI	% KS NỘI	TIỀN KS NGOẠI	%KS NGOẠI
1	Xuất Điều chỉnh	1,619,361	169,200	10.45	169,200	100		
2	Bóng - Tạo hình thẩm mỹ	77,200,408	34,682,214	44.92	24,182,631	69.73	10,499,583	30.27
3	Chẩn đoán hình ảnh	201,302,668						
4	Chấn thương chỉnh hình	253,960,350	189,920,458	74.78	113,625,351	59.83	76,295,106	40.17
5	Đơn vị can thiệp mạch máu	18,490,153	48,890	.26	48,890	100		
6	Hội sức tích cực - Chống độc	478,564,670	360,174,402	75.26	225,383,326	62.58	134,791,076	37.42
7	Khám bệnh	2,742,500	99,000	3.61	99,000	100		
8	Khoa Cấp cứu	124,243,932	67,877,189	54.63	38,233,424	56.33	29,643,766	43.67

II.5.4.9. Báo cáo tiền thuốc sử dụng

- Chức năng: Báo cáo thể hiện tiền thuốc nội ngoại đã sử dụng theo từng khoa.
- Cách lấy số liệu : Số liệu xuất sử dụng (Không tính xuất nội bộ) – Số liệu các khoa trả về.

Exit

Close Preview

BV CẤP CỨU TRUNG VƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TIỀN THUỐC SỬ DỤNG TẠI CÁC KHOA

Từ ngày : 01/07/2015

Đến ngày : 30/07/2015

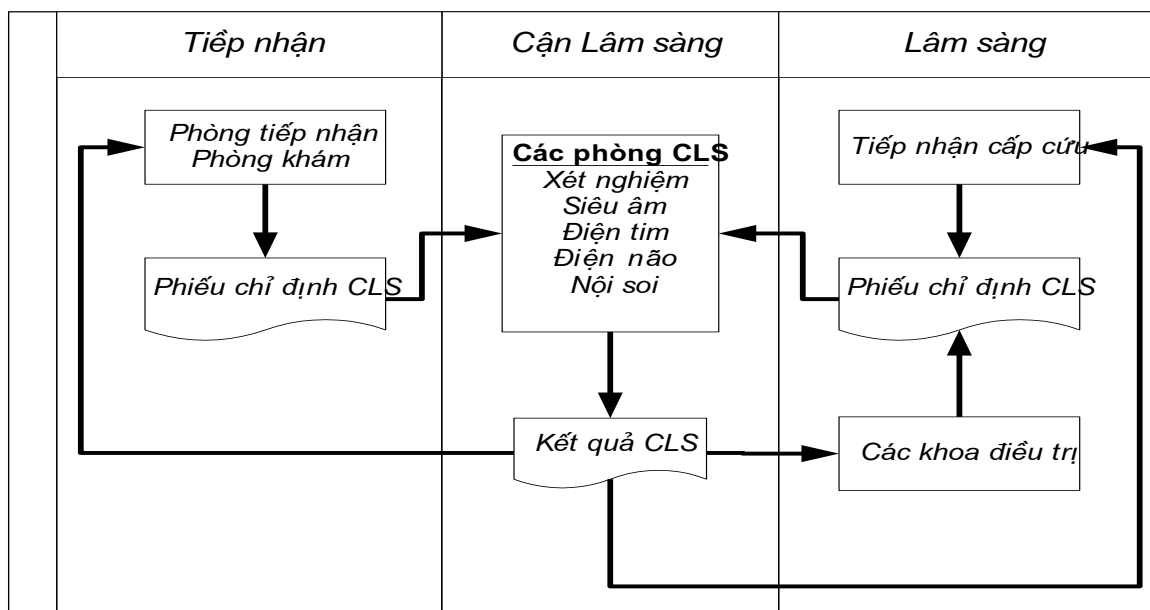
STT	TÊN KHOA	TỔNG TIỀN	% NỘI	% NGOẠI
1	Xuất Điều chỉnh	1,619,361	30.8	69.2
2	Bóng - Tạo hình thẩm mỹ	77,200,408	32.64	67.36
3	Chẩn đoán hình ảnh	201,302,668	8.31	91.69
4	Chẩn thương chỉnh hình	253,960,350	49.99	50.01
5	Đơn vị can thiệp mạch máu	18,490,153	16.17	83.83
6	Hồi sức tích cực - Chống độc	478,564,670	48.78	51.22
7	Khám bệnh	2,742,500	3.61	96.39
8	Khoa Cấp cứu	124,243,932	35.69	64.31
9	Khoa D Ngoại	172,425,121	49.33	50.67
10	Khoa D Nội	485,170,034	27.8	72.2
11	Khoa Dược	39,648,126	-47.01	147.01
12	Khoa Hô hấp	987,972,461	42.73	57.27

II.6. Quản lý cận lâm sàng

II.6.1. Giới thiệu – qui trình nghiệp vụ

- Nơi thực hiện:
 - Khoa xét nghiệm
 - Các phòng chẩn đoán hình ảnh
 - Các phòng thăm dò chức năng
- Các yêu cầu:
 - Xét nghiệm vi sinh
 - Xét nghiệm sinh hóa - huyết học
 - X quang - CT scanner - Cộng hưởng từ - Siêu âm - Nội soi - Tán sỏi
- Quy trình hoạt động:

QUI TRÌNH HOẠT ĐỘNG CLS



II.6.2. Các màn hình chính

II.6.2.1. Thông số chung màn hình trả kết quả cận lâm sàng.

- **Số TN:** Nhập số tiếp nhận hoặc tìm theo danh sách bệnh nhân được chỉ định CLS theo ngày.
- **Số VV:** Nhập số vào viện hoặc tìm theo danh sách bệnh nhân được chỉ định CLS theo ngày.
- **Số NS:** Số CLS tự phát sinh để quản lý từng kết quả CLS.
- **Danh sách chờ:** Danh sách sẽ tự cập nhật những bệnh nhân được chỉ định trong ngày hoặc tùy người dùng định nghĩa ngày lấy danh sách chờ.
- **Tìm nhanh:** Chức năng tìm nhanh tên trên danh sách chờ
- **Tổng BN:** Tổng bệnh nhân có trong danh sách chờ + tổng bệnh nhân đã được thực hiện trong ngày.
- **Chờ:** Tổng số bệnh nhân có trong danh sách chờ.
- **TH:** Số ca thực hiện trong ngày.
- **Họ và tên , Tuổi, giới tính:** Thông tin cơ bản của bệnh nhân.
- **BHYT:** Số bảo hiểm y tế của bệnh nhân.
- **Khoa:** Tim mạch.
- **Thủ thuật:** Nhập thủ thuật nếu bệnh nhân có thực hiện thủ thuật.
- **Chẩn đoán:** Lấy chẩn đoán từ phòng khám hoặc từ điều trị.
- **Ngày:** Ngày trả kết quả CLS.
- **Số lam:** Số lam làm giải phẫu bệnh.
- **Đã mổ:** Nhập phương pháp mổ mà bệnh nhân đã từng mổ.
- **Dụng cụ:** Nhập dụng cụ làm trả kết quả.
- **Phân loại:** Tự động chọn phân loại khi chọn mẫu kết quả.
- **Thuốc:** Nhập thuốc đã dùng khi làm CLS.

- **Mẫu kết quả:** Chọn mẫu kết quả muốn làm CLS.
- **KT Chụp:** Tên kĩ thuật làm CLS.
- **Film:** số lượng phim tiêu hao.
- **Cản quang:** Check nếu có cản quang.
- **Form mẫu:** Cho phép chỉnh sửa thông số phù hợp với bệnh nhân.
- **Tab Image:** Chụp hình hoặc chọn hình để lưu hình của bệnh nhân lên hệ thống.
- **Tab Video:** Lưu file video (.mp4) lên hệ thống.
- **Tab Attach File:** Chọn file liên quan tới bệnh nhân lưu trên hệ thống. (Chú ý: Nên nén lại file .zip cho nhẹ hệ thống)
- **Kết luận:** Nhập kết luận sau khi làm CLS.
- **Đề nghị:** Nhập đề nghị sau khi làm CLS.
- **Ghi chú:** Nhập ghi chú nếu cần ghi chú.
- **Photo:** Check vào photo nếu lưu hình.
- **Video:** Check vào video nếu lưu video.
- **Clotest:** Check vào Clotest nếu thực hiện.
- **BS thực hiện:** Chọn bác sĩ thực hiện.
- **Điều dưỡng:** Chọn người điều dưỡng phụ.

Sieu am tim

Số TN: 150824-00189

Số VV: 15/030184

Số HS: NS1508/010701

Lý Văn Páo 13:48

Hoàng Tiến Hy 07:50

Lê Văn Quang 09:32

Huỳnh Văn Nhân 14:58

Nguyễn Thị Kim Thoa 08:25

NGUYỄN THỊ NGỌC PHƯƠNG 1

TRẦN TÂN TỬ 10:02

Nguyễn Thị Lan 09:02

Phan Thị Hằng 10:48

Nguyễn Thành Phương 15:0

Trần Thị Hồng Tuyết 09:23

Nguyễn Thị Ánh 11:31

Tim nhanh:

12/12

Tổng BN: 108

Chờ: 12

TH: 96

Đang xem ...

STT: 1660

Họ và tên:

Huỳnh Thị Nga

Tuổi:

72

Giới tính:

Nữ

BHYT:

TA479150010095379026

Khoa:

Tim mạch

BS chỉ định:

Võ Ánh Thái Thuận

Chỉ định:

(Đ2) Siêu âm Doppler màu tim (T103.C4.1.1)

Thủ thuật:

KT chụp

Siêu âm tim

Chẩn đoán

TĂNG HUYẾT ÁP

Ngày

25/08/2015 09:07

Số lam

Đã mổ

Dụng cụ

Phân loại CLS

Siêu âm tim

Thuốc

Mẫu kết quả

Siêu âm tim

Film

0

Cân quang

Times New Roman

10

B

I

U

A

A

Image

MODE 2D - TIM

RV : 18 mm

LA : 30 mm

TL

IVSd : 10 mm

IVSs : 13 mm

LVĐd : 40 mm

LVĐs : 25 mm

LVWd : 10 mm

LVWs : 13 mm

FS : 37 %

EF 67

Teicholz:

Simpson

MPA : m

RPA : mm

LPA : m

PE : [-]

đ sau tim :

mm

V :

ml

LV Mass (ASE)

g

MI :

g.m²

7. Shunt khác:

Chiều shunt:

Vmax:

m/s

PG:

mmHg

DOPPLER

1. Dòng van ĐMP:

Vmax:

m/s

PG:

mmHg

Hệp:

Tai van:

E

Ngoài van

[-]

2. Dòng van 2 lá:

Vmax:

1.5 m/s

PG:

10 mmHg

Hệp:

1/4

Mức độ:

MVO:

cm

3. Dòng van ĐMC:

Vmax:

1.1 m/s

PG:

5 mmHg

Hệp:

1/4

Mức độ:

AO:

cm²

4. Dòng van 3 lá:

Vmax:

2.7 m/s

PG:

mmHg

Hệp:

Mức độ:

PAPs

3 mmHg

9

5. Shunt qua VLT:

Chiều shunt:

Vmax:

m/s

PG:

mmHg

6. Shunt qua VLN:

Chiều shunt:

Vmax:

m/s

PG:

mmHg

Đề nghị

Ghi chú

4 BUỒNG KHỔNG DÀN

CHÂM THỤ DẪN THẤT TRÁI

EF : 67%

Photo

Video

Sinh thiết

Closet

II.6.2.2. Cấu hình cho màn hình trả kết quả CLS.

B1: Định nghĩa phân loại cân lâm sàng.

- Chức năng: Dùng để phân loại từng nhóm CLS. Tùy vào nhóm đó có 1 hay nhiều loại CLS.

PHÂN LOẠI CẬN LÂM SÀNG				
Sử dụng	Sử dụng			
Mã	Tên	Số TT	Sử dụng...	Mã nhóm in
1	CHHH Đo chức năng hô hấp	18	☒	TDONTK
2	CTSCAN CT Scan	29	☒	CTSCAN
3	DSA DSA	30	☒	DSA
4	ECGDT ECG điện tim	12	☒	TDONTK
5	ECGGS ECG gắng sức	11	☒	TDONTK
6	GPB Giải phẫu bệnh học	13	☒	GPB
7	GPB_01 Giải phẫu bệnh học (Đại thể)	18	☒	GPB
8	GPB_02 Giải phẫu bệnh học (Vi thể)	19	☒	GPB
9	GPB_03 Tế bào cổ tử cung	20	☒	GPB
10	MRI MRI	14	☒	MRI
11	NSDD Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng	6	☒	NS
12	NSDT Nội soi đại tràng	5	☒	NS
13	NSMX Nội soi mũi xoang	2	☒	NS
14	NSPQ Nội soi phế quản	4	☒	NS

B2: Tạo từ điển cho từng phân loại CLS

- Chức năng: Dùng để tạo từ điển mẫu kết quả cho từng loại CLS. 1 phân loại có thể có 1 hoặc nhiều mẫu kết quả. Mỗi mẫu kết quả có thể nhập câu kết luận thường sử dụng nhất.

Nhóm CLS Siêu âm Phân loại CLS Siêu âm tim Tên từ điển Siêu âm tim ☒ sử dụng Ngày tạo: 9/29/2014 1:37:00 AM

Times New Roman 11 A A B I U A Change Case A

MODE 2D - TIM				DOPPLER			
RV : mm	RA mm			1. Định van ĐMP:	Hở [-]		
AOD : mm	LA mm	TL		Vmax: m/	sPG: mmHG		
				Hep: Tại van: [-]	Ngồi van [-]		
IVSd : mm	IVSs : mm			2. Định van 2 l:			
LVVd : mm	LVDs : mm	mm		Vmax: m/s	PG: mmHG		
LVVd : mm	LVWs : mm			Hở: Mức độ:			
FS : %				Hep: Mức độ: MVO: cm ²			
EF : Teicholz: Simpson				3. Định van ĐMC:			
MPA: mm	RPA: mm	LPA: mm		Vmax: m/s	PG: mmHG		
PE: [-] d sau tim: mm, V: ml				Hở: Mức độ:			
LV Mass(ASE) : g	MI: g/m ²			Hep: Mức độ: AO: cm ²			
				4. Định van 3 l:			
				Vmax: m/s	PG: mmHG		
				Hở: Mức độ: PAPs mmHg			
				5. Shunt qua VLT:			
				Chiều shunt:			
				Vmax: m/s	PG mmHg		
				6. Shunt qua VLN:			

Kết luận Không có gì bất thường.

B3: Phân loại CLS cho chỉ định.

- Chức năng: Chọn phân loại CLS cho từng chỉ định để khi sử dụng màn hình trả kết quả CLS của phân loại nào thì chỉ tìm bệnh nhân có chỉ định của phân loại đó.
- Chú ý: Nếu Nhóm CLS nào chỉ sử dụng 1 màn hình trả kết quả thì có thể bỏ qua bước này vì lúc đó màn hình đó sẽ tìm bệnh nhân theo nhóm.

Phân loại CLS cho service						
Từ ngày	01/01/2001	Đến ngày	31/08/2015	Nhóm CLS	Siêu âm	
Chi định CLS	Mã chỉ định	Nhóm dịch vụ	Tên nhó...	Phân loại CLS	Chon	
1 (1/6/2014) Siêu âm (C1.1/1 - TT 04)	CDHA694	CD hình ảnh	Siêu âm	Siêu âm tổng quát	☒	
2 (1/6/2014) Siêu âm bên, búi (C1.1/1 - TT 04)	CDHA695	CD hình ảnh	Siêu âm	Siêu âm tổng quát	☒	
3 (1/6/2014) Siêu âm Doppler màu mạch máu (C4.1/1 - TT03 - ...	CDHA696	CD hình ảnh	Siêu âm	Siêu âm tim	☒	
4 (1/6/2014) Siêu âm Doppler màu tim (C4.1/1 - TT03 - QĐ 155...	CDHA697	CD hình ảnh	Siêu âm	Siêu âm tim	☒	
5 (1/6/2014) Siêu âm Doppler màu tim 4 D (3D REAL TIME) (C...	CDHA698	CD hình ảnh	Siêu âm	Siêu âm tim	☒	
6 (1/6/2014) Siêu âm mô mềm (C1.1/1 - TT 04)	CDHA699	CD hình ảnh	Siêu âm	Siêu âm tổng quát	☒	
7 (1/6/2014) Siêu âm ngã âm đạo (C1.1/1 - TT 04)	CDHA700	CD hình ảnh	Siêu âm	Siêu âm tim	☒	
8 (1/6/2014) Siêu âm phụ khoa (C1.1/1 - TT 04)	CDHA701	CD hình ảnh	Siêu âm	Siêu âm tổng quát	☒	
9 (1/6/2014) Siêu âm sản khoa (C1.1/1 - TT 04)	CDHA702	CD hình ảnh	Siêu âm	Siêu âm tổng quát	☒	
10 (1/6/2014) Siêu âm tim (C1.1/1 - TT 04)	CDHA703	CD hình ảnh	Siêu âm	Siêu âm tim	☒	
11 (1/6/2014) Siêu âm TQ (C1.1/1 - TT 04)	CDHA704	CD hình ảnh	Siêu âm	Siêu âm tổng quát	☒	
12 (1/6/2014) Siêu âm tuyến giáp (C1.1/1 - TT 04)	CDHA705	CD hình ảnh	Siêu âm	Siêu âm tổng quát	☒	
13 (1/6/2014) Siêu âm tuyến mang tai (C1.1/1 - TT 04)	CDHA706	CD hình ảnh	Siêu âm	Siêu âm tổng quát	☒	
14 (1/6/2014) Siêu âm tuyến vú (C1.1/1 - TT 04)	CDHA707	CD hình ảnh	Siêu âm	Siêu âm tổng quát	☒	
15 (YC) (1/6/2014) Siêu âm (C1.1/1 - TT 04)	CDHA789	CD hình ảnh	Siêu âm	Siêu âm tổng quát	☒	
16 (YC) (1/6/2014) Siêu âm bên, búi (C1.1/1 - TT 04)	CDHA790	CD hình ảnh	Siêu âm	Siêu âm tổng quát	☒	
17 (YC) (1/6/2014) Siêu âm Doppler màu mạch máu (C4.1/1 - TT...	CDHA791	CD hình ảnh	Siêu âm	Siêu âm	☒	
18 (YC) (1/6/2014) Siêu âm Doppler màu tim (C4.1/1 - TT03 - Q...	CDHA792	CD hình ảnh	Siêu âm	Siêu âm tim	☒	
19 (YC) (1/6/2014) Siêu âm Doppler màu tim 4 D (3D REAL TIM...	CDHA793	CD hình ảnh	Siêu âm	Siêu âm tim	☒	

II.6.2.3. Trả kết quả nội soi thực quản – dạ dày – tá tràng.

- Chức năng: Trả kết quả cho bệnh nhân có những chỉ định thuộc phân loại nội soi thực quản – dạ dày – tá tràng.
- Thủ thuật: Chọn thủ thuật nếu có thực hiện.
- PTTT: Nhấn vào để nhập những thành viên tham làm thủ thuật để tính công sau này.

NỘI SOI THỰC QUẢN - DẠ DÀY

Số TN: 150825-00970 | Số VV: 15/030485 | Số NS: NS1508/011863

Thủ thuật: (Đ2) Nội soi thực quản-dạ dày- tá tràng ống mềm không sinh thiết (C2/23 - TT 04) - TTL 1

PTTT: 766

KẾT QUẢ NỘI SOI

Thực quản: Giãn tĩnh mạch thực quản độ III, hiện không thấy chảy máu (Hình 1)

Tâm vị: Đường Z cách cung răng 40cm, không thấy tổn thương.

Dạ dày: Dạ dày động ít dịch.
Phình vị: Giãn tĩnh mạch thực quản độ III, hiện không thấy chảy máu (Hình 2)
Thần vị: Không thấy tổn thương.

Kết luận: GIÃN TĨNH MẠCH THỰC QUẢN ĐỘ III + PHÌNH VỊ ĐỘ III - TẠM NGỪNG CHẢY MÁU

PHẪU THUẬT THỦ THUẬT

Số TN: 150825-00970 | Số TTPT: 150827/0098 | Số VV: 15/030485 | Khoa / PK: Nội soi

Loại PT/TT: (Đ2) Nội soi thực quản-dạ dày- tá tràng ống mềm không sinh thiết | **Phân loại:** LOẠI 1

THÀNH VIÊN THAM GIA PT-TT

BS chính: Sang, Lê Kim | **Phụ 1:** Tuấn, Hoàng Minh | **Phụ 2:** Hạnh, Nguyễn Thị Bé

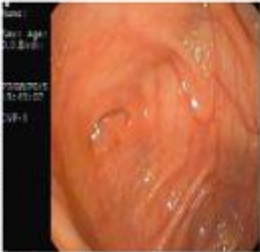
Giúp việc: Phượng, Nguyễn Thị Minh | **Phụ 3:**

- Mẫu kết quả:

	BỆNH VIỆN TRƯNG VƯƠNG KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH 266 Lý Thường Kiệt, P.14, Q.10 ĐT: (08) 73036263 - (08) 38656744	PHIẾU NỘI SOI THỰC QUẢN - DẠ DÀY - TÁ TRÀNG Số: NS1508/011837			
Họ tên bệnh nhân: VƯƠNG THỊ ĐĂNG Khoa: PKYC Số 2.4 Chẩn đoán: (K29.1) Viêm dạ dày cấp khác Máy: Olympus	Tuổi: 49 Giới tính: Nữ Bác sĩ chỉ định: Nguyễn Thị Thùy Linh Ngày thực hiện: 27/08/2015 08:19 Vô cảm: Lidocain Spray 10%				
KẾT QUẢ NỘI SOI					
Thực quản: Không thấy tổn thương	Tâm vị: Đường Z cách cung răng 40cm, không thấy tổn thương.	Dạ dày: Dạ dày động ít dịch. Phình vị: Không thấy tổn thương. Thân vị: Phía bờ cong lớn có 1 polyp, ĐK # 4 mm (Hình 1) sinh thiết 2 mẫu lấy trọn polyp làm giải phẫu bệnh lý Hang vị: có nhiều loét nông , sinh thiết 2 mẫu làm giải phẫu bệnh lý (Hình)			
Lỗ môn vị: Tròn đều, không hẹp.					
Tá tràng: Hành tá tràng: Không thấy tổn thương. Gối trên: không thấy tổn thương Tá tràng D2: Không thấy tổn thương					
Kết luận: -1 POLYP BỜ CONG LỚN THÂN VỊ- SINH THIẾT TRON POLYP -LOÉT NÔNG HANG VỊ					
Đề nghị:	Hình: X	Clotest: X	Video:		
Sinh thiết: X					
Ngày 27 Tháng 8 Năm 2015 Bác sĩ thực hiện					
BS. Ngô Hùng Trí					

II.6.2.4. Trả kết quả nội soi đại tràng

- Chức năng: Trả kết quả cho bệnh nhân có những chỉ định thuộc phân loại nội soi đại tràng.
- Cách thực hiện giống nội soi thực quản – dạ dày – tá tràng.
- Mẫu kết quả:

 BỆNH VIỆN TRƯNG VƯƠNG KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ANH 266 Lý Thường Kiệt, P.14, Q.10 ĐT: (08) 73036263 - (08) 38656744		PHIẾU NỘI SOI TRỰC TRẮNG - ĐẠI TRÀNG Số: NS1508/012186	
Họ tên bệnh nhân: NGUYỄN THỊ KIM THOA Khoa: Tiêu hóa, thận, tiết niệu (PK) Chẩn đoán: (K529) Viêm ruột và viêm đại tràng không do nhiễm trùng Máy: Olympus		Tuổi: 42 Giới tính: Nữ Bác sĩ chỉ định: Trần Triệu Thanh Trức Ngày thực hiện: 27/08/2015 13:31 Vô cảm:	
KẾT QUẢ NỘI SOI			
Mô tả:		Hậu môn: không thấy tổn thương. Trực tràng: Không thấy tổn thương. Đại tràng sigma: Không thấy tổn thương. Đại tràng xuống: Không thấy tổn thương. Đại tràng Ngang: Không thấy tổn thương. Đại Tr tràng lên: Không thấy tổn thương. Manh tràng: Không thấy tổn thương. (Hình 1) 10 cm cuối hồi tràng: Không thấy tổn thương (Hình 2)	
Kết luận: NỘI SOI TRỰC TRẮNG - ĐẠI TRÀNG KHÔNG THẤY TỔN THƯƠNG Đề nghị: Hình: X Video: Sinh thiết:			
			
		Ngày 27 Tháng 8 Năm 2015 Bác sĩ thực hiện BS. Ngô Hùng Tri	

II.6.2.5. Trả kết quả nội soi tai mũi họng

- Chức năng: Trả kết quả cho bệnh nhân có những chỉ định thuộc phân loại nội soi tai mũi họng.
- Nội soi tai mũi họng không làm Thủ thuật.

NỘI SOI TAI MŨI HỌNG				Số TN: 150822-00170	Số VV: 15/030074	Số HS: NS1508/011979
Vũ Thu Thủy 14:55 Nguyễn Hòa 09:23 Hứa Thanh Nhứt 11:30						
Tìm nhanh:	3/3	Tổng BN: 7	Chức: 3	TH: 4	Đang xem ...	
Họ và tên:	Vũ Thị Lan	Tuổi:	65	Giới tính:	Nữ	BHYT: GD779070080957579026
BS chỉ định:	Nguyễn Thị Phương Linh	Chỉ định:	(Đ2) Soi thanh quản +/- lấy dị vật (C1/26 - Thủ thuật, tiểu thủ thuật - TT14) sử dụng lại TT14			
Thủ thuật:	Chẩn đoán: TD hốc xương cá / xuất huyết tiêu hóa					
Số lần:	Số lần: 1					
Phân loại CLS:	Phân loại CLS: Nội soi thanh quản					
Mẫu kết quả:	Mẫu kết quả: Nội soi họng - thanh quản					
Ngày: 27/08/2015 09:40 Dụng cụ: Vô cảm: ☐ Cấp cứu ☐ Yêu cầu ☐ Tử thiện						
Họng Thanh Quản - Xoang lể: thông thoáng - Sụn phễu: phù nề nhẹ - Dây thanh: trơn láng - Bàng thanh thất: thông thoáng - Thành sau họng nhiều mô hạt viêm - Tầng sinh lympho đầy lưỡi, vài đám mủ trên bề mặt lympho Hướng điều trị: Chú ý: Nhở màng theo phiếu này khi khám lại lần sau						
Hình ảnh nội soi: 						
Kết luận: Viêm họng hạ họng - TD trào ngược họng thanh quản Không phát hiện dị vật vùng họng hạ họng Đề nghị: Ghi chú: BS thực hiện: Điều dưỡng:						
☐ Photo ☐ Video ☐ Sinh thiết ☐ Clotest						

- Mẫu kết quả:

 BỆNH VIỆN TRƯNG VƯƠNG 266 Lý Thường Kiệt, P.14, Q.10 ĐT: 8656744 - 8642750	
PHIẾU NỘI SOI THANH QUẢN Số: NS1508/011979	
Họ tên bệnh nhân: VŨ THỊ LAN Khoa: Tai mũi họng Chẩn đoán: TD hóc xương cá / xuất huyết tiêu hóa	Tuổi: 65 Giới tính: Nữ Bác sĩ chỉ định: Nguyễn Thị Phương Linh Ngày thực hiện: 27/08/2015 09:40
Họng Thanh Quản - Xoang lê: thông thoáng - Sụn phễu: phù nề nhẹ - Dây thanh: trơn láng - Băng thanh thất: thông thoáng - Thành sau họng nhiều mô hạt viêm - Tầng sinh lympho đẩy lưỡi, vài đám mù trên bề mặt lympho	
Hướng điều trị: <i>Chú ý: Nhớ mang theo phiếu này khi khám lại lần sau</i> Kết luận: Viêm họng hạ họng - TD Trào ngược họng thanh quản Không phát hiện dị vật vùng họng hạ họng	
  Ngày 27 Tháng 8 Năm 2015 Bác sĩ thực hiện BS. Nguyễn Thị Phương Linh	

II.6.2.6. Trả kết quả siêu âm

- Chức năng: Trả kết quả cho bệnh nhân có những chỉ định thuộc phân loại siêu âm.
- Các màn hình trả kết quả: Siêu âm tổng quát, siêu âm tim, siêu âm mắt, siêu âm mạch máu, siêu âm tại giường.

SIÊU ÂM TIM Số TN: 150826-00897 Số VV: 15/030565 Số HS: NS1508/011801

Bạch Cẩm Tài 09:36 Nguyễn Thị Tiên 10:53
Đặng Khải Đình 09:24
Mai Thị Tào 08:22
Ngô Thị Tý 11:38

Tìm nhanh: 5/5 Tổng BN: 79 Chở: 5 TH: 74 **Đang xem ...** STT: 1834

Họ và tên: **Bùi Thị Giôn** Tuổi: 56 Giới tính: **NỮ** BHYT: HT579020100037079026 Khoa: **Ngoại lồng ngực - Mạch máu - Thần kinh**
BS chỉ định: **Nguyễn Lê Văn** Chỉ định: **(Đ2) Siêu âm Doppler màu tim (T103.C4.1.1)**

Chẩn đoán: Chấn thương đầu/ Tai nạn sinh hoạt/ Tăng huyết áp Ngày: 27/08/2015 08:08
Số làm: Đã mổ: Dụng cụ:
Phân loại CLS: **Siêu âm tim** Thuốc:
Mẫu kết quả: **Siêu âm tim** KT chụp: **Siêu âm tim** Film: 0 ☐ Cân quang

Times New Roman 10 B I U A - A

MODE 2D - TIM				DOPPLER			
RV : 18 mm	RA : 30 mm	LA : 30 mm	TL	1. Dòng van ĐMP:	Hở	[-]	
AOD : 30 mm				Vmax:	m/s	PG:	mmHg
IVSd : 11 mm	IVSs : 14 mm			Hở:	Tai van:	[-]	Ngoài van [-]
LVDd : 37 mm	LVDs : 25 mm			2. Dòng van 2 lá:	E		
LVDd : 12 mm	LVDs : 14 mm			Vmax:	0.7 m/s	PG:	2.1 mmHg
				Hở:	Mức độ:	1/4	
				Hở:	Mức độ:		MVO: cm
FS : 32 %				3. Dòng van ĐMC:			
EF : 62 %	Teicholz:	Simpson		Vmax:	1.1 m/s	PG:	4.6 mmHg
				Hở:	Mức độ:	<1/4	
MPA : m	RPA : mm	LPA : m		Hở:	Mức độ:		AO: cm ²
PE : [-]	d sâu tim: mm	V : ml		4. Dòng van 3 lá:			
				Vmax:	2 m/s	PG:	mmHg
LV Mass (ASE) : g	MI: g/m ²			Hở:	Mức độ:		PAPs : mmHg
				5. Shunt qua VLT:			
				Chiều shunt:	m/s	PG:	mmHg
7. Shunt khác:				6. Shunt qua VLN:			
Chiều shunt:				Chiều shunt:	m/s	PG:	mmHg
Vmax:	m/s	PG:	mmHg				

Kết luận: **-DÂY THẤT TRÁI**
-EF : 62 %
-PAPS KHÔNG CAO

BS thực hiện: Điều dưỡng:

BS thực hiện: ☐ Photo ☐ Video ☐ Sinh thiết ☐ Clotest

Lấy hình ảnh từ máy siêu âm

- Mẫu kết quả:

BỆNH VIỆN TRUNG VƯƠNG
266 Lý Thường Kiệt, P.14, Q.10
ĐT: 8656744 - 8642750

PHIẾU SIÊU ÂM
Số: NS1508/012200

Họ tên bệnh nhân: **BUI THỊ CHƠ** Tuổi: 59 Giới tính: **NỮ**
Khoa: **Tim mạch** Bác sĩ chỉ định: **Võ Anh Thái Thuận**
Chẩn đoán: **TĂNG HUYẾT AP** Ngày thực hiện: 27/08/2015 14:09

MODE 2D - TIM				DOPPLER			
RV : 18 mm	RA : 30 mm	LA : 30 mm	TL	1. Dòng van ĐMP:	Hở	[-]	
AOD : 30 mm				Vmax:	m/s	PG:	mmHg
IVSd : 12 mm	IVSs : 14 mm			Hở:	Tai van:	[-]	Ngoài van [-]
LVDd : 50 mm	LVDs : 34 mm			2. Dòng van 2 lá:	E		
LVDd : 11 mm	LVDs : 14 mm			Vmax:	0.8 m/s	PG:	2.6 mmHg
				Hở:	Mức độ:	1/4	
				Hở:	Mức độ:		MVO: cm
FS : 33 %				3. Dòng van ĐMC:			
EF : 62 %	Teicholz:	Simpson		Vmax:	1.2 m/s	PG:	6.1 mmHg
				Hở:	Mức độ:	<1/4	
MPA : mm	RPA : mm	LPA : mm		Hở:	Mức độ:		AO: cm ²
PE : [-]	d sâu tim: mm	V : ml		4. Dòng van 3 lá:			
LV Mass (ASE) : g	MI: g/m ²			Vmax:	2 m/s	PG:	mmHg
				Hở:	Mức độ:		PAPs : mmHg
7. Shunt khác:				5. Shunt qua VLT:			
Chiều shunt:				Chiều shunt:	m/s	PG:	mmHg
Vmax:	m/s	PG:	mmHg	6. Shunt qua VLN:			
				Chiều shunt:	m/s	PG:	mmHg
				Vmax:	m/s	PG:	mmHg

Kết luận: **-DÂY THẤT TRÁI**
-EF : 62 %
-PAPS KHÔNG CAO
-HỖ VAN 2 LÁ 1/4
-CHÂM THỦ DẪN THẤT TRÁI
-TIM CƠ BỚP BÌNH THƯỜNG



Ngày 27 Tháng 8 Năm 2015
Bác sĩ thực hiện

BS. Trần Cảnh Đức

II.6.2.7. Trả kết quả X-Quang

- Chức năng: Trả kết quả cho bệnh nhân có những chỉ định thuộc nhóm X-quang

- Các màn hình trả kết quả: Xquang ngoại trú (PK29), Xquang nội trú (PK29), Xquang ngoại trú, Xquang nội trú.

X QUANG Số TH: **150827-00763** Số VV: Số BS: **NS1508/012007**

Nguyễn Thị Bích Thủy 15:21 Nguyễn Thị Kim Chi 07:31 Lương Thị Hoa 08:52
 Tô Thị Thìn 15:22 Nguyễn Thị Luân 07:43 Châu Tam Muội 09:11
 Lê Minh Triều 15:25 Nguyễn Thị Tươi 08:19 Trần Kim Phụng 09:45
 Trần Đăng Khoa 07:10 Đỗ Thị Kim Anh 08:33 Nguyễn Kim Hương 10:59

Tìm nhanh: 12/12 Tổng BN: 134 Chờ: 12 TH: 122 Đang xem ... SIT: 4172

Họ và tên: **Nguyễn Thị Vân** Tuổi: **65** Giới tính: **Nữ** BHYT: **HT579020170023679026** Khoa: **PKYC Số 2.7B**
 BS chỉ định: **Lý Huy Khanh** Chỉ định: **(Đ2) XQ số hóa 1 phim Phổi (thẳng) (TT04.C1.2.6.16)**

Thủ thuật:
 Chẩn đoán: **(I10) Tăng huyết áp tổn thương cơ quan đích/ rối loạn nhịp tim/ rối loạn lipid máu / đau thắt r** Ngày: **27/08/2015 10:00**
 Số làm: Đã mổ Dụng cụ:
 Phân loại CLS: **X quang** Thuốc:
 Mẫu kết quả: **Tim phổi thẳng** KT chụp: **Tim phổi thẳng** Film: **1** ☐ Cẩn quang

Times New Roman 14 B I U A - A

- Thành ngực: Không thấy ảnh bất thường
- Màng phổi: Không thấy ảnh bất thường
- Trung thất: Không thấy ảnh bất thường
- Tim: không thấy ảnh bất thường
- Mạch máu phổi: Không thấy ảnh bất thường
- Vòm hoành: Không thấy ảnh bất thường
- Phế trường: Không thấy ảnh bất thường

Kết luận: **HÌNH ẢNH TIM PHỔI TRONG GIỚI HẠN BÌNH THƯỜNG**

BS thực hiện: Điều dưỡng

Đề nghị: ☐ Photo ☐ Video ☐ Sinh thiết ☐ Clotest

- Mẫu kết quả:

 **BỆNH VIỆN TRƯNG VƯƠNG**
KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH
PHÒNG X-QUANG

PHIẾU KẾT QUẢ PHIM X-QUANG
Số: NS1508/011875

Họ tên bệnh nhân: **Lê Thị Bé** Tuổi: **71** Giới tính: **Nữ**
 Khoa điều trị: **Điều trị ban ngày** Bác sĩ Chỉ định: **Nguyễn Tâm Niệm**
 Chẩn đoán: **(Z01.7) Kiểm tra bằng xét nghiệm**
 Kỹ thuật chụp: **Cột sống thắt lưng (T,N)**

- + Phần mềm: Không thấy ảnh bất thường.
- + Hình dạng: Không thấy ảnh bất thường.
- + Đốt sống: **Thắt lưng hóa D12. Gai xương L1 -> L5**
- + đĩa đệm: Không thấy ảnh bất thường.
- + Lỗ liên hợp: Không thấy ảnh bất thường
- + Cấu trúc cạnh sống: Không thấy ảnh bất thường.

Kết luận:
Thắt lưng hóa D12. Gai xương L1 -> L5

16:15; Ngày 27 Tháng 8 Năm 2015
Bác sĩ thực hiện

BS. LÊ VĂN TRUNG

II.6.2.8. Trả kết quả giải phẫu bệnh

- Chức năng: Trả kết quả cho bệnh nhân có những chỉ định thuộc nhóm giải phẫu bệnh.

GIẢI PHẪU BỆNH HỌC				Số TN: I50826-00405	Số VV:	Số HS: NS1508/011972
Nguyễn Thị Minh Châu 13:27 Vin Và Mũi 13:42 Phạm Thị Phát 14:03 Triệu Mỹ Phượng 14:07	Trần Thị Mỹ Dung 14:27 Châu Ánh Hồng 15:15 Nguyễn Thị Liễu 07:46 Hồ Thị Trí 07:55	Võ Thị Lệ Thu 07:58 Trần Thị Mộng Thu 08:34 Trịnh Thị Tâm*** 08:46 Lương Kim Thắng 09:19	PHÙNG THỊ MỸ LINH 09:48 Lại Thị Thanh Trúc 09:49 Nghiêm Quang Như Hà 10:20 Lê Hùng Phong 11:25			
Tìm nhanh: 17/17 Tổng BN: 18 Chở: 17 TH: 1 Đang xem ... STT: 33						
Họ và tên : Nguyễn Mười Tuổi : 51 Giới tính : Nam BHYT : Khoa : PKYC Số 2.3 Chỉ định : Nguyễn Cao Khởi Chỉ định : (D2) Xét nghiệm và chẩn đoán mô bệnh học bằng phương pháp nhuộm Hemtoxylin Eosin (C5.4 - GPBL/ 1 - TT 04)						
Thủ thuật: 						
Chẩn đoán Ngày						
Số lam Đã mổ PP nhuộm						
Phân loại CLS Thuốc						
Mẫu kết quả Ngày trả BP Ngày lấy BP						
CHẨN ĐOÁN GIẢI PHẪU BỆNH • <u>NHAN XÉT ĐẠI THỂ :</u> Mô nhỏ 2(1)hét. • <u>NHAN XÉT VI THỂ :</u>						

Kết luận BS thực hiện Pha BP Tiểu bản	Đề nghị Ghi chú ☐ Photo ☐ Video ☐ Sinh thiết ☐ Clotest
--	---

- Mẫu kết quả:

SỞ Y TẾ		Số: NS1508/011972
BỆNH VIỆN TRƯNG VƯƠNG		

KHOA GIẢI PHẪU BỆNH		
PHIẾU XÉT NGHIỆM GIẢI PHẪU BỆNH HỌC		
Người pha bệnh phẩm: Nguyễn Đạt Lý	Pha ngày: 08/26/2015	
Số mảnh: 154213	Phương pháp nhuộm: HE	
Người làm tiêu bản:	Tiêu bản làm xong ngày: 08/29/2015	
CHẨN ĐOÁN GIẢI PHẪU BỆNH		
<u>NHÂN XÉT ĐA THỂ :</u> Mô nhô 2(1)hết. <u>NHÂN XÉT VI THỂ :</u>		
Chẩn đoán giải phẫu bệnh:		
		Trà Ngày 27 Tháng 8 Năm 2015
		Bác sĩ đọc kết quả
BS. Nguyễn Đạt Lý		

II.6.2.9. Kết quả thăm dò chức năng

- Chức năng: Trả kết quả cho bệnh nhân có những chỉ định thuộc phân loại thăm dò chức năng.
- Các màn hình trả kết quả: Kết quả đo điện cơ - điện não, kết quả ECR gắng sức, đo chức năng hô hấp, trả kết quả ECG điện tim.

ĐO CHỨC NĂNG HÔ HẤP Số TN: **150823-00061** Số VV: **15/030138** Số NS: **NS1508/2289**

Tìm nhanh: 0/0 Tổng BN: **1** Chở: **0** TH: **1** **Đang xem ...** STT: **5**

Họ và tên: **Nguyễn Bình Khiêm** Tuổi: **80** Giới tính: **Nam** BHYT: **BT2870900505787186** Khoa: **Khoa Hô hấp**
 BS chỉ định: **Nguyễn Đát Lý** Chỉ định: **(Đ2) Đo chức năng hô hấp (C6/ - TDCN/ 4 - TT 04)**

Thủ thuật: **VIÊM PHẾ QUẢN** Ngày: **27/08/2015 15:33**
 Số làm: Đã mổ: Dụng cụ:
 Phân loại CLS: **Đo chức năng hô hấp** Thuốc:
 Mẫu kết quả: **Đo chức năng hô hấp** ☐ Cấp cứu ☐ Yêu cầu ☐ Từ thiện

Kết luận: **Hạn chế nhẹ
PEFR: 35%
Không tắc nghẽn**

BS thực hiện: Điều dưỡng:

Đề nghị:
 Ghi chú:

☐ Photo ☐ Video ☐ Sinh thiết ☐ Clotest

- Mẫu kết quả:

 **BỆNH VIỆN TRUNG VƯƠNG**
 266 Lý Thường Kiệt, P.14, Q.10
 ĐT: 8656744 - 8642750

PHIẾU KẾT QUẢ ĐO CHỨC NĂNG HÔ HẤP

Số: **NS1508/2289**

Họ tên bệnh nhân: **Nguyễn Bình Khiêm** Tuổi: **80** Giới tính: **Nam**
 Khoa: **Khoa Hô hấp** Bác sĩ chỉ định: **Nguyễn Đát Lý**
 Chẩn đoán: **VIÊM PHẾ QUẢN** Ngày thực hiện: **27/08/2015 15:33**
 Kỹ thuật chụp: **Đo chức năng hô hấp**
 Thuốc:

Kết luận:
 Hạn chế nhẹ
 PEFR: 35%
 Không tắc nghẽn

Ngày **27** Tháng **8** Năm **2015**
Bác sĩ thực hiện

BS. NGUYỄN ĐÁT LÝ

II.6.2.10. Kết quả MRI

- Chức năng: Trả kết quả cho bệnh nhân có những chỉ định thuộc nhóm MRI.

MRI		Số TN: 150827-00427	Số VV:	Số NS: NS1508/012298
Nguyễn Khải Hoàn 09:29 Phạm Thanh Nhân 14:30 Nguyễn Thị Hồng Trang 08:31 Trần Nhật Huy 15:10 Nguyễn Thị Phước 07:46 Trịnh Kỳ Sỹ 15:51 Nguyễn Thị Tới 08:19 Trương Nguyễn Anh Minh 14				
Tim nhanh: 8/8 Ho và tên: Nguyễn Thị Tới BS chỉ định: Phạm Thị Lan Thanh Thủ thuật:	Tuổi: 51 Giới tính: Nữ BHYT: Chỉ định: (YC) (Đ2) Chụp cộng hưởng từ (MRI) (T03.C4.2.5.1)	Tổng BN: 8 Chờ: 8 TH: 0 Đã lưu ... Khoa: Điều trị ban ngày	STT: 1	
Chẩn đoán: (G55.1) (DV) thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng / viêm khớp gối 2 bên Số làm: Đã mổ: Phân loại CLS: MRI Mẫu kết quả: MRI Khớp háng KT chụp: MRI Khớp háng Film: 0 ☐ Cẩn quang	Ngày: 27/08/2015 16:30 Dung cụ: Thuốc:	☐ Image ☐ Video ☐ File		
*Kỹ thuật: Chụp khớp háng hai bên với các chuỗi xung: Axial T1 TSE, T2 FS. Coronal T1 TSE, T2 TSE, T2 TIRM. Sagittal T2 TSE. Axial, coronal, và sagittal T1W FS + Gd.				
*Mô tả hình ảnh: - Không thấy bất thường cấu trúc, tín hiệu tủy xương, vỏ xương, sụn khớp vùng đầu trên xương đùi và ổ cối hai bên. - Xương cánh chậu hai bên không thấy bất thường. - Không thấy bất thường cấu trúc tín hiệu các tạng vùng hố chậu. - Không thấy bất thường tín hiệu flow void cấu trúc mạch máu vùng hố chậu - bên trên phim. - Không thấy hạch lớn bất thường vùng này. - Không thấy bất thường cấu trúc tín hiệu phần mềm trên phim.				
Kết luận: Không thấy bất thường cấu trúc tín hiệu vùng ổ cối và chỏm xương đùi hai bên.	Đề nghị: Ghi chú:	☐ Photo ☐ Video ☐ Sinh thiết ☐ Clotest		
BS thực hiện: Test Tester Điều dưỡng:				

- Mẫu kết quả:

 BỆNH VIỆN TRƯNG VƯƠNG 266 Lý Thường Kiệt, P.14, Q.10 ĐT: 8656744 - 8642750	
PHIẾU KẾT QUẢ MRI Số: NS1508/012298	
Họ tên bệnh nhân: Nguyễn Thị Tới Khoa: Điều trị ban ngày Chẩn đoán: (G55.1) (DV) thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng / viêm khớp gối 2 bên Kỹ thuật chụp: MRI Khớp háng Thuốc:	Tuổi: 51 Giới tính: Nữ Bác sĩ chỉ định: Phạm Thị Lan Thanh Ngày thực hiện: 27/08/2015 16:30
*Kỹ thuật: Chụp khớp háng hai bên với các chuỗi xung: Axial T1 TSE, T2 FS. Coronal T1 TSE, T2 TSE, T2 TIRM. Sagittal T2 TSE. Axial, coronal, và sagittal T1W FS + Gd.	
*Mô tả hình ảnh: - Không thấy bất thường cấu trúc, tín hiệu tủy xương, vỏ xương, sụn khớp vùng đầu trên xương đùi và ổ cối hai bên. - Xương cánh chậu hai bên không thấy bất thường. - Không thấy bất thường cấu trúc tín hiệu các tạng vùng hố chậu. - Không thấy bất thường tín hiệu flow void cấu trúc mạch máu vùng hố chậu - bên trên phim. - Không thấy hạch lớn bất thường vùng này. - Không thấy bất thường cấu trúc tín hiệu phần mềm trên phim.	
Kết luận: Không thấy bất thường cấu trúc tín hiệu vùng ổ cối và chỏm xương đùi hai bên.	
Ngày 27 Tháng 8 Năm 2015 Bác sĩ thực hiện	
BS. TEST TESTER	

II.6.2.11. Kết quả CT - Scanner

- Chức năng: Trả kết quả cho bệnh nhân có những chỉ định thuộc nhóm CT – Scanner.

KẾT QUẢ CT-Scanner

CT SCANNER Số TH: **150825-01882** Số VV: **15/030518** Số HS: **NS1508/012159**

Mục A Kín 13:59 Trần Phú Tùng 09:53
 Lê Văn Huyền 14:58 Huỳnh Thị Vê 11:09
 Nguyễn Đình Quang 16:23
 Lý Thu 16:29

Tìm nhanh: 6/6 Tổng BN: 29 Chờ: 6 TH: 23 Đang xem ... SIT: 783

Họ và tên: **Nguyễn Thị Tuyết Hồng** Tuổi: 58 Giới tính: Nữ BHYT: 60779050101326379026 Khoa: **Nhiễm**
 BS chỉ định: **Đinh Thị Kiều Lam** Chỉ định: **(Đ2) Chụp CT Scanner bụng đến 32 dây (bao gồm cả thuốc cản quang) (TT04.C1.2.6.7)**

Thủ thuật:
 Chẩn đoán: **Tiểu chảy nhiễm trùng** Ngày: 27/08/2015 11:13
 Số lam: Đã mổ Dụng cụ:
 Phân loại CLS: **CT Scanner** Thuốc:
 Mẫu kết quả: **Bụng có cản quang** KT chụp: **Bụng có cản quang** Film: 0 ☐ Cản quang

Times New Roman 14 B I U A - A Image Video File

- Gan:
 + Không lớn, bờ đều.
 + Không thấy bất thường đậm độ nhu mô gan trên phim.
 + Không giãn đường mật trong và ngoài gan.
 - Tụy: đầu, thân, đuôi tụy xuất hiện bình thường.
 - Lách: bình thường.
 - Thận: kích thước, cấu trúc, bắt và thải thuốc cản quang hai thận bình thường.
 - Không phát hiện hạch ổ bụng.
 - Dịch ổ bụng: không thấy.
 * Hình ảnh dây phù nề thành đại tràng ngang - trái và xích ma + thâm nhiễm mỡ quanh đại tràng

Kết luận: - Hình ảnh td viêm đại tràng

BS thực hiện: Điều dưỡng

Đề nghị: Ghi chú: ☐ Photo ☐ Video ☐ Sinh thiết ☐ Clostest

- Mẫu kết quả:

 **BỆNH VIỆN TRUNG VƯƠNG**
 266 Lý Thường Kiệt, P.14, Q.10
 ĐT: 8656744 - 8642750

PHIẾU KẾT QUẢ CT SCANNER

Số: **NS1508/012159**

Họ tên bệnh nhân: **Nguyễn Thị Tuyết Hồng** Tuổi: 58 Giới tính: Nữ
 Khoa: **Nhiễm** Bác sĩ chỉ định: **Đinh Thị Kiều Lam**
 Chẩn đoán: **Tiểu chảy nhiễm trùng** Ngày thực hiện: 27/08/2015 11:13
 Kỹ thuật chụp: **Bụng có cản quang**
 Thuốc:

- Gan:
 + Không lớn, bờ đều.
 + Không thấy bất thường đậm độ nhu mô gan trên phim.
 + Không giãn đường mật trong và ngoài gan.
 - Tụy: đầu, thân, đuôi tụy xuất hiện bình thường.
 - Lách: bình thường.
 - Thận: kích thước, cấu trúc, bắt và thải thuốc cản quang hai thận bình thường.
 - Không phát hiện hạch ổ bụng.
 - Dịch ổ bụng: không thấy.
 * Hình ảnh dây phù nề thành đại tràng ngang - trái và xích ma + thâm nhiễm mỡ quanh đại tràng

Kết luận:
 - Hình ảnh td viêm đại tràng

Ngày 27 Tháng 8 Năm 2015
 Bác sĩ thực hiện
 BS.CKI TRẦN HỮU HANG

II.6.2.12. Kết quả DSA

- Chức năng: Trả kết quả cho bệnh nhân có những chỉ định thuộc nhóm DSA.

DSA		Khóa		Số TN	150821-00176	Số TTPT	150826/0109
BN chỗ		Chỉ tiết	TT buồng giường	Số VV	15/030270	Khoa /PK	Đơn vị can thiệp
NGUYỄN THAI BẢO - 58 tuổi - Nam				nhập lúc	26-08-2015 09:23	Số P	dsas
THÔNG TIN PHẪU THUẬT THỦ THUẬT				PP Vô cảm			
Loại PT/TT	(YC) (D2) (10/11/14) Can thiệp nút mạch u gan (TOCE/TACE) (Chưa bao gồm vật tư chuyên dụng dùng để can thiệp: bóng, stent, các vật liệu n	Phân loại	LOAI D8 A	M			
PP PT/TT	Phương pháp PTTT	Chi phí	9.500.000	T			
CĐ Trước	Bướu nguyên bào gan	Bắt đầu	26-08-2015	09:23			
CĐ Sau	Bướu nguyên bào gan	Kết thúc	26-08-2015	09:23			
Kỹ thuật							
THÀNH VIÊN THAM GIA PT-TT							
BS chính	Thiệu, Trần Minh	Phụ 1	Dây, Nguyễn Minh	Phụ 2:			
BS (GMHS)		KTV(GMHS)		☐ Cấp cứu ☐ Dịch vụ ☐ Tư thiện			
Dụng cụ	Giang, Trần Trường	Phục vụ 1	Duy, Trần Đình	P.vụ 2			
LƯỢC ĐỒ PT/TT				TRÌNH TỰ PT/TT			
				Tóm tắt tiến trình thủ thuật:			
				- Sát trùng rộng vùng ben hai bên bằng Povidone iodine 10%, gây tê tại chỗ vùng ben (P) bằng 01 ống Lidocain 2% (200mg, 10mL). - Chọc dò động mạch đùi P theo phương pháp Seldinger. Đặt sheath 5F vào động mạch đùi P, đưa catheter Vertebral 5F qua sheath vào động mạch chủ lên động mạch cảnh trong hai bên, động mạch sống hai bên; bơm thuốc cản quang qua catheter chụp ghi hình chẩn đoán. Kết quả: - Hệ mạch máu cảnh trong bên T, động mạch não trước và não giữa bên T và các nhánh của chúng có thành trơn láng, xuất hiện bình thường qua các thì động mạch, mao mạch đến tĩnh mạch. - Hệ mạch máu cảnh trong bên P, động mạch não trước và não giữa bên P và các nhánh của chúng có thành trơn láng, xuất hiện bình thường qua các thì động mạch, mao mạch đến tĩnh mạch. - Cấu trúc hệ động mạch đốt sống 2 bên, thân nền, não sau 2 bên và các động mạch tiểu não 2 bên có thành trơn láng, xuất hiện bình thường qua các thì động mạch, mao mạch đến tĩnh mạch. - Tuần hoàn bàng hệ qua thông trước và thông sau 2 bên bình thường. - Hệ thống tĩnh mạch trong sọ dẫn lưu bình thường. - Các bất thường khác: chưa thấy bất thường khác. * Kết thúc thủ thuật: Bệnh nhân tỉnh, tiếp xúc tốt, sinh hiệu ổn. * Thuốc đã dùng: Xenetix 300 lọ 50mL x 2 lọ. Kết luận: Hiện chưa phát hiện bất thường mạch máu não trên DSA.			
LƯỢC ĐỒ PT/TT				Bắc			
Dẫn lưu				Ngày dự kiến rút			
26-08-2015				Cắt chỉ			
26-08-2015							
Thêm				Lưu			
Bỏ qua				Xem			
Sửa				Xóa			
In				B.Cáo			
DV kèm				Thoát			

- Mẫu kết quả:

BỆNH VIỆN TRƯNG VƯƠNG		
KHOA TIM MẠCH		
ĐƠN VỊ TIM MẠCH CAN THIỆP		
TƯỜNG TRÌNH THỦ THUẬT		
Số hồ sơ: 150826/0109		
Họ tên bệnh nhân: NGUYỄN THAI BẢO	Tuổi: 58	Giới tính: Nam
Khoa:		
Ngày thực hiện thủ thuật: 26/08/2015	Bắt đầu lúc: 09:23	Kết thúc lúc: 09:23
Tóm tắt tiến trình thủ thuật: - Sát trùng rộng vùng ben hai bên bằng Povidone iodine 10%, gây tê tại chỗ vùng ben (P) bằng 01 ống Lidocain 2% (200mg, 10mL). - Chọc dò động mạch đùi P theo phương pháp Seldinger. Đặt sheath 5F vào động mạch đùi P, đưa catheter Vertebral 5F qua sheath vào động mạch chủ lên động mạch cảnh trong hai bên, động mạch sống hai bên; bơm thuốc cản quang qua catheter chụp ghi hình chẩn đoán. Kết quả: - Hệ mạch máu cảnh trong bên T, động mạch não trước và não giữa bên T và các nhánh của chúng có thành trơn láng, xuất hiện bình thường qua các thì động mạch, mao mạch đến tĩnh mạch. - Hệ mạch máu cảnh trong bên P, động mạch não trước và não giữa bên P và các nhánh của chúng có thành trơn láng, xuất hiện bình thường qua các thì động mạch, mao mạch đến tĩnh mạch. - Cấu trúc hệ động mạch đốt sống 2 bên, thân nền, não sau 2 bên và các động mạch tiểu não 2 bên có thành trơn láng, xuất hiện bình thường qua các thì động mạch, mao mạch đến tĩnh mạch. - Tuần hoàn bàng hệ qua thông trước và thông sau 2 bên bình thường. - Hệ thống tĩnh mạch trong sọ dẫn lưu bình thường. - Các bất thường khác: chưa thấy bất thường khác. * Kết thúc thủ thuật: Bệnh nhân tỉnh, tiếp xúc tốt, sinh hiệu ổn. * Thuốc đã dùng: Xenetix 300 lọ 50mL x 2 lọ. Kết luận: Hiện chưa phát hiện bất thường mạch máu não trên DSA.		
Thủ thuật viên phụ		Ngày 27 Tháng 8 Năm 2015
BS. Nguyễn Minh Dây		Bác sĩ thực hiện
BS.		BS.THT02

II.6.3. Báo cáo chung

II.6.3.1. Danh sách bệnh nhân theo ngày bác sĩ

- Chức năng: Danh sách liệt kê bệnh nhân theo ngày và theo bác sĩ.

- Điều kiện: Từ ngày tới ngày, nhóm CLS, phân loại CLS, phòng CLS

DANH SÁCH BỆNH NHÂN THỰC HIỆN CT SCANNER THEO NGÀY - BÁC SĨ					
Từ ngày : 17/08/2015			Đến ngày : 31/08/2015		
Ngày	17/08/2015				
Bác sĩ	Lê Văn Trung				
STT	HỌ VÀ TÊN	NAM	NỮ	KHOA ĐIỀU TRỊ	THỰC HIỆN
1	Nguyễn Văn Bền	69		Ngoại Lồng ngực - Mạch máu - Thần kinh	Ngực có cản quang
2	Nguyễn Việt Vương	30		Khoa Cấp cứu	Bụng không có cản quang
3	Đoàn Văn An	49		Khoa Cấp cứu	Bụng có cản quang
4	Trần Thị Nương		49	Khoa Cấp cứu	Bụng có cản quang
5	Lê Quốc Cường	25		Khoa Cấp cứu	Bụng không có cản quang
6	Nguyễn Thu Như Vũ	30		Khoa Cấp cứu	Bụng không có cản quang
7	Trần Quốc Khánh	17		Khoa Cấp cứu	Bụng không có cản quang
8	Phan Thanh Sơn	55		Cấp cứu (PK)	Sọ não không thuốc cản quang
9	Vương Thị Thu Hà		52	Cấp cứu (PK)	Sọ não không thuốc cản quang
Tổng cộng : 9 ca trong ngày 17/08/2015					
Bác sĩ	Ngô Minh Tuấn				
STT	HỌ VÀ TÊN	NAM	NỮ	KHOA ĐIỀU TRỊ	THỰC HIỆN
1	Nguyễn Thị Thảo		25	Điều trị ban ngày	Ngực có cản quang
Tổng cộng : 1 ca trong ngày 17/08/2015					
Bác sĩ	Nguyễn Tấn Quốc				
STT	HỌ VÀ TÊN	NAM	NỮ	KHOA ĐIỀU TRỊ	THỰC HIỆN
1	Lê Thị Liễu		86	Khoa Cấp cứu	Sọ não không thuốc cản quang
2	Lâm Thị Gái		44	Khoa Cấp cứu	Bụng có cản quang
3	Nguyễn Văn Đức	70		Thần kinh	Sọ não cản quang
4	Nguyễn Bá Tông	60		PKYC Số 2.2	Sọ não không thuốc cản quang
5	Phạm Tại	76		PKYC Số 2.2	Sọ não không thuốc cản quang
6	Trần Nữ		60	Tim mạch	Sọ não không thuốc cản quang
7	Mạc Duy Chúc	33		PKYC Số 2.2	Xoang

II.6.3.2. Sổ bệnh nhân CLS

- Chức năng: Danh sách bệnh nhân thực hiện CLS
- Điều kiện: Từ ngày tới ngày, nhóm CLS, phân loại CLS.

DANH SÁCH BỆNH NHÂN THỰC HIỆN X QUANG

Từ ngày : 17/08/2015

Đến ngày : 31/08/2015

STT	HỌ VÀ TÊN	NAM	NỮ	ĐỊA CHỈ	BHYT	LOẠI CLS	BS CD	KHOA CD	KẾT QUẢ	BS CLS	KỸ THUẬT	FILM
1	Trần Thị Thu Lan		46	F. 5, Quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh		X quang HIRTZ	Phạm Trịnh Quốc Khanh	Điều trị ban ngày	Mô xoang sàng hai bên	Lê Văn Trung	Bloudeau - HIRTZ	1
2	Lê Thị Bé		71	, T.Đông Tháp		X quang cột sống	Nguyễn Tâm Niệm	Điều trị ban ngày	Thắt lưng hóa D12 Gai xương L1 -> L5	Lê Văn Trung	Cột sống thắt lưng (T,N)	1
3	Lê Thị Bé		71	, T.Đông Tháp		X quang phổi	Nguyễn Tâm Niệm	Điều trị ban ngày	Tên thương xơ vôi vùng sau xương đòn hai bên	Lê Văn Trung	Tam phổi thẳng	1
4	Nguyễn Thu Như Vũ	30		Thuận Giao Thuận An, T.Bình Dương		X quang	Phan Trường Nam	Cấp cứu (PK)	- Dị vật cản quang ngang L1-L3 lệch phải	Lê Văn Trung	Bụng đứng không sửa soạn	1
5	Trần Thị Nương		49	F1 Tân Xuân Sóc Trăng, T.Sóc Trăng		X quang	Phan Trường Nam	Cấp cứu (PK)	- Lềm học dưới hoành (P)	Lê Văn Trung	Bụng đứng không sửa soạn	1
6	Lê Minh Dương	33		219 Lý Thường Kiệt P7, Quận 11, Tp.Hồ Chí Minh	X	X quang	Phan Trường Nam	Ngoại thần - Tiết niệu	- HÌNH ẢNH KHÔNG THẤY BẤT THƯỜNG	Nguyễn Tâm Quốc	K.U.B	1
7	Trần Thị Thu		52	3/131B Nhi Tân TTN, Huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh	X	X quang tử chi	Phạm Ngọc Anh	PKYC Số 5 Chơn BS	- Hiện chưa thấy tổn thương xương ức	Lê Văn Trung	Xương ức	1
8	Nguyễn Minh Luân	29		895/30 Ấu Cơ Tân Thành, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh		X quang cột sống	Phạm Ngọc Anh	Ngoại Lồng ngực - Mạch máu - Thần kinh	- HÌNH ẢNH CỘT SỐNG TRONG GIỚI HẠN BÌNH THƯỜNG	Trần Minh Thiệu	Cột sống thắt lưng (T,N)	1
9	Bùi Trần Thành Nhân	22		130/24 Nghĩa Phát, P.7, Quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh	X	X quang	Trần Bình Thanh	Khoa Đau (PK)	- HÌNH ẢNH CỘT SỐNG TRONG GIỚI HẠN BÌNH THƯỜNG	Lê Văn Trung	Cột sống cổ (T,N)	1
10	Lê Thùy Hằng	31		Tổ 4 Ấp 1a Vĩnh Lộc A, Huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh	X	X quang	Nguyễn Quốc Lan	Khoa Đau (PK)	- HÌNH ẢNH CỘT SỐNG TRONG GIỚI HẠN BÌNH THƯỜNG	Ngô Minh Tuấn	Cột sống cổ (T,N)	1
11	NGUYỄN THỊ TINH	63		47 KP3, TÂN THỜI NHẤT, Quận 12, Tp.Hồ Chí Minh	X	X quang cột sống	Nguyễn Quốc Lan	Khoa Đau (PK)	- HÌNH ẢNH CỘT SỐNG TRONG GIỚI HẠN BÌNH THƯỜNG	Lê Văn Trung	Cột sống cổ (T,N,3,4)	2
12	Nguyễn Thị Kim Chi	58		230/18/10 TRƯỜNG CHINH, P13, Quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh	X	X quang tử chi	Võ Mộng Kiều Hạnh	Khoa Đau (PK)	- CẤU TRÚC XƯƠNG BÌNH THƯỜNG	Lê Văn Trung	cẳng chân (T)	1

II.6.3.3. Sổ bệnh nhân CLS(A4)

- Chức năng: Danh sách liệt kê bệnh nhân theo ngày và theo bác sĩ. Mẫu rút gọn của mẫu sổ bệnh nhân CLS.
- Điều kiện: Từ ngày tới ngày, nhóm CLS, phân loại CLS.

BỆNH VIỆN TRUNG VƯƠNG 266 Lý Thường Kiệt, P.14, Q.10 ĐT: 8656744 - 8642750						
DANH SÁCH BỆNH NHÂN THỰC HIỆN X QUANG						
Từ ngày : 17/08/2015			Đến ngày : 31/08/2015			
STT	HỌ VÀ TÊN	TUỔI	KHOA ĐIỀU TRỊ	KỸ THUẬT CHỤP	BHYT	PHIM
1	Nguyễn Thu Như Vũ	30	Cấp cứu (PK)	Bụng đứng không sửa soạn		1
2	Trần Thị Nương	49	Cấp cứu (PK)	Bụng đứng không sửa soạn		1
3	Huỳnh Thị Mỹ Hoa	45	Điều trị ban ngày	Tìm phổi thẳng		1
4	Lê Thị Tú	52	PKYC Số 2.2	Cột sống cổ (T,N,3/4)	X	2
5	Nguyễn Thị Chung	59	PKYC Số 2.2	Cột sống cổ (T,N,3/4)	X	2
6	Nguyễn Thị Thanh	61	Nội tiết - Tổng hợp	Bàn chân (P)	X	1
7	Nguyễn Thị Huệ	42	Điều trị ban ngày	Blondeau - HIRTZ		1
8	Lâm Quang Nhanh	54	Điều trị ban ngày	Cột sống thắt lưng (T,N)		1
9	Trần Thị Lư	58	Thần kinh (PK)	Cột sống cổ (T,N)	X	1
10	Nguyễn Thị Ngát	77	Điều trị ban ngày	Tìm phổi thẳng		1
11	Tăng Mỹ Duyên	16	Điều trị ban ngày	Tìm phổi thẳng		1
12	Nguyễn Ngọc Mỹ Hạnh	17	Điều trị ban ngày	Tìm phổi thẳng		1
13	Nguyễn Ngọc Hiếu	19	Điều trị ban ngày	Tìm phổi thẳng		1
14	Đặng Thị Nga	42	Điều trị ban ngày	Tìm phổi thẳng		1
15	Nguyễn Thị Hồng Vân	23	PKYC Số 2.2	Cột sống cổ (T,N,3/4)	X	2
16	Võ Văn Trúc	43	Điều trị ban ngày	Cột sống thắt lưng (T,N)		1
17	Nguyễn Hùng Trung	25	Ngoại thận - Tiết niệu	K.U.B	X	1
18	Nguyễn Hùng Trung	25	Ngoại thận - Tiết niệu	K.U.B	X	1
19	Nguyễn Thị Huệ	42	Điều trị ban ngày	Tìm phổi thẳng		1
20	Lâm Quang Nhanh	54	Điều trị ban ngày	Tìm phổi thẳng		1

II.6.3.4. Báo cáo số ca theo khoa

- Chức năng: Báo cáo tính tổng số ca theo khoa
- Điều kiện: Từ ngày tới ngày, nhóm CLS, phân loại CLS.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc *****		
BÁO CÁO SỐ CA X QUANG		
Từ ngày : 17/08/2015 Đến ngày : 31/08/2015		
TÊN KHOA	SỐ CA	GHI CHÚ
Thận - Thận nhân tạo	27	
Điều trị ban ngày	72	
Nội tiết - Khớp A	1	
Chấn thương chỉnh hình	42	
Phẫu thuật - GMHS	3	
Bóng - Tạo hình thẩm mỹ	10	
Khoa Cấp cứu	232	
Khoa Hô hấp	53	
Phụ sản	5	
Hô hấp (PK)	76	
Nhiễm - Da liễu	3	
PKYC Số 2.2	81	
PKYC Số 2.6B	9	
Khoa Đau (PK)	62	
Thần kinh	49	
Tiêu hóa	23	
Khoa D Nội	67	
PKYC Số 2.7A	11	
PKDV Khoa Tim mạch	24	
Ngoại tổng hợp	31	
Ngoại thận - Tiết niệu	35	

II.6.3.5. Thống kê số lượng bệnh nhân CLS

- Chức năng: Thống kê số lượng bác sĩ thực hiện bao nhiêu ca của từng ngày.
- Điều kiện: Từ ngày tới ngày, phân loại CLS.

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG THỰC HIỆN SIÊU ÂM TỔNG QUÁT

Từ ngày : 17/08/2015

Đến ngày : 31/08/2015

Phân loại	Ngày	Đặng Thị Diễm	Nguyễn Kim Lương	Nguyễn Minh Phúc	Nguyễn Thị Thu Thủy (CD)	Trần Cảnh Đức	Trần Minh Thiệu
Siêu âm tổng quát	17/08/2015	10	92	1	6	2	
	18/08/2015	63	69	1	69		
	19/08/2015		64	13	79	1	
	20/08/2015	94	33	7			1
	21/08/2015	72		5	45	8	
	22/08/2015	168		6		6	
	23/08/2015			31			1
	24/08/2015		82	14		1	
	25/08/2015	63	61	1	74		
	26/08/2015	56	62	17	47	3	
	27/08/2015	54	45		35	9	
		580	528	96	355	30	2

II.6.3.6. Thống kê số lượng ca theo phân loại bác sĩ

- Chức năng: Thống kê tổng số ca theo bác sĩ.
- Điều kiện: Từ ngày tới ngày, nhóm CLS, phân loại CLS.

266 Lý Thường Kiệt, P.14, Q.10
ĐT: 8656744 - 8642750

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BÁO CÁO SỐ CAX QUANG

Từ ngày : 17/08/2015 Đến ngày : 31/08/2015

STT	BÁC SĨ CHỈ ĐỊNH	SỐ LƯỢNG
1	BS. Võ Mộng Kiều Hạnh	18
2	BS. Nguyễn Quế Lan	19
3	BS. Bùi Hữu Lượng	17
4	BS. Võ Anh Minh	2
5	BS. Bùi Quang Anh Phương	32
6	BS. Ngô Hoàng Kiến Tâm	1
7	BS. Nguyễn Đức Tâm	1
8	BS. Nguyễn Thị Thu Vân (NTQ)	12
9	BS. Phạm Hoàng Vũ	14
10	BS. Nguyễn Thúc Bội Anh	4
11	BS. Phan Thanh Hằng	4
12	BS. Trần Vũ Hiếu	11
13	BS. Nguyễn Thanh Huy	3
14	BS. Võ Thị Kim Ngân	7
15	BS. Trịnh Quốc Minh	4
16	BS. Nguyễn Tấn Quốc	2
17	BS. Nguyễn Anh Tri	6
18	BS. Nguyễn Văn Minh (Thần Kinh)	2

II.6.3.7. Báo cáo thủ thuật CLS

- Chức năng: Danh sách tính tổng số thủ thuật theo bác sĩ
- Điều kiện: Từ ngày tới ngày, nhóm CLS, phân loại CLS.

BÁO CÁO THỦ THUẬT NỘI SOI THỰC QUẢN - DẠ DÀY - Tá TRÀNG

Từ ngày : 17/08/2015 Đến ngày : 31/08/2015

STT	MÃ SỐ NV	HỌ VÀ TÊN	LOẠI III		
			A	B	C
1	nhtri	Ngô Hùng Tri			
2	SAL01	Lê Kim Sang			
3	THP06	Phạm Đức Thân			

II.7. Quản lý phẫu thuật thủ thuật**II.7.1. Giới thiệu – Quy trình nghiệp vụ**

- Quản lý chi tiết thông tin phẫu thuật, thủ thuật của bệnh nhân, theo dõi vật tư, y dụng cụ sử dụng, báo cáo phẫu thuật thủ thuật.
- Các chức năng chính
- Định nghĩa gói dịch vụ phẫu thuật thủ thuật
- Cập nhật thông tin chi tiết phẫu thuật thủ thuật
- Các danh mục: phân loại, qui định số người tham gia,..

II.7.2. Các màn hình chính**II.7.2.1. Định nghĩa thông tin gói dịch vụ**

- Định nghĩa các dịch vụ của phẫu thuật thủ thuật

DỊCH VỤ ĐI KÈM
Khoa : Ngoại 1 (Ngoại tổng c
Xem dịch vụ

Các dịch vụ đi kèm đã có trong khoa

Đặt ống thông dạ dày (không túi nuô	Tube levin 16-18-20 (thông dạ dày)	Tim bấp [lân]
Thay băng > 5cm [lân]	Sonde rectal 28 [Sợi]	Thay băng < 5 cm [lân]
Thay băng > 10cm [lân]	Sonde foley 2 nhánh (ống thông tiểu	Phẫu thuật viêm ruột thừa [lân]
Thay băng > 20cm [lân]	Lactac Ringer in Glucose 5% - đly khi	Đặt ống thông dạ dày (chưa tính

Chuyển đổi
Tên dịch vụ Cha : Phẫu thuật viêm ruột thừa [lân]
Tên dịch vụ đi kèm:

Các dịch vụ đi kèm :

STT	Mã dịch vụ con	Tên dịch vụ con	Số lượng	Tính tiền	DV hết dùn
2	BOB011	Bông gạc 10x10 - Gạc r	2	X	
3	BOM004	Bơm tiêm 10cc k23	2		
4	CPTLKT11	Soie 2/0 (kim tròn)	1		
5	CPTLKT8	Soie 2/0 (kim tam giác)	1		
6	CPTLT026	Safil 2/0 kim tròn	1		

II.7.2.2. Các danh mục quản lý phẫu thuật thủ thuật

DANH MỤC DỊCH VỤ PTTT										
	Tên viết tắt	Mã DV	Mã PT\TT	Mã Loại						
	TT12.42	C1001	01	LOAI2A						
	TT12.42	C1002	01	LOAI2A						
	TT12.35	C1003	01	LOAI2A						
	TT12.35	C1004	01	LOAI1A						
	TT12.39	C1005	01	LOAI1A						
	TT15.40	C1006	01	LOAI1B						

DANH MỤC THÀNH VIÊN THAM GIA PT, TT										
	Mã Loại PTT	Mã nhóm P	Tổng số Max	Tổng số Min	Tổng số BS c	Tổng số BS phụ	Tổng số G	Tổng số Dục	Tổng số Phục vụ	Tổng số Phục vụ 2 Mã
	LOAI1	00	7	6	1	2	1	1	2	1
	LOAI1	01	5	4	1	2	1	1	1	0
	LOAI2	00	7	6	1	2	1	1	2	1
	LOAI2	01	4	3	1	1	1	1	1	0
	LOAI3	00	6	5	1	1	1	1	2	1
	LOAI3	01	3	2	1	1	1	1	1	0
	LOAIDB	00	8	7	1	2	2	1	2	1
	LOAIDB	01	5	4	1	2	1	1	1	0

II.7.2.3. Thông tin phẫu thuật thủ thuật

- Thông tin chi tiết của phẫu thuật thủ thuật
- Phân loại
- Thông tin chi tiết
- Thông tin về người thực hiện:
- Bác sĩ chính, phụ
- Bác sĩ gây mê hồi sức
- Phục vụ
- Lược đồ
- Trình tự phẫu thuật thủ thuật
- In phiếu phẫu thuật thủ thuật (mẫu 14/BV-01)
- Cập nhật vật tư y dụng cụ sử dụng

Phẫu thuật thủ thuật

Khóa ☐ Số TN 101215-00711 Số TTPT 130303/0001
Số VV 10/039083 Khoa /PK Ngoại 1 (Ngoại tổng)

LÊ THANH TUẤN - 41 tuổi - Nam VV lúc 15-12-2010 10:32 Số P 4 Số G 32 Y DC SỬ

THÔNG TIN PHẪU THUẬT THỦ THUẬT

Loại PT/TT Cắt bỏ chấp có bọc [lân] Phân loại LOẠI 3 PP Vỡ cầm M gây mê
PP PT/TT Phương pháp PTTT T gây tê

CĐ Trước Viêm túi mật cấp Bắt đầu 03-03-2013 13:54
CĐ Sau Viêm túi mật cấp Kết thúc 03-03-2013 13:54

THÀNH VIÊN THAM GIA PT-TT

BS chính Bông, Chấn thương Phụ 1 Phụ
BS (GMHS) KTV(GMHS) Cấp cứu Dịch vụ Từ thiện
Dụng cụ Phục vụ 1 P.vụ 2

LƯỢC ĐỒ PT/TT **TRÌNH TỰ PT/TT**

Dẫn lưu
Bác
Ngày dự 03-03-2013 Cắt chỉ 03-03-2013

Thêm Lưu Bỏ qua Xem Sửa Xóa In B.Cáo DV kèm Thoát

- Thông tin chi tiết vật tư tiêu hao sử dụng

Phẫu thuật thủ thuật

Khóa ☐ Số TN 101215-00711 Số TTPT 130303/0001
Số VV 10/039083 Khoa /PK Ngoại 1 (Ngoại tổng)

LÊ THANH TUẤN - 41 tuổi - Nam VV lúc 15-12-2010 10:32 Số P 4 Số G 32 Y DC SỬ

VẬT TƯ TIÊU HAO

Số TN 101215-00711 Số VV 10/039083

Lê Thanh Tuấn S.Năm: 1972 G.Tính: Nam Đ.Chỉ: 73 An Long Tam Nông Tỉnh Đồng Tháp

Ngày 03/03/2013 13:5 Phân loại PT/TT Số KB 130303/0001 Khoa Ngoại 1 (Ngoại tổng) Số P 4 Số G 32

Tên VTTH

Chi tiết thực hiện vật tư tiêu hao

STT	Mã VTTH	Tên VTTH	SL tiêu chu	SL thực tế	SL tính tiế
1	CPTLKT105	Chỉ inox có kim số 5	0	1	0
2	XN000119	(DV) Định lượng Bacbiturate trong	0	1	0

- In phiếu phẫu thuật thủ thuật

TT Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BV CẤP CỨU TRUNG ƯƠNG

PHIẾU PHẪU THUẬT - THỦ THUẬT

MS: 14/BV - 01
Số vào viện: 10/039083

- Họ tên người bệnh : **Lê Thanh Tuấn** Tuổi: **41** Giới: **Nam**
- Khoa : **Ngoại 1 (Ngoại tổng quát)** Bường: **4** Giường: **32**
- Vào viện lúc : **10 giờ 32 phút, ngày 15 Tháng 12 năm 2010**
- Phẫu thuật / Thủ thuật lúc : **13 giờ 54 phút, ngày 3 Tháng 3 năm 2013**
- Kết thúc : **13 giờ 54 phút, ngày 3 Tháng 3 năm 2013**
- Chuẩn đoán : - Trước Phẫu thuật / thủ thuật : **Viêm túi mật cấp**
- Sau Phẫu thuật / thủ thuật : **Viêm túi mật cấp**
- Phương pháp phẫu thuật, Thủ thuật : **Cắt bỏ chấp có bọc**
Phương pháp PTTT - Loại Phẫu thuật : **LOẠI 3**
- Phương pháp vỡ cầm : - Mê gây mê - Tê gây tê
- Bác sĩ phẫu thuật chính : **Chấn thương Bông** - Phụ I : - Phụ II :
- Bác sĩ (GMHS) : - KTV (GMHS) :
- Dụng cụ : - Phục vụ 1: - P.vụ 2

LƯỢC ĐỒ PHẪU THUẬT/THỦ THUẬT	TRÌNH TỰ PHẪU THUẬT, THỦ THUẬT
------------------------------	--------------------------------

II.7.2.4. Báo cáo phẫu thuật, thủ thuật thuật

Báo cáo Phẫu thuật thủ thuật Xem tùy chọn

1. Sổ tổng kết phẫu thuật
2. Sổ tổng kết thủ thuật
3. Báo cáo thủ thuật
4. Báo cáo phẫu thuật
5. Báo cáo các loại thủ thuật
6. Báo cáo loại bệnh phẫu thuật - Tiểu phẫu
7. Hoạt động phẫu thuật, thủ thuật
8. Báo cáo tiểu phẫu
9. Báo cáo Thủ thuật của nhân viên Biên chế
10. Báo cáo phẫu thuật của nhân viên biên chế
11. Báo cáo thủ thuật của nhân viên hợp đồng
12. Báo cáo phẫu thuật của nhân viên hợp đồng
13. Báo cáo phẫu thuật, thủ thuật theo Bác sĩ
14. Tổng hợp phẫu thuật thủ thuật phòng khám
15. Bảng chấm công đọc hại

Báo cáo Xem tùy chọn

Hoạt động phẫu thuật, thủ thuật

Từ ngày: 18/01/2006 đến ngày: 18/10/2006

HÌNH	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Số tai biến	
		Theo kế hoạch	Cấp cứu		Gây mê HS	Nhiễm
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Phẫu thuật	13	7	6			
1 loại 1 A	5	4	1			
2 loại 1 B						
3 loại 1 C						
4 loại 2 A						
5 loại 2 B	3	2	1			
6 loại 2 C	5	1	4			
7 Loại 3						
8 Loại đặc biệt						
Thủ thuật	20	15	5			
9 loại 1 A	7	7				
10 loại 1 B	2	2				

II.8. Quản lý vật tư tiêu hao

II.8.1. Giới thiệu

- Quản lý chi tiết thông tin vật tư tiêu hao sử dụng cho bệnh nhân khi thực hiện y lệnh, khi tiến hành phẫu thuật thủ thuật, quản lý việc nhận và cấp phát vật tư giữa kho (vật tư thiết bị, bông băng hóa chất, ...) và khoa, giữa khoa và bệnh nhân.
- Các chức năng chính
- Cập nhật công khai vật tư sử dụng cho bệnh nhân
- Lập phiếu yêu cầu vật tư
- Quản lý nhập xuất tồn tại các kho (bông băng hóa chất, hành chánh quản trị, ...)

II.8.2. Các màn hình chính

II.8.2.1. Công khai vật tư cho bệnh nhân

- Cập nhật công khai vật tư chi tiết theo y lệnh hằng ngày
- Cập nhật vật tư tiêu hao sử dụng cho phẫu thuật thủ thuật
- Nhập vật tư tiêu hao cho bệnh nhân điều trị nội trú, bệnh nhân thực hiện phẫu thuật, bệnh nhân từ phòng khám ..v.v...
- Nhập vật tư tiêu hao, ứng với mỗi loại dịch vụ vật tư tiêu hao thường có các dịch vụ đi kèm. Do đó, chương trình có hỗ trợ nhập các dịch vụ đi kèm được định nghĩa trong khoa nhằm hỗ trợ nhập một cách nhanh chóng

Hỗ trợ nhập thuốc - Tìm kiếm, giá mới nhất: 0.0

Số lượng/lần: 3 Ngày: 3 lần Số ngày: 3 Nhập bù

Thông tin nhập thêm:

Tên Vật tư: Băng cuộn vn (0.09 x 3)m [Cuộn] Khoa:

Số lượng: 1 Cuộn Đơn giá: 1,890.00

Giá dịch vụ: 0 Đơn giá dịch vụ: 0

Lịch giá dịch vụ: 0

Đồng ý Bỏ qua

Tổng số lượng: 27 Y lệnh Chấp nhận Bỏ qua

- Tổng hợp các dịch vụ kỹ thuật sử dụng vật tư tiêu hao (cập nhật từ y lệnh hằng ngày)

DỊCH VỤ KỸ THUẬT Số TN 101215-00001 Số VV 10/039019

Nguyễn Thị Thanh Tuyền S.Năm: 1967 G.Tính: Nữ Đ.Chỉ: 20a Sơn Kỳ Quận Tân phú

Danh sách các lần sử dụng VTTH

Thời gian	Tên	Số lượng	Mã	Phòng
16/03/2013 1:39 C	Tim bắt	4	TimBap	(null)
16/03/2013 12:01	Tim bắt	4	TimBap	(null)
16/03/2013 11:54	Tim bắt	4	TimBap	(null)
15/03/2013 1:39 C	Tim bắt	4	TimBap	(null)
15/03/2013 12:01	Tim bắt	4	TimBap	(null)
15/03/2013 11:54	Tim bắt	4	TimBap	(null)

Chi tiết thực hiện vật tư tiêu hao

STT	Mã VTTH	Tên VTTH	SL chuẩn	Số lượng
1	BOB001A	Băng cá nhân	2	8
2	BOB003	Băng cuộn vn (0.09 x 3)m	0	6
3	HC634	Kim cánh bướm số 23 (Mối)	1.5	6

- Tổng hợp tất cả các vật tư tiêu hao phát sinh sử dụng cho bệnh nhân

VẬT TƯ TIÊU HAO Số TN 101215-00001 Số VV 10/039019

Nguyễn Thị Thanh Tuyền S.Năm: 1967 G.Tính: Nữ Đ.Chỉ: 20a Sơn Kỳ Quận Tân phú

Ngày: 04/03/2013 13:5 Phân loại: Điều trị NT S.VV 10/039019 Khoa: Ngoại 1 (Ngoại tổng) S.P 2 S.G 17

Bảng Algoplaque 10cm X 10cm [miếng] Phòng Khám

Bảng cá nhân [miếng] Điều trị NT

Bảng cuộn vn (0.09 x 3)m [Cuộn] PT/TT

Bảng cuộn xô 5m*10cm [cuộn] Viện phí khoa

Vật tư tiêu hao

Y lệnh

Tên VTTH: băng

Chi tiết thực hiện vật tư tiêu hao

STT	Mã VTTH	Tên VTTH	SL tiêu chu	SL thực tế	SL tính tiê
0	BANG21	Băng dán Optiskin 200mm x 90mm	0	1	1
0	BOB001A	Băng cá nhân	0	1	1

- Vật tư tiêu hao sử dụng trong gói dịch vụ kỹ thuật

Phẫu thuật thủ thuật

Khóa: SỔ TN 101215-00711 SỔ TTPT 130303/0001
SỔ VV 10/039083 Khoa / PK Ngoại 1 (Ngoại tổng quát)

LÊ THANH TUẤN - 41 tuổi - Nam VV lúc 15-12-2010 10:32 SỔ P 4 SỔ G 32 Y DƯỢC SỬ

VẬT TƯ TIÊU HAO SỔ TN 101215-00711 SỔ VV 10/039083

Lê Thanh Tuấn S.Năm: 1972 G.Tính: Nam Đ.Chỉ: 73 An Long Tam Nông Tỉnh Đồng Tháp

Ngày 03/03/2013 13:5 Phân loại PT/TT SỔ KB 130303/0001 Khoa Ngoại 1 (Ngoại tổng quát) SỔ P 4 SỔ G 32

Tên VTTH

STT	Mã VTTH	Tên VTTH	SL tiêu chủ	SL thực tế	SL tính tế
1	CPTLKT105	Chỉ inox có kim số 5	0	1	0
2	XN000119	(ĐV) Đinh lượng Bacbiturate trong	0	1	0

- In công khai vật tư tiêu hao sử dụng

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BV. CẤP CỨU TRUNG ƯƠNG
Khoa : Ngoại 1 (Ngoại tổng quát)

PHIẾU CÔNG KHAI VẬT TƯ TIÊU HAO
Từ ngày : 13/03/2013 15:24:29 đến ngày : 26/03/2013 16:5

Họ và tên người bệnh: Nguyễn Thị Thanh Tuyền Tuổi : 46,00 Số giường: 17 Số phòng: 2 Số NV: 10
Ngày nhập viện: 15/12/2010 Chuẩn đoán: 0000 - Không có

TÊN KỸ THUẬT VÀ THỦ THUẬT			Bảng cá nhân	Bảng cuộn vn (0,08 x 3) /m	Kim cánh bướm số 23 (Mỗi)	Số khoản
14/3	VTTH	Tim bắp	28,00	7,50	21,00	56,50
15/3	VTTH	Tim bắp	24,00	7,50	18,00	49,50
16/3	VTTH	Tim bắp	24,00	7,50	18,00	49,50
Tổng Cộng			76.0	22.5	57.0	155.5

II.8.2.2. Lập phiếu yêu cầu vật tư

- Tổng hợp các vật tư sử dụng và yêu cầu cơ sở tại khoa, khoa lập phiếu yêu cầu cho từng kho tương ứng để lãnh vật tư từ kho (Y dịch cụ/thiết bị y tế, Băng băng/hóa chất, ấn phẩm,...).

Phiếu tổng hợp, yêu cầu

PHIẾU TỔNG HỢP/ YÊU CẦU Số phiếu X101109@0001

Điều kiện tổng hợp Khoa HS-CC - HS-CC Kho Y dụng cụ, thiết bị Y tế Từ 04/11/2010 06: Đến 09/11/2010 15: Ghi chú

Bảng askina fix 10cm x 10 m [Cu] 9 cm [Miếng] (Bảng thun 5 x 8 cm (askina)
Bảng dán askina fix 10cm x 10 m [B 4 x 6 cm (askina)
Bảng askina soft 9 x 5 cm [Miếng] 4 x 8 cm (askina)
Bảng askina soft 15 x 9 cm [Miếng] 4 x 10 cm (askina)

Ấn phẩm
Chống nhiễm khuẩn
Dược
Băng băng, hoá chất
Hành chính quản trị
Mẫu
Cơ sở DC VLTL Pha Na
Y dụng cụ, thiết bị Y tế
Tài sản cố định

Chi tiết phiếu tổng hợp và yêu cầu

STT	Tên VTTH	Đơn vị	SL t.hợp	SL yêu cầu	Ghi chú
1	Bảng dán UrgoTul 10 x10 cm	miếng	8.00	8.00	
2	Bảng Urgo Derm 10 cm x 10m	cm	270.00	270.00	
3	Bơm tiêm 1cc K29 insulin	Cái	36.00	36.00	
4	Bơm tiêm 3cc k23	Cái	90.00	90.00	
5	Bơm tiêm 5cc k23	Cái	308.00	308.00	
6	Bơm tiêm 10cc k23	Cái	324.00	324.00	
7	Bơm tiêm 20cc k23	Cái	5.00	5.00	

Thêm Lưu Bỏ qua Sửa Xem Xóa In Thoát

II.8.2.3. Lập phiếu trả vật tư

- Khi vật tư hư hao hay bệnh nhân không sử dụng khoa sẽ lập phiếu trả

Phiếu tra x

PHIẾU TRẢ

Số phiếu T101115@0002

Khoa Trả Ngoại 1 (Ngoại tổng q) Kho Dược Người duyệt Khôi, Lê Nguyễn

Thời gian 15/11/2010 16:18 Diễn giải

☐ augmentin 625 mg [viên] (KSV)
 ☐ Bông băng, hoá chất
 ☐ Hành chính quản trị
 ☐ atropin 1mg 1ml [ống] (kso)

☐ actraphane 400UI/10ml(mixtard) [ống]
 ☐ Mẫu
 ☐ Cơ sở DC VLTL Pha Na
 ☐ avlocardyl 5ml [ống] (kso)

☐ Actraphane 400UI/10ml (mixtard) [DV]
 ☐ Y dụng cụ, thiết bị Y tế
 ☐ Buscomin [ống] (kso)

☐ Tài sản cố định

Chi tiết trả cho kho từ khoa

STT	Tên VTTH	Đơn vị	Số kiểm soát	Số lượng	Ghi chú
0	Glucosa 10%	Chai	2.00	2.00	
0	Nacl 0,9% 500ml	Chai	2.00	2.00	
0	Aminosteril N Hepa 250ml	chai	6.00	6.00	
0	Augbactam 1 g	lọ	3.00	3.00	
0	Amikaye 0.5g (hội chẩn)	Lọ	1.00	1.00	
0	Cefosule 1g (hội chẩn)	Lọ	7.00	7.00	

Thêm Lưu Bỏ qua Sửa Xem Xóa In Thoát

- In phiếu trả

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BV. CẤP CỨU TRƯNG VƯƠNG
Khoa: Ngoại 1 (Ngoại tổng quát)

MS: T101115@0002

PHIẾU TRẢ LẠI DƯỢC

Ngày 15 tháng 11 năm 2010

Số TT	Tên Dược	Đơn vị	Số kiểm soát	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Glucosa 10%	Chai	2	2			
2	Nacl 0,9% 500ml	Chai	2	2			
3	Aminosteril N Hepa 250ml	chai	6	6			
4	Augbactam 1 g	lọ	3	3			
5	Amikaye 0.5g (hội chẩn)	Lọ	1	1			
6	Cefosule 1g (hội chẩn)	Lọ	7	7			
7	Zantac 50mg	ống	5	5			
8	Aminoplasmal 10% 500ml	chai	1	1			
9	Intralipos 10% 250ml	chai	1	1			
10	Vit c 0,5g(Cevit)	ống	1	1			
11	Vit k1 10mg	ống	2	2			
Cộng khoản:				31			

Ngày.....tháng.....năm 200....

TRƯỞNG KHOA DƯỢC NGƯỜI NHẬN NGƯỜI GIAO TRƯỞNG KHOA

II.8.2.4. Phiếu nhập kho tại các kho

- Cập nhập phiếu nhập kho

Quan lý kho - phiếu nhập kho từ nhà cung cấp

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày CT 30/10/2009 Số phiếu N091030@0013

Kho TBYT Y dụng cụ, thiết bị Y tế Số HD 031722 Ngày HD 29/10/2009

Nhà CC ANHKHOA CTY TNHH TTB T Tế Anh Khoa

Người giao NV Nhập Vy. Phạm Thanh

Diễn giải 930-N

☐ Bàn mổ [cái] (02)
 ☐ Bảng mica 0.8 x 1.2 [Cái] (H)
 ☐ Bảng mica 40 x 60 [Tấm] (H)

☐ Xe Cứu thương [Chiếc] (04)
 ☐ Bảng mica 120 x 240 [Cái] (H)
 ☐ Bìa 60 lá [Cái] (A)

☐ Bao đựng phim [Cái] (A)
 ☐ Bảng mica 60 x 80 [Cái] (H)
 ☐ Bìa học xéo [Cái] (A)

Tổng tiền 113,946,270.00 Tên VTTH

Chi tiết vật tư nhập kho

STT	Tên VTTH	Đơn vị	Đơn giá	SL HĐơn	SL t.tế	Thành tiền	Ghi chú
1	Clip kẹp cầm máu (40cái/hộp)	Cái	367,868.0	40.00	40.00	14,714,720.00	
2	Rọ lấy sỏi FG22Q 1	cái	13,251,00	3.00	3.00	39,753,000.00	
3	Rọ cho bộ tán sỏi BML-3Q M	cái	8,406,300.	1.00	1.00	8,406,300.00	
4	Rọ kéo sỏi xoay được FG-V40	Cái	5,884,200.	2.00	2.00	11,768,400.00	
5	Vỏ nhựa cho bộ tán sỏi 3Q M	Cái	4,763,850.	1.00	1.00	4,763,850.00	
6	Van sinh thiết (Biopsy) MB-3	cái	483,000.0	60.00	60.00	28,980,000.00	
7	Stent BPD-202-0707	Cái	1,112,000	5.00	5.00	5,560,000.00	

Thêm Lưu Bỏ qua Sửa Xem Xóa In Thoát

II.8.2.5. Phiếu xuất kho tại các kho

- Lập phiếu xuất kho

Quan lý kho - Phiếu xuất kho cho khoa

PHIẾU XUẤT KHO

Số phiếu: X090706_0024

Kho: Khoa: Xuất lúc: Người xuất:

Thông tin yêu cầu từ khoa Từ: Đến:

Ghi chú:

G.chú xuất: Tên VT:

☐ Bàn mổ [Cái] (02)
☐ Xe Cẩu thương [Chiếc] (04)
☐ Bao đựng phim [Cái] (A)
☐ Bảng mica 0.8 x 1.2 [Cái] (H)

☐ Bảng mica 120 x 240 [Cái] (H)
☐ Bảng mica 60 x 80 [Cái] (H)
☐ Bảng mica 40 x 60 [Tấm] (H)
☐ Bìa 60 lá [Cái] (A)

☐ Bìa học xéo [Cái] (A)
☐ Bìa 20 lá [Cái] (A)
☐ Bìa cứng [Cái] (A)
☐ Bìa cứng 2 kẹp [Cái] (A)

Chi tiết phiếu xuất kho				
Tên VTTH	Đơn vị	SL Y.cầu	SL xuất	Ghi chú
Kéo cong nhọn 12 cm (pakistan)	cái	0.00	1.00	
Kelly cong cổ mẫu 14 cm bộ GM - Đức	cái	0.00	1.00	
Mặt nạ thở mũi miệng	cái	0.00	2.00	

- Tự động lấy số liệu yêu cầu từ các khoa

Danh sách các phiếu yêu cầu 3 (dùng phim m)

SoYeuCauXu	Khoa	Ngày
X101109@0001	HS-CC	9/11/2010 3:17 CH
X101122@0001	HS-CC	22/11/2010 7:11 SA
X101207@0001	HS-CC	7/12/2010 7:12 SA

Thông báo tổng hợp vật tư

Tự động cảnh báo
có khoa yêu cầu vật
tư tại kho

Không còn khoa nào chưa tổng hợp vật tư

- In phiếu xuất kho

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BV. CẤP CỨU TRUNG ƯƠNG
Khoa: HS-CC

MS: X090706_0024

PHIẾU LĨNH Y DỤNG CỤ, THIẾT BỊ Y TẾ

Ngày 3 tháng 7 năm 2009

Số TT	Mã	Tên y dụng cụ, thiết bị y tế	Đơn vị	Số lượng		Ghi chú
				Yêu cầu	Phát	
1	KEO161	Kéo cong nhọn 12 cm (pakistan)	cái	,00	1,00	
2	KEP113	Kelly cong cổ mẫu 14 cm bộ GM - Đức	cái	,00	1,00	
3	PT257	Mặt nạ thở mũi miệng	cái	,00	2,00	
Tổng khoản:					4.00	

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG PHÒNG TBYT

NGƯỜI PHÁT

NGƯỜI LĨNH

TRƯỞNG KHOA

Họ tên:..... Họ tên:..... Họ tên:..... Họ tên:.....

II.8.2.6. Báo cáo vật tư

- Sổ theo dõi y dụng cụ sử dụng

Khoa/ phòng: Ngoại 1 (Ngoại tổng quát)
Khoa: Tất cả

SỔ THEO DÕI Y DỤNG CỤ SỬ DỤNG

Từ ngày :26/12/2010 07:46 đến ngày : 26/12/2010 17 :56

Họ tên bệnh nhân / Y dụng cụ		Bơm tiêm 10cc k23	Bơm tiêm 5cc k23	Găng khám ngắn - dài	Gòn viên 100gr	Kiểm nhựa các số	Tổng cộng
26/12	Nguyễn Thị Phương	3.0	3.0	6.0	0.1	3.0	15.1
	Phạm Thị Phí		2.0	2.0			4.0
	Tổng Cộng	3.0	5.0	8.0	0.1	3.0	19.1
Tổng Cộng		3.0	5.0	8.0	0.1	3.0	19.1

-
- Công khai vật tư

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

BV. CẤP CỨU TRUNG VƯƠNG

Khoa : Ngoại 1 (Ngoại tổng quát)

PHIẾU CÔNG KHAI VẬT TƯ TIÊU HAO

Từ ngày :13/03/2013 15 :24:29 đến ngày : 26/03/2013 16 :5

Họ và tên người bệnh: Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Tuổi : 46,00

Số giường: 17

Số phòng: 2

Số NV: 10

Ngày nhập viện: 15/12/2010

Chẩn đoán: 0000 - Không có

TÊN KỸ THUẬT VÀ THỦ THUẬT			Bảng cá nhân	Bảng cuộn vn (0,09 x 3)m	Kiểm cánh bướm số 23 (Mỗi)	Số khoản
14/3	VTTH	Tim bấp	28,00	7,50	21,00	56,50
15/3	VTTH	Tim bấp	24,00	7,50	18,00	49,50
16/3	VTTH	Tim bấp	24,00	7,50	18,00	49,50
Tổng Cộng			76.0	22.5	57.0	155.5

1 | 1

- Báo cáo nhập xuất tồn

BV.CẤP CỨU TRUNG VƯƠNG

TRƯỞNG PHÒNG TBYT

2113-TS TBYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO NHẬP XUẤT TỒN KHO Y DỤNG CỤ, THIẾT BỊ Y TẾ THÁNG 12/2010

(TỪ 12/26 ĐẾN 12/26)

STT	MÃ	LOẠI SẢN PHẨM	ĐVT	ĐƠN GIÁ	TỒN ĐẦU THÁNG		NHẬP TRONG THÁNG		XUẤT TRONG THÁNG		TỒN CUỐI THÁNG		GHI
					SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN	
1	021	Bàn mổ	cái										
2	041	Xe Cứu thương	Chiếc										
3	A01	Bao đựng phim	Cái										
4	BANG002	Băng askina soft 9 x 5 cm	Miếng	2.351	50	117,564					50	117,564	
5	BANG005	Băng thun askina elastfine 4 x 6 cm	Cuộn										
6	BANG006	Băng thun askina elastfine 4 x 8 cm	Cuộn	7.295	65	474,175					65	474,175	

- Các báo cáo khác

Báo cáo

Xem tùy chọn

1. Sổ theo dõi Y dụng cụ sử dụng

2. Tổng hợp sử dụng vật tư

3. Báo cáo Nhập xuất tồn

4. Báo cáo Nhập kho

5. Báo cáo Xuất kho theo khoa

6. Báo cáo Xuất kho theo ngày

7. Thống kê vật tư

8. Báo cáo giá trị cấp phát

II.9. Kế toán

II.9.1. Giới thiệu

Phân hệ tài chính - kế toán quản lý toàn bộ thu – chi, công nợ, nhập - xuất vật tư, hàng hóa
Đảm bảo cho kế toán viên theo dõi được toàn bộ dòng luân chuyển tiền tệ trong bệnh viện.

Hệ thống mở rộng theo yêu cầu của bệnh viện cũng như của sở y tế, bộ y tế.

Hệ thống các báo cáo đáp ứng đầy đủ thông tin cần thiết cho kế toán viên.

II.9.2. Tiền mặt

II.9.2.1. Phiếu thu tiền mặt

Dùng để lập phiếu thu tiền mặt, có thể là thu tiền bệnh nhân, thu hoàn ứng, thu tiền dịch vụ...

Mẫu biểu dùng để nhập một phiếu thu tiền mặt:

Kế toán tiền mặt

PHIẾU THU TIỀN MẶT

Phiếu thu

Số phiếu: 00919/04

Ngày: 10/04/2004

Họ tên:

Đơn vị:

Kèm theo: chứng từ

Nội dung:

Chi tiết

Nội dung:

Số tiền:

Phiếu chi:

TK Nợ: 1111 Tiền Việt Nam

TK Có: 5112 Thu sự nghiệp ☒ ☐

STT	TK nợ	TK có	Số tiền	Số HDLQ	Diễn giải chi tiết
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					

Tổng tiền:

Thêm
 Lưu
 Bỏ qua
 Sửa
 Liệt kê
 Xóa
 In
 Thoát

Thông tin chung cần cung cấp phiếu thu:

Số phiếu thu: được tăng tự động theo năm, người dùng không thể sửa được.

Ngày lập phiếu thu

Tên người nộp tiền**Đơn vị người nộp tiền****Số chứng từ kèm theo****Nội dung của phiếu thu**

Trong một phiếu thu, người sử dụng có thể lập được nhiều định khoản, ví dụ như, thu tiền của người bệnh A, nhưng trong đó có thu tiền viện phí và thu tiền siêu âm, thu tiền thuốc.... Các định khoản này được làm ở phần chi tiết, trong mỗi phần đều có:

Nội dung thu tiền: nội dung chi tiết của mỗi khoản tiền thu

Số tiền thu

Số phiếu chi: nếu là phiếu hoàn tạm ứng thì phải cung cấp thêm số phiếu đã chi tạm ứng trước đây để tính toán lại số dư của người được tạm ứng.

Tài khoản nợ: giá trị mặc định là 1111.

Tài khoản có: tùy theo thu tiền từ nguồn nào mà người sử dụng nhập vào cho hợp lí.

Trong quá trình sử dụng, có nhiều phát sinh trong danh mục đơn vị, danh mục tài khoản, vật tư...nên chương trình có hỗ trợ người sử dụng nhập nhanh và chính xác các thông tin này. Ở tất cả các hộp nhập mà thông tin được quản lí bằng danh mục thì nhấn vào nút F3 trên bàn phím sẽ hiển thị các danh mục tương ứng, người dùng chỉ việc chọn tài khoản (nếu là danh mục tài khoản) tương ứng, số tài khoản được chọn sẽ được điền vào hộp nhập.

Màn hình hỗ trợ nhập liệu:

Danh sách chọn lựa

MaTaikhoan	TenTaikhoanVN
5112	Thu sự nghiệp
5112.01	Viện phí
5112.01.KC	Thu viện phí cho dự án kính cầu
5112.01.XH	Thu viện phí cho dự án Xã hội hóa
5112.02	Bảo hiểm

Giá trị cần tìm

5112

Chọn Bỏ qua

Các thao tác cơ bản trên một phiếu thu:

Thêm: Thêm một phiếu thu mới. Nếu đang sửa hay đang nhập một phiếu mới thì không sử dụng được chức năng này.

Lưu: Lưu phiếu thu thông tin hiện hành của phiếu thu vào cơ sở dữ liệu.

Bỏ qua: Phục hồi lại các thông tin của phiếu thu đang thao tác.

Sửa: Cho phép cập nhật phiếu thu hiện hành.

Liệt kê: liệt kê các phiếu thu đã được lập trước đây. Chương trình hỗ trợ người sử dụng chọn phiếu thu theo thời gian lập phiếu hay theo số phiếu thu.

Xóa: Xóa phiếu thu hiện hành.

In: Xem phiếu thu hiện hành trước khi in. Hình thức hiển thị phiếu thu sẽ giống như khi in ra giấy in.

Thoát: Thoát khỏi mẫu biểu lập phiếu thu.

Mẫu báo cáo phiếu thu tiền mặt

SỔ QUỸ

88% 1 of 1

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
LUNG TÂM CẤP CỨU TRUNG ƯƠNG

PHIẾU THU TIỀN MẶT

Số phiếu: 0100006/03
Ngày: 03/01/2003

Ông bà: Trần Thị Thu Trang
Đơn vị: Phòng tài vụ
Số tiền: 10.193.576
Bằng chữ: Mười triệu một trăm chín mươi ba nghìn năm trăm bảy mươi sáu đồng

Nội dung

STT	NỘI DUNG	TK NỢ	TK CÓ	TIỀN
1	Thu tạm ứng trực đêm 02/01/2003	1111	3318.03	5.600.000
2	Thu viện phí trực đêm 02/01/2003	1111	5112.01	4.593.576

Người lập Người nộp Thủ quỹ Kế toán trưởng Giám đốc

II.9.2.2. Phiếu chi tiền mặt

Mẫu biểu dùng để lập một phiếu chi tiền mặt. Ở đây, người sử dụng có thể lập phiếu chi tiền tạm ứng cho nhân viên trong đơn vị, chi trả công nợ, hoặc chi tiền cho một cá nhân nào đó để đi thanh toán cho nhà cung cấp...

Kế toán tiền mặt

PHIẾU CHI TIỀN MẶT

Phiếu chi

Số phiếu: 00617/04
Ngày: 10/04/2004
Họ tên: _____
Đơn vị: _____
Kèm theo: _____ chứng từ
Nội dung: _____

Chi tiết

Nội dung: _____
Số tiền: _____
Mã đối tác: _____
Số HDLQ: _____ Ngày: _____
Thuế suất: _____ Mã ST: _____
Người bán: _____

TK Nợ: _____
TK Có: 1111 Tiền Việt Nam ☒ ☐

STT	TK nợ	TK có	Số tiền	Số HDLQ	Diễn giải chi tiết
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					

Tổng tiền: _____

Thêm Lưu Bỏ qua Sửa Liệt kê Xóa In Thoát

Thông tin chung cần cung cấp phiếu chi:

Số phiếu chi: được tăng tự động theo năm, người dùng không thể sửa được.

Ngày lập phiếu chi

Tên người nhận tiền

Đơn vị người nhận tiền

Số chứng từ kèm theo

Nội dung của phiếu chi

Phần chi tiết của phiếu chi:

Nội dung chi tiền: nội dung chi tiết của mỗi khoản tiền được chi

Số tiền chi

Mã đối tác: Ở đây xác định là chi tiền cho ai. Khi chọn xong đối tác thì các hóa đơn chưa thanh toán sẽ được lọc cho riêng đối tác này. Giá trị mặc định là mã đơn vị được lấy ở phần chung, người sử dụng sửa lại cho phù hợp khi chi tiền cho một nhân viên thanh toán cho nhiều nhà cung cấp.

Số hóa đơn: Số hóa đơn cần thanh toán. Chương trình hỗ trợ người sử dụng chọn các hóa đơn chưa thanh toán, các hóa đơn này đã được lập trước đây khi mua vật tư hay hàng hóa. Có thể thanh toán cho một hóa đơn không có trong danh mục các hóa đơn chưa thanh toán.

Ngày hóa đơn: ngày của hóa đơn được thanh toán. Nếu hóa đơn này được chọn từ danh mục ra thì các thông tin là ngày hóa đơn, số tiền được tự động hiển thị.

Thuế suất: thuế suất của hóa đơn.

Mã số thuế: mã số thuế người bán. Cần thiết khi thanh toán hóa đơn lẻ (không nằm trong danh mục hóa đơn chưa thanh toán).

Người bán: Tên đơn vị bán hàng. Cần thiết khi thanh toán hóa đơn lẻ (không nằm trong danh mục hóa đơn chưa thanh toán).

Tài khoản nợ: tùy theo chi tiền cho mục đích nào mà người sử dụng nhập vào cho hợp lý.

Tài khoản có: Giá trị mặc định là 1111.

Các hỗ trợ và chức năng trên phiếu chi đều giống như mẫu biểu lập phiếu thu.

Thao tác cơ bản trên một phiếu chi:

Thêm: Thêm một phiếu chi mới. Nếu đang sửa hay đang nhập một phiếu mới thì không sử dụng được chức năng này.

Lưu: Lưu phiếu chi thông tin hiện hành của phiếu chi vào cơ sở dữ liệu.

Bỏ qua: Phục hồi lại các thông tin của phiếu chi đang thao tác.

Sửa: Cho phép cập nhật phiếu chi hiện hành.

Liệt kê: liệt kê các phiếu chi đã được lập trước đây. Chương trình hỗ trợ người sử dụng chọn phiếu chi theo thời gian lập phiếu hay theo số phiếu chi.

Xóa: Xóa phiếu chi hiện hành.

In: Xem phiếu chi hiện hành trước khi in. Hình thức hiển thị phiếu chi sẽ giống như khi in ra giấy in.

Thoát: Thoát khỏi mẫu biểu lập phiếu chi.

Mẫu báo cáo phiếu chi tiền mặt

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
RUNG TÂM CẤP CỨU TRUNG ƯƠNG

PHIẾU CHI TIỀN MẶT

Số phiếu: 0200007/04
 Ngày: 02/01/2004

Ông bà: Phan Hữu Giáp
 Đơn vị: CTy TNHH DP Hoàng Nguyễn
 Số tiền: 100.000
 Bằng chữ: Một trăm nghìn đồng
 Nội dung

STT	NỘI DUNG	TK NỢ	TK CÓ	TIỀN
1	Thanh toán tiền thuốc HD 2673	3311	1111	100.000

Người lập Người nhận Thủ quỹ Kế toán trưởng Giám đốc

II.9.3. Ngân hàng

II.9.3.1. Phiếu thu chuyển khoản

Mẫu biểu để nhập phiếu thu chuyển khoản: Dùng để lập các chứng từ làm tăng lượng tiền gửi ngân hàng.

Kế toán ngân hàng

PHIẾU THU CHUYỂN KHOẢN

Phiếu thu

Số phiếu:

Ngày:

Tại NH/KB:

Chủ TK: <Tên chủ quản>

Đơn vị: <Tên đơn vị>

Tại NH/KB:

Nội dung:

Chi tiết

Nội dung:

Số tiền:

TK Nợ:

TK Có:

☒ ☐

STT	TK nợ	TK có	Số tiền	Số HDLQ	Diễn giải chi tiết
1					
2					
3					
4					
5					
6					

Tổng tiền:

Thêm
 Lưu
 Bỏ qua
 Sửa
 Liệt kê
 Xóa
 In
 Thoát

Thông tin chung cần cung cấp phiếu thu chuyển khoản:

Số phiếu thu: được tăng tự động theo năm, người dùng không thể sửa được.

Ngày lập phiếu thu

Ngân hàng

Chủ tài khoản

Đơn vị

Nội dung của phiếu thu

Tương tự như các phiếu thu chi tiền mặt, người sử dụng có thể lập được nhiều định khoản, ví dụ như, lượng tiền gửi ngân hàng tăng do rút tiền từ ngân sách về gửi vào ngân hàng, từ quỹ tiền mặt, Các định khoản này được làm ở phần chi tiết, trong mỗi phần đều có:

Nội dung: nội dung chi tiết của mỗi khoản tiền.

Số tiền

Tài khoản nợ: giá trị mặc định là 1121.

Tài khoản có: tùy theo thu tiền từ nguồn nào mà người sử dụng nhập vào cho hợp lí.

Các thao tác cơ bản trên một phiếu thu:

Thêm: Thêm một phiếu thu mới. Nếu đang sửa hay đang nhập một phiếu mới thì không sử dụng được chức năng này.

Lưu: Lưu phiếu thu thông tin hiện hành của phiếu thu vào cơ sở dữ liệu.

Bỏ qua: Phục hồi lại các thông tin của phiếu thu đang thao tác.

Sửa: Cho phép cập nhật phiếu thu hiện hành.

Liệt kê: liệt kê các phiếu thu đã được lập trước đây. Chương trình hỗ trợ người sử dụng chọn phiếu thu theo thời gian lập phiếu hay theo số phiếu thu.

Xóa: Xóa phiếu thu hiện hành.

In: Xem phiếu thu hiện hành trước khi in. Hình thức hiển thị phiếu thu sẽ giống như khi in ra giấy in.

Thoát: Thoát khỏi mẫu biểu lập phiếu thu.

Mẫu báo cáo phiếu thu chuyển khoản

SỔ QUỸ

100%

1 of 1+

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM CẤP CỨU TRUNG ƯƠNG

PHIẾU THU CHUYỂN KHOẢN

Số phiếu: 0300010/03
 Ngày: 25/06/2003

Ngân hàng giao dịch : 945.02.10.00004
 Đơn vị đối tác : KBQ10
 Số tiền : 300.000.000
 Bằng chữ : Ba trăm triệu đồng
 Nội dung

CHI TIẾT	NỘI DUNG	TK NỢ	TK CÓ	TIỀN
1	Nhận tiền kế hoạch khám chữa bệnh bổ sung Q	1121.944	3318	300.000.000

II.9.3.2. Phiếu chi chuyển khoản

Mẫu biểu lập một phiếu chi chuyển khoản: Dùng để lập các chứng từ ghi giảm lượng tiền gửi ngân hàng.

Kế toán ngân hàng

PHIẾU CHI CHUYỂN KHOẢN

Phiếu chi

Số phiếu:

Ngày:

Tại NH/KB: 944 945.02.10.00004

Chủ TK: <Tên chủ quản>

Đơn vị: <Tên đơn vị>

Tại NH/KB:

Nội dung:

Chi tiết

Nội dung:

Số tiền:

Số HĐLQ: Ngày:

Thuế suất: Mã ST:

Người bán:

TK Nợ:

TK Có:

☒ ☐

STT	TK nợ	TK có	Số tiền	Số HĐLQ	Diễn giải chi tiết
1					
2					
3					
4					
5					
6					

Tổng tiền:

Thêm
 Lưu
 Bỏ qua
 Sửa
 Liệt kê
 Xóa
 In
 Thoát

Thông tin chung cần cung cấp phiếu chi chuyển khoản:

Số phiếu chi: được tăng tự động theo năm, người dùng không thể sửa được.

Ngày lập phiếu chi

Ngân hàng

Chủ tài khoản

Đơn vị

Nội dung của phiếu chi

Phần chi tiết của phiếu chi chuyển khoản:

Nội dung chi tiền: nội dung chi tiết của mỗi khoản tiền được chi

Số tiền chi

Số hóa đơn: Số hóa đơn cần thanh toán. Chương trình hỗ trợ người sử dụng chọn các hóa đơn chưa thanh toán, các hóa đơn này đã được lập trước đây khi mua vật tư hay hàng hóa. Có thể thanh toán cho một hóa đơn không có trong danh mục các hóa đơn chưa thanh toán.

Ngày hóa đơn: ngày của hóa đơn được thanh toán. Nếu hóa đơn này được chọn từ danh mục ra thì các thông tin là ngày hóa đơn, số tiền được tự động hiển thị.

Thuế suất: thuế suất của hóa đơn.

Mã số thuế: mã số thuế người bán. Cần thiết khi thanh toán hóa đơn lẻ (không nằm trong danh mục hóa đơn chưa thanh toán).

Người bán: Tên đơn vị bán hàng. Cần thiết khi thanh toán hóa đơn lẻ (không nằm trong danh mục hóa đơn chưa thanh toán).

Tài khoản nợ: tùy theo chi tiền cho mục đích nào mà người sử dụng nhập vào cho hợp lí.

Tài khoản có: Giá trị mặc định là 1121.

Các hỗ trợ và chức năng trên phiếu chi đều giống như mẫu biểu lập phiếu thu.

Thao tác cơ bản trên một phiếu chi chuyển khoản:

Thêm: Thêm một phiếu chi chuyển khoản mới. Nếu đang sửa hay đang nhập một phiếu mới thì không sử dụng được chức năng này.

Lưu: Lưu thông tin hiện hành của phiếu chi vào cơ sở dữ liệu.

Bỏ qua: Phục hồi lại các thông tin của phiếu chi đang thao tác.

Sửa: Cho phép cập nhật phiếu chi hiện hành.

Liệt kê: liệt kê các phiếu chi đã được lập trước đây. Chương trình hỗ trợ người sử dụng chọn phiếu chi theo thời gian lập phiếu hay theo số phiếu chi.

Xóa: Xóa phiếu chi hiện hành.

In: Xem phiếu chi hiện hành trước khi in. Hình thức hiển thị phiếu chi sẽ giống như khi in ra giấy in. Tùy theo ngân hàng và sự lựa chọn của người dùng mà chương trình sẽ hiển thị báo cáo tương ứng. Có 3 hình thức: Ủy nhiệm chi, Phiếu lĩnh tiền mặt, Phiếu chi chuyển khoản.

Thoát: Thoát khỏi mẫu biểu lập phiếu chi chuyển khoản.

Mẫu báo cáo Ủy nhiệm chi

✓ Sổ quỹ

75%

1 of 1

Không ghi vào khu vực này

ỦY NHIỆM CHI

CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN THƯ - ĐIỆN

Mẫu số C4-15/KE
Số 0400004/03

Lập ngày 14 tháng 01 năm 2003

Đơn vị trả tiền: **TRUNG LÂM CẤP CỨU TRUNG VƯƠNG**

Mã số đơn vị SDNS **270102300115**

Tài khoản **945.02.10.00004**

Tại Kho bạc Nhà Nước **QUẬN 10, TP. HCM**

Đơn vị nhận tiền **CTY TNHH DP KHUÔNG DUY**

Địa chỉ

Số tài khoản **710A.02039**

Tại Kho bạc Nhà Nước (NH **CÔNG THƯƠNG CN 11 TP. HCM**)

Nội dung thanh toán, chuyển tiền: **Thanh toán tiền thuốc HD 2564**

Số tiền bằng số **31,500,000đ**

Số tiền bằng chữ: **Ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng chẵn**

KBNN A GHI	
Nợ TK 945.02.10.00004	Có TK
KHTK	

KBNN B, NH B GHI	
Nợ TK	Có TK
KHTK	

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN		KBNN A GHI SỐ NGÀY	
Kế toán trưởng	Chủ tài khoản	Kế toán	Kế toán trưởng Giám đốc

Mẫu báo cáo phiếu lĩnh tiền mặt

✓ Sổ quỹ

96%

1 of 1

0800009/03

TRUNG TÂM CẤP CỨU TRUNG VƯƠNG

270102300115 TP HCM

TÊN CTMT MA CTMT

311.11.00.00006

QUẬN 10, TP. HCM

TRUNG

221107406

13/12/2004 CA TINH PY

Thanh toán tiền hóa chất HD 2846 023 15 01 4.095.000

Mẫu báo cáo rút tiền

✓ Sổ quỹ

91%

1 of 1

0800005/03

TRUNG TÂM CẤP CỨU TRUNG VƯƠNG

270102300115 TP HCM

TÊN CTMT MA CTMT

311.11.00.00006

QUẬN 10, TP. HCM

TRUNG

221107406

13/12/2004 CA TINH PY

QUẬN 10, TP. HCM 023 15 01 110 03 20.000

II.9.4. Vật tư

II.9.4.1. Phiếu nhập vật tư

Phiếu nhập bao gồm các phiếu nhập vật tư các kho hành chánh quản trị, ấn phẩm, dược, thiết bị y tế, hoá chất. Vì các phiếu nhập là giống nhau, xin giới thiệu cách lập một phiếu nhập dược.

Kế toán vật tư

PHIẾU NHẬP DƯỢC

Phiếu nhập

Số phiếu:

Ngày:

Nhập của:

Do ông/bà:

Số CMND:

Kho nhập: Dược

Người giao:

Người nhận:

Diễn giải:

Chi tiết

Số HDLQ: Ngày:

Thuế suất: Mã ST:

Mã hàng: Mã nguồn:

Số lượng:

Đơn giá: Lô nhập:

Thành tiền: Hạn sử dụng:

TK Nợ: ✓

TK Có: ✗

STT	Mã vật tư	Tên vật tư	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	TK Nợ	Tài kho	Số HD	Ngày
1									
2									
3									
4									
5									
6									

Tổng tiền:

Thêm
 Lưu
 Bỏ qua
 Sửa
 Liệt kê
 Xoá
 In
 Thoát

Thông tin chung cần cung cấp phiếu nhập:

Số phiếu nhập: được tăng tự động theo năm, người dùng không thể sửa được.

Ngày lập phiếu: ngày lập phiếu nhập.

Nhập của: Nhập của nhà cung cấp nào.

Ông, bà: Người đại diện của nhà cung cấp.

Số CMND: Số chứng minh nhân dân của người đại diện.

Kho nhập: Xác định kho nhập. Khi xác định xong mã kho thì trên danh mục hàng hóa hỗ trợ sẽ chỉ hiển thị các mặt hàng thuộc kho này để tránh trường hợp người dùng nhập vào hàng hóa thuộc kho khác.

Người giao: Người giao hàng.

Người nhận: người nhận hàng.

Diễn giải: Diễn giải cho phiếu nhập.

Phần chi tiết của phiếu nhập hàng:

Số hóa đơn liên quan: Số hóa đơn nhập.

Ngày lập hóa đơn: ngày lập hóa đơn nhập.

Thuế suất: thuế suất của hóa đơn.

Mã số thuế: mã số thuế người bán.

Mã hàng: Mã hàng hóa được nhập về.

Mã nguồn: Xác định nguồn nhập. Khi chọn xong hàng hóa và nguồn thì chương trình sẽ tự động định khoản theo nguồn.

Số lượng: Số lượng nhập.

Đơn giá: đơn giá nhập. Chương trình tự tính căn cứ theo thành tiền.

Thành tiền: thành tiền. Để bảo đảm rằng số tiền phiếu nhập luôn luôn đúng với số tiền hóa đơn (vì lý do làm tròn số, đôi khi người bán sửa thành tiền không đúng bằng tích của số lượng và đơn giá) người dùng nhập thành tiền vào để chương trình tự tính đơn giá.

Lô nhập: Xác định hàng hóa thuộc lô nhập nào. Cần thiết khi nhập các hàng hóa có thời gian sử dụng nhất định như hóa chất, thuốc...

Hạn sử dụng: Hạn sử dụng của hàng hóa. Cần thiết khi nhập các hàng hóa có thời gian sử dụng nhất định như hóa chất, thuốc...

Tài khoản nợ: Giá trị mặc định được cung cấp khi người dùng chọn xong mã hàng hóa

Tài khoản có: Giá trị mặc định được cung cấp khi người dùng chọn xong mã hàng hóa và mã nguồn.

Các hỗ trợ và chức năng trên phiếu chi đều giống như mẫu biểu lập phiếu thu.

Thao tác cơ bản trên một phiếu nhập vật tư:

Thêm: Thêm một phiếu nhập vật tư mới. Nếu đang sửa hay đang nhập một phiếu mới thì không sử dụng được chức năng này.

Lưu: Lưu thông tin hiện hành của phiếu nhập vào cơ sở dữ liệu.

Bỏ qua: Phục hồi lại các thông tin của phiếu nhập đang thao tác.

Sửa: Cho phép cập nhật phiếu nhập hiện hành.

Liệt kê: liệt kê các phiếu nhập đã được lập trước đây. Chương trình hỗ trợ người sử dụng chọn phiếu theo thời gian lập phiếu hay theo số phiếu nhập.

Xóa: Xóa phiếu nhập hiện hành.

In: Xem phiếu nhập hiện hành trước khi in. Hình thức hiển thị phiếu nhập sẽ giống như khi in ra giấy in.

Thoát: Thoát khỏi mẫu biểu lập phiếu nhập vật tư.

Mẫu báo cáo biên bản kiểm nhập vật tư

**TRUNG TÂM CẤP CỨU TRUNG VƯƠNG
KHO DƯỢC**

BIÊN BẢN KIỂM NHẬP MÁU

Vào lúc: **16:11** ngày **11/04/2004**
 Tại kho **Dược TTCC Trung Vương**, chúng tôi gồm có :

Ông/bà: BS. Trần Hồng	Giám đốc
Ông/bà: Hồ thị Thanh Bình	Kế toán trưởng
Ông/bà: DS. Võ Thanh Tân	Trưởng Khoa, Phòng
Ông/bà: Lê Thị Hồng Lam	Bên giao hàng
Ông/bà: Nguyễn Thị Phi Diệp	Bên nhận hàng
Ông/bà: Kiểm tra chương trình	Kế toán Tài vụ

Đã kiểm tra tại chỗ và xác nhận tình trạng vật liệu được nhập vào kho Dược theo hóa đơn kê dưới đây, đúng quy cách, số lượng và phẩm chất tốt.

Đơn vị bán hàng : Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco), số hoá đơn: **28910**, ngày: **13/01/2003**

Stt	Mã vật tư	Tên vật tư	ĐVT	Số Lg	Đơn giá	Thành tiền
1	DV101	Skenan 10mg	vien	350,00	3.825	1.338.750
2	DV102	Skenan 30mg	vien	140,00	8.850	1.239.000
Tổng cộng :						2.577.750

Mẫu báo cáo phiếu nhập vật tư

✓ Sổ quỹ

100%

1 of 1

In Biên bản kiểm nhận

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM CẤP CỨU TRUNG VƯƠNG

Số: **1100105/03**
Ngày: **27/01/2003**

PHIẾU NHẬP MÁU

Họ tên người giao hàng: Lê Thị Hồng Lam
Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Thị Phi Diệp
Kế toán tài vụ: Kiểm tra chương trình
Nhập theo: Hoá đơn
Nhập vào kho: Dược
Đơn vị bán hàng: Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco), số hoá đơn: 28910, ngày: 13/01/2003

Stt	Mã vật tư	Tên vật tư	ĐVT	S.Lg	Đơn giá	Thành tiền
1	DV101	Skenan 10mg	vien	350,00	3.825	1.338.750
2	DV102	Skenan 30mg	vien	140,00	8.850	1.239.000
Tổng cộng					2.577.750	

Ngày 11 tháng 04 năm 2004

Trưởng Khoa, Phòng Người giao Người nhận Người lập phiếu

II.9.4.2. Phiếu xuất vật tư

Kế toán vật tư

PHIẾU XUẤT DƯỢC

Phiếu xuất

Số phiếu:

Ngày:

Khoa, phòng:

Do ông/bà:

Số CMND:

Kho xuất:

Người giao:

Người nhận:

Diễn giải:

Chi tiết

Mã hàng: Mã nguồn:

Số lượng:

Đơn giá:

Thành tiền:

TK Nợ: ☒

TK Có: ☒

STT	Mã vật tư	Tên vật tư	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	TK Nợ	Tài kho	Số HD	Ngày
1									
2									
3									
4									
5									
6									

Tổng tiền:

Thêm
 Lưu
 Bỏ qua
 Sửa
 Liệt kê
 Xóa
 In
 Thoát

Thông tin chung cần cung cấp phiếu xuất:

Số phiếu xuất: được tăng tự động theo năm, người dùng không thể sửa được.

Ngày lập phiếu: ngày lập phiếu xuất.

Khoa, phòng: xuất cho khoa, phòng nào trong bệnh viện.

Ông, bà: Người đại diện của khoa.

Số CMND: Số chứng minh nhân dân của người đại diện.

Kho xuất: Xác định kho xuất. Khi xác định xong mã kho thì trên danh mục hàng hóa hỗ trợ sẽ chỉ hiển thị các mặt hàng thuộc kho này để tránh trường hợp người dùng nhập vào hàng hóa thuộc kho khác.

Người giao: Người giao hàng.

Người nhận: người nhận hàng.

Diễn giải: Diễn giải cho phiếu xuất.

Phần chi tiết của xuất:

Mã hàng: Mã hàng hóa xuất .

Mã nguồn: Xác định nguồn xuất hàng. Khi chọn xong hàng hóa và nguồn thì chương trình sẽ tự động định khoản theo nguồn.

Số lượng: Số lượng xuất.

Đơn giá: đơn giá nhập. Chương trình lấy đơn giá bình quân tháng trước. Nếu tháng trước không có thì đơn giá sẽ là đơn giá nhập trong tháng.

Thành tiền: Chương trình tự tính theo số lượng và đơn giá.

Tài khoản nợ: Giá trị mặc định được cung cấp khi người dùng chọn xong mã hàng hóa

Tài khoản có: Giá trị mặc định được cung cấp khi người dùng chọn xong mã hàng hóa và mã nguồn.

Các hỗ trợ và chức năng trên phiếu chi đều giống như mẫu biểu lập phiếu thu.

Thao tác cơ bản trên một phiếu xuất vật tư:

Thêm: Thêm một phiếu xuất vật tư mới. Nếu đang sửa hay đang nhập một phiếu mới thì không sử dụng được chức năng này.

Lưu: Lưu thông tin hiện hành của phiếu xuất vào cơ sở dữ liệu.

Bỏ qua: Phục hồi lại các thông tin của phiếu xuất đang thao tác.

Sửa: Cho phép cập nhật phiếu xuất hiện hành.

Liệt kê: liệt kê các phiếu xuất đã được lập trước đây. Chương trình hỗ trợ người sử dụng chọn phiếu theo thời gian lập phiếu hay theo số phiếu xuất.

Xóa: Xóa phiếu xuất hiện hành.

In: Xem phiếu xuất hiện hành trước khi in. Hình thức hiển thị phiếu xuất sẽ giống như khi in ra giấy in.

Thoát: Thoát khỏi mẫu biểu lập phiếu xuất vật tư.

Mẫu báo cáo xuất vật tư

✓ Sổ quỹ

88% 1 of 1

TRUNG TÂM CẤP CỨU TRUNG VƯƠNG
PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

PHIẾU XUẤT SỐ: 1200014/03

PHIẾU XUẤT KHO DƯỢC

NGÀY: 02/01/2003
ĐƠN VỊ: KHOA NGOẠI 2

STT	M- VT	TÊN VẬT TƯ	DVT	ĐƠN GIÁ	S.LƯỢNG	THÀNH TIỀN
Thuốc độc ống						13.335
1	DO016	diclofenac 3ml 75mg	ống	813,11	2,00	1.626,22
2	DO059	primperan	ống	2.569,02	1,00	2.569,02
3	DO064	sat 1500mi	ống	14.639,73	1,00	14.639,73
Thuốc độc viên						2.346
4	DV014	diazepam 5 mg(Mekoluxen)	Viên	135,52	2,00	271,04
5	DV015	digoxin 0.25 mg	Viên	1.168,65	1,00	1.168,65
6	DV032	prednisolon 5 mg(cortancyl , deltason, dexi	Viên	113,24	8,00	905,89
TỔNG CỘNG:						21.131

Trưởng khoa, phòng Người nhận Thủ kho Ngày 11 tháng 04 năm 2004
Người lập bảng

II.9.4.3. Cập nhật giá cho phòng khám

Cuối tháng người sử dụng sẽ dùng màn hình này để chuyển giá vật tư để phòng khám có thể luôn sử dụng được giá mới nhất.

☐ Vật tư trong tháng

Tháng: Năm: Mã kho:

Mã vật tư: Tên vật tư: Số lần sử dụng:

☐ Ngoài danh mục ☐ Không còn tồn kho ☐ Không dùng nữa

Giá đang dùng

Giá nhân dân: Giá bảo hiểm:

Giá mới

Giá nhân dân: Giá bảo hiểm:

☒ ☐

STT	Mã vật tư	Tên vật tư	Giá ND	Giá BH	Giá ND mới	Giá BH mới	Ngoài DM	Số lần SD	Hết	Không d

Chuyển giá phòng khám Lưu Bỏ qua Sửa Báo Cáo Thoát

Thông tin cần cung cấp:

Tháng: tháng cần chuyển giá.

Năm: Năm cần chuyển giá.

Kho: Kho cần chuyển giá.

Sau khi cung cấp đủ thông tin thì người sử dụng sử dụng chức năng để lọc số liệu mới nhất. Các vật tư này bao gồm luôn các vật tư có trong danh mục dùng nhiều lần. Sau khi có số liệu thì người dùng có thể thay đổi giá cho thích hợp. Giá tiền của mỗi hàng hóa, vật tư là giá tồn kho cuối tháng này. Vì vậy số liệu sẽ chính xác khi các nghiệp vụ nhập - xuất của kho được chọn đã hoàn tất.

Báo cáo chuyển giá

✓ Số quỹ

93%

1 of 10

Sở Y Tế TP. Hồ Chí Minh
Trung tâm cấp cứu Trung Vương

BẢNG GIÁ VẬT TƯ CHUYỂN PHÒNG KHÁM

Kho Dược - tháng 4 năm 2004

STT	M- VẬT TƯ	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	ĐƠN GIÁ	NGOÀI DM
DỊCH TRUYỀN					
1	D'T002	Aminoplasma 5% 500ml	Bịch	69,825	
2	D'T001	Aminoplasmahepa 10% 500ml	Chai	138,099	
3	D'T024	Dây truyền dịch	Sợi	3,465	
4	D'T003	Gelofusin (gelafudin) 500ml	Chai	79,800	
5	D'T004	Glucosa 30%	Chai	9,172	
6	D'T005	Glucosa 5%	Chai	6,284	
7	D'T006	Glucosa 10%	Chai	6,983	
8	D'T007	Kali chlorna 10% kcl	ống	3,150	
9	D'T025	Kim cánh bướm	Cái	1,510	
10	D'T008	Lactat ringer's	Chai	6,284	
11	D'T009	Lipofundin 250ml 10%	Chai	98,700	
12	D'T012	Manitol 20% 250ml(Osmofudin)	Chai	13,524	
13	D'T011	Mannitol 20% 500ml	Chai		
14	D'T014	Mekosamine 500ml	Chai	41,895	
15	D'T015	Morihopamin	Bịch	93,499	
16	D'T016	Nacl 0,9%	Chai	5,985	
17	D'T018	Nacl 0,45% 500ml	Chai	8,500	

II.9.4.4. Kiểm kê vật tư cuối năm

Cuối năm người sử dụng chọn màn hình này để cập nhật lại số liệu tồn kho cuối năm của sổ sách so với số liệu do kiểm kê thực tế.

Ngày kiểm kê	01/01/2004	Mã vật tư																	
Kho kiểm kê	DUOC	Tên vật tư																	
Nguồn	01	Đơn giá																	
Lấy số liệu		Số lượng sổ sách																	
Tất cả Kháng sinh viên Thuốc độc ống Thuốc mỡ, phun p... Dịch truyền Thuốc nước Thuốc độc viên Thuốc viên Thuốc giảm đau Vitamin ống Kháng sinh ống Vitamin viên		Số lượng thực tế																	
		Phẩm chất ☐ Mới 100% ☐ Kém ☐ Mất ☐ Khác																	
<table border="1"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Mã vật tư</th> <th>Tên vật tư</th> <th>DVT</th> <th>Đơn giá</th> <th>SL sổ sách</th> <th>SL thực tế</th> <th>Phẩm chất</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>				STT	Mã vật tư	Tên vật tư	DVT	Đơn giá	SL sổ sách	SL thực tế	Phẩm chất								
STT	Mã vật tư	Tên vật tư	DVT	Đơn giá	SL sổ sách	SL thực tế	Phẩm chất												

Thông tin cần cung cấp:

Ngày kiểm kê: Ngày thực hiện việc kiểm kê.

Kho kiểm kê: Xác định kho kiểm kê.

Nguồn kiểm kê: Xác định nguồn hàng kiểm kê.

Sau khi nhập đầy đủ số liệu thì người sử dụng thực hiện chức năng lọc số liệu để lấy số liệu mới nhất. Người sử dụng sửa các thông tin về số lượng, phẩm chất vật tư cho đúng với số liệu thực tế.

Báo cáo kiểm kê

II.9.5. Tìm kiếm

Chương trình hỗ trợ người sử dụng tìm kiếm nhanh một thông tin nào đó. Sau khi nhập đủ các thông tin cần tìm thì hệ thống sẽ liệt kê các chứng từ phát sinh phù hợp với điều kiện người sử dụng nhập vào. Click đôi chuột vào cột số chứng từ thì chương trình sẽ mở chứng từ đó trên mẫu biểu thích hợp.

✓ Hệ thống TC-KT [Tìm kiếm nhanh]

Xác định điều kiện tìm kiếm

Tên trường	Số sánh	Giá trị	Kết hợp
tháng	=	3	Và
Mã vật tư	Có chứa	viên%	

Kết quả được sắp xếp theo ...

Tên trường	Sắp xếp

Chọn cột ☒ Tất cả Kết quả tìm kiếm (nhấp đúp chuột vào cột số chứng từ để xem chi tiết chứng từ tương ứng)

No.	Loại CT	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Tháng	Tên đối tác	Số tiền	Số
1	X	X0101001052/03	03/03/2003	3	Khoa thần kinh	10394.9835	
2	X	X0101001052/03	03/03/2003	3	Khoa thần kinh	18099.9552	
3	X	X0101001052/03	03/03/2003	3	Khoa thần kinh	18899.4435	
4	X	X0101001052/03	03/03/2003	3	Khoa thần kinh	8097.7859	
5	X	X0101001052/03	03/03/2003	3	Khoa thần kinh	41020.9515	
6	X	X0101001052/03	03/03/2003	3	Khoa thần kinh	13342.4188	
7	X	X0101001052/03	03/03/2003	3	Khoa thần kinh	14178.4362	
8	X	X0101001052/03	03/03/2003	3	Khoa thần kinh	3227.7551	
9	X	X0101001052/03	03/03/2003	3	Khoa thần kinh	3110.07	
10	X	X0101001052/03	03/03/2003	3	Khoa thần kinh	5029.5525	
11	X	X0101001052/03	03/03/2003	3	Khoa thần kinh	156.8166	
12	X	X0101001052/03	03/03/2003	3	Khoa thần kinh	723.328	
13	X	X0101001054/03	03/03/2003	3	Khoa tim mạch	10631.8604	
14	X	X0101001054/03	03/03/2003	3	Khoa tim mạch	4493.1892	
15	X	X0101001054/03	03/03/2003	3	Khoa tim mạch	1204.8498	
16	X	X0101001054/03	03/03/2003	3	Khoa tim mạch	15753.818	
17	X	X0101001054/03	03/03/2003	3	Khoa tim mạch	1689.5736	
18	X	X0101001054/03	03/03/2003	3	Khoa tim mạch	21289.656	

☒ Loại CT
☒ Số chứng từ
☒ Ngày chứng từ
☒ Tháng
☒ Tên đối tác
☒ Số tiền
☒ Số HD đối tác
☒ Ngày HD đối tác
☒ Mã vật tư
☒ Tên vật tư
☒ Mã kho

☐ Tất cả các hàng
☐ 10 hàng đầu tiên

Tìm **Dừng** **Excel** **Word** **Thoát**

II.9.6. Nhập đầu kỳ

II.9.6.1. Nhập số dư tài khoản

Dùng để nhập số dư tài khoản đến thời điểm sử dụng chương trình. Dùng một lần khi bắt đầu sử dụng chương trình

Mã tài khoản	1526
Mã đối tác	DCYK
Tháng	1
Năm	2003
Số dư	1260000
Loại tài khoản	NO

Mã tài khoản	Mã đối tác	Tháng	Năm	Số dư	
1526	DCYK	1	2003	1260000	
1121		12	2002	343432119	
1121.944		12	2002	343432119	
1527		08	1	2003	-283600
3311	DOTHANH	1	2003	8400000	
3422		24	1	2003	-10655871
6612.04.110.01		17	1	2003	-203598.8401
6612.04.110.03		14	1	2003	-773477.7536
6612.04.119.01.01		17	1	2003	-70641295.1223
6612.04.119.01.01		09	1	2003	3191731.0989

 Thêm
  Lưu
  Bỏ qua
  Sửa
  Xoá
  Thoát

Nhấn F3 để hỗ trợ nhập liệu

II.9.6.2. Nhập tồn kho đầu kỳ

Nhập số tồn kho của vật tư đến thời điểm sử dụng chương trình. Dùng một lần khi bắt đầu sử dụng chương trình.

Mã hàng hoá

HA01

Mã kho

ANPHAM

Tháng

12

Năm

2002

Số lượng

12000

Đơn giá

43.56

Thành tiền

522717

Mã nguồn

01

Giấy ra viện

Thêm

Lưu

Bỏ qua

Sửa

Xoá

Thoát

II.9.7. Danh mục

Chương trình hiện quản lí các danh mục :

Danh mục tài khoản

Danh mục loại đối tác

Danh mục đối tác (khoa, phòng)

Danh mục ngân hàng

Danh mục kho

Danh mục nhóm vật tư

Danh mục vật tư

Danh mục vật tư dùng nhiều lần

SỔ NHẬT KÝ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

66%

1 of 1+

SỞ Y TẾ TP HCM

BỆNH VIỆN CẤP CỨU TRƯỜNG VƯƠNG

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Tháng 1 năm 2003

Tài khoản: Tiền gửi ngân hàng - 1121.944

Trang 1

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TÀI KHOẢN ĐỐI ƯNG	CỔ TIỀN		
SỐ	NGÀY			GỬI VÀO	RÚT RA	CÒN LẠI
		Số dư cuối ngày 31/12/2002 mang sang				343.432.119
020002202	12/01/2002	TRƯỜNG TÀI VỤ Chuyển tiền viện phí cho khu lỵ quận 10	1111	500.000.000		843.432.119
040000102	14/01/2002	CÔNG TY TNHH TM NHỰA (SAMHARCO) Thanh toán tiền điện số 41496, 41494, 41490, 41270, 41221, 19249, 49017, 41442, 41126.	3711		64.748.765	778.683.354
040000202	14/01/2002	CỬA HÀNG DƯỢC Y KHOA SỐ 9 Thanh toán tiền hóa chất HD 25905, 79604, 89486.	3711		22.278.000	756.405.354
040000302	14/01/2002	CÔNG TY TNHH LƯU NHỰA Thanh toán tiền điện Kỳ 02/2002, đợt 1 (02 Giấy Bão).	6612.04.109.01		52.105.690	704.299.664
040000402	14/01/2002	CÔNG TY TNHH LƯU NHỰA Thanh toán tiền điện số HD 2564.	3711		21.500.000	682.799.664
040000502	14/01/2002	CÔNG TY TNHH Y TẾ TP HCM (VTCO) Thanh toán tiền điện số HD 27120, 26757, 26794, 26670, 26795, 27116, 26642, 27120.	3711		28.272.512	654.527.152
040000602	14/01/2002	CÔNG TY TNHH LƯU NHỰA Thanh toán tiền gas HD 25789.	6612.04.119.14		25.902.075	628.625.077
040000702	14/01/2002	TRẠNG THỊ TRẠI PHƯỜNG Thanh toán tiền hóa chất HD 29241, 5299.	3711		9.625.000	599.000.077
040000802	14/01/2002	CÔNG TY TNHH LƯU NHỰA Thanh toán tiền điện số HD 15492, 15492.	3711		27.772.500	571.227.577
040000902	14/01/2002	CÔNG TY TNHH LƯU NHỰA Thanh toán tiền điện số HD 22724, 22719, 22726, 22727, 22120, 22720.	3711		22.264.515	548.963.062

Bảng đối chiếu hạn mức kinh phí

SỞ Y TẾ TP HCM
BỆNH VIỆN CẤP CỨU TRUNG ƯƠNG

Số tài khoản: 09112.00.00006
Điện thoại: 3636744
Địa chỉ: 366 Lý Thường Kiệt Phường 14, quận 10, TP. HCM

CỘNG HÒA X. HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐỐI CHIẾU HẠN MỨC KINH PHÍ NHẬP CẤP PHÁT THU HỒI

TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC QUẬN 10
Tháng 7 năm 2007

SỐ HIỆU NGÂN SÁCH					DOANH SỐ THỰC HIỆN SAU KHI TRỪ CHUYỂN			DOANH SỐ CẤP PHÁT SAU KHI TRỪ THU HỒI			SỐ DƯ HẠN MỨC
CH	L	KH	MỤC	TÊN MỤC	TRONG THÁNG	LƯY KẾ THÁNG TRƯỚC	LƯY KẾ ĐẾN THÁNG NÀY	TRONG THÁNG	LƯY KẾ THÁNG TRƯỚC	LƯY KẾ ĐẾN THÁNG NÀY	
027	15	01	100		250.000.000		250.000.000				250.000.000
			102		250.000.000		250.000.000				250.000.000
			106		1.200.000.000		1.200.000.000				1.200.000.000
			119		700.000.000		700.000.000				700.000.000
TỔNG CỘNG					1.350.000.000		1.350.000.000				1.350.000.000

Số tiền này khớp đúng với số tiền ghi ở ngân sách tại Kho Bạc

Ngày tháng năm

Kế Toán Kế Toán trưởng Giám Đốc

TTC Trung Ương, ngày 04 tháng 11 năm 2004

Kế Toán trưởng Giám Đốc

Hồ thị Thanh Bình

BS. Trần Hồng

Số kinh phí

✓ Sổ kinh phí

75%

1 of 1

SỞ Y TẾ TP HCM

BỆNH VIỆN CẤP CỨU TRUNG ƯƠNG

SỔ THEO DÕI NGUỒN KINH PHÍ

Tháng 1 năm 2007

Trang 1

Loại : 15

Khoản : 01

Mục : 119

Thêm : 00

Trừ nhóm : 00

Ngày tháng ghi sổ	Chung tự		Diễn giải	Kinh phí được phân phối	Kinh phí đã nhận	Số chi đề nghị quyết toán	Kinh phí chưa cơ đưng chuyển kỳ sau	Các khoản ghi giảm nguồn kinh phí
	Số hiệu	Ngày tháng						
20/01/2007	0700003/07	20/01/2007	Số chi mạng sống					
			Nhận KP do Sở Y Tế cấp tháng 01/2007 mục 119	700.000.000				
			Cộng trong tháng	700.000.000				
			Các tháng trước					
			Lũy kế	700.000.000				
			Số dư		700.000.000			
			Cộng tháng bằng	700.000.000	700.000.000			

Giám đốc

Kế toán trưởng

Ngày 04 tháng 11 năm 2004

Người lập biểu

BS. Trần Hồng

Hồ thị Thanh Bình

Kiểm tra chương trình

Giấy đối chiếu xác nhận số dư ngân hàng

✓ Xác nhận số dư Ngân hàng

1 of 1

GIẤY ĐỐI CHIẾU XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN

Tháng 1 năm 2003

TÊN ĐƠN VỊ : TRUNG TÂM CẤP CỨU TRUNG VƯƠNG
 SỐ HIỆU TÀI KHOẢN : 945.02.10.00004
 MỞ TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC : Quận 10, TP. HCM
 Đề nghị Kho Bạc Nhà Nước xác nhận số liệu tài khoản giao dịch của chúng tôi trong như sau :

SỐ LIỆU CỦA ĐƠN VỊ

NỘI DUNG	NỢ	CÓ
Số dư có đầu tháng		343.432.119
Doanh số trong tháng	330.521.938	1.750.000.000
Số dư có cuối tháng		1.762.910.181

Số dư có cuối tháng bằng chữ: Một tỉ bảy trăm sáu mươi hai triệu chín trăm một mươi ngàn một trăm tám mươi một đồng

Ngày 04 tháng 11 năm 2004
Chủ tài khoản

Kế Toán Trưởng

KHO BẠC NHÀ NƯỚC XÁC NHẬN

NỘI DUNG	NỢ	CÓ
Số dư có đầu tháng		
Doanh số trong tháng		

Bảng liệt kê các hóa đơn nhập

✓ Phiếu nhập 3311

100% 1 of 4

BẢNG LIỆT KÊ CÁC HÓA ĐƠN NHẬP 331

Tháng 1 năm 2003

STT	NGÀY	HÓA ĐƠN	CÔNG TY	SỐ TIỀN	NGÀY	PHIẾU
DUỐC						
1	28/01/03	01QH03	Đại Lý Thuốc	3.576.687	28/01/03	82/03
2	07/01/03	329	Bệnh viện Chợ Rẫy	425.000	28/01/03	83/03
3	02/01/03	27022	Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco)	960.687	24/01/03	65/03
4	02/01/03	27425	Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco)	238.991	24/01/03	65/03
5	02/01/03	27429	Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco)	1.709.421	24/01/03	65/03
6	02/01/03	27560	Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco)	8.190.000	24/01/03	65/03
7	03/01/03	27356	Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco)	6.261.045	24/01/03	65/03
8	07/01/03	27970	Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco)	393.750	24/01/03	65/03
9	08/01/03	28202	Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco)	11.468.625	24/01/03	65/03
10	08/01/03	28231	Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco)	5.942.387	24/01/03	65/03
11	09/01/03	28401	Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco)	378.000	27/01/03	04/03
12	09/01/03	28402	Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco)	3.403.302	24/01/03	65/03
13	09/01/03	28915	Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco)	1.797.600	24/01/03	65/03
14	10/01/03	28251	Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco)	8.368.049	24/01/03	65/03
15	13/01/03	28271	Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco)	5.018.790	24/01/03	65/03

II.9.8.2. Báo cáo kế toán vật tư

Báo cáo nhập kho

Báo cáo nhập kho

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM CẤP CỨU TRƯNG VƯƠNG

CỘNG HÒA X. HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

BẢNG TỔNG HỢP PHIẾU NHẬP KHO DƯỢC

Tháng 1 năm 2003
Nguồn: 01

STT	Số CT	Ngày CT	Tên đối tác	Số HD	Ngày HD	Tổng	Thuốc 15221	Dịch truyền 15223
1	000053	21/01/03	CN Cty Dược VTYT Bến Tre	25200	02/01/03	1.837.500	1.837.500	
2	000053	21/01/03	CN Cty Dược VTYT Bến Tre	25570	14/01/03	4.987.500	4.987.500	
3	000059	23/01/03	Cty TNHH DP Hùm Khánh	3898	02/01/03	1.800.225	1.800.225	
4	000060	23/01/03	Cty TNHH TM DP úc Châu	91502	09/01/03	3.125.850	3.125.850	
5	000061	23/01/03	Cty TNHH TM DP Minh Hiền	1351	10/01/03	315.000	315.000	
6	000062	23/01/03	Cty TNHH DP Tân Đức	29421	10/01/03	17.398.500	17.398.500	
7	000063	23/01/03	CTy Dược Phẩm TW 2	19211	10/01/03	630.000	630.000	
8	000064	23/01/03	Cty TNHH DP Khương Duy	6063	14/01/03	999.999	999.999	
9	000065	24/01/03	Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco)	24169	30/12/02	175.833	175.833	
10	000065	24/01/03	Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco)	27022	02/01/03	960.687	960.687	
11	000065	24/01/03	Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco)	27356	03/01/03	6.261.045	3.697.995	2.563.050
12	000065	24/01/03	Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco)	27425	02/01/03	238.991	238.991	
13	000065	24/01/03	Công ty CP XNK Y Tế TP. HCM (yteco)	27429	02/01/03	1.709.421	1.709.421	

Báo cáo xuất kho

BÁO CÁO XUẤT KHO						
SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH						
TRUNG TÂM CẤP CỨU TRƯNG VƯƠNG						
CỘNG HÒA X. HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT						
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC						
BẢNG TỔNG HỢP PHIẾU XUẤT KHO DƯỢC						
Tháng 1 năm 2003						
Nguồn: 01						
STT	Số CT	Ngày CT	Tên đối tác	Tổng	Thước 15221	Dịch truyền 15223
1	000005	02/01/03	Khoa nội tổng quát	387.948	387.948	
2	000006	02/01/03	Khoa hồi sức cấp cứu	2.202.506	2.202.506	
3	000007	02/01/03	Khoa thần kinh	43.011	43.011	
4	000008	02/01/03	Khoa hô hấp	731.623	731.623	
5	000009	02/01/03	Khoa tim mạch	536.002	536.002	
6	000010	02/01/03	Khoa tiền hóa	34.387	34.387	
7	000011	02/01/03	Khoa nhiễm	5.885	5.885	
8	000012	02/01/03	Khoa sản	128.026	128.026	
9	000013	02/01/03	Khoa ngoại 1	331.154	331.154	
10	000014	02/01/03	Khoa ngoại 2	21.181	21.181	
11	000015	02/01/03	Liên chuyên khoa	20.610	20.610	
12	000016	02/01/03	Khoa cấp cứu tổng hợp	322.918	322.918	
13	000017	02/01/03	Khoa pm_hp	3.510.918	3.510.918	
14	000018	02/01/03	Khoa cấp cứu ngoại viện	9.023	9.023	
15	000019	02/01/03	Khoa tiền hóa	51.677	51.677	
16	000020	02/01/03	Khoa cấp cứu tổng hợp	3.615	3.615	

Báo cáo nhập/xuất cuối ngày

✓Phiếu nhập/xuất cuối ngày																
75% 1 of 1+																
SỞ Y TẾ TP HCM BỆNH VIỆN CẤP CỨU TRUNG ƯƠNG PHIẾU XUẤT KHO NGUỒN MUA Ngày 30/01/2003																
HCOM	Mã	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	TỔNG CỘNG	Các khoa phòng											
					Tổng	CCU	CCTH	DUY	HH	HSCC	LCK	Hg1	Hg2	HH	HTQ	PM
Dinh dưỡng	DT002	Amino plasma 5% 500 ml	Bịch	5.00	5.00							3.00				
	DT004	Glucose 30%	Chai	10.00	10.00			5.00				3.00		4.00		
	DT005	Glucose 5%	Chai	75.00	75.00		5.00	5.00	5.00	4.00		7.00	4.00	15.00	6.00	
	DT006	Glucose 10%	Chai	21.00	21.00							6.00	1.00	3.00		
	DT007	Kali citrate 10% 1cl	Cùng	35.00	35.00				5.00	4.00		6.00		5.00		
	DT008	Lactar inger's	Chai	55.00	55.00		14.00		1.00		1.00	5.00		10.00	1.00	
	DT009	Liponudin 250ml 10%	Chai	4.00	4.00					1.00		1.00				
	DT014	Meloxanne 500 ml	Chai	10.00	10.00					2.00		5.00	1.00			
	DT015	Monhepamin	Bịch	2.00	2.00											
	DT016	Naci 0.5%	Chai	154.00	154.00	1.00	10.00		20.00	15.00		12.00	6.00	7.00	5.00	
	DT017	Neo amin 200 ml	Bịch	2.00	2.00					1.00						
	DT020	Nalcof 4.2% 250 ml	Chai	3.00	3.00				1.00	2.00						
	DT024	Dây ruyền dịch	Sa	500.00	500.00		200.00			200.00						
	DT025	Ban cánh kềm	Cái	100.00	100.00											
Dược phẩm	K20001	Ampicilin 1g	Lo	3.00	3.00											
	K20002	Augmentin 1g	Lo	72.00	72.00		4.00		11.00	2.00		12.00	6.00	5.00	12.00	
	K20005	Cefamandol 1000	Lo	6.00	6.00							3.00				

Nhập xuất tồn kho cuối tháng

✓ Phiếu nhập xuất cuối tháng

1 of 1+

SỞ Y TẾ TP HCM
BỆNH VIỆN CẤP CỨU TRUNG ƯƠNG

PHIẾU XUẤT KHO DƯỢC

Tháng 1 năm 2007

			Tổng	2	3	6	7	8	9	10	13	14	15	16	17	20	21		
Nguyên mẫu	Dược tuyến	Amino plasma 5% 500ml	Hộp	105	1	4	5	1	1	5	2	10	5	5	2	4	7		
		Dây truyền dịch	Sợi	7,500		400	500	200	200	200	400	200	400	200	200	400	400	400	20
		Gelofundin (gelatinum) 500ml	Chai	18	2			2		1								4	
		Glucose 20%	Chai	282	11	7	17	8	5	14	27	11	17	10	12	25	14		
		Glucose 5%	Chai	2,225	200	177	245	117	147	112	220	141	109	108	117	211	192	1	
		Glucose 10%	Chai	1,178	65	71	99	45	24	54	109	55	45	20	25	91	72		
		Kali chlorua 10% kcal	ống	1,774	34	94	129	64	55	62	151	115	74	52	20	142	85		
		Kim sinh huân	Cái	5,250		200	200	100	200	200	200	150	250	200	200	250	200		
		Leostat singer's	Chai	2,652	175	212	287	140	95	121	279	204	127	147	125	228	205	1	
		Lipofundin 250ml 10%	Chai	22			1	1		1	2	2	1	1	1	1			
		Maminol 20%	Chai	25						7	7					9	2		
		Melbamine 500ml	Chai	524	25	28	48	15	14	19	44	21	12	12	25	45	25		
		Morhagemin	Hộp	201	8	15	22	9	9	9	8	14	12	10	15	19	8		
		Nacl 0,9%	Chai	4,524	225	220	249	170	141	120	222	277	155	128	145	275	295	1	
		Nacl 0.45% 500ml	Chai	7			4								2	1			
		Nacl 5% 100ml	Chai	22	2	2			4	2			2		2				
Nahco2 4,2% 250ml	Chai	54	4		5	4	2	1	1	4	4	2	7	2	4				

Nhập xuất tồn kho

Báo cáo NXT tổng hợp					
66%					
1 of 17					
SỞ Y TẾ TP HCM BỆNH VIỆN CẤP CỨU TRUNG ƯƠNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc					
BÁO CÁO TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN KHO ĐƯỢC					
Tháng 1 năm 2003					
STT	Tên nhóm vật tư	Tồn đầu kỳ	Nhập	Xuất	Tồn cuối kỳ
Hàng hóa mua		1.046.034.343	1.299.205.817	1.164.412.817	1.180.827.343
1	Dịch tuyến	93.964.192	204.513.993	172.785.485	125.712.700
2	Kháng sinh ống	213.737.276	511.114.254	351.380.509	373.471.021
3	Kháng sinh viên	102.443.836	67.473.195	102.060.963	67.856.069
4	Thuốc điều trị	197.780.254	142.317.715	148.783.668	191.314.301
5	Thuốc điều trị viên	75.537.940	34.276.643	44.652.859	65.161.724
6	Thuốc giảm đau	82.539.617	131.534.811	104.782.406	109.292.022
7	Thuốc mỡ, ghăm ghùi	1.973.748	152.040	1.569.065	556.723
8	Thuốc mỡ	164.931.044	90.195.925	125.724.185	129.402.784
9	Thuốc viên	99.107.549	109.168.382	101.002.883	107.273.049
10	Vitamin ống	2.532.405	4.781.952	2.389.709	4.924.648
11	Vitamin viên	11.466.482	3.676.946	9.281.066	5.862.362
Hàng hóa viện trợ		71.487.000			71.487.000
12	Dịch tuyến	11.487.000			11.487.000
13	Thuốc mỡ	60.000.000			60.000.000
14	Thuốc viên				
Tổng cộng		1.117.521.343	1.299.205.817	1.164.412.817	1.252.314.343

Chi tiết

Nhập xuất tồn kho theo nhóm hàng hóa

✓ Nhập xuất tồn kho theo nhóm

1 of 2

SỞ Y TẾ TP HCM
BỆNH VIỆN CẤP CỨU TRUNG ƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN KHO ĐƯỢC
Tháng 1 năm 2003

STT	Tên nhóm vật tư	Tồn đầu kỳ	Nhập	Xuất	Tồn cuối kỳ
Nguyên liệu		1.046.034.343	1.299.205.817	1.164.412.817	1.180.827.343
1	Dịch tuyền	93.984.192	204.513.993	172.785.485	125.712.700
2	Kháng sinh ống	213.737.276	511.114.254	351.380.509	373.471.021
3	Kháng sinh viên	102.443.836	67.473.196	102.060.983	67.856.009
4	Thuốc đồ ống	197.780.254	142.317.715	148.783.668	191.314.301
5	Thuốc đồ viên	75.537.940	34.276.643	44.652.859	65.161.724
6	Thuốc giảm đau	82.539.617	131.534.811	104.782.406	109.292.022
7	Thuốc mỡ, gel, kem, sữa	1.973.748	152.040	1.569.065	556.723
8	Thuốc máu	164.931.044	90.195.925	125.724.185	129.402.784
9	Thuốc viên	99.107.549	109.168.382	101.002.883	107.273.049
10	Vitamin ống	2.532.405	4.781.952	2.389.709	4.924.648
11	Vitamin viên	11.466.482	3.676.946	9.281.066	5.862.362
Nguyên liệu trợ		71.487.000			71.487.000
12	Dịch tuyền	11.487.000			11.487.000
13	Thuốc máu	60.000.000			60.000.000
14	Thuốc viên				

Chi tiết nhập - xuất vật tư

Chi tiết nhập xuất vật tư

74% 1 of 591

BỆNH VIỆN CẤP CỨU TRUNG VƯƠNG
PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

CHI TIẾT NHẬP XUẤT VẬT TƯ
Tháng 1 năm 2003

CHUNG TỬ			ĐIỂN GIẢI	ĐƠN GIÁ	NHẬP TRONG THÁNG		XUẤT TRONG THÁNG	
NGÀY	P.NHẬP	P.XUẤT			S LƯỢNG	T. TIỀN	S LƯỢNG	T. TIỀN
Thuốc điều dưỡng						142.317.912		148.783.008
actraphane 40ui(mixtard)			<i>Đơn vị tính: ống</i>				25	2.323.120
			Tổng đến kỳ	51,00				
07/01/2003		00078	Khoan nhĩ thông quai	92.925			1,00	92.925
09/01/2003		00202	Khoan nhĩ thông quai	92.925			1,00	92.925
10/01/2003		00249	Khoan nhĩ thông quai	92.925			1,00	92.925
10/01/2003		00252	Khoan thủng kinh	92.925			1,00	92.925
14/01/2003		00429	Khoan nhĩ thông quai	92.925			1,00	92.925
14/01/2003		00448	Khoan ngoi 1	92.925			1,00	92.925
17/01/2003		00624	Khoan nhĩ thông quai	92.925			2,00	185.850
21/01/2003		00724	Khoan nhĩ thông quai	92.925			1,00	92.925
22/01/2003		00737	Khoan nhĩ thông quai	92.925			1,00	92.925
22/01/2003		00786	Khoan nhĩ hất	92.925			1,00	92.925
24/01/2003		00896	Khoan nhĩ thông quai	92.925			1,00	92.925
27/01/2003		00962	Khoan nhĩ thông quai	92.925			1,00	92.925
29/01/2003		01087	Khoan nhĩ thông quai	92.925			1,00	92.925
29/01/2003		01127	Earliem	92.925			10,00	929.250
20/01/2003		000077	Khoan nhĩ thông quai	92.925			1,00	92.925
			Tổng cuối kỳ	20,00				
actrapid (insulin)			<i>Đơn vị tính: ống</i>				12	1.114.922
			Tổng đến kỳ	21,00				

Phiếu kế toán vật tư

✓ Phiếu kế toán vật tư

100%

1 of 1

SỞ Y TẾ TP HCM
BỆNH VIỆN CẤP CỨU TRUNG VƯƠNG

PHIẾU KẾ TOÁN - DƯỢC

Tháng 1 năm 2003

STT	DIỄN GIẢI	NỢ	CÓ	GIA TRI
	Nhập			1,299,205,817
1	Nhập thuốc mua ngoài	15221	3311	1,081,448,640
2	Nhập trả từ các khoa - thuốc	15221	6612.04.119.01.01	13,243,184
3	Nhập DT mua ngoài	15223	3311	203,864,432
4	Nhập trả từ các khoa - DT	15223	6612.04.119.01.01	649,561
	Xuất			1,164,412,817
5	Xuất khác	3318	15221	1,989,088
6	Xuất thuốc cho các khoa	6612.04.119.01.01	15221	989,638,244
7	Xuất DT cho các khoa	6612.04.119.01.01	15223	172,785,485

Kế toán trưởng Kế toán tổng hợp Ngày 04 tháng 11 năm 2004 Người lập

Bảng giá vật tư

✓ Bảng giá vật tư

Sở Y Tế TP HCM
Bệnh viện Cấp cứu Trưng Vương

BẢNG GIÁ VẬT TƯ

Kho Dược - 01/02/2003

STT	Mã vật tư	Tên vật tư	ĐVT	Đơn giá
DỊCH TRUYỀN				
1	DT002	Aminoplasma 5% 500ml	Bịch	69,825.00
2	DT024	Dây truyền dịch	Sợi	3,457.58
3	DT003	Gelofusin (gelafudin) 500ml	Chai	79,800.00
4	DT004	Glucosa 30%	Chai	8,977.50
5	DT005	Glucosa 5%	Chai	5,700.01
6	DT006	Glucosa 10%	Chai	6,783.00
7	DT007	Kali chlorua 10% kcl	ống	3,150.00
8	DT025	Kim cánh bướm	Cái	1,364.90
9	DT008	Lactat ringer's	Chai	5,600.01
10	DT009	Lipofundin 250ml 10%	Chai	98,700.00
11	DT012	Manitol 20% 250ml(Osmofudin)	Chai	13,244.74
12	DT014	Mekoamine 500ml	Chai	41,000.00
13	DT015	Moniheparin	Bịch	89,025.50
14	DT016	Nacl 0.9%	Chai	5,400.00

Báo cáo tổng hợp – chi tiết nhập xuất tồn

Bảng kê bông băng xuất cho khoa Chống nhiễm khuẩn

✓ Bảng kê TPP

100% 1 of 1

TTCC. TRUNG VƯƠNG
PHÒNG TÀI VỤ

BẢNG KÊ BÔNG BĂNG XUẤT CHO KHOA CHỐNG NHIỄM KHUẨN
Tháng 1 năm 2003

Mã	Tên	S.L.g	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
BB033	Gạc miếng 7.5x7.5 8l - TMH (30m/ gói)	40,320.00	189.00	7,620,480	
BB109	Gạc miếng 10x10 (9l) - (30m/ gói)	26,100.00	349.65	9,125,862	
BB014	Bông gạc 6x7 - Gạc tiểu phẫu	7,000.00	420.00	2,940,000	
BB016	Bông gạc ruột thừa 8 x12 - (10m/ gói)	4,000.00	439.95	1,759,800	
BB015	Bông gạc dd 8 x17 - (10m / gói)	3,000.00	499.80	1,499,400	
BB034	Gạc phẫu thuật 30 (6l)-gạc dây (5m/gói)	1,000.00	1,780.00	1,780,000	
HC098	Hexaniosg-tr25ml	40.00	6,893.83	275,753	
BB038	Gòn thuốc 100gr	75.00	7,000.35	525,027	
BB040	Gòn vông 100gr	25.00	7,500.35	187,509	
BB039	Gòn viên 100gr	550.00	7,989.00	4,393,950	
BB007	Băng keo ngoại nhỏ	1.00	13,650.00	13,650	
HC111	Microshield 4% 500ml	2.00	110,266.29	220,533	
				30,341,964	

Kế toán trưởng

Ngày 11 tháng 04 năm 2004
Người lập phiếu

Báo cáo nóng nhập xuất tồn kho.

BẢNG LIỆT KÊ NHẬP - XUẤT SPDD						
Tháng 3 năm 2003						
STT	SỐ PHIẾU	NGÀY	TÊN HÀNG HOÁ	ĐVT	S.LƯỢNG	SỐ TIỀN
NHẬP SPDD						
1	00073	31/03/03	Vải trải giường	Tấm	14	626.181
2	00073	31/03/03	Khăn lông trung	Cái	10	23.000
3	00076	31/03/03	Vải trải giường	Tấm	9	402.545
4	00076	31/03/03	Dây cột bệnh nhân	m	9	12.600
5	00076	31/03/03	Khăn lông nhỏ (1)	Cái	100	92.000
6	00074	31/03/03	Vải trải giường	Tấm	40	1.789.088
7	00077	31/03/03	Vải trải giường	Tấm	12	536.726
8	00077	31/03/03	Quần áo bệnh nhân	Bộ	13	377.000
9	00077	31/03/03	Khăn lông nhỏ (1)	Cái	100	92.000
10	00079	31/03/03	Khăn lông nhỏ (1)	Cái	40	36.800
TỔNG CỘNG						3.987.940
XUẤT SPDD						
11	00020	07/03/03	áo mổ dài	Cái	28	588.000
12	00020	07/03/03	áo Nội Soi	Cái	6	48.600
13	00020	07/03/03	áo lót mổ	Cái	20	378.000

II.9.8.3. Báo cáo kế toán tổng hợp

Sổ chi tiết các tài khoản

Sổ chi tiết các khoản dư nợ

66%

1 of 1+

SỞ Y TẾ TP HCM
BỆNH VIỆN CẤP CỨU TRUNG ƯƠNG

SỔ CHI TIẾT TIỀN VIỆT NAM
Tháng 1 năm 2003

Trang 1

Số chứng từ	Ngày Tháng	Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
				Nợ	Có	Nợ	Có
		Số dư cuối ngày 31/12/2002 mang					
0100001/03	02/01/2003	Thu tạm ứng trực đêm 31/12/2002	3318.03	3.650.000		3.650.000	
0100001/03	02/01/2003	Thu viện phí trực đêm 31/12/2002	5112.01	5.688.395		9.338.395	
0100002/03	02/01/2003	Thu viện phí trực đêm 01/01/2003	5112.01	5.168.500		14.506.895	
0100002/03	02/01/2003	Thu tạm ứng trực đêm 01/01/2003	3318.03	5.500.000		20.006.895	
0100003/03	02/01/2003	Thu tạm ứng trực ngày 01/01/2002	3318.03	6.000.000		26.006.895	
0100003/03	02/01/2003	Thu viện phí trực ngày 01/01/2002	5112.01	8.961.858		34.968.753	
0100004/03	02/01/2003	Thu viện phí nội trú 02/01/2003	5112.01	49.202.901		84.171.654	
0100004/03	02/01/2003	Thu tạm ứng nội trú 02/01/2003	3318.03	11.850.000		96.021.654	
0100005/03	02/01/2003	Thu viện phí phòng khám 02/01/2003	5112.01	16.416.785		112.438.439	
0200001/03	02/01/2003	Chi hoàn tạm ứng bệnh nhân nội trú 02/01/2003	3318.03		26.300.000	86.138.439	
0200002/03	02/01/2003	Chi hoàn tạm ứng trực đêm 31/12/2002	3318.03		1.000.000	85.138.439	
0100006/03	03/01/2003	Thu tạm ứng trực đêm 02/01/2003	3318.03	5.600.000		90.738.439	
0100006/03	03/01/2003	Thu viện phí trực đêm 02/01/2003	5112.01	4.593.576		95.332.015	
0100007/03	03/01/2003	Thu viện phí phòng khám 03/01/2003	5112.01	16.912.080		112.244.095	

Số cái

✓ Sổ cái

100%

1 of 8

SỔ Y TẾ TP HCM
BỆNH VIỆN CẤP CỨU TRUNG VƯƠNG

SỔ CÁI CHI TIẾT

Tháng 1 năm 2003
Số hiệu: 1111
Tên tài khoản: Tiền Việt Nam

?pThoigian (String)

SỐ CT	NGÀY CT	DIỄN GIẢI	TK ĐỐI ƯNG	NỢ	CÓ
		Số dư đầu kỳ			
0100001	02/01/2003	Thu tạm ứng trực đêm 31/12/2002	3318.03	3.650.000	
0100001	02/01/2003	Thu viện phí trực đêm 31/12/2002	5112.01	5.688.395	
0100002	02/01/2003	Thu viện phí trực đêm 01/01/2003	5112.01	5.168.500	
0100002	02/01/2003	Thu tạm ứng trực đêm 01/01/2003	3318.03	5.500.000	
0100003	02/01/2003	Thu tạm ứng trực ngày 01/01/2002	3318.03	6.000.000	
0100003	02/01/2003	Thu viện phí trực ngày 01/01/2002	5112.01	8.961.858	
0100004	02/01/2003	Thu viện phí nội trú 02/01/2003	5112.01	49.202.901	
0100004	02/01/2003	Thu tạm ứng nội trú 02/01/2003	3318.03	11.850.000	
0100005	02/01/2003	Thu viện phí phòng khám 02/01/2003	5112.01	16.416.785	
0100006	03/01/2003	Thu tạm ứng trực đêm 02/01/2003	3318.03	5.600.000	
0100006	03/01/2003	Thu viện phí trực đêm 02/01/2003	5112.01	4.593.576	
0100007	03/01/2003	Thu viện phí phòng khám 03/01/2003	5112.01	16.912.080	

Bảng cân đối số phát sinh

✓ Quyết toán_Bảng cân đối phát sinh

68%

1 of 3

SỞ Y TẾ TP HCM
BỆNH VIỆN CẤP CỨU TRUNG ƯƠNG

BẢNG CÂN ĐỐI SỐ PHÁT SINH

Tháng 1 năm 2007

SỐ TÀI KHOẢN	TÊN TÀI KHOẢN	SỐ DƯ ĐẦU KỲ		SỐ PHÁT SINH		SỐ DƯ CUỐI KỲ	
		ĐỢI	CÓ	ĐỢI	CÓ	ĐỢI	CÓ
0082.100	Hạn mức kinh phí cấp 100			250.000.000		250.000.000	
0082.102	Hạn mức kinh phí cấp 102			280.000.000		280.000.000	
0082.106	Hạn mức kinh phí cấp 106			120.000.000		120.000.000	
0082.119	Hạn mức kinh phí cấp 119			700.000.000		700.000.000	
1111	Tiền Việt Nam			2.527.798.766	2.536.518.820		1.279.996
1121	Tiền Việt Nam	242.432.119				242.432.119	
1121.944	Tiền gửi ngân hàng - tiền gửi	242.432.119		1.750.000.000	270.521.926	1.762.910.181	
1121.945	Tiền gửi ngân hàng - vãng lai			3.722.000		3.722.000	
15221	Thuộc			1.056.268.511	991.637.322	106.641.179	
15222	Mất			78.204.000	75.634.000	2.630.000	
15227	Dịch tuyền			204.512.999	172.785.465	31.728.534	
15234	Phim			92.796.947	32.512.212	60.284.735	
15235	Dung môi, hoá chất			262.351.077	122.577.929	140.773.148	
15271	Ấn chỉ chuyên môn			14.296.242	18.574.012		4.177.771
15272	Vấn phòng phẩm			22.901.726	19.514.965	3.386.761	
1524	Nhiệm vụ			16.276.000	10.678.500	5.597.500	
15251	Vật liệu XD, điện, nước, kim khí			4.256.542	1.257.962	3.027.580	
15257	Vật liệu khác			25.994.826	12.248.200	13.746.626	
1526	Dụng cụ chuyên môn			150.212.565	191.803.742		41.466.788
1527	Dụng cụ chung dùng khác			6.552.891	4.276.505	2.276.386	
1531	Sản phẩm			92.000		92.000	
2124	Tạm ứng khác			567.021.225	2.426.419	564.604.806	
2211	Phải trả người cung cấp			264.129.208	1.899.767.592		1.635.638.384
2215	Cáo khoản phải trả khác			1.969.088		1.969.088	
2215.02	Cáo khoản phải trả về viện ghi và BHYT				1.000.000.000		1.000.000.000
						Tổng	

Phiếu kế toán

PHIẾU KẾ TOÁN							
Tháng 1 năm 2003							
STT	Diễn giải	Chứng từ gốc			Định khoản		Số tiền
		Loại CT	Số chứng từ	Ngày CT	Họ	Có	
1	Tạm ứng theo đúng 21/12/2002	PT	0100001.03	02/01/2003	1111	3318.03	3.650.000
2	Tạm ứng ghi nợ đúng 21/12/2002	PT	0100001.03	02/01/2003	1111	5112.01	5.688.395
3	Tạm ứng ghi nợ đúng 01/01/2003	PT	0100002.03	02/01/2003	1111	5112.01	5.168.500
4	Tạm ứng theo đúng 01/01/2003	PT	0100002.03	02/01/2003	1111	3318.03	5.500.000
5	Tạm ứng ghi nợ đúng 01/01/2003	PT	0100003.03	02/01/2003	1111	5112.01	8.961.838
6	Tạm ứng theo đúng ngày 01/01/2003	PT	0100003.03	02/01/2003	1111	3318.03	6.000.000
7	Tạm ứng ghi nợ đúng 02/01/2003	PT	0100004.03	02/01/2003	1111	5112.01	49.202.901
8	Tạm ứng theo đúng 02/01/2003	PT	0100004.03	02/01/2003	1111	3318.03	11.850.000
9	Tạm ứng ghi nợ đúng 02/01/2003	PT	0100005.03	02/01/2003	1111	5112.01	16.416.785
10	Tạm ứng ghi nợ đúng 02/01/2003	PT	0100005.03	03/01/2003	1111	5112.01	4.593.576
11	Tạm ứng theo đúng 02/01/2003	PT	0100006.03	03/01/2003	1111	3318.03	5.600.000
12	Tạm ứng ghi nợ đúng 02/01/2003	PT	0100007.03	03/01/2003	1111	5112.01	16.912.080
13	Tạm ứng ghi nợ đúng 02/01/2003	PT	0100008.03	03/01/2003	1111	5112.01	1.855.000
14	Tạm ứng theo đúng 02/01/2003	PT	0100009.03	03/01/2003	1111	3318.03	18.450.000
15	Tạm ứng ghi nợ đúng 02/01/2003	PT	0100009.03	03/01/2003	1111	5112.01	66.440.603
16	Tạm ứng theo đúng 02/01/2003	PT	0100010.03	05/01/2003	1111	3318.03	7.500.000
17	Tạm ứng ghi nợ đúng 02/01/2003	PT	0100010.03	05/01/2003	1111	5112.01	8.719.200
18	Tạm ứng ghi nợ đúng 04/01/03	PT	0100011.03	05/01/2003	1111	5112.01	7.918.200
19	Tạm ứng theo đúng ngày 04/01/03	PT	0100011.03	05/01/2003	1111	3318.03	8.200.000
20	Tạm ứng ghi nợ đúng 04/01/03	PT	0100012.03	05/01/2003	1111	5112.01	3.423.000
21	Tạm ứng theo đúng 04/01/03	PT	0100012.03	05/01/2003	1111	3318.03	3.900.000
22	Tạm ứng ghi nợ đúng 05/01/2003	PT	0100013.03	05/01/2003	1111	5112.01	7.271.830
23	Tạm ứng theo đúng ngày 05/01/2003	PT	0100013.03	05/01/2003	1111	3318.03	5.600.000
24	Tạm ứng ghi nợ đúng 05/01/2003	PT	0100014.03	05/01/2003	1111	5112.01	5.616.500
25	Tạm ứng theo đúng 05/01/2003	PT	0100014.03	05/01/2003	1111	3318.03	3.850.000
Tổng							47

